

Một Nhóm Học Giả

**MỘT VÀI SỬ LIỆU
VỀ
BẮC BÌNH VƯƠNG
NGUYỄN HUỆ**



Đại Nam

MỘT NHÓM HỌC GIẢ

MỘT VÀI SỬ LIỆU
VỀ
BẮC BÌNH VƯƠNG
NGUYỄN HUỆ

ĐẠI NAM

MỘT VÀI SỬ LIỆU
VỀ
BẮC BÌNH VƯƠNG
NGUYỄN HUỆ

ĐẠI NAM

MỘT VÀI SỬ LIỆU VỀ
BẮC BÌNH VƯƠNG NGUYỄN HUỆ
Đại Nam sưu tập từ Tập San Sử Địa
Cao Xuân Huy trình bày
Đại Nam xuất bản 1992
California, USA

Copyright © 1992 by DAINAMCO

MỤC LỤC

- ✧ Thay lời tựa 9
Nhà xuất bản
- ✧ Bài I: Vua Quang Trung qua chính sử triều Nguyễn 11
Bản dịch phần Ngụy Tây liệt truyện
TẠ QUANG PHÁT *dịch thuật*
- ✧ Bài II: Góp thêm về phổ hệ Tây Sơn 55
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG *biên khảo*
- ✧ Bài III: Nguyễn Huệ, một thiên tài quân sự 83
NGUYỄN NHÃ *biên khảo*
- ✧ Bài IV: Việt Thanh chiến sử
Nguyên tác “Cần Long chinh vũ An Nam kí” . . . 129
HOÀNG XUÂN HÃN *dịch và chú giải*
- ✧ Bài V: Cuộc dàn xếp ngoại giao giữa vua Quang Trung
và vua Cần Long 161
LÝ VĂN HÙNG *biên khảo*
- ✧ Bài VI: Vài tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc tiến của
vua Quang Trung 171
Tài liệu của hội Truyền Giáo Trung Ương Ba Lê
ĐẶNG PHƯƠNG NGHI *dịch thuật*

- ✧ Bài VII: Triều đại vua Quang Trung dưới nhãn các
nhà truyền giáo phương Tây 231
Tài liệu của hội Truyền Giáo Trung Ương Ba Lê
ĐẶNG PHƯƠNG NGHI dịch thuật
- ✧ Bài VIII: Tây Sơn thuật lược 275
Tài liệu của viện Khảo Cổ Sài Gòn
TẠ QUANG PHÁT dịch thuật
- ✧ Bài IX: Vài tài liệu về Ngọc Hân Công Chúa và vua
Quang Trung 295
TẠ QUANG PHÁT dịch thuật
- ✧ Bài X: Dân Đại Việt ở cuối thế kỷ XVIII 319
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG biên khảo

thay lời tựa

Tuyển tập “*Một vài sử liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ*” đến tay bạn đọc là do sự cộng tác giữa nhà xuất bản và một thân hữu từ Việt Nam sang đoàn tụ với gia đình tại Hoa Kỳ trong thời gian gần đây.

Sau năm 1975, trong thời gian còn sinh hoạt tại quê nhà, vị thân hữu của chúng tôi đã cất công sưu tầm và cất giấu một số tài liệu sử học. Trong những tài liệu này có một số bài khảo cứu, dịch thuật của các vị học giả, giáo sư có uy tín tại miền Nam trước năm 1975. Nội dung các tài liệu nêu trên tập trung vào đề tài “Cuộc đời và sự nghiệp của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ” tức Hoàng đế Quang Trung.

Nhận thấy tập tài liệu này ngoài những bài khảo cứu để làm sáng tỏ một giai đoạn lịch sử huy hoàng nhất trong dòng lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, tuyển tập còn có thêm một số bài dịch thuật từ các tài liệu của sử

10 *nhà xuất bản*

gia Trung quốc ghi chép vào thời gian đó, nội dung nêu ra quan điểm của nhà Thanh về vua Quang Trung và sự thất bại của họ trong âm mưu xâm lăng Việt Nam. Thêm vào đó còn có các bài phiên dịch từ tài liệu của một số giáo sĩ Tây phương sang truyền giáo tại Việt Nam thời bấy giờ, nội dung những tài liệu này giúp độc giả ghi nhận bối cảnh xã hội Việt Nam vào cuối thời Trịnh Nguyễn phân tranh và buổi đầu thời vua Quang Trung dựng nghiệp.

Đem in ấn và phát hành tập tài liệu này, chúng tôi hy vọng giúp quý vị độc giả bổ túc thêm vào những bộ sử học đã có từ trước, ngõ hầu am tường về một giai đoạn lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Sau cùng, nhà xuất bản xin chân thành cảm tạ quý vị học giả, giáo sư đã có bài khảo cứu, dịch thuật tập hợp trong tuyển tập này; và chúng tôi cũng xin chân thành ghi nhận sự chỉ giáo của quý vị mà có vị là bạn của thân phụ chúng tôi lúc sinh thời.

mùa hè 1992
nhà xuất bản

vua quang trung qua chính sử của triều nguyên

tạ quang phát

Bản dịch phần Ngụy Tây Liệt Truyện từ trang 17b đến trang 43b trong Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, sơ tập, q.30.

Tuy bị triều Nguyên biếm xưng là Ngụy Tây vua Quang Trung với những hành động anh hùng, những chiến công cái thế vẫn nổi bật lên là một hoàng đế chính thống của Việt sử, một anh hùng của dân tộc.

Nguyễn Văn Huệ là em của Nguyễn Văn Nhạc, tiếng nói như tiếng chuông to, mắt lập lòe như ánh

12 tạ quang phát

điện, là người giáo hoạt, đánh trận rất giỏi; người người đều sợ Huệ.

Năm ất vị (1775), Nguyễn Huệ đánh úp được Phú Yên. Nguyễn Nhạc dâng công ấy lên tướng Hoàng Ngũ Phúc của Trịnh, nhân đó Nguyễn Huệ được giao chức Tây Sơn hiệu Tiền Phong tướng quân.

Khi xưng đế, Nguyễn Nhạc phong cho Huệ là Long Nhượng tướng quân.

Nguyễn Huệ đã bốn lần đánh phá Gia Định, lâm trận đi đầu các quân sĩ, hiệu lệnh rất nghiêm minh, quân sĩ đều kính phục.

Năm bính ngọ (1786) Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Huệ tiết chế các bộ quân đi đánh úp Phạm Ngô Cầu, Nguyễn Huệ liền thắng ra Gia Định (18a). Do đó thế lực của Nguyễn Huệ càng to không thể nào ngăn nổi.

Kinh thành Phú Xuân từ khi quân Trịnh chiếm cứ, được quân lưu đồn ba ngàn (3.000) và thú binh ba vạn (30.000) trấn giữ, có đại tướng, phó tướng, đốc thị, phó đốc thị. Hoàng Ngũ Phúc chết rồi thì có Bùi Thế Đạt, Phạm Ngô Cầu nối nhau làm trấn thủ, bạo ngược tham lam, tàn hại quá lắm.

Phạm Ngô Cầu lại kiếp nhược đa nghi, không hòa hợp với Phó tướng Hoàng Đình Thế.

Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đã rình dò từ lâu, đến lúc ấy thì biết có thể lấy Phú Xuân được.

Trước đó Nguyễn Huệ cho một thuật sĩ đến lấy việc họa phúc mê hoặc Phạm Ngô Cầu, khiến Cầu sai sĩ tốt đặt đàn chay cầu đảo ngày đêm không dứt.

Bộ binh của Nguyễn Huệ đã qua núi Hải Vân, tướng

Trịnh Hoàng Nghĩa Quyền tử trận. Thủy quân của Nguyễn Huệ do cửa biển vào. Hai đường cùng tiến. (18b)

Phạm Ngô Cầu nghe báo từ trên đàn chay hoảng hốt chạy về bàn mưu đưa quân ra chống cự. Quân sĩ từ lâu đã mệt mỏi vì đàn chay cho nên không có chí chiến đấu.

Nguyễn Huệ bí mật khiến Nguyễn Hữu Chỉnh dùng thơ bọc sấp hẹn ước với Hoàng Đình Thể làm nội ứng, nhưng giả làm đưa cho Phạm Ngô Cầu. Cầu nghĩ: Đình Thể và Hữu Chỉnh cùng là học trò của Hoàng Ngũ Phúc, ắt không lợi cho mình.

Phạm Ngô Cầu hồ nghi riêng lo việc đầu hàng để tính khỏi nạn.

Bình của Nguyễn Huệ ập tới, thủy bộ giáp công. Phạm Ngô Cầu sai Hoàng Đình Thể ra thành nghinh chiến.

Thành Phú Xuân giáp sông. Nguyễn Huệ thấy chân thành cao hơn hai trượng thì súng không thể bắn lên. Hoàng Đình Thể bắn đại pháo đánh chìm một chiến thuyền. Bình của Nguyễn Huệ hơi lùi. Thành linh nước sông dâng lên cao. Chiến thuyền của Nguyễn Huệ (19a) liền cập thành bắn thẳng vào, còn bộ binh được tung ra vây các cửa thành. Hoàng Đình Thể và hai người con trai ra sức chiến đấu giết được mấy trăm người, nhưng thuốc đạn đều hết.

Hoàng Đình Thể cho người xin thêm thuốc đạn. Phạm Ngô Cầu không cho. Hoàng Đình Thể căm giận, muốn vào thành giết Phạm Ngô Cầu trước rồi sau sẽ ra chiến đấu, nhưng thấy trên thành đã treo cờ trắng. Hoàng Đình Thể xua quân dùng đoản đao tiếp chiến, giết được mười người.

14 tạ quang phát

Hai con trai của Hoàng Đình Thế tử trận. Hoàng Đình Thế kiệt sức cắt cổ chết trên bành voi.

Nguyễn Huệ xua quân vào thành chém giết. Quân miền Bắc của chúa Trịnh mấy vạn người đều chết cả. Kẻ nào chạy ra ngoài thành cũng bị dân chúng tranh nhau giết chết. Quan Đốc thị Nguyễn Trọng Dương chết trong loạn quân. (19b) Phạm Ngô Cầu tự trói xin hàng bị đưa về Quy Nhơn và bị giết.

Nguyễn Huệ đã thắng Phạm Ngô Cầu, thừa thế đánh Động Hải. Tướng trấn giữ Ninh Tồn bỏ thành trốn. Nguyễn Huệ bèn sửa chữa ranh giới ở La Bà, muốn ngăn ranh để giữ lấy.

Do đó Nguyễn Hữu Chỉnh nói với Nguyễn Huệ:

— Tướng quân đánh một trận mà lấy xong Thuận Hóa, uy trấn Bắc Hà. Phép hành quân một là thời, hai là thế, ba là cơ. Ba điều ấy mà nắm được thì không đến đâu mà không thắng. Nay ở Bắc Hà tướng lười biếng kiêu căng, ta nên thừa đại thắng mà lấy. Ấy là nói lấy kẻ yếu, đánh kẻ ngu, lấy kẻ loạn, chiếm kẻ sắp mất. Thời và cơ ấy không thể để mất.

Nguyễn Huệ đáp:

— Bắc Hà nhân tài nhiều nhất, há lại có thể khinh dễ?

Nguyễn Hữu Chỉnh thưa:

— Nhân tài Bắc Hà (20a) duy một mình Chỉnh này thôi. Chỉnh đi rồi thì nước trống không. Xin ông chờ nghỉ.

Nguyễn Huệ cười bảo:

— Người khác thì không đáng nghỉ, chỉ nghỉ ở ông thôi.

Chỉnh biến sắc tạ rằng:

— Chỉnh tôi cũng kẻ là tầm thường ngu dốt. Nói thật là Bắc Hà không có nhân tài vậy.

Nguyễn Huệ lại lấy lời ngọt ngào an ủi Chỉnh, rồi hỏi:

— Một nước dựng từ mấy trăm năm, một sớm mình lại trộm đoạt lấy, thì người ta bảo đạo quân ấy ra làm sao?

Chỉnh thưa:

— Nay Bắc Hà có Vua lại có Chúa, đó là việc đại biến của xưa nay. Họ Trịnh tiếng là phụ chính, sự thật là hiếp chế vua. Người trong nước không chịu dự vào việc ấy đã lâu rồi. Mà họ chưa hành động là vì thời thế chưa có vậy.

Tướng quân thật có thể lấy danh nghĩa *phù Lê diệt Trịnh* (20b) thì thiên hạ ai lại không hưởng ứng. Đó là cơ hội ngàn năm một thuở.

Nguyễn Huệ nói:

— Khanh nói phải lắm. Còn việc cải lệnh thì sao?

Chỉnh thưa:

— Cải lệnh là nhỏ, còn công là to. Có công thì còn bị kẻ việc cải lệnh nữa sao? Huống chi tướng ở ngoài, lệnh vua có khi không nhận. Ông há không biết hay sao?

Nguyễn Huệ vốn là người hung hăng, được lời của Chỉnh thì cả mừng, bèn sai Chỉnh trước hết đem chiến thuyền vượt biển, hẹn đến sông Vị Hoàng thì đốt khói lửa lên thông tin.

Nguyễn Huệ cho Nguyễn Lữ ở lại Phú Xuân, đoạn đưa thư báo cho Nguyễn Nhạc biết, rồi tự thống lãnh đại đội binh thuyền tiếp nối theo.

Nguyễn Hữu Chỉnh qua Thanh Hóa Nghệ An, mỗi nơi

16 tạ quang phát

đều sai du binh lên bộ phô trương thanh thế khiến không ai dám chống cự. Khi đến Vị Hoàng thì nghe tin tướng trấn thủ ở đây đã vỡ chạy. Chinh thu được thóc hàng trăm vạn bịch (21a) bèn đốt lửa lên thông tin cho Nguyễn Huệ biết.

Gặp gió Nam thổi mạnh, chiến thuyền của Nguyễn Huệ hàng mấy trăm chiếc lướt tới như bay, cờ xí rực rỡ, dũng khí tăng lên trăm phần. Những bộ lão ở Thanh Nghệ trông thấy than rằng:

— Cống rắn cắn gà nhà, Chinh thật có tội, nhưng thật cũng là một hành động hiểm có trong đời!

Khi Nguyễn Huệ đã tiến tới Vị Hoàng, kinh thành Thăng Long chấn động. Trịnh Khải sai Trịnh Tự Quyền đem bộ binh xuống Sơn Nam, sai Đinh Tích Nhưỡng đem chiến thuyền chặn ngang sông Lỗ Giang (sông Luộc) lập thế trận hình chữ *nhất*. Lúc ấy nước lụt vừa yên, đang đêm Nguyễn Huệ cho năm chiến thuyền *Mông xung* (để mạo hiểm xung đột) trước hết tiến bức Lỗ Giang mà đánh. Binh của Đinh Tích Nhưỡng tranh nhau bắn, nhưng chiến thuyền của địch lạng lờ không động đậy gì (21b). Đến sáng binh của Đinh Tích Nhưỡng mới biết đó là thuyền không, thì thuốc đạn đã hết. Chiến thuyền của Nguyễn Huệ up tới thuận theo gió, súng nổ rền trời, đạn bay đoạn ngang cây cổ thụ.

Quân của Trịnh Tự Quyền vỡ trước. Đinh Tích Nhưỡng lùi giữ Hàm Giang. Đỗ Thế Dân trấn thủ Sơn Nam bỏ trấn chạy. Buổi chợ sáng náo loạn, người người đều chạy trốn.

Bộ binh của lão tướng Hoàng Phúc Cơ đóng ở hồ Vạn

Xuân. Thủy quân đóng ở Thúy Ái đều bị Nguyễn Huệ liên tiếp phá tan.

Quân của Nguyễn Huệ khua trống reo hò thẳng đến bến Tây Long.

Trịnh Khải mặc quân phục lâm trận chỉ huy các đạo. Quân Nguyễn Huệ dùng ống phun lửa xông vào trận. Quân Trịnh vỡ tan, Nguyễn Huệ bèn vào thành đóng quân trong phủ chúa Trịnh, xuống lệnh chiêu an. Hôm đó là ngày 26 tháng 6 năm bính ngọ (1786) (22a).

Trịnh Khải chạy lên Sơn Tây bị một người gạt bắt đưa đến quân doanh của Nguyễn Huệ. Dọc đường Trịnh Khải tự cắt cổ chết, Nguyễn Huệ vỗ thây Trịnh Khải bảo:

— Đáng tiếc cho một hảo nam tử, lúc đầu nếu sớm đầu hàng thì hẳn không mất phú quý, sao lại khổ tự hủy mạng?

Nguyễn Huệ cho lấy lễ bực vương tống táng Trịnh Khải⁽¹⁾.

Ngày vào thành, Nguyễn Huệ trước hết sai người thông báo cho vua Lê và xin tiến yết vào hôm sau.

Hôm sau Nguyễn Huệ đến điện Vạn Xuân yết kiến vua Lê.

Vua Lê sai người đỡ Nguyễn Huệ lên và cho ngồi trên một cái sập riêng, rồi ôn tồn ủy lạo. Nguyễn Huệ tâu:

— Hạ thần quật khởi ở Tây Sơn, từ lâu ngưỡng mộ chánh đức. Nhân vì họ Trịnh lăng bực cho nên Trời mượn tay hạ thần đánh một trận mà giết mất. Đó là uy đức của Bệ hạ đã khiến thế (22b).

Vua Lê khiêm nhường đều cho đó là công của Nguyễn Huệ.

18 tạ quang phát

— Chí của thần ở việc tôn phù, dám kể công kể lợi sao? Việc hôm nay hoàn toàn là ý trời. Tức như quân sĩ thuyền tàu, thần có thể xui khiến đi đến. Còn như việc nước lụt hạ thấp⁽²⁾ gió Nam thổi mạnh⁽³⁾ thì há là sức của thần làm nổi hay sao? Trời khiến Bệ hạ nhất thống hoàn vũ. Từ nay Bệ hạ lập kỷ cương, cho yên ở trong, lặng ở ngoài, thần cũng nhận được phần ân đức ban bố vậy.

Nhân đó Nguyễn Huệ chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh và tâu:

— Đây là kẻ bề tôi của Bệ hạ. Thần đến được đây là nhờ sức của ông ta.

Vua Lê bảo:

— Chỉnh đến được đây cũng là do Linh công làm nên cho vậy.

Chỉnh cúi đầu vái tạ. Vua Lê thung dung ban trà rồi lui.

Từ đó nhân tình được yên (23a). Triều thần lần lần tụ tập.

Chỉnh nói với Nguyễn Huệ:

— Tướng quân đến đây lấy việc tôn phù làm danh nghĩa thì phải thực hành. Việc tư yết vua Lê hôm qua chưa tỏ rõ với thiên hạ.

Tướng quân nên lựa ngày triều kiến khiến cả nước đều biết mới là cử chỉ chính đáng.

Nguyễn Huệ nghe theo.

Ngày mùng 7 tháng 7 mùa thu, Nguyễn Huệ xin vua Lê thiết đại triều ở điện Kính Thiên. Nguyễn Huệ dẫn tướng sĩ từ cửa Đoan môn vào làm lễ năm vái ba khấu đầu, trần

bàn ý nghĩa diệt họ Trịnh cùng đem sổ bộ tịch quân dân trình lên và nghe theo lời phán xử.

Vua Lê nhận lấy ban chiếu thư nhất thống ở ngoài cửa Đại Hưng.

Ngày hôm sau vua Lê phong cho Nguyễn Huệ làm *Nguyên súy dực chính phủ vận Uy quốc công*. (23b)

Nguyễn Huệ vái nhận xong, liền nói riêng với Chính:

— Ta cầm mấy vạn binh đánh một trận định được Bắc Hà, một thước đất một tấc dân chẳng là không phải của ta hay sao? Nếu ta xưng vương có chi là không được? Sở dĩ ta nhường mà không làm thế, đó là ta hậu đãi vua Lê. Nguyên súy Quốc công đối với ta có thêm gì cho ta đâu? Chớ lấy cái hư danh mà long lạc ta nhé.

Chính biết ý Nguyễn Huệ bất mãn, bèn tâu vua Lê đem công chúa Ngọc Hân gả cho Nguyễn Huệ.

Lúc ấy vua Lê đã thấy trong mình bất thường không yên vui. Nguyễn Huệ ép vua Lê thiết triều nhận lễ chúc mừng.

Ngày hôm sau bệnh tình của vua Lê quá nặng. Ngọc Hân công chúa mời Nguyễn Huệ vào viếng thăm. Nguyễn Huệ bảo:

— Ta từ xa đến, người trong nước chưa tin (24a). Nếu vào hầu, vạn nhất xa giá chậm ra⁽⁴⁾ thì chẳng là để lại cho ta một mối nghi ngờ không biện bạch được hay sao?

Thế rồi vua Lê băng.

Ngọc Hân Công chúa vốn không ưa tự tôn (cháu nội của vua được lên ngôi), thăm đem một vài việc xấu của tự tôn Duy Kỳ nói với Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ nghi ngờ

muốn hoãn việc hành lễ lên ngôi. Cả triều đình e ngại kinh hãi. Các vị trong tông thất nhà Lê đều đổ tội cho Công chúa Ngọc Hân đã làm lỡ việc lớn.

Công chúa sợ, về xin Nguyễn Huệ cho lập hoàng tôn Lê Duy Kỳ lên ngôi. Nguyễn Huệ bằng lòng. Do đó Lê Duy Kỳ được lên ngôi, đây là vua Lê Chiêu Thống⁽⁵⁾.

Ngày lễ thành phục⁽⁶⁾ Nguyễn Huệ mặc đồ tang đứng bên trái trên điện. Có một người chấp sự cười lén. Nguyễn Huệ nhận thấy ra lệnh bắt đem chém.

Lúc xe tang đưa linh cữu đi, Nguyễn Huệ đích thân đến bến sông mới về.

Nguyễn Nhạc được tin Nguyễn Huệ ra đánh Bắc Hà thì không vui, sai người ra ngăn, thì binh thuyền của Nguyễn Huệ đã vượt biển đi rồi (12b).

Đến khi nghe Nguyễn Huệ lấy được thành Thăng Long. Nguyễn Nhạc cả kinh, cho rằng Nguyễn Huệ cầm binh ở ngoài thì một mảnh giấy không thể gọi về được, bèn dẫn thân binh năm trăm người (500) ra gấp Phú Xuân lấy thêm binh tinh nhuệ đi gấp ra Bắc Hà. Lúc ấy vua Lê Hiển Tông đã băng. Thái tôn (cháu nội của vua được nối ngôi) Lê Duy Kỳ tức là Lê Chiêu Thống nối ngôi, nghe Nguyễn Nhạc đến liền dẫn bá quan ra ngoài xa nghinh tiếp. Nguyễn Nhạc xua binh đi gấp, sai người thưa lại ngày khác sẽ gặp nhau.

Hôm sau vua Lê Chiêu Thống đến chỗ Nguyễn Nhạc ngụ. Nguyễn Nhạc đứng chấp tay trên bậc cấp, sai Nguyễn Huệ xuống bậc cấp đón vua Lê Chiêu Thống. Nguyễn Nhạc ngồi giữa, vua Lê Chiêu Thống ngồi phía đông, Nguyễn Huệ ngồi phía tây.

Vua Lê Chiêu Thống thung dung an ủi tạ ơn, xin cắt đất mấy quận ấp khao thưởng tướng sĩ (13a).

Nguyễn Nhạc đáp:

— Vốn vì họ Trịnh chuyên quyền cho nên mới làm cử chỉ tôn phù này. Nếu là đất của họ Trịnh thì một tấc đất cũng không để lại. Còn như đất của nhà Lê thì một tấc đất cũng không dám lấy. Chỉ mong Hoàng thượng nối ngôi, phần phát kỷ cương giữ yên thiên hạ, tình lân giao giữa hai nước được đời đời. Đó là cái phúc của hai nước vậy.

Khi Nguyễn Nhạc mới đến Thăng Long, trong và ngoài đều nghi ngờ e sợ, hoặc có kẻ khuyên vua Lê Chiêu Thống dâng biểu xin hàng. Đến lúc ấy nhân tình mới yên.

Ở lại mười ngày, Nguyễn Nhạc kéo Nguyễn Huệ và tướng sĩ trở về Nam, lấy Hải Vân trở ra ngoài cho thuộc Nguyễn Huệ làm Bắc Bình vương. Gia Định thuộc Nguyễn Lữ làm Đông Định vương. Nguyễn Nhạc tự xưng Trung ương Hoàng đế (13b).

(24b) Nguyễn Huệ theo Nguyễn Nhạc về Nam, đến Nghệ An mưu tính chiếm cứ đất ấy, nghe La Sơn xử sĩ Nguyễn Tiếp, đem thơ và lễ vật đến mời.

Nguyễn Tiếp đến, được Nguyễn Huệ trao cho chức Sùng Chính thư viện viện trưởng.

Lúc trước khi mưu tính về Nam, Nguyễn Huệ không cho Nguyễn Hữu Chỉnh biết, đến khi về đến Nghệ An, thì được Hữu Chỉnh chạy theo, xin tháp tùng. Nguyễn Huệ bảo:

— Nay tướng Trịnh là Hoàng Phùng Cơ và Đinh Tích Nhưỡng chưa trừ được. Bắc Hà nếu chẳng phải ông ở lại thì không xong.

Rồi Nguyễn Huệ cho Chinh 20 lượng vàng, 200 lượng bạc, khiến cùng với Nguyễn Văn Duệ giữ Nghệ An, Đốc Vũ Chiêu Viễn đóng đồn ở Hà Trung, Vũ Văn Nhậm đóng đồn ở Động Hải làm thế nương tựa nhau.

Nguyễn Huệ dặn riêng bọn Duệ (25a):

— Chinh vốn là đứa vong mệnh⁽⁷⁾ đến đâu theo ta, hấn phản phúc không thể tin được. Ta lúc đầu muốn mượn tay người Bắc Hà giết hấn, chẳng ngờ hấn chạy thoát theo đây. Theo nghĩa ta cũng không nhẫn bỏ rơi hấn. Nghệ An là quê quán của nhà hấn. Người phải xem xét tinh tế động tĩnh của hấn mà phòng bị. Nếu có biến thì đưa thư cấp báo.

Huệ bèn dẫn binh về Nam.

Chinh ở Nghệ An tụ tập những binh hương dũng, âm thầm có chí giành lấy đất Nghệ An.

Lúc ấy các bề tôi nhà Lê lại lập Trịnh Bồng làm Án Đô vương⁽⁸⁾. Vua Lê Chiêu Thống bị cô lập, liền vời Nguyễn Hữu Chinh ra để tự vệ.

Chinh ra đến nơi thì Trịnh Bồng chạy.

Vì công ấy, vua Lê Chiêu Thống giao cho Chinh chức *Bình chương quân quốc trọng sự đại tư đồ* với tước *Bằng Trung công*. Chinh sáng lập Vũ Thành quân doanh.

Khi Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc hiềm khích nhau, Duệ là (25b) tướng cũ của Nhạc muốn phản Nguyễn Huệ. Chinh lấy vàng ngọc của cải kết giao trọng hậu với Duệ toan tính trừ Vũ Chiêu Viễn mà chiếm lấy Nghệ An, sửa lại lũy Hoành Sơn rồi hoạch định lấy sông Gianh làm ranh giới như xưa. Duệ cũng có viết thư đáp ứng với Chinh. Cơ sự hơi bại lộ. Vũ Văn Nhậm biết được vội cấp báo cho Nguyễn Huệ việc biến ấy.

Lúc ấy Nguyễn Huệ vừa đưa binh giữ nhau với Nguyễn Nhạc, không đi được. Nguyễn Huệ mới sai Vũ Văn Nhậm mau ra Nghệ An bắt Duệ và xem xét tình ý của Chính thế nào.

Nhậm⁽⁹⁾ được lệnh đi gấp đường ra Hà Trung, thì Duệ đã do thượng đạo về Qui Nhơn rồi.

Nhậm kiểm điểm binh mã, trưng lương thực và phân đồn đóng các nơi hiểm yếu rồi gửi thư hỏi Chính việc giao thiệp với Duệ. Chính đáp thư biện hộ rõ ràng cho mình (26a). Nhậm lấy lời nói khéo an ủi cho Chính yên lòng.

Năm đinh vị (1787) vua Lê Chiêu Thống sai Lê Duy Yêu, Bình chương sự Trần Công Xán (tiến sĩ làng Yên Vĩ ở Đông An). Cấp tự trung Ngô Nho (tiến sĩ làng Tri Chỉ ở Phú Xuyên) đem thư vào Nguyễn Huệ xin đất Nghệ An.

Nguyễn Huệ giận sai giam Xán vào ngục. Ngô Văn Sở xin giết Xán. Lúc ấy Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc vừa đánh nhau. Nguyễn Huệ mới nói với Trần Văn Kỷ:

— Việc biến ở tiêu tường⁽¹⁰⁾ không thể nào để cho người ngoài nghe biết được. Nay xứ Bắc Hà có mặt ở đây, nếu mình cho họ về thì lậu tình thế trong nước, còn giết họ thì mang tiếng không phải.

Nguyễn Huệ bèn khiến sứ giả Bắc Hà trở về, rồi sai Đô đốc Vũ Văn Nguyệt đem chiến thuyền đưa sứ bộ đến phía ngoài biển Đan Nhai, đục thuyền cho chìm. Bọn Xán đều chết (26b).

Rồi Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Nhạc giải hòa. Nguyễn Huệ trở về nói với thuộc hạ:

— Nguyễn Hữu Chỉnh là đứa lạc phách cùng đinh⁽¹¹⁾, ta vẽ mày vẽ mặt cho hắn. Nay hắn bay liệng⁽¹²⁾ ở Bắc Hà,

sai khiến cả một nước, ngang nhiên ở vào địa vị của Chúa Trịnh, lại muốn tranh đoạt đất Nghệ An đương đầu với ta. Thằng đó mà không giết thì làm sao sai khiến tướng sĩ được?

Nguyễn Huệ liền sai Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân lãnh quân ra Nghệ An theo Nhậm lo việc Bắc phạt.

Binh mã Tây Sơn đi đến Thanh Hóa. Tướng trấn thủ Lê Duật của Chính thoái lui đóng đồn ở phía bắc sông Trường Giang. Ngô Văn Sở đưa quân đi ven theo núi rồi lên qua sông Tất Mã đánh bọc hậu. Quân của Lê Duật vỡ tan. Lê Duật bị Ngô Văn Sở giết chết.

Nguyễn Hữu Chỉnh cho thuộc tướng Nguyễn Như Thái làm thống lĩnh, Ninh Tồn làm tham tán quân vụ. Thái đến Chu Cầu (27a) nghe Duật đã chết, muốn dựa vào núi Tam Điệp làm thế vững chắc. Thái đến sông Giản Thủy, thì quân của Vũ Văn Nhậm đã qua núi Tam Điệp rồi.

Thái nghênh chiến nhưng không chống nổi, bị giết giữa trận.

Ninh Tồn chạy trốn trong nhà dân chúng mà khỏi chết.

Chính nghe cấp báo, sai con Nguyễn Hữu Du lãnh Ngũ sủng cơ binh đi trước đến sông Thanh Quyết đắp lũy cố thủ. Lúc đó trời lạnh, quân sĩ đều đốt củi mà hơ. Vũ Văn Nhậm sai quân khoét lũy đưa súng nhắm chỗ đốt lửa mà bắn, không phát nào trật. Binh của Du kinh hãi rối loạn bỏ chạy.

Chính ở Bình Vọng nghe báo, đêm hôm dẫn binh về thành, trước hết dẫn vợ con chạy lên Kinh Bắc.

Vua Lê Chiêu Thống hoảng hốt không biết làm thế nào cũng dẫn cung quyến chạy qua sông (27b)⁽¹³⁾.

Chiều tối Nhậm vào thành, xua quân cướp phá, sai bộ tướng Nguyễn Văn Hòa đuổi kịp Chỉnh và giao chiến ở núi Tam Tầng. Hữu Du ra sức chiến đấu chết trong trận. Ngựa Chỉnh vấp ngã, Chỉnh bị bắt đưa về Thăng Long. Nhậm kể tội rồi phanh thây Chỉnh.

Vua Lê Chiêu Thống trốn tránh ở núi Bảo Lộc.

Nhậm đưa Sùng Nhượng công Lê Duy Cận làm giám quốc.

Thấy thế Ngô Văn Sở không vui lòng, bèn vu cáo Nhậm phản, khiến Nguyễn Huệ giết Nhậm.

Vũ Văn Nhậm là rể của Nguyễn Nhạc. Lúc đầu Nguyễn Huệ sai Nhậm, nhưng lòng hơi nghi, bèn nói kín với Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân:

— Nhậm trong chuyến đi này cầm trọng binh, chuyện việc nước lớn lao thì cái biến không thể nào liệu trước được. Điều ta lo không ở Bắc Hà mà chỉ ở Nhậm thôi. Bọn người phải xem xét hấn kỹ như lửa vậy, dập lúc lửa mới nhen nhúm thì sức rất dễ.

Khi Vũ Văn Nhậm thừa thắng đuổi thẳng ra xa như vào chỗ không người, Nguyễn Hữu Chỉnh đã bị bắt, vua Lê Chiêu Thống đã chạy ra ngoài, Kinh Bắc thì có Trần Quang Châu, Hoàng Xuân Tú, Sơn Nam thì có bọn Nguyễn Viết Khang (28a) chiếm đất chống giữ. Thân thuộc của nhà Lê, như Duy Trọng, Duy Lãm thì nổi lên ở Thanh Hóa, Duy Chi thì nổi lên ở Định Châu làm thanh ứng lẫn nhau.

Có Trần Đình Khôi, người ở Cơ Xá thuộc Gia Lâm tự xưng là quan thiên sự nhà Lê nói với Nhậm rằng:

— Bắc Hà oán Chính tuy sâu xa, nhưng lòng nhớ nhà Lê chưa dứt. Tự quân (vua nối ngôi) một khi ra đi chưa biết lúc nào về. Nay có Sùng Nhượng công Lê Duy Cận, lúc tiên đế còn sống đã được lập làm Đông cung, trong biến loạn năm nhâm dân (1782)⁽¹⁴⁾ đã bị kiêu binh phế xuống. Ông nên phục chức cho Lê Duy Cận, treo một tờ giấy ở cửa Đại Hưng, thì nội ngày văn võ bá quan sẽ tề tập đầy đủ. Việc nước mình vận chuyển như trở bàn tay.

Nhậm nghe theo, sai người rước Lê Duy Cận làm giám quốc, cho trú ở bên tả điện Cần Chính, rồi tìm lại khắp nơi các bề tôi của nhà Lê cũng không có một người.

Người trong kinh đô gọi Lê Duy Cận là giám quốc lại mục (chức lại coi giữ nước).

Ngô Văn Sở nói với Nhậm:

— Tôi xem mặt mũi Sùng Nhượng công như thế thì sai bảo được ai. Từ xưa cả thiên hạ cũng chẳng phải của riêng ai, nếu mình lấy được thì cứ lấy. Việc gì lại nhờ một thằng khờ giám quốc làm một chủ bù nhìn, mình cứ đóng binh mãi trong thành, mà trái lại vì hấn mình làm khách binh ở trọ vậy?

Nhậm đáp:

— Lòng người Bắc Hà còn tưởng nhớ nhà Lê, cho nên mình không thể không theo ý dân. Các ông chỉ biết chiến đấu cho khỏe mà thôi⁽¹⁵⁾, việc này đã có tôi chủ trương rồi.

Ngô Văn Sở làm thỉnh (28b) lui ra nói với Phan Văn Lân:

— Ông tiết chế Nhậm khinh người quá lắm. Xem lão có tài đức chi mà dám đối đãi ta như một tên lính.

Sở bèn thăm trích hành động không hợp của Nhậm thành tội trạng làm phản, lại dùng Phan Văn Lân làm chứng việc đó rồi mật sai người báo cáo cho Nguyễn Huệ.

Nguyễn Huệ bảo: “Chết! Vũ Văn Nhậm, ta vốn biết hấn ắt làm phản, thì quả nhiên”.

Nguyễn Huệ bèn hạ lệnh xuất quân ngày đêm đi gấp hơn mười ngày⁽¹⁶⁾ đã đến Thăng Long.

Vừa đúng lúc trống canh tư, Nhậm còn ngủ say không hay biết, Nguyễn Huệ tiến thẳng vào phòng ngủ, sai vũ sĩ Hoàng Văn Lợi đâm chết Nhậm rồi khiêng tử thi ra phía sau phủ đường.

Hùng sáng Nguyễn Huệ cho Ngô Văn Sở thay Nhậm quản lãnh quân đội, nhưng vẫn dùng Sùng Nhượng công Lê Duy Cận làm giám quốc chủ việc thờ cúng tôn miếu nhà Lê⁽¹⁷⁾.

Xong xuôi Nguyễn Huệ vời các bề tôi của nhà Lê ra trao cho quan chức.

Có quan Thị lang Ngô Nhậm, người làng Tả Thanh Oai thuộc huyện Thanh Oai là tiến sĩ nhà Lê bị mắc tội phải trốn tránh, đến lúc ấy mới bắt đầu ra xin với Trần Văn Kỷ yết kiến Nguyễn Huệ, Nguyễn Huệ vốn nghe tài năng của Ngô Nhậm, nên trọng đãi Ngô Nhậm, cho làm Thị trung trực học sĩ. Nguyễn Huệ nói với Kỷ:

— Ông ta là người mà ta tái tạo cho.

Ngô Thì Nhậm đập đầu bái tạ.

Ngô Thì Nhậm nhân đó dẫn các thân bằng là Phan

Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Nha, Nguyễn Bá Lan, Nguyễn Du, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn lục tục đến bái yết Nguyễn Huệ, Nguyễn Huệ trao cho Phan Huy Ích (29a) chức Thị trung ngự sử, cho Nguyễn Thế Lịch chức Hiệp biện đại học sĩ. Các vị khác đều được Nguyễn Huệ giao cho chức quan cả.

Trịnh quốc sư Nguyễn Hổn, Bình chương sự Phan Lê Phiên đều lấy tuổi già xin hưu trí. Hành tham tụng Bùi Bích thác bệnh không chịu ra. Thiêm đô ngự sử Nguyễn Huy Trạc uống thuốc độc tự tử. Các bề tôi của nhà Lê có kẻ trốn tránh ở núi đầm, có người ẩn tích ở nhà dân.

Ngô Thì Nhậm khuyên Nguyễn Huệ nên bức ép họ ra hợp tác. Ninh Tồn lúc đầu ẩn trốn không chịu ra. Nguyễn Huệ đã cho bắt em của Tồn đồ hương cống ra chém để Tồn sợ. Tồn sau mới chịu ra hợp tác, được Nguyễn Huệ giao cho chức quan. Chẳng bao lâu Tồn bị bệnh trở về.

Nguyễn Huệ bèn lưu Nội hầu Phan Văn Lân, Chương phủ Nguyễn Văn Dụng, Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, Hộ bộ Trần Thuận Ngôn, Học sĩ Ngô Nhậm cùng với Ngô Văn Sở giữ Thăng Long.

Nguyễn Huệ bày yến tiệc đại hội, và bảo:

— Sở và Lân là nanh vuốt của ta, Dụng và Ngôn là lòng bụng của ta, Nhậm là bề tôi mới của ta. Nay ta lấy các việc quân dân của toàn hạt mười một trấn ủy thác cho mà hành sự theo tiện nghi (29b), phải hội đồng thương nghị với nhau, chớ vì mới cũ mà xa cách nhau, ấy là điều mong ước của ta.

— Lê Chiêu Thống do ta lập lên làm vua là người tối tăm yếu đuối tự chuốc lấy bại vong. Nay ta cho Sùng

Nhượng công làm giám quốc, e về sau vua Lê Chiêu Thống trở về cùng Sùng Nhượng công tranh giành nhau, ấy là do ta gây thành lần lần mối loạn, cho nên chẳng thể không để Tư mã Sở phụ tá ông ta, đợi khi bốn cõi khá yên, ta liền phải triệu về.

Ta thật không lấy Bắc Hà làm lợi.

Vì thế Nguyễn Huệ lại dẫn binh về Phú Xuân.

Trước kia khi Thăng Long thất thủ, vua Chiêu Thống sai quan hầu cận Lê Quýnh cùng mười người trong tông thất nhà Lê đi theo hầu hạ Quốc mẫu họ Nguyễn và cung quyến đến Cao Bằng để dựa vào quan Đốc trấn Nguyễn Công Túc. Vua Lê Chiêu Thống đưa thư đến doanh Long Bằng cầu xin Tôn Sĩ Nghị. Tổng đốc Lương Quảng cầm binh sang cứu. Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh nói:

— Gây đại sự ở biên cương, lợi hại không phải nhỏ. Xin ngài trừ liệu cho chín chắn.

Tôn Sĩ Nghị nói:

— Cái nạn của bề tôi dằng cố gắng chẳng thể nào không cứu. Nếu cho (30a) vùng bị lụt hoang viễn mà không cứu thì bề tôi trông cứu di bát man đã tôn thờ Trung quốc sẽ nhờ tựa vào đâu?

Tôn Sĩ Nghị bèn gọi bọn Lê Quýnh, hỏi rõ tình trạng.

Bọn Lê Quýnh thưa:

— Họ Lê được nước đã hơn ba trăm năm, lấy ân huệ kết chặt lòng dân, lấy lễ nghĩa vun bồi sĩ khí. Cho nên quân phản nghịch chiếm đoạt mà lòng người thờ vua cũ vẫn không quên. Chỉ vì họ Trịnh hiếp chế vua Lê mà nhân tình phần uất. Tây Sơn thừa thế lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh mà người trong nước không chống cự. Chẳng ngờ

Tây Sơn đã đắc chí càng thêm hung hăng lên chiếm thành trì khiến cho tự quân (vua nổi ngôi) phải chạy ra ngoài. Do đó cày cuốc trở thành khí giới, khắp nơi nhân dân nổi dậy ủng hộ họ Lê. Họ không chung mưu mà cùng đồng một lời.

Nếu được Thượng quốc rủ lòng nhân thương nước nhỏ, đem quân áp cảnh làm thanh viện⁽¹⁸⁾ thì người trong nước nghe được ai lại không hưng khởi quyết chí phục thù. Tưởng cũng không đến nỗi quá phí binh lực của Thiên triều.

Tôn Sĩ Nghị liền phái Tả giang binh bị đạo Thang Hùng Nghiệp đưa Lê quốc mẫu và cung quyến đến thành Nam Ninh an trí.

Tôn Sĩ Nghị dâng biểu đại lược nói:

“Bề tôi dâng cống họ Lê đó là tự tôn (cháu nội của vua được lên ngôi) theo lệ phải được kế vị, chẳng may nước bị phá tan, mẹ và vợ phải kêu cửa quan tỏ bày thảm thiết, tình thật đáng thương”.

Vua Cao Tông nhà Thanh xem tấu nói với quan Nội các Đại học sĩ Hòa Thân:

— Lê Duy Kỳ của nước An Nam tuy chưa thụ phong (30b) nhưng đó là người được kế vị, nay hãy còn ở trong nước tự lo hưng phục. Người trong nước còn nhớ triều xưa, cũng có lẽ xong việc được. Nguyễn Huệ ý mạnh đoạt nước, phép không thể dung tha. Trẫm đã phái binh Quảng Tây sẵn sàng điều khiển. Nếu Nguyễn Huệ còn hung hăng như trước, Trẫm liền đưa đại binh bốn mặt hợp công tiêu trừ để làm rõ cái tội của hắn. Trẫm truyền dụ chỉ cho Tôn Sĩ Nghị trước phải làm tờ hịch đưa sang An Nam khiến tất cả đều biết.

Tôn Sĩ Nghị lại tâu thêm:

“An Nam là đất cũ của Trung quốc, nếu sau khi khôi phục cho nhà Lê rồi, ta nhân đó cho binh đồn thú đất An Nam luôn. Đó là giúp họ Lê và được luôn An Nam thật là lưỡng đắc”.

Phủ thần Tôn Vĩnh Thanh dâng sớ chống lại:

“Nay họ Lê họ Nguyễn tranh nhau, họ Lê ắt bị họ Nguyễn thôn tính. Chẳng gì bằng ta cứ án binh bất động, rồi sau thừa họ nguy hại kiệt quệ mà đánh lấy thì cũng chưa muộn”.

Vua nhà Thanh cuối cùng nghe theo lời của Tôn Sĩ Nghị. Tôn Vĩnh Thanh không hợp với Tôn Sĩ Nghị bèn lấy cớ bệnh mà không đi.

Tôn Sĩ Nghị một mình vâng chiếu chỉ đem quân Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu hai mươi vạn binh (200.000) chia làm hai đường:

1- Đường thứ nhất ngả Lạng Sơn do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu.

2- Đường thứ nhì ngả Tuyên Quang do Tổng binh Quý Châu cầm đầu.

Hai đạo đều do Tôn Sĩ Nghị tiết chế.

Đầu tiên Tôn Sĩ Nghị sai Nguyễn Huy Túc trở về tìm chỗ ở của vua Chiêu Thống.

Trước kia vua Chiêu Thống ở trong núi Bảo Lộc vắng vẻ nơi khe động, rồi âm thầm đến Hải Dương, Sơn Nam gom nhóm nghĩa quân thì bị Ngô Văn Sở phá ở Ngô Đồng. Vua Chiêu Thống lại vượt biển vào Thanh Hóa (31a) rồi giả dạng dân thường trở về Phượng Nhỡn ở Kinh Bắc và

bí mật sai bề tôi thân tín Trần Danh Ân, Lê Duy Đản đi đường tắt sang nhà Thanh cầu viện.

Hai vị này đến Thái Bình thì nghe nhà Thanh đã ra quân, bèn trở về.

Sĩ Nghị đến quan ải đưa thơ hiểu dụ: “Ai bắt sống được Nhạc và Huệ mà đem giải nạp thì được đầu công”.

Tướng Tây Sơn Nguyễn Văn Diễm, Phan Khải Đức giữ Lạng Sơn thấy bài hịch thì kinh hoàng. Trong một ngày lính người bản thổ đã trốn hết quá nửa. Phan Khải Đức trước hết đến quan ải đầu hàng. Văn Diễm tự liệu quân côi không chống nổi bèn gom quân, thừa đêm chạy trốn.

Khi vua Chiêu Thống xin viện binh, Tôn Sĩ Nghị đem quân đến biên cảnh, Ngô Văn Sở vừa nghe báo cáo, liền sai văn quan bọn Nguyễn Nha đem tờ bẩm của Sùng Nhượng công và nhân dân đến quân doanh của Tôn Sĩ Nghị xin hoãn binh. Sĩ Nghị không nhận.

Ngô Văn Sở bèn hội đồng các tướng thương nghị đánh hay giữ.

Ngô Thì Nhậm đề nghị lui quân đóng giữ núi Tam Điệp, cho thủy quân và lục quân thông nhau, chiếm giữ chỗ hiểm yếu rồi sai người (31b) gấp đem thơ cáo cấp cho Nguyễn Huệ.

Ngô Văn Sở lại bí mật truyền lệnh cho các trấn ở Kinh Bắc, Thái Nguyên bắn tiếng hội quân xây lũy đất ở sông Nguyệt Đức, rồi lên thu quân mà lui về.

Ngô Văn Sở ra lệnh cho các trấn thủ Hải Dương, Sơn Tây nội ngày phải hội quân ở Bắc thành, cho trấn Sơn Nam chinh bị thuyền tàu đọi thủy quân đến thì tiến phát.

Lúc ấy phân phái mọi việc đều xong, Ngô Văn Sở hay

tin nhà Thanh đã vào quan ải. Sở tính lui quân thì Phan Văn Lân nói:

— Binh không cần đông, nước không cần lớn, nay lại cầm binh ở ngoài, giặc đến mà mình không đánh, lại nghe đồn đãi mà lui về thì làm tướng ra thế nào?

Lân bèn đưa quân sang sông lên bắc, ban đêm đến bờ phía nam sông Nguyệt Đức thì nghe quân Thanh đóng núi ở núi Tam Tầng. Lân thúc giục tướng sĩ mạo hiểm giá rét lội qua sông. Phần lớn bị chết chìm, quân nào qua đến bờ thì bị quân Thanh đi tuần bắt giết. Lân vội lui quân một người một ngựa chạy về.

Ngô Văn Sở hay tin cả kinh, giấu việc bại binh ấy, ra lệnh cho các đạo quân chinh tề đội ngũ mà đi đến núi Tam Tầng, chia đồn cố thủ, gấp sai Nguyễn Văn Tuyết (hay Đinh Công Tuyết) chạy về báo gấp cho Nguyễn Huệ hay.

Tôn Sĩ Nghị đã đến Kinh Bắc. Vua Chiêu Thống ra đón quân Thanh rồi cùng một đường⁽¹⁹⁾ thẳng đến bến sông Nhĩ Hà (32a).

Quân của Tôn Sĩ Nghị ở bờ phía nam trong những bãi cát lập cầu nổi để tiện việc qua lại.

Ngày hôm sau, Tôn Sĩ Nghị tuyên phong vua Chiêu Thống làm An Nam quốc vương. Hôm ấy là ngày 21 tháng 11 năm mậu thân (1788).

Ngô Văn Sở bỏ các trấn Bắc thành. Vua Chiêu Thống sai quan đến nhận chức ở các nơi. Các quan văn võ lục tục kéo đến đô thành Thăng Long bái yết. Họ đều xin Tôn Sĩ Nghị ra quân. Sĩ Nghị bảo:

— Năm sắp hết, việc gì mà vội? Không cần đánh gấp.

Quân giặc ốm, chúng ta chính đang nuôi cho chúng mập béo để chúng tự đến nạp thịt vậy.

Sĩ Nghị truyền lệnh cho các đội quân hạ trại nghỉ ngơi, hện ra xuân mừng 6 tháng giêng ra quân.

Nguyễn Huệ được cáo cấp, mắng to: “Chớ Ngô là quân gi mà dám tung hoành?”

Nguyễn Huệ liền hạ lệnh cất quân. Các tướng đều khuyên: “Trước tiên nên chính ngôi vị để (32b) kết chặt lòng người”.

Nguyễn Huệ bèn cho đắp đàn ở phía nam núi Ngự Bình, lấy ngày 25 tháng 11 năm mậu thân (1788) tự lập làm Hoàng đế, đổi niên hiệu là Quang Trung.

Liền ngày ấy vua Quang Trung đem các tướng sĩ thủy bộ cùng tiến ra Bắc.

Ngày 29 tháng 11 đến Nghệ An, vua Quang Trung cho dừng lại hơn mười ngày để tăng quân số. Dân Nghệ An cứ ba đình tráng thì lấy một. Thân binh Thuận Quảng được chia làm bốn doanh: tiền, hậu, tả, hữu. Tân binh Nghệ An làm Trung quân, Binh Đắc thắng được hơn mười vạn (100.000) voi trận mấy trăm thớt.

Vua Quang Trung duyệt binh sĩ ở trấn doanh, thân cỡi voi ra doanh trại ủy lạo quân sĩ rồi hạ lệnh tiến phát.

Ngày 20 tháng chạp vua Quang Trung đến núi Tam Điệp. Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân phủ phục ở bên đường xin tội. Vua Quang Trung nói (33a):

— Tội của bọn ngươi đáng muôn thác. Nhưng ta nhớ lại Bắc Hà mới dẹp yên, lòng người chưa phục vào. Bọn ngươi bảo toàn được quân đội để tránh mũi dùi nhọn của giặc, trong thì kích thích chí của quân sĩ, ngoài thì làm kiêu

căng lòng giặc. Đó cũng là cái kế dụ địch. Ta cho bọn người đoái tội lập công để ta xem chiến tích của bọn người sau này.

Vua Quang Trung đãi quân sĩ ăn uống no say rồi nói với toàn quân:

— Nay chúng ta hãy ăn Tết trước, đợi sang xuân mùng 7 vào thành Thăng Long rồi ta sẽ mở yến tiệc một lần nữa. Bọn người nhớ xem ta có nói ngoa hay không?

Vua Quang Trung truyền lệnh cho ba quân nghe sai phái:

* Đại Tư mã Sở, Nội hầu Lân đem tiền quân làm tiên phong.

* Hồ hồ hầu đem hậu quân, Đô đốc Lộc, Đô đốc Tuyết đem (33b) tả quân và thủy quân vượt biển vào sông Lục Đầu.

* Tuyết kinh lược ở Hải Dương và tiếp ứng đạo quân phía đông.

* Lộc lấy đường đi gấp đến những địa phương Lạng Giang, Phượng Nhãn, An Thế để chặn đường rút lui của quân Thanh.

* Đại Đô đốc Bảo, Đô đốc Mưu đem hữu quân và voi ngựa thuộc vào Mưu xuyên ra huyện Chương Đức lấy đường đi thẳng đến Nhân Mục huyện Thanh Trì để đánh tạt ngang đồn quân Diên Châu. Bảo Chuyên thống suất voi trận từ Sơn Minh ra Đại Áng huyện Thanh Trì để tiếp ứng cánh hữu.

Năm quân đều lãnh quân lệnh.

36 tạ quang phát

Đến ngày trừ tịch (cuối năm) quân Nam qua sông Giản Thủy.

Quân của Hoàng Phùng Nghĩa, tướng nhà Lê trấn thủ Sơn Nam đầu tiên bị tan vỡ. Quân tình báo của giặc Thanh đều bị giết sạch (34a) để dứt tuyệt tin tức. Từ Ô Môn thuộc Thăng Long đến Hà Hồi thuộc Thượng Phúc giặc Thanh dựng đồn liên nhau, gác đại bác, ngoài đồn thì chôn địa lôi, phòng bị rất kiên cố.

Nửa đêm mừng 3 tháng giêng xuân kỷ dậu (1789) quân Nam đã đến Hà Hồi bí mật vây kín lấy đồn, dùng ống loa truyền lệnh, quân sĩ dạ rần nghe như gần mấy muôn binh.

Quân giặc trong đồn run sợ, không đánh mà tự vỡ tan. Quân Nam đoạt hết quân tư khí giới.

Hừng sáng ngày mừng 5 quân Nam tiến lũy Ngọc Hồi. Trên lũy đạn bắn xuống như mưa. Vua Quang Trung ra lệnh cho quân sĩ lấy ván gỗ núp mà xung vào trận. Vua Quang Trung tự đánh voi đốc quân ở phía sau.

Quân Nam đã phá được cửa lũy (34b), liền bỏ ván gỗ xuống đất, dùng đoản đao đánh giết. Quân giặc Thanh chống không nổi, tan rã bỏ chạy tứ phía mắc vào bẫy ngầm, địa lôi phát nổ, tử thương rất nhiều. Vua Quang Trung giục trống thúc quân đuổi nà, phá luôn mấy đồn Văn Điển, An Quyết.

Đề đốc Hứa Thế Hanh, Tổng binh Trương Triều Long, Thương Duy Thăng, Tri phủ Điền Châu, Sầm Nghi Luyện đều tử trận.

Tôn Sĩ Nghị ở Sa Châu nghe báo, một người một ngựa chạy về hướng Bắc, tướng sĩ tranh nhau qua cầu, khiến cầu phải gãy mà rơi xuống nước chết đuối gần muôn người.

Nước sông Nhị Hà không chảy được vì thầy quân giặc Thanh chặn lấp.

Ngày ấy vua Quang Trung xua quân vào thành. Chiến bào của vua biến thành màu đen xạm vì thuốc súng.

Vua Chiêu Thống (35a) vội vã qua sông theo Tôn Sĩ Nghị về Bắc. Nhà Lê mất.

Vua Quang Trung lấy trọn đất An Nam.

Tôn Sĩ Nghị đã thua. Vua Quang Trung cho quân đuổi theo đến cửa ải Lạng Sơn, và lên tiếng sẽ vượt ải đuổi theo giết sạch không sót mạng nào và để tìm tung tích vua Chiêu Thống.

Người Tàu nhà Thanh kinh hoảng, từ cửa ải trở về bắc, già trẻ diu nhau chạy trốn. Hàng mấy trăm dặm tuyết nhiên người và khói bếp lạnh tanh.

Đạo quân Vân Nam và Quý Châu vừa kéo xuống Sơn Tây, nghe tin Tôn Sĩ Nghị đại bại, cũng tìm đường trở về.

Vua nhà Thanh liền xuống chỉ cho quan Nội các Phúc Khang An thay Tôn Sĩ Nghị làm tổng đốc Lưỡng Quảng, đề đốc binh mã chín tỉnh, điều binh 50 vạn (500.000) nội ngày ấy đến Nam Quan kinh lý việc An Nam (35b).

Trước kia vua Thanh sai Tôn Sĩ Nghị ra quân, rồi lại có mật dụ bảo hoãn lại chờ gấp thi hành: “Trước hết phải truyền hịch lên tiếng trước, thả bầy tôi của nhà Lê về tìm Lê Chiêu Thống cho lộ diện đối địch với Nguyễn Huệ. Nếu Nguyễn Huệ lui tránh, thì ta nhân đó sai Lê Chiêu Thống đuổi theo và cho đại binh tràn sang nối theo⁽²⁰⁾ thì ta sẽ không khó nhọc mà được thành công. Đó là cái cao kiến của kế sách này.

Nếu người trong nước An Nam đều phân nửa binh Lê

Chiêu Thống, phân nửa binh Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ không lui quân, thì ta chờ thủy quân Mân Quảng vượt biển đánh vào vùng Thuận Quảng rồi cho bộ binh tiến sang⁽²¹⁾. Lưng và bụng đều thụ địch, Nguyễn Huệ vì tình thế phải quy hàng, ta nhân đó giữ cả hai Chiêu Thống và Nguyễn Huệ. Từ Thuận Quảng về nam, ta cắt cho Nguyễn Huệ ở, từ Hoan Ai về bắc ta lấy phong cho Chiêu Thống, rồi ta đem đại binh trấn đóng nước An Nam để kiềm chế, chờ về sau sẽ có cách xử trí!”

Khi Tôn Sĩ Nghị đi đầu dắt nhau chạy về Bắc, các sắc thư của hãn mang theo đều rơi rớt dọc đường. Vua Quang Trung thu được, nói với Ngô Thì Nhậm:

— Ta xem sắc thư của vua Thanh chẳng qua là họ xem thế mạnh yếu mà giúp vậy thôi. Việc giúp nhà Lê không phải ở bản tâm chân thật, mà chỉ mượn đó là danh nghĩa để mưu lợi.

Nay sau khi thua trận, họ tất cho là nhục, hãn là không chịu dứt can qua. Nhưng hai nước giao binh cũng không phải là cái phúc cho nhân dân. Nay chỉ khéo ở lời thù tiếp ngoại giao mới có thể dứt được đao binh. Việc này phải do khanh chủ trương.

Vua Quang Trung bèn ra lệnh cho các người Tàu bị bắt làm tù binh đều được cấp lương phạn và được chọn nơi cho tạm trú (36a). Vừa lúc ấy quan Tả Giang binh bị đạo Thang Hùng Nghiệp đưa thư sang, đại lược nói:

“Lê Duy Kỳ bỏ nước mà trốn, Thiên triều hãn nhiên không đem nước An Nam cho y nữa. Vậy thừa lúc trước khi chưa có dụ chỉ của Thanh Đế, ông nên sai người gõ cửa ải kêu cầu, ngõ hầu có thể ngưỡng mong ân huệ”.

Vua Quang Trung được thơ, biết người nhà Thanh muốn giảng hòa, thì trong lòng đã khinh họ, bèn sai tướng Hồ Hồ hầu dâng biểu xin cho làm An Nam quốc vương. Tờ biểu viết:

“Thần là kẻ áo vải ở Tây Sơn thừa thời cử sự, năm bính ngọ (1786) đem quân diệt họ Trịnh trả nước cho họ Lê. Vua Lê tạ thế, thần lại tôn lập cháu nội vua Lê là Duy Kỳ nối ngôi. Duy Kỳ là người dâm loạn hung bạo. Kẻ bề tôi và nhân dân trong nước chạy đến tố cáo với thần và xin thần ra binh trừ loạn.

Năm đinh vị (1787) thần sai một viên tiểu tướng đem binh hỏi tội kẻ tả hữu đã giúp bạo quân làm xằng, thì Duy Kỳ từ xa ngóng thấy đã sợ hãi chạy trốn đang đêm, tự chuốc lấy cái lo.

Năm mậu thân (1788) thần tiến binh ra đến đô thành Thăng Long (36b), lại ủy thác cho con của vua Lê là Duy Cận làm giám quốc. Thần đã sai sứ giả gõ cửa quan đem tình hình trong nước tâu bày. Nhưng mẹ của Duy Kỳ đã sang trước cửa ải Đầu Áo gửi thân cầu xin cứu viện.

Tôn Sĩ Nghị là bậc đại thần ở biên cương lại vì tiền của và nữ sắc đem tờ biểu của thần xé nát ném xuống đất, làm nhục sứ giả của thần, ý muốn động binh gây chiến. Thần không biết việc đó có quả là do sự sai khiến của Đại Hoàng đế hay là do Tôn Sĩ Nghị vì bị một người đàn bà sai khiến, mong lập công ở biên cương cầu lợi lớn chăng?

Ôi! Nhân sĩ giáp binh của một dãy bờ biển này không đáng một phần muôn của triều đình Trung quốc. Nhưng vì khe sâu ở trước, cọp dữ ở sau, lòng dân chúng sợ chết đều lo phấn đấu. Thần không tránh cái tiếng ném chuột vỡ đồ,

bền đem đình tráng năm ba ấp đi theo. Ngày mùng 5 tháng giêng năm nay (kỷ Dậu 1789) tiến ra đô thành Thăng Long mong được một lần yết kiến Tôn Sĩ Nghị, hay được đem ngọc và lụa thay cho thuần giáo, chuyển binh xa làm hội áo quần. Nào ngờ binh của Tôn Sĩ Nghị tiến ra đón đánh trước. Vừa mới giao phong, binh của Tôn Sĩ Nghị đã tan rã chạy tứ tán. Binh sĩ chạy trốn ra thôn trang ngoài thành lại bị dân chúng chung quanh giết chết hầu hết.

Ngày vào thành, thần lập tức ngăn cấm dân chúng không được giết càn. Tất cả binh sĩ trốn tránh đưa đến đô thành được hơn tám trăm người (800), thần đã cấp cho họ lương thực.

Trộm nhớ nước thần từ Đinh, Lê, Lý, Trần trở lại đây đời đời (37a) thay đổi mãi không phải vẫn một họ làm vua. Hễ ai có thể làm rào cột ở phương nam thì người ương tròng phải vun bồi bảo bọc cho. Chỉ có cái lễ chí công chí nhân ấy mà thôi.

Cúi nghĩ, Đại Hoàng đế đặt mình vào địa vị trời mà thi hành giáo hóa thuận theo tự nhiên, tha thứ cho hạ thần cái tội đón đánh Tôn Sĩ Nghị và lượng xét cho thần lòng đã gõ cửa quan ải trình tờ tấu mà cho thần làm An Nam quốc vương để có người cai quản.

Thần kính cẩn sai sứ đến cửa khuyết vâng lệnh làm phiên thần nộp cống và đem những tù binh hiện còn sống sang nộp để bày tỏ lòng chí thành.

Ồi! đường đường là triều đình thiên tử lại đi so hơn thua với nước bé thì ắt là muốn chinh chiến mãi không thôi để cùng khốn binh sĩ, lạm dụng vũ lực hầu sừng

khoái cái lòng tham lam tàn bạo thì thật lòng Đại Hoàng đế không nhẫn⁽²²⁾.

Vạn nhất can qua mãi không dứt, tình thế đến nỗi nào thật không phải do thần muốn và cũng không dám biết đến⁽²³⁾.

Thang Hùng Nghiệp tiếp được tờ biểu cả kinh, nói với sứ giả Hồ Hổ hầu:

— Nay không phải lúc hai nước đang đánh nhau, sao lại viết toàn giọng giận dữ. Viết như thế là muốn cầu phong tước chẳng hay muốn khởi hấn chiến tranh chẳng?

Thang Hùng Nghiệp giao trả tờ biểu không chịu đề đạt lên vua Thanh.

Vua Quang Trung bèn dẫn quân về Nam.

Thế rồi Phúc Khang An đến Việt Tây (tỉnh Quảng Đông) chuyển ý giảng hòa đưa thơ đem việc lợi hại làm tỷ dụ cho biết.

Vua Quang Trung lấy vàng lụa tặng cho rất hậu để cầu cho thành việc, rồi tự đổi tên là Quang Bình, sai cháu, Nguyễn Quang Hiến cùng bồi thần Vũ Huy Tấn đem làm lễ cống gỗ cửa ải thành khẩn xin vào chiêm cậ.

Vua Thanh vui mừng chuẩn y lời tâu và dạy cho năm sau Quốc vương An Nam phải đích thân sang chiêm cậ ở cửa khuyết.

Bài biểu văn đại lược như sau:

“Thần khởi lên ở Tây Sơn, đầu tiên có đất Quảng Nam, vốn không có phân biệt cao thấp với nhà Lê. Năm trước thần đã từng sai người gõ cửa ải trần bày duyên cớ

gây hấn với nhà Lê, bị quan trấn thủ biên cương bác thơ không chịu đề đạt lên.

Đến khi quan binh (quân Thanh) tiến ra quan ải đi chinh phạt, thần trong thúng giềng năm nay tiến đến đô thành nhà Lê để hỏi duyên cớ tại sao lại kêu rước quân Thiên triều⁽²⁴⁾ (38a).

Chẳng ngờ, vừa thấy quan binh Thiên triều liền phẫn khởi hăng hái tàn sát bọn thủ hạ của thần. Cho nên binh của thần khó mà bỏ tay chịu trôi. Cầu trên sông Nhĩ lại gãy, quan binh phải tổn thương mà kinh hoàng không xiết⁽²⁵⁾.

Thần đã lầm lẫn sai người gõ cửa ải xin tội cùng đưa về những quan binh chưa chạy khỏi. Những người đã tàn hại quan Đề trấn thì đã bị xử theo pháp luật.

Vốn phải đích thân đến cửa khuyết của triều đình để tỏ tình xin tội, nhưng vì trong nước vừa bị chiến tranh, lòng người chưa yên, thần kính cẩn sai đứa cháu ruột là Nguyễn Quang Hiến theo tờ biểu vào chiêm cận”.

Bài biểu văn đều do Phúc Khang An dẫn ý.

Vua Thanh xem biểu vui mừng chuẩn cho Nguyễn Quang Hiến lên kinh đô và dạy vua Quang Trung rằng:

— Người tuy tự biết sợ sệt, nhưng cái tội chống cự quan binh và giết quan Đề trấn xét ra khó mà khỏi được. Nếu người không đến cửa khuyết xin tội và gấp cầu phong tước hiệu thì Thiên triều không có việc châm chế ấy được.

Người đã chưa được liệt vào hàng chư hầu rào giậu, cho nên các lễ vật dâng cống chưa tiện thu nhận. Như muốn thật lòng nộp cống, thì sang năm nhằm lễ Vạn thọ bát tuần của Trẫm hãy đến kinh đô kêu xin.

Bọn Đề trấn trấn vọng phải được lập đền thờ theo địa phương bên An Nam. Như tha thì Trầm ắt đặc biệt gia ân cho, hoặc phong liền cho bằng vương tước, đời đời con cháu có thể giữ mãi nước An Nam.

Còn như Lê Duy Kỳ nhu nhược không tài năng, lại bỏ ấn chạy trốn thì Trầm không nhẫn lại giết luôn hẳn, cho nên chỉ cho hẳn (38b) ở tỉnh thành Quế Lâm, quyết không có cái lễ thừa lúc người vào chiêm cận Trầm lại đưa hẳn về An Nam để cho hẳn làm chủ nữa. Người khá chớ nghi ngờ lo sợ.

Nay đặc biệt ban cho người một râu chuỗi trân châu đeo tay. Người phải cung kính vâng theo ân mệnh để được lòng quyến ái nồng hậu của Trầm. Cố gắng lên”.

Vua Quang Trung lại dâng biểu tạ ơn, xin sang năm vào chiêm cận.

Vua Thanh tin thật, liền sách phong vua Quang Trung làm An Nam Quốc vương, sai Thành Lâm, quan hậu bổ Quảng Tây sang.

Thành Lâm đến quan ải. Vua Quang Trung mượn cờ thành Thăng Long đã tiêu tán hết khí hưng vượng xin đến Phú Xuân. Thành Lâm cho là trái lệ thường, không chịu đến Phú Xuân.

Vua Quang Trung lại mượn cờ bịnh hoạn dần dà qua ngày tháng rồi cho cháu, Phạm Công Trị giả mạo nhận lễ thụ phong. Vua Quang Trung sai người đem sản vật địa phương tạ ơn.

Trong bài biểu tạ ơn, vua Quang Trung nói:

“Nhà có mẹ già, xin nhân sâm làm phương trường thọ”.

Vua Thanh liền phát một cân sâm ở Quan Đông của ngự dụng⁽²⁶⁾ sai dịch trạm chạy đem sang ban cho.

Vua Quang Trung dâng biểu có câu:

Thần hữu mẫu hữu thân,

báo đáp ngưỡng bằng ư đại tạo (39a)

Quân vi sư vi phụ, sanh thành thâm ký ư long triêm.

Dịch nghĩa:

Thần có mẹ có cha; báo đáp ngẩng nhờ nơi công lớn.

Vua là thầy là cha, sanh thành mong mỏi ở ơn nhuần.

Vua Thanh phê: “Lời này đáng khen, Trẫm bất nhẫn không xem người như con”.

Mùa xuân năm canh tuất (1790) Phúc Khang An giục vua Quang Trung sửa soạn sang châu.

Vua Quang Trung lại mượn cơ có tang mẹ xin cho con là Quang Thùy thay mình vào chiêm cận. Phúc Khang An không chịu, bí mật sai người đến cửa quan đem nỗi niềm ẩn khuất bày vẽ nếu bất đắc dĩ không đi được thì nên tìm người giống mình mà thay thế.

Vua Quang Trung bèn cho Phạm Công Trị giả mạo lấy tên mình và sai bề tôi là Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ Danh Tiêu, Nguyễn Tiền Lộc, Đỗ Văn Công với ngoại lệ hai thớt voi đực để làm khổ bọn quan Tàu dọc đường dịch trạm.

Lưỡng Quảng Tổng đốc Phúc Khang An và Quảng Tây Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh đưa phái đoàn đến kinh đô. Vua Thanh ban thưởng rất trọng hậu để biểu thị ý đặc biệt.

Đến hành cung ở Nhiệt Hà, Giả vương⁽²⁷⁾ vào chiêm cận vua Thanh và làm lễ báo tất (39b).

Vua Thanh đích thân viết bốn chữ to **CŨNG CỰC QUÝ THÀNH** (Tinh tú vây châu sao Bắc cực mà quý hướng và tin thành vào, ngụ ý chư hầu đến châu Thiên tử mà quý hướng và tin thành vào người) và một câu đối:

*Chúc giả hiệu tôn thân, vĩnh thi đàn thầm tri phát thế,
Cận quan ứng sủng tích, tái kê thanh sử vị tiền văn.*

Nghĩa là:

Sang chúc phước cho con cái tôn thờ cha mẹ, thờ mẫu với lòng thành son sắt, thì biết rằng không phế bỏ (việc trung thành):

Đến châu thiên tử mà được vinh quang phải được thương yêu ban thưởng, hãy xét lại sử xanh thì từ trước chưa từng nghe (việc ưu đãi đặc biệt như vậy).

Cùng một bài thơ:

Doanh phiên nhập chúc trị thần tuần,
Sơ kiến hồn như cật thức thân.
Y cổ vị văn lai tượng quốc,
Thắng triều vãng sự bỉ kim nhân.
Cửu kinh nhu viễn chỉ trọng dịch,
Gia hội ư kim miễn thể nhân.
Vũ yển văn tu thuận thiên đạo,
Đại Thanh tộ vĩnh vạn thiên xuân.

Dịch nghĩa:

Vua nước phiên hải ngoại vào chúc thọ
gặp lúc thiên tử đi tuần thú,
Mới gặp nhau lần đầu mà hoàn toàn như đã biết
và thân nhau từ lâu.
Từ xưa chưa nghe nói
vua nước phương nam đến châu,

*Việc cũ của triều đã bại mất (nhà Minh)
thì đáng khinh bỉ vụ đòi cống người bằng vàng.
Phép làm yên lòng người ở xa trong chín đạo
thường là kính trọng việc trạm dịch qua lại
giao hảo với nhau,
Trong hội tốt lành hôm nay
cố gắng việc thân thiện nhân đức.
Dứt việc cũ, trau việc vẫn để thuận đạo trời,
Thì phúc của nhà Đại Thanh
được lâu dài muôn ngàn năm.*

Vua Thanh thưởng cho Giả vương y phục chén bát cũng đồng như bậc thân vương. Vua Thanh lại thưởng thêm bạc vạn lượng.

Khi Giả vương đến cáo từ để trở về nước, vua Thanh cho Giả vương đến bên sập ngự và vỗ vai Giả vương an ủi dạy bảo ôn tồn rồi sai họa công vẽ chân dung mà ban thưởng (nay còn bức ảnh truyền lại).

Khi Giả vương đã trở về rồi, vua Thanh sai đưa sang ban cho chữ PHÚC và đồ trân ngoạn của ngự dụng. Sứ giả qua lại không ngớt.

Thuở trước khi vua Chiêu Thống sang Tàu, em là Lê Duy Chi chiếm cứ Tuyên Quang, Cao Bằng dựa vào những viên thổ tù Nùng Phúc Tấn, Hoàn Văn Đồng và liên kết với các rợ Vạn Tượng, Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quy Hợp đánh phá thành Nghệ An. Vua Quang Trung sai quan Đốc trấn Nguyễn Quang Huy làm đại tổng quản, Đô đốc Nguyễn Văn Uyển đem năm ngàn tinh binh (5.000) theo thượng lộ ở Nghệ An đánh dẹp.

Tháng 6 (40a) quân Tây Sơn khắc phục Trấn Ninh, bắt

được người cầm đầu Chiêu Kiêu Chiêu Nam, tháng 8 diệt được Trịnh Cao Quy Hợp, tháng 10 Quốc trưởng Vạn Tượng phải bỏ thành chạy. Quân Tây Sơn bắt được voi ngựa chiến trống và đuổi ra xa đến biên bới Xiêm La, chém được viên Sứ tử Phan Dung và hữu Phan Siêu rồi đem quân về Bảo Lạc.

Lê Duy Chi và Phúc Tấn Văn Đồng thế không địch nổi đều bị giết.

Vua Quang Trung sai Vũ Vĩnh Thành, Trần Ngọc Thị sang triều nhà Thanh dâng tin chiến thắng, tiếng là cung thuận nhưng thật là khoa trương võ công.

Ở Bình Thủy quan thuộc Cao Bằng, Du Thôn ải thuộc Lạng Sơn vua Quang Trung lại xin mở chợ thông thương miễn thuế và xin lập trung tâm xuất nhập cảng ở Nam Ninh, đều được vua Thanh ưng thuận.

Thuở trước sáu châu ở Hưng Hóa và ba động ở Tuyên Quang vào cuối thời nhà Lê đều bị các thổ ty nhà Thanh xâm chiếm, đã được nhiều lần bày giải mà vẫn không được thu hồi.

Vua Quang Trung gửi thư cho tổng đốc Lương Quảng xin phân rõ biên giới cũ. Tổng đốc Lương Quảng cho rằng biên giới đã định xong mà trả thư lại.

Do đó vua Quang Trung hơi có ý bất bình, khuyến khích quân sĩ làm thuyền tàu, âm thầm nuôi chí dòm ngó đất Quảng Đông, Quảng Tây. Vua Quang Trung thường nói với các tướng:

— Được thêm vài năm bồi dưỡng uy lực nhuệ khí ta nào sợ chúng.

Vua Quang Trung đã dốc chí hiển nhiên sống theo

Hoàng đế lập Ngọc Hân họ Lê làm Bắc cung Hoàng hậu, con đích (40b) là Quang Toàn làm Hoàng tử.

Vì Nghệ An là vùng chính giữa quốc gia, cũng là quê quán xưa của tổ tiên, vua Quang Trung bèn cho xây bức thành đất, dựng lầu điện ở dưới núi Kỳ Lân, gọi đó là Trung đô, đổi thành Thăng Long làm Bắc thành, chia đất Sơn Nam là hai trấn, Sơn Nam thượng và Sơn Nam hạ. Trị sở của Sơn Nam thượng là Vị Hoàng, của Sơn Nam hạ là Chu Cầu.

Ở trấn thì đặt chức trấn thủ và hiệp trấn, ở huyện thì đặt văn phân tri, vũ phân suất.

Vua Quang Trung định lại tên các chức quan.

Xét theo đời Tây Sơn, quan chế không thể khảo, được thấy rải rác ở những dã sử và tạp ký, có Tam công, Tam thiếu, Đại môn tể, Đại tư đồ, Đại tư khấu, Đại tư mã, Đại tư không, Đại tư hội, Đại tư lệ, Thái úy, Ngự úy, Đại tổng quản, Đại đồng lý, Đại đô hộ, Đại đô đốc, Đô đốc, Nội hầu, Hộ giá, Điểm kiểm, Chỉ huy sứ, Đô ty, Đô úy, Trung úy, Vệ úy, Quán quân, Tham đốc, Tham học sĩ, Hiệp biện đại học sĩ, Thị trung ngự sử, Lục bộ thượng thư (41a), Tả hữu đồng nghị, Tả hữu phụng nghị, Thị lang tư vụ, Hàn lâm; còn những tên quan chức khác rất nhiều không kể xiết.

Quân hiệu thì có Trung, Tiền, Tả, Hữu, Hậu là Ngũ quân cùng Tả bật, Hữu bật và Ngũ chế.

Lại có những quân hiệu: Càn thanh, Thiên cán, Thiên tường, Thiên sách, Hổ bồn, Hổ hầu, Thị lân, Thị loan.

Vua Quang Trung sai lập bộ định bộ điền.

Định phân ra ba hạng:

9 đến 17 tuổi:

hạng vị cấp sách.

18 đến 55 tuổi:	hạng trắng,
56 đến 60 tuổi:	hạng lão.
61 trở lên:	hạng lão nhiều.
Công điền hàng nhất,	

	mỗi mẫu lệ thu 150 bát thóc,
nhì,	80 bát thóc,
ba,	50 bát thóc,
Tiền thuế thập vật mỗi mẫu	1 mạch.
Tiền khoán khố mỗi mẫu thu	50 văn.

Ruộng tư điền	
hạng nhất,	mỗi mẫu lệ thu 40 bát thóc,
nhì,	30
ba,	20

Tiền thuế thập vật đồng như của công điền.

Tiền thuế khoán khối là 30 vắn.

Lại từ sông Gianh về Bắc dân số phần nhiều ở ẩn lậu không đem sự thật khai lập sổ. Vì thế mỗi người dân được cấp một thẻ bài gọi là tín bài (41b) ghi họ tên quê quán có ấn dấu ngón tay, ở trong có in bốn chữ to THIÊN HẠ ĐẠI TÍN.

Ai không có thể tín bài là dân lậu phải bị sung vào phòng dịch (biên phòng) mà lý trưởng phải tội lây. Các loại dịch nhân đó làm việc gian ác, ra khắp nơi tìm bắt dân, đến nỗi có kẻ phải đào hầm mà trốn, nỗi khổ không xiết.

Lúc ấy giặc biển Tàu Ô ở Lương Quảng bị nhà Thanh đánh đuổi, thế bức phải đầu triều đình Việt Nam. Vua Quang Trung thu dụng tên đầu đảng, ban cho hãn chức

tổng binh. Vua Quang Trung lại thấu nạp đảng cướp Thiên Địa hội, cho thừa thế ẩn hiện cướp phá Trung quốc.

Đường biển vì thế mà không thông, nhưng quan nhà Thanh sợ vua Quang Trung hùng cường mà không hỏi đến.

Năm nhâm tý (1792) vua Quang Trung sai làm tờ biểu cầu hôn (công chúa nhà Thanh) để thăm dò ý vua Thanh và cũng để mượn cơ gây hấn. Nhưng vua Quang Trung lại bệnh mà việc ấy phải thôi (42a).

Nguyễn Huệ tàn ngược vô đạo, lúc đô thành Phú Xuân bị chiếm các tôn lăng của chúa Nguyễn đều bị xâm phạm.

Một buổi chiều, vua Quang Trung đang ngồi bồng xây xẩm tối tăm, thấy một ông già đầu bạc từ không trung hạ xuống, mặc áo trắng, cầm cây thiết bằg mắg rằg:

— Tổ phụ ngươi sống trên đất của Chúa, đời đời làm dân của Chúa (Nguyễn). Ngươi sao dám phạm đến lăng tẩm của Chúa.

Nói xong, lão lấy thiết bằg đập vào trán vua Quang Trung. Vua Quang Trung mê man ngã xuống, hồi lâu mới tỉnh và kể lại với quan Trung thư Trần Văn Kỳ.

Từ đó bệnh của vua Quang Trung chuyển nặng. Vua gọi quan Trấn thủ Nghệ An Nguyễn Quang Diệu về thương nghị dời đô về Nghệ An. Thương nghị chưa xong thì Thế tổ Cao hoàng Nguyễn Ánh đã khắc phục được Gia Định và lấy Bình Thuận, Bình Khang, Diên Khánh với thanh thế chấn động.

Vua Quang Trung nghe được (42b) buồn lo mà bệnh ngày càng tăng, liền gọi bọn Quang Diệu vào dặn rằng:

— Ta mở rộng bờ cõi chiếm cả vùng Nam Phục này, nay vì bệnh tật mà ắt không dậy được. Thái tử tư chất khá cao nhưng tuổi còn bé, ngoài thì có mối thù với nước Gia Định, vua Thái Đức (Nguyễn Nhạc) thì tuổi già ham dật lạc không lo hậu hoạn.

Khi ta thác rồi, việc chôn cất phải sơ sài trong một tháng cho xong mà thôi. Bọn người phải phò Thái tử sớm dời về Vĩnh đô để khống chế thiên hạ. Nếu không, như thế, thì binh Gia Định đến bọn người không có chỗ chôn.

Bọn Diêu cùng khóc mà nhận lệnh, rồi giết ngựa bạch mà thề.

Ngày 29 tháng 9 năm nhâm tý (1792)⁽²⁹⁾ vua Quang Trung băng, ở ngôi được 5 năm, thọ được 40 tuổi.

.....

(43a) a) Thái tử Nguyễn Quang Toản lên nối ngôi, tháng 10 làm lễ an táng vua Quang Trung ở phía nam sông Hương, tên thụy là Thái tổ Vũ Hoàng đế.

Tự quân sai Thị trung Đại học sĩ Ngô Thì Nhậm, Hộ bộ Tả đồng nghị Nguyễn Viết Trực, Hộ bộ Tả thị lang Nguyễn Văn Thắm sang nhà Thanh cáo tang, nói dối vua Quang Trung để di chúc sau khi băng thì chôn ở Tây hồ thuộc Bắc thành để được gần kề triều nhà Thanh.

Vua Thanh tin thật, ban tên thụy là Trung Thuần và đích thân làm bài thơ điếu:

*Ngoại bang lệ dĩ khiến bồi thần,
Triển cận từng vô chí kỷ thân.
Nạp khoán tối gia lai ngọc khuyết,
Hoài nghi kham tiểu đại kim nhân.
Thu trung thượng ước y quan túc,*

Tất hạ hồn như phụ tử thân.
Thất tự bất năng bãi ai thuật,
Liên kỳ trung khốn xuất trung chân.

Dịch nghĩa:

Lệ nước phiên ở ngoài thì Quốc vương
sai kẻ bề tôi sang châu,

Làm lễ chiêm cận
cũng không hề do bản thân của Quốc vương.

Vụ nạp cống lễ,
thật đáng khen Quốc vương đã đích thân
đến cung khuyết bằng ngọc của Thanh triều.

Trăm hoài nghi và đáng cười việc triều trước
(nhà Minh) đòi người bằng vàng mà thay thế
(tướng Liễu Thăng bị giết).

Trong mùa thu trước Trẫm còn nhớ Quốc vương
với áo mao mĩu nghiêm trang.

Còn dưới đầu gối khi Quốc vương làm lễ bái tấu,
thì hoàn toàn Trẫm với Quốc vương
như tình thân thuộc cha con.

Bảy chữ không thể kể hết niềm đau đớn,
Thương nỗi trung thành
do ở lòng chân thật của Quốc vương.

Vua Thanh ban thêm một pho tượng Phật lớn, bạc ba ngàn lượng để dùng về việc tang.

(43b) Án sát Quảng Tây là Thành Lâm đến mộ giả ở Linh Đường thuộc huyện Thanh Trì đọc văn tế. Bài văn tế có câu:

Chúc ly nam cực, hiệu trung đặc tướng kỳ xu triều,
Thỏa Phách Tây hồ, một thế vô vong ư luyến khuyết.

Dịch nghĩa:

— Cầu phúc cho Vương ở cuối phương Nam
 đã dâng lòng trung, đặc biệt khen thưởng
 việc Vương sang châu,

— Vương yên xác ở vùng Tây hồ,
 lúc thác chẳng quên lòng luyến mộ cung khuyết
 (của Thiên triều).

Bài văn điệu được khắc vào bia đá dựng bên tả ngôi
 lăng.

CHÚ THÍCH:

- (1) Một cử chỉ quân tử anh hùng.
- (2) Lúc Nguyễn Huệ đánh thủy quân của Đinh Tích Nhưỡng ở sông Lỗ.
- (3) Lúc Nguyễn Huệ đem đại đội chiến thuyền ra đánh Bắc Hà.
- (4) Thiên tử thường dậy sớm ra làm việc, nay đã băng, cho nên không còn ra sớm nữa, ngụ ý vua băng.
- (5) Chiêu, sáng tỏ. Thống, thống nhất. Chiêu thống, làm sáng tỏ việc nhất thống hoàn vũ.
- (6) Lễ mặc đồ tang sau lễ đại liệm.
- (7) Vong, trốn. Mệnh, tên. Vong mệnh, kẻ chạy trốn, thoát tên ở sổ bộ.
- (8) Thật uống công phù Lê diệt Trịnh của Nguyễn Huệ.
- (9) Đại Nam Chính Biên liệt truyện chép là Vũ Văn Sĩ.
- (10) Tiêu, cung kính. Tường, bình phong. Tiêu tường là chỗ phía trong, nơi vua tôi làm lễ cung kính gặp nhau, ngụ ý ở phía trong nội bộ.
- (11) Đưa cùng khốn trôi nổi.
- (12) Chính được vua Chiêu Thống phong tước Bằng Trung công. Bằng là chim đại bàng, cho nên Nguyễn Huệ dùng chữ bay liệng.

- (13) Vua Chiêu Thống vô mưu mới bỏ chạy. Thật đáng tiếc!
- (14) Khi chúa Trịnh Sâm mất, quân Tam Phủ (kiêu binh) nổi lên phế Trịnh Cán, lập Trịnh Tông, giết Hoàng Đình Bảo gây thành cuộc loạn kinh khủng ở kinh thành Thăng Long.
- (15) Nhậm khinh Sở hữu dũng vô mưu như một tên lính.
- (16) Với chiến lược thần tốc.
- (17) Văn hậu đãi nhà Lê, cũng là một cử chỉ quân tử anh hùng.
- (18) Lên tiếng tiếp ứng mà giúp đỡ.
- (19) Rước mừng như chó gặp chủ.
- (20) Theo kế sách giúp kẻ thắng để giành phần.
- (21) Để đánh ép hai đầu.
- (22) Thật là câu chữ khéo.
- (23) Thật là câu khiêu khích.
- (24) Việc công rần rần gần nhà.
- (25) Bêu việc bại binh nhục nhã của Thiên triều.
- (26) Của vua Thanh dùng.
- (27) Quốc vương giả mạo.
- (28) Lễ ôm đầu gối.
- (29) Sách Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc của Hoa Bằng chép ngày 29 tháng 7 năm nhâm tý.

góp thêm về phổ hệ tây sơn và chân dung anh em họ

tạ chí đại trường

Từ khi học giả Trần Trọng Kim nâng dòng Tây Sơn lên thành một triều đại Việt Nam và cũng nhân dịp ý thức dân chủ, cách mệnh tăng tiến tràn lan thì người ta cũng biết đến Tây Sơn càng ngày càng nhiều qua những bài khảo sát, hoặc chi li trong khuôn khổ tìm tòi tài liệu, hoặc mở rộng trong những giải thích tổng quát.

Nhưng không kể những bài có dụng ý chính trị, hiện đại hóa lịch sử nhiều hơn là có tính chất sử học, chúng ta phải nhận rằng những khảo sát về Tây Sơn vấp phải thiếu sót tài liệu lớn lao nhiều hơn là ở những phe phái đồng thời. Chỉ vì Tây Sơn là một “triều ngụy”. Con cháu họ bị truy nã, tận diệt, sách vở viết về họ, dưới triều họ ngự trị

bị thiêu hủy ngay sau khi phe phái chính thống thắng họ cả hàng vài mươi năm. Chưa cho là đủ, người ta phân chia lại ruộng đất nơi thang mộc ấp của Tây Sơn để xóa ảnh hưởng tận gốc⁽¹⁾: Cuộc cải cách ruộng đất ở Bình Định năm 1839 mang tính chất chính trị đặc biệt và suy từ đó ai không nghĩ rằng các quan ta xưa là không là những nhà mác xít trước khi biết đến chủ nghĩa Mác?

Sự sai lầm của ông Văn Tân về xứ Bình Định nghèo khó mà ông Nguyễn Phương đã chỉ vạch⁽²⁾, bắt nguồn từ sự yếu kém về ý thức khảo sát khoa học, dùng lý thuyết làm khuôn mẫu cho một trường hợp riêng rẽ thay vì dùng sự kiện cụ thể để kiểm chứng, tài bồi lý thuyết, nhưng sai lầm đó và những cái khác tương tự cũng do bởi tài liệu quá ít khiến cho việc suy diễn phải nhờ cậy quá nhiều vào những hệ thống tổng quát có sẵn. Nhưng thực ra không dễ gì xóa bỏ được triều Tây Sơn như là một hiện diện trong lịch sử nên các sử quan dòng chính thống vẫn phải nói về họ và đặc biệt ta có riêng một quyển 30 của *Đại nam liệt truyện sơ tập* biên chép về họ, tuy thật là quá ít ỏi so với vai trò của họ.

Những tài liệu dã sử may mắn còn đến bây giờ thì lại gặp phải bao nhiêu ngăn cách với người tìm tòi. Ông Nguyễn Trần Huân có liệt kê một mớ đã chụp thành vi ti phim:

Tây Sơn ngoại sử,
Tây Sơn thủy mạt ký,
Tây Sơn liệt truyện...⁽³⁾

Thật quá ngoài tầm tay người trong nước. Cho nên, việc tìm hiểu Tây Sơn trong tương quan với Trịnh, Lê,

nhất là Nguyễn, có phần dễ dàng hơn việc tìm hiểu nguồn gốc họ, đời sống riêng tư của họ. Và lại đã thành thói quen là chỉ có việc của họ nhà vua – chính thống – là được ghi chép kỹ lưỡng, còn trong dân gian – ngay cả những người có chức phận – ai sinh năm nào, ai chết năm nào, liên hệ thân tộc như thế nào... có mấy tài liệu ghi rõ? Do đó, ở ta, việc lập một phổ hệ chính xác trong thời gian thật là vạn nan. Không phải những chi tiết này đã không can hệ đến sự thành bại của các giả thuyết lịch sử chỉ muốn nhìn vào con người xã hội, hay của những lý thuyết tổng quát. Hãy xem một minh chứng rõ ràng, mới nhất ở quan điểm phân chia “thế hệ văn học” của Linh mục Thanh Lăng: vì thiếu những chi tiết về năm sinh, tháng đẻ của các văn sĩ – điều kiện để tập hợp một nhóm người trong một thế kỷ. Linh mục mất dữ kiện chính để làm việc nên để lối phân chia thế hệ văn học trở thành một lối phân chia thời đại trá hình.

Ngược về 200 năm trước với Tây Sơn, chúng ta cũng chỉ tìm được những mảnh nhỏ tài liệu. Tuy nhiên nếu nhìn nhận rằng lịch sử là quá khứ nhìn qua tài liệu và tiến triển về hiểu biết quá khứ thường thường đi với sự khám phá tài liệu mới và khả năng giải thích tài liệu, ta có thể dừng lại bất cứ lúc nào để tìm hiểu. Tây Sơn, nhìn riêng trong sự tiếp nối gia đình của họ, cũng như trong tâm tính của nhân vật, sẽ được chúng tôi trình bày sau đây, trong giới hạn phương pháp đã nêu trên.

PHỤ HỆ TÂY SƠN

Có một điều chắc chắn là tổ tiên Tây Sơn gốc ở Nghệ An. Đại Nam Nhất Thống Chí tuy là sách về sau nhưng dựa vào một phương pháp khảo sát xác đáng là thu nhặt tài liệu ở các gia phả địa phương nên khá có giá trị, đã cho biết rằng Nghệ An có những chi nhánh họ Hồ, đồ đại khoa, làm quan lớn⁽⁴⁾. Chiến tranh 1945 – 54 còn may mắn giữ được Hồ tôn thế phả để kể thêm được một Hồ Xuân Hương trong dòng dõi danh gia ấy⁽⁵⁾.

Trong quá khứ, họ Hồ xứ này đã dựng một triều đại ngắn ngủi, nhưng cũng đầy tính chất cách mệnh, không biết có ảnh hưởng gì tới đám hậu sinh của thế kỷ 18 không?

Tổ tiên Hồ Quý Ly là “Hồ Hưng Dật, người Triết Giang, đời Hậu Hán, đến làm quan ở Diễn Châu, sau ở lại làng Bào Đột châu ấy, đời nào cũng là chủ trại. Cháu 12 đời là Hồ Triêm dời đến ở làng Đại Lại, trấn Thanh Hóa, làm con nuôi Lê Huấn mới đổi ra họ Lê, bốn đời sau đến Quý Ly...”⁽⁶⁾.

Số đời đếm có thể lộn, vì cứ cho ba đời là một thế kỷ thì mười sáu đời kể từ Quý Ly (thế kỷ 14) ngược lên hơn 500 năm không đến đời Hậu Hán (thế kỷ 3). Lối truyền dõi theo phụ hệ khiến ta biết được nguồn gốc Trung Hoa của họ Hồ. Nhưng ta cũng có thể đoán được sự đóng góp bản xứ quan trọng ở dòng này⁽⁷⁾. Một chi tiết ở trên cũng đánh giá cho ta lưu ý: Một người trong dòng dõi “đời nào cũng làm chủ trại” mà chịu bỏ họ làm con nuôi họ Lê thì đủ biết họ Lê cũng là một vọng tộc ở Thanh Hóa. Có phải

đó là một dòng quan Lang Mường tương tự như của viên phụ đạo làng Khả Lam, Lê Lợi, đấy không?

Chỉ biết Quý Ly, dưới bóng họ Lê, chen được vào trong một triều Trần đầy nghi kỵ kẻ cướp ngôi đến nỗi chỉ lấy người trong họ. Ông lấy con gái Nghệ Tông và có hai người cô và chị gả cho Minh Tông, một người sinh ra Duệ Tông, cha của Phế đế Nghiễn. May mắn hơn, một đôi chiếu cho ta biết năm sinh của Hồ Quý Ly.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục (q. 12, 9a) mục tháng 9, Ất dậu (1405) ghi Quý Ly cho phụ lão các lộ 70 tuổi trở lên được một tước, bà lão được tiền, còn phụ lão kinh thành thì ban tước thêm rượu nữa. Ngô Thời Sĩ (sdd, 280) nói rõ hơn rằng Thất tuần khánh đó là nhân lễ thất tuần của Hồ Quý Ly mà có. Như vậy, ta biết rõ Quý Ly sinh khoảng 1336. Năm ông chết có lẽ sau năm 1407 không lâu, tuy không phải năm này, vì Cương Mục cực lực phản đối thuyết Quý Ly bị giết trên đường về Kim Lăng (q. 12, 21ab).

Mối liên lạc giữa Tây Sơn và nhà Hồ có lẽ không trực tiếp vì sách Hoàng Lê Nhất Thống chí chỉ ghi rằng “(Nhạc)... dòng dõi Hồ Quý Ly”. Nhưng liên lạc thân tộc với các dòng họ Hồ khác ở vùng Nghệ An còn được ghi rõ hơn nhờ các gia phả lưu truyền trong vùng nhất là bản Hồ tôn thế phả, do đó ông Văn Tân đã đặt mối liên lạc giữa Tây Sơn và Hồ Xuân Hương. Chứng dẫn của giáo sư Phạm Văn Diêu có vẽ phổ hệ họ Hồ vùng Nghệ An như sau:

Chép đúng thì như vậy, nhưng có lẽ tên Hồ Phi Gia dưới chữ Quỳnh Đồi phải được thế bằng tên Hồ Sĩ Anh

như trang 757 tạp chí đã dẫn, khởi trùng hợp với một tên Hồ Phi Gia vào hàng cháu.

Ở đây, ta xét riêng về nhóm họ Hồ và Nhân Sơn. Ông Văn Tân thấy Hồ tôn thế phả chỉ chép chi họ Hồ Nhân Sơn đến đời Phi Khan, Phi Phúc rồi bật luôn, bèn phối hợp với các tài liệu sử sách mà cho rằng các người trong chi này đã bị bắt khi quân Gia Định tràn ra vùng bắc Bộ Chính, Nghệ An vào năm 1655. Sách Hoàng Lê, Liệt Truyện, q. 30, Cương Mục đều ghi tổ quán Tây Sơn ở huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Phương Đình Dư địa chí⁽⁸⁾ cho biết tên huyện Hưng Nguyên được đặt từ triều Lê vì Thiên Nam Dư hạ tập ghi phủ Anh Đô gồm hai huyện Nam Đường và Hưng Nguyên, phủ Diễn Châu gồm hai huyện Đông Thành và Quỳnh Lưu. Tên phủ Diễn Châu đặt tới đời Đường, bây giờ còn lại vẫn là phủ ở phía nam huyện Quỳnh Lưu và bắc huyện Hưng Nguyên, tất cả đều ở bờ bắc sông Cả. Làng Nhân Sơn nằm ở phía nam huyện lỵ Quỳnh Lưu nghĩa là không ở trong phạm vi huyện Hưng Nguyên chút nào thì không hiểu tại sao lại được nối kết chi họ Hồ ở đây với huyện Hưng Nguyên được?

Thực ra, mối liên lạc Hồ Nhân Sơn với Nguyễn Tây Sơn được đặt ra chính vì tên Hồ Phi Phúc hiện diện trên các tài liệu với giá trị minh chứng khác nhau. Cũng có thể một cánh quân Nguyễn năm 1655 đã tràn đến Quỳnh Lưu, cũng có thể họ Hồ ở Nhân Sơn đã dời vào huyện Hưng Nguyên trước đó.

Sau khi xác nhận sự liên lạc này, vấn đề nữa được đặt ra là mối liên lạc giữa Hồ Phi Phúc và anh em Tây Sơn. Có thực Phúc là cha Nhạc không? Ông Văn Tân cũng như ông

Phạm Văn Diêu cho rằng phải. Chúng tôi thoáng thấy trong một tập văn học sử Việt Nam xuất bản ở miền Bắc (một tác giả là Văn Tân), được Đại học Văn khoa Sài Gòn cho quay ronéo phổ biến trong khi chờ đợi tác phẩm khác tốt hơn, cũng cho Phúc là cha Nhạc. Chúng tôi nghĩ rằng không phải là nhận thấy lầm lạc chính từ sự khẳng định của Liệt Truyện (q. 30, Ia) là: “Cha (Nhạc) là Phúc”. Cái bầy này giảng mắc được một số đông người, trong đó có ông Trần Trọng Kim và gần nhất, ông Nguyễn Phương.

Sự mơ hồ về niên đại trong lịch sử của ta, như đã nêu rõ ở trên, khiến chúng ta quên mất sự sử dụng niên đại ngay khi có nó nữa. Ở đây, chúng ta có năm 1655 làm gốc. Chúng ta tìm lấy một năm xác đáng nữa. Ở Nguyễn Huệ, Huệ mất năm 1792, được ghi là thọ 40 tuổi⁽⁹⁾. Quen với tuổi ta, ta biết ông chết lúc 39 tuổi và như vậy, sinh khoảng 1753. Hồ Phi Phúc, đã có mặt ở Nghệ An năm 1655, cho dù được Phi Khang ẵm ngửa vào nam, nếu đúng là cha Nhạc, phải sinh vào lúc gần trăm tuổi. Chỉ có ai làm thầy tướng số, vịn vào sự nghiệp lừng lẫy của Tây Sơn mới tin tưởng hợp “lão bạng sinh châu” này mà thôi.

Huống chi hai tài liệu, Hồ tôn thế phả, Hoàng Lê, đều ghi nhận Hồ Phi Phúc ở Nghệ An không phải với tư cách một đứa bé mà là một người lớn đã có danh vọng. Đứa bé Phúc đưa vào nam, tuyệt dòng họ Hồ Nhân Sơn, làm sao còn lưu tiếng ở Nghệ An để hơn 100 năm sau, Ngô Thì Chí ghi được một cách nể vì: “(Nhạc)... cùng ngành với Hồ Phi Phúc”? Toán họ Hồ vào nam không phải sinh ngay ra Nhạc, mà phải “qua hai đời” (Hoàng Lê); chứng cứ này phù hợp với lời của Liệt Truyện: “Tổ bốn đời, khoảng Lê

Thịnh Đức, bị quân ta bắt”. Con số đời có khác nhau không phải sai lạc vì một đẳng tính theo khoảng cách, một đẳng tính theo mốc vị trí.

Như vậy, hoặc là Liệt Truyện sai lầm, hoặc là họ Hồ (Nguyễn) Tây Sơn có hai người tên là Phúc. Chúng ta lại không chấp nhận điều sau. Tin tưởng linh hồn trong tục lệ thờ cúng với thứ bậc khắt khe của tổ chức xã hội theo Khổng giáo không cho phép trong một nhà có hai ông Phúc con cháu cha ông lộn xộn. Có thể rằng khi bị bắt ở Hưng Nguyên (hay Nhân Sơn), Hồ Phi Phúc đã lớn, đã có danh vọng, nên được ghi vào sổ bộ của toán quân Nguyễn chiến thắng. Đám di dân bắt đày vào nam, ở trên núi đồi An Khê, trở thành vô danh tiểu tốt, một sớm một chiều bỗng nhiên sản sinh được những tên phản loạn, khuynh đảo cả triều đình, khiến đám quan lại kiêu căng giật mình dò lại sổ bộ thấy có tên Phúc có liên quan tới Biện Nhạc bèn gán đại làm cha với dụng ý làm liên tục dòng dõi dân lưu đày, tướng cướp, ngục triều.

Còn về phía ngoại Tây Sơn, đám người có họ Nguyễn đã khiến họ Hồ phải chuyển họ? Không có dấu vết nào rõ rệt, nhưng hình ảnh Nguyễn Huệ “tóc quăn” đáng người dữ tợn, có là bằng cứ cho một dòng máu Thượng hay không?

Vậy thì khoảng 100 năm sau khi vào Nam, họ Hồ Nhân Sơn có thể đã “được an sắp tại làng Tây Sơn thuộc huyện Phù Ly; qua hai đời thì sinh ra Nhạc và hai người em là Bình và Lữ” (Hoàng Lê).

Phù Ly nay đã mất địa vị huyện mà chỉ còn là một địa điểm nhỏ trên quốc lộ số 1, còn làng Tây Sơn được mở

rộng thành hai địa điểm Cữu An và An Khê vẫn còn chứng tỏ vị trí chiến lược quan trọng hơn hai cuộc chiến 1945 – 54, 1960. Trước 1945, các nơi này thuộc tỉnh Kontum, sau 1954 được sáp nhập vào tỉnh Bình Định của một quận mới lập: quận An Túc.

Bình, hay Nguyễn Quang Bình là tên của Nguyễn Huệ đổi nhân có việc cống sứ nhà Thanh⁽¹⁰⁾. Câu văn Hoàng Lê trên không nêu rõ thứ tự anh em, cho ta hiểu đại khái Nhạc là anh cả, Bình giữa và Lữ là em út. Cương Mục (q. 44,22a) cũng ghi “Kỳ đệ Văn Huệ, Văn Lữ...” Trong khi Liệt Truyện cho biết cha Nhạc bỏ đất Tây Sơn xuống Kiên Thành, sinh ra ba anh em lấy mẫu tính gọi theo thứ tự Nguyễn Văn Nhạc, Nguyễn Văn Lữ, Nguyễn Văn Huệ. Thứ bậc lộn xộn, chúng ta phải nhìn vào cách thế ghi chép tài liệu để phân định.

Giữa hai người, chức tước, tài năng Huệ đều trội hơn Lữ. Năm 1778, sau khi thắng Nguyễn Ánh ở Đồng Nai, kéo về Qui Nhơn, Nhạc xưng là Hoàng đế, phong Lữ làm Tiết chế, Huệ làm Long nương tướng quân. Từ Hải cho biết chức Tướng quân với các thứ bậc của nó được xuất hiện hầu hết qua các triều đại Trung Hoa. Qua Việt Nam, các thái thú thời Bắc thuộc được giữ chức tướng quân rất nhiều, đặc biệt, Đào Khản thời Lục triều làm Thái thú Giang Hạ, Đàn Hòa Chi, Thứ sử Giao Châu, còn có thêm tướng Long nương tướng quân⁽¹¹⁾. Đời Nguyễn Ánh có Bảo giá đại Tướng quân Lý Tài, cũng như Khai quốc Bình Tây Đại tướng quân Tôn Thất Hội. Trong khi đó Từ Hải ghi một cách sơ sài cho biết Tiết chế là “chỉ huy quân hạt” trích ví dụ trong Đường Thư, truyện Quách Anh Ngại. Lữ

bị mất tiếng ngay sau chuyến đánh Gia Định 1777. Trong khi đó Huệ hoạt động liên tục đến nỗi thương nhân Chapman năm 1778 lên Đồ Bàn yết kiến Nhạc chỉ thấy Lữ mà vắng bóng Huệ⁽¹²⁾. Huệ được quân Bắc gọi là Đức Lệnh, uy hiếp bọn giáo sĩ Tây phương theo Nguyễn Ánh khiến họ phải gọi là “le cruel Long vương”. Địa vị, uy thế đó, khiến người ghi chép khi nhắc tới Tây Sơn, sau Nhạc là người cầm đầu, tất phải kể đến Huệ rồi mới tới Lữ. Đó là trường hợp ở *Hoàng Lê, Cương Mục*. Còn *Liệt Truyện*, trong một quyển nói riêng về Ngụy Tây, kể tông tích dòng dõi họ, bị giới hạn trong vấn đề, phải lưu ý không dồn dập, thúc bách người ghi chép. Lời bình thường “Nguyễn Văn Nhạc, Nguyễn Văn Lữ, Nguyễn Văn Huệ” là thứ bậc đúng của anh em Tây Sơn vậy.

Không phải chỉ có ba người. Nhạc còn một người em gái đã cùng đi diều Quang Trung, nhưng đến Quảng Ngãi, thì bị quân Quang Toàn chặn lại⁽¹³⁾. Người này, không biết thứ mấy, nhưng là chị của Lữ, Huệ.

Một bức thư của giáo sĩ Labartette viết từ Quảng Bình ngày 12-5-1787⁽¹⁴⁾ cho biết luôn thứ bậc của ba người con trai; “Chủ tướng của họ là ba anh em: người anh lớn là ông Vua (...) Nhạc nay đã lấy tước vị là *Thoi Đức* (Par Excellence), người thứ hai gọi là *Duc ông bai* (ông hoàng thứ bảy), người thứ ba gọi là *Duc ông am* (ông hoàng thứ tám)”.

Chữ “ainé” chỉ Nhạc ở đây phải được hiểu qua tiếng Việt là gì? Vấn đề được đặt ra để giải quyết số người trong gia đình Tây Sơn. Chữ “cả” dùng cho con đầu lòng, người cầm đầu, còn thấy sử dụng ở triều đình Nam Hà đương

thời: Hoàng tử Cảnh là “ông hoàng Cả”, Linh mục Pigneau là “ông Cả”, “Cha Cả”, một thầy dòng làm do thám được Nguyễn Ánh gọi tên “Thầy cả Minh”. Ở dân gian, người ta cho rằng người con thứ nhất trong gia đình không được gọi là “thằng cả” như ngoài Bắc vì dân chúng kính trọng Hoàng tử Cảnh nên dành thứ bậc ấy cho ông. Tuy nhiên, gốc gác việc kiêng cử này có vẻ cũng không được chắc chắn lắm. Bằng chứng là chữ “kiêng” được gọi tránh chữ “Cảnh” là kỵ húy không phải của tên Hoàng tử Cảnh mà viên tướng Nguyễn Hữu Cảnh khai phá Thủy Chân Lạp thế kỷ trước. Chữ “Thái” được gọi là Thới (Thới Bình, Thới Lai) không phải kiêng bởi vua Thành Thái mà bởi kiêng tên một nhân vật nào trước thời Tây Sơn nữa vì trong bức thư dẫn trên, Thái Đức đã được viết là Thới Đức. Trở lại vấn đề chữ “cả”, tục lệ tránh né địa vị lớn nhất tràn khắp dân chúng Nam Hà, có vẻ mang dấu vết địa phương thần quyền sâu đậm: thứ bậc “cả” để trống vì không phải chỗ của người thường tục. Dù sao tục lệ cũng lan sâu đến nỗi ta có thể nói rằng chữ “ainé” của giáo sĩ Labartette dùng tuy không có kèm thêm giải thích thứ bậc như ông đã làm sau đó, nhưng cũng có thể cho ta biết Nhạc phải được gọi là “anh hai”. Thứ bậc bảy, tám (Đức ông Bảy, Đức ông Tám) của Lữ, Huệ rõ là được kêu theo thói quen đương thời. Vậy có thể là gia đình Tây Sơn gồm có bảy người mà bốn người còn sống: Nhạc (có thể là con trưởng), một người con gái không rõ thứ bậc, Lữ người em trai thứ sáu và Huệ, người em út, thứ bảy. Nay ta điểm qua từng người một.

CHÚ THÍCH:

(1) Nguyễn Thiệu Lầu, cuộc cải cách điền địa năm 1839 ở tỉnh Bình Định, *Phổ Thông Hội ái Hữu Cựu sinh viên trường Luật*, tháng 6 - 7, 1952, 106 - 122. Tính chất chính trị nặng nề của cuộc cải cách giải thích được sự lựa chọn địa phương và giải đáp cho vấn đề ông Nguyễn Thiệu Lầu nêu ra là không có một phản ứng nào được ghi nhận từ phía địa chủ bị truất hữu. Áp lực chính trị làm tê liệt dân chúng địa phương đến nỗi gây ra tâm lý ghi nhận trong câu vè:

Quảng Nam hay cãi,

Quảng Ngãi hai co,

Bình Định hay lo,

Thừa Thiên ních hết.

(2) Một số quy chiếu trong bài không thể liệt kê ra được. Viết lịch sử bằng "tuồng bưng" một phần có thể khiến người thận trọng chê trách, nhưng người viết cũng đã cố gắng tối đa để mong có dịp khác hơn sửa đổi lại.

(3) *Annuaire 1964 - 65, École des Hautes Etudes, IV^e section; Sciences historiques et philologiques*, q. 358.

(4) Nghệ An tỉnh, bộ QGGD xuất bản, 1965.

(5) Tài liệu miền Bắc của ông Văn Tân, chúng tôi chỉ có thể dùng qua ông Phạm Văn Diêu *Thân thế và văn tài Hồ Xuân Hương*. Văn Hóa nguyệt san, tháng 7, 8-1962.

(6) Ngô Thời Sĩ, *Việt Sử Tiêu Án*, Văn Hóa Á Châu, 275.

(7) "Nếu tất cả những quận công và hoàng tử Pháp đều là con cháu St. Louis như gia phả chứng tỏ, thì họ cũng là con cháu của nhiều gia đình thị dân và nông dân. Ngược lại, phổ hệ của một gia đình thị dân xưa cũng cho thấy có những quý tộc liên quan đến tất cả những gia đình quận công, ông hoàng và tất cả đến gia đình nhà Vua nữa". Cũng lưu ý thêm rằng có khi giai cấp là dấu hiệu của sự phân biệt chủng tộc, như rõ ràng ở trường hợp của Ấn Độ.

(8) Ngô Mạnh Nghinh Dịch, Tự Do xuất bản, 136, 138.

(9) Liệt Truyện, q. 30, 47b. Thực Lục Chính biên Đề nhất kỷ (TI) q. 6, 7b, 8a.

- (10) Liệt Truyện, q. 30. 37b.
- (11) An Nam Chí Lược, Đại học Huế, 1960, 154, 157.
- (12) Ký sự của Chapman, H. Berland dịch ra Pháp văn trong Bulletin de la Société des études indochinoises (BSEL), t. XXII, 1948, 15-78.
- (13) TL. q. 6, 13b.
- (14) Revue Indochinoise, t. XIV, Juil. Déc. 1910, 44. Chữ in nghiêng là chữ Việt không dấu trong bức thư.

NGUYỄN VĂN NHẠC

Nhạc sinh năm nào không rõ, chắc là lớn tuổi hơn Lữ, Huệ đến gần 15 tuổi, căn cứ vào sự cách biệt thứ bậc và dấu hiệu con cái: năm 1778, lúc Huệ được 25 tuổi, Chapman lên Thị Nại đã gặp được một vị phò mã của chúa Tây Sơn, có thể là Trương Văn Đa, người rượt đuổi quân Đồng Nai đến tận Nam Vang (1783). Nhạc xưng đế vào tháng 4 năm Đinh mùi (17-5 - 14-6-1787)⁽¹⁾ và chết năm Quý sửu (1793)⁽²⁾ khi toán quân cứu viện của Phú Xuân tiến vào xua quân Đồng Nai lui về Diên Khánh. Người ta thuật chuyện rằng khi quân cứu viện đến trước Hoàng đế thành thì thấy cửa đóng. Họ đe dọa thì Nhạc nhắm không đủ sức giữ bền mời họ vào. Tiếp theo là những cử chỉ nhường nhịn giả dối. Vài tháng sau ông mất đi, “vì buồn rầu và xấu hổ”⁽³⁾. Thư của một giáo sĩ khác cho biết: “Thời Đức chết tháng 12-1793”⁽⁴⁾. Giám mục De Gortyne cai quản địa phận Bắc kỳ xác định rõ hơn: “Ông Nhạc nổi danh (...) chết ngày 13-12 năm vừa qua. Các chủ tướng của đạo quân (cứu viện) đó đã bức bách đến nỗi ông ta chết vì buồn rầu. Người ta còn đồn ông bị đầu độc...”⁽⁵⁾. Như vậy Nhạc chết ngày 13-12-1793. Nhưng sự thực con người hùng chí của Nhạc đã chết từ giữa năm 1787 khi ông lên mặt thành Đồ Bàn khóc kêu gọi tình ruột thịt để Huệ giải vây. So với một năm trước dất vài trăm quân kỵ đi trên đường trường, xứ lạ, từ Qui Nhơn thẳng ra Thăng Long gọi Huệ về, hành động của Nhạc quả là tuyệt vọng.

Còn buổi đầu, ta không thể tìm được một người chủ tướng gan dạ, cơ chí hơn. Người ta biết ông đi buôn trâu với dân miền thượng, theo vòng trao đổi kinh tế núi, đồng

qua các nguồn. Điều khiển được trong tay đám Thiên Địa Hội “khi đánh giặc uống rượu say, ở trần, đeo giấy bạc, xung trận liều mình...”⁽⁶⁾ cùng với đám dân “vong mạng”, “vô loại” như bọn cướp. Nhưng Huy, Tứ Linh ở nguồn An Tượng, phải là một người có uy tín, chứng tỏ gan dạ bằng hành động. Muốn biết quyền uy của Nhạc hãy so sánh với Nguyễn Ánh để Đỗ Thành Nhân “lộng quyền thiêu sống người, giết cả đàn bà có mang” ở Gia Định. Bọn cướp dưới quyền của tên Biện lại Văn Đồn tuyên bố rằng họ không phải là “những tên trộm cướp, họ gây chiến là để tuân mệnh trời và tuân mệnh Nhân Đức Thượng sư”⁽⁷⁾. Được gọi là “những tên trộm cướp nhân đức”, công lao ấy phải do tay Nguyễn Nhạc vì lúc khởi nghĩa, Huệ mới có 18 tuổi đầu. Công cướp thành Càn Dương, với lời đồn đại là chính chủ tướng Tây Sơn ngồi trong cũi, chứng tỏ được cơ mưu trí trá, lòng gan dạ mà Nhạc có thể chứng minh được với thủ hạ.

Ông cũng biết sử dụng quyền uy điều hòa với thủ đoạn chính trị: Trong chuyến Tây Sơn ra Quảng Nam, Linh mục Jumilla được chủ tướng họ đóng quân ở nhà thờ Tiên Đòà ghé thăm xin thuốc men, cho giảng đạo công khai, xây nhà thờ, cho 13 người lính gác bảo vệ. Ân xong, tới uy: họ đòi Linh mục tới dinh nói rõ nguyên cớ nổi dậy và mục đích của họ là thay đổi chính quyền đương thời, chính quyền mà Linh mục tuy nói “không muốn can dự vào chính trị” nhưng cũng phải nhận xét rằng “giờ phán xét của thượng đế đã điểm đối với chúa Nguyễn và bầy tôi”.

Mộng chinh phục của Nguyễn Nhạc cũng lớn lắm, theo lời ông tiết lộ với thương nhân Chapman: ông muốn

chiếm Cao Miên, đến tận Xiêm và các tỉnh Nam Hà phía Bắc còn trong tay quân Trịnh. Để thực hiện mộng ước ấy ông đã đề nghị Chapman làm trung gian mời cố vấn Anh phụ giúp, thuê các tàu Anh chở binh lính. Đổi lại, ông có thể nhượng đất cho Anh lập thương điểm, cho Anh tự do buôn bán.

Đại khái bấy nhiêu đó cho ta thấy khí dũng cùng chí hướng của Nhạc. Ta không còn được dấu vết về tác người, nét mặt của Nhạc. Nhưng về phương diện con người riêng tư ta cũng thấy chút đặc tính của anh em Tây Sơn. Nhạc bị vây khốn trong thành, hết kêu khóc ở đền thờ cha mẹ lại kêu khóc với đứa em thù nghịch đang ở ngoài đắp núi đất đặt đại bác bắn đổ vào. Đứa em này, đánh giặc thù thì tận diệt cho không còn một tên địch trốn thoát, nhưng nghe anh khóc lại chịu rút quân. Bài hịch chửi Nhạc do Lại bộ Hồ Đồng, tôi chúa Nguyễn bị bắt trong trận Đồng Tuyên (5-1783) làm giúp, nhưng rõ là không phải do giọng nho sĩ, mà là giọng của dân đồng ruộng, rầy bái, ngược chợ xuôi sông. Chính là lời của Huệ gọi Nhạc “sài lang, chó heo”, “làm nhơ uế cả một triều, khinh xuất, can không nghe”. Không trách đám người vào khuôn ra phép ngạc nhiên thấy hai ông tướng gặp nhau ở thành Thăng Long “anh em trò chuyện, kẻ hỏi người đáp, cực kỳ ôn tồn y như anh em các nhà thường dân”.

Con Nhạc, theo ta biết, có Nguyễn Bảo hay Nguyễn Quang Thiệu là lớn, được Quang Toản phong làm Hiếu công, ăn lộc huyện Phù Ly sau 1793. Tháng 11 năm Mậu ngọ (1798), Bảo được sự khuyến khích của Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường, tung quân chiếm Qui Nhơn,

đuổi Phạm Văn Hưng chạy lên xứ Mọi cạo tóc đầu, ăn mặc rách rưới để trốn tránh. Nhưng Quang Toàn đã kịp thời đích thân kéo quân vào, hạ thành, xử Bảo theo lối tam ban triều đình.

Nhạc còn hai người con lẩn tránh sau khi triều đại sụp đổ: Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Lương. Con Đức là Văn Đậu cùng với cha, chú bị bắt năm 1831, đem về chém ngang lưng, tuyệt dòng Tây Sơn⁽⁸⁾. Hai người con gái của Nhạc được biết qua hai người con rể: một là Trương Văn Đa xuất hiện có lẽ ở Qui Nhơn năm 1778, tham gia chiến trận ở Gia Định năm 1783, một nữa là Vũ Văn Nhậm, nạn nhân của cuộc tranh giành giữa Nhạc và Huệ.

CHÚ THÍCH:

(1) CM q. 47, 5a. Lt q. 30, 15a.

(2) Lt, q. 30, 16a, 54a.

(3) Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême Orient, 1912/7, trang 33, thư của giáo sĩ Lavoué ở Tân Triệu gửi cho các ông Boiret, Descourvières ở Paris đề ngày 13 - 5 - 1795).

(4) Bđd 36, thư của giáo sĩ Le Gire, Kẻ Hương, Quảng Bình, gửi cho các ông Boiret, Chaumont, Blandin (Paris), đề ngày 12 - 10 - 1790.

(5) Bđd, 32, thư đề ngày 22 - 4 - 1794.

(6) *Thực Lục tiền biên*, q. 11, 18ab. *Phù Biên tạp lục*, q. 1, 49b, 50a.

(7) Thư của Linh mục Diego de Jumilla viết ở Tiên Đỏa 15 - 2 - 1774 trong BSEL, t. XV, 1940, 74.

(8) Lt, q. 30, 55b.

NGUYỄN VĂN LỮ

Đây là con người tầm thường nhất trong bọn. Cầm quân đầu tiên chiếm Gia Định vào mùa xuân 1776, Lữ chưa so tài với quân Đông Sơn trang bị vũ khí thô sơ, đã vội vót thóc lúa Gia Định chở về Qui Nhơn. Năm sau vào Gia Định, cũng như năm 1785 đánh Thuận Hóa kèm với Huệ để học nghề cầm quân, Lữ cũng vẫn không tiến bộ mấy, để đến nỗi sợ gió rung cây, thấy quân địch, bỏ Gia Định chạy về Qui Nhơn chết ở đấy không biết lúc nào, chấm dứt cuộc đời đáng thương, lạc loài, bất đắc dĩ giữa đám anh em vượt chúng, quấy đảo thời thế.

Thực ra, đó cũng là kết quả đặc tính của con người Nguyễn Lữ. Bản chất mềm yếu, dễ dao động, dẫn đến bề ngoài đa nghi, thắc mắc, âu lo là nguyên nhân dẫn đến tôn giáo ta được biết ở Gia Định, Đông Định vương Nguyễn Lữ còn kiêm thêm chức giáo chủ đạo Mani⁽¹⁾.

Mani giáo đạo là gì? Hẳn không phải là Manichéisme của Ba Tư vì chúng ta không gặp dấu vết ở đất Việt. Ý nghĩa tôn giáo trong cây “cờ đào” của Tây Sơn rút tư tưởng Nội đạo, không có liên quan gì đến một danh từ lạ lùng như vậy. Địa điểm Manille mà âm gần cận có được nghe đến với các tàu buôn, với sự hiện diện của các giáo sĩ Tây Ban Nha. Nhưng đây là đất của Thiên Chúa giáo.

Có lẽ sự kiện liên quan tới hệ phái Hồi giáo Bani (Islam Bani: con của đạo). Về phương diện ngữ học, hai chữ Bani và Mani có thể là đồng tộc vì âm b có thể chuyển qua âm m⁽²⁾. Về phương diện nhân chủng và lịch sử, khối đông đảo Chăm ở Bình Thuận có Nữ chúa Thị Hỏa rồi Vương Triều Tá là đồng minh với Tây Sơn, đám người đó

có một phần thuộc vào hệ phái Chàm Ba ni. Vậy có lẽ Nguyễn Lữ đã thiên về Hồi giáo và với bản chất dao động như trên đã nói, ông có thể là một tín đồ nhiệt thành.

Về con cái Lữ không nghe nói đến.

CHÚ THÍCH:

(1) Trong số *Bách Khoa Thời Đại* 259, mới xuất bản, ông Nguyễn Ngu Í có cho biết tên đạo là Ba ni. Như vậy luận cứ của chúng tôi có thể chứng minh được ngay không cần phải qua những trung gian. Về phần thứ bực của anh em Tây Sơn thì theo những điều vừa nói, nguồn tin của dân chúng rõ là sai lạc. Ngày sinh của Nguyễn Huệ cũng vậy.

(2) Lê Ngọc Trụ, *Chánh tả tự vị*, Trường Thi, 1960, 29.

NGUYỄN VĂN HUỆ

“Đức ông Tám” này là người đặc biệt nhất trong bọn. Cũng vì xuất sắc mà người ta biết đến ông nhiều hơn những người khác. Sử thần nhà Nguyễn ghét cay ghét đắng nhà Ngụy Tây mà phải khen ông lúc còn sống, lúc chết ghi rõ ràng là “thọ 40 tuổi”. Do đó ta biết ông sinh năm 1753, ngày ông chết là 16-9-1792.

Về ngày sinh, năm nay ban tổ chức điện Tây Sơn có làm lễ sinh nhật ông nhằm ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch (12-6-67). Đây là buổi giỗ đầu tiên mà nhờ ảnh hưởng chiến tranh lại trở nên long trọng khác thường. Nhưng có phải Nguyễn Huệ đẻ ngày 5 tháng 5 Quý Dậu không? Một người dân địa phương có cho chúng tôi biết sinh nhật tổ chức năm nay là do lời khuyên bảo của một chính khách ở Sài Gòn. Riêng chúng tôi nghĩ rằng ngày lễ hàng năm 5-5 tổ chức từ trước có lẽ do triều đình Huế chủ trương để bố cáo một ngày chiến thắng của Tiên khảo họ trên đất địch ngày Đoan ngọ năm Tân Dậu (15-6-1801) lúc 8 giờ sáng, Nguyễn Ánh ghé thuyền ngự vào kinh thành Phú Xuân mà vua tôi Tây Sơn vừa bỏ chạy để lại. Nhưng khi kẻ thắng ăn mừng; thì người bại luôn dịp kỷ niệm ngày tủi nhục; các phe phái nghịch nhau cùng gặp nhau chỗ cần thiết lễ tiết, tin tưởng khiến tồn tại hàng trăm năm có hơn một sự kiện nghịch thường là một đền kỷ niệm được duy trì trên một vùng đất người ta cố tình truy nã, tận diệt dòng giống, ảnh hưởng dấu vết của bọn loạn thần, tặc tử đó. Công trình hủy diệt đối phương của phe thắng đã đến mức thành công gần như hoàn toàn vì dân chúng địa phương không còn nhớ gì nữa cả về những kẻ họ thờ cúng ngoài những hình

ảnh sai lạc, huyền hoặc chập chờn như ngôi miếu nhỏ đổ nát giữa đám tàu chuối, bụi cỏ phát phơ trên thôn Phú Lạc.

Vậy điều chắc chắn còn giữ lại là năm sinh của ông mà thôi. Và lại, những bước chiến thắng liên tục của ông cũng làm bận rộn trí nhớ rất nhiều về năm tháng: tru diệt gần tuyệt tộc họ Nguyễn mùa thu 1777, thử sức với chiến tàu Tây phương (4-1782) đánh tan 20.000 quân Xiêm ở Rạch Gầm (18-1-1785), tiêu diệt quân Trịnh ở Thuận hóa (14-6-1786), rồi Thăng Long (1788). Và chót hết là trận Đống Đa ngày mồng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789).

Về mặt mũi của viên tướng này, bức hình truyền thần của nhà Thanh còn lưu lại không đủ chứng tỏ vì đó chỉ là vua giả Phạm Văn Trị, người vây bắt Linh mục dòng Făn xi cô đi làm sứ thần bắt đắc dĩ Nguyễn Ánh cầu viện Manilla (12-7-1783). Một tập dã sử về Tây Sơn⁽¹⁾ ghi một chi tiết lý thú ẩn sau thói quen thần thánh hóa nhân vật: “tóc Huệ quăn, mặt đầy mụn, có một con mắt nhỏ, nhưng mà cái trông rất lạ, ban đêm ngồi không có đèn thì ánh sáng từ mắt soi sáng cả chiếu...”.

Tóc quăn, mặt mụn, một mắt nhỏ là dấu vết thân xác. Nhưng câu chuyện trông mắt có ánh sáng phát ra ban đêm soi sáng cả chỗ ngồi là cảm tưởng của người nhìn, khiếp sợ trước uy vũ của “Thượng công”. Sử quan nhà Nguyễn cũng phải thừa nhận: “Nguyễn Văn Huệ là em Nhạc, *tiếng nói như chuông, mắt sáng như điện, giáo, kiết, thiện chiến*, ai cũng phải sợ...”⁽²⁾. Một cung nhân ở Thanh Hóa trong dịp Ngô Văn Sở chặn núi Tam Điệp đã nói với Lê Thái hậu:

“Nguyễn Văn Huệ là bậc anh hùng hảo thủ hung tợn và giỏi cầm quân. Coi y ra Bắc vào Nam thật là thần xuất quỷ nhập không ai có thể dò biết.

Y bắt Nguyễn Hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Vũ Văn Nhậm như giết con lợn, không một người nào dám trông thẳng vào mặt. Nghe lệnh của y ai cũng mất hồn vía, sợ hơn sấm sét...”⁽³⁾.

Tuy nhiên tướng sĩ dưới quyền cũng có lần vui cười với câu nói cợt nhả bất ngờ: “Vì dẹp loạn mà ra rồi lấy vợ mà về, trẻ con nó cười thì sao? Tuy vậy, ta chỉ quen gái Nam Hà, chưa biết con gái Bắc Hà, nay cũng thử một chuyện xem có tốt không?”

Người con gái Bắc Hà 16 tuổi đó đã nắm được nhược điểm của bậc anh hùng, nên đã dùng thế lực riêng của mình mà sai khiến Nguyễn Huệ, ảnh hưởng vào triều chính nhà Lê. Một người vợ khác mất vào cuối tháng 3-1791⁽⁴⁾ khiến ông phải điên cuồng lên làm khiếp sợ bọn giáo sĩ Tây phương.

Bản chất đam mê, nồng nhiệt bên trong đó đem đổ vào đời công nơi triều chính, chốn sa trường, biến thành một sức quyến rũ, lôi cuốn mọi người. Ở vào thế đối địch mà Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Đình Giản đều nhận “Bắc Bình vương là tay anh hùng, bốn lần đánh Gia Định, lúc ra trận đều đi trước, sĩ tốt hiệu lệnh nghiêm minh, thuộc hạ ai nấy đều dốc lòng vâng mệnh”. Khi triều thần Bắc Hà họp nhau lại để bàn về việc cử người đòi đất Nghệ An, Phan Lê Phiên loại Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dư, viện lẽ “Bắc Bình vương là người rất quyết hay dùng trí thuật lao lung người khác, trong lúc bàn luận, khi xuống lại

nâng lên, người ta không biết đằng nào mà dò”. Trách gì khi quân Trần Quang Diệu đánh Vạn Tượng mà cả Gia Định có tàu Tây sau lưng cũng phải nhốn nháo!⁽⁵⁾

Về phía hậu cung của Nguyễn Huệ, ta biết có hai người được phong chức Hoàng hậu. Ngọc Hân Công chúa, con Lê Hiển Tông, sinh năm 1771, mất năm 1799, được truy tặng Nhu Ý Trang Thuận Trinh Nhất Vũ Hoàng hậu. Các con của bà, sau này bị bắt lúc thành Phú Xuân thất thủ (1801), được L. Barizy nhận diện, không tiếc lời khen về vẻ mặt ưa nhìn và thái độ cứng cỏi của họ. Bà Phạm thị, mẹ Cảnh Thịnh, lại được truy tặng là Nhân Cung Đoan Tĩnh Trinh Thụ Nhu Thuần Vũ hoàng Chính hậu⁽⁶⁾. Thêm một chữ “chính” địa vị bà này đã trội hơn Ngọc Hân. Trong đời sống riêng tư, Quang Trung đối với bà cũng rất nặng tình. Bà mang trọng bệnh, ông mời đến các giáo sĩ, và khi bà chết ông “điên cuồng lên” làm cho bọn này lo sợ. Hãy nghe viên thầy thuốc bất đắc dĩ thuật lại: “Ngày 7-3-1791, tôi được dẫn vào trình diện bọ chúa... một trong những người vợ ông coi là chính thất lâm bệnh nặng... chết ngày 29-3 và chôn ngày 25-6 sau đó⁽⁷⁾”. Con bà tất nhiên được kế vị Quang Trung.

Đó là Nguyễn Quang Toàn, tên riêng là Trát, lên ngôi lúc 10 tuổi⁽⁸⁾. Như vậy, Toàn sinh năm 1783 đúng như xác nhận của giáo sĩ Longer⁽⁹⁾. Ta lại cũng thấy Le Labousse gọi Toàn là ông “Hoàng Trot”⁽¹⁰⁾ có lẽ là giọng đọc Nam Ngãi của chữ “Hoàng Trát”. Ông bị Gia Long cho xử lăng trì năm 1802, lúc mới có 19 tuổi.

Quanh Phạm hoàng hậu này, ta thấy có một số người họ Phạm có thể là anh em cận ruột họ hàng với bà. Những

người này cũng xứng đáng lắm trong công trình xây dựng nhà Tây Sơn: Hộ giá Phạm Ngạn chết ở cầu Tham Lương (khoảng tháng 5-1782), Phạm Văn Trị vây bắt hai sứ thần bất đắc dĩ của Nguyễn Ánh (12-7-1783), làm giả vương đi sứ Trung Hoa (1790), Thái úy Phạm Văn Tham kiệt lực chống Nguyễn Ánh, túng thế đầu hàng ở Ba Thắc rồi bị giết (1789), Thái úy Phạm Văn Hưng giúp Tham ở Sài Gòn, cầm quân cứu Qui Nhơn (12-1793) và mất tiếng sau vụ Nguyễn Bảo nội loạn (1799).

Phạm hoàng hậu có anh cùng cha khác mẹ là Thái sư Bùi Đắc Tuyên, phụ chính Quang Toản, bị đảo chính và phải chịu chìm nước chết, kéo theo con là Bùi Đắc Thịnh. Anh em ruột của Tuyên là Hình bộ Thượng thư Bùi Văn Nhật. Không biết Nữ tướng Bùi Thị Xuân bà con thế nào với Tuyên, nhưng rõ là có mối thân tộc mật thiết giữa hai người vì cuộc đảo chính gây ra sự chống đối sau đó giữa Vũ Văn Dũng và Trần Quang Diệu. Thứ bậc Bùi Thị Xuân có lẽ ngang hàng với Tuyên vì các giáo sĩ gọi Trần Quang Diệu là "oncle maternel du roi", theo đó, Diệu là dượng của Cảnh Thịnh.

Ta biết Phạm hoàng hậu được phong làm chánh cung lúc 30 tuổi có ba trai, hai gái⁽¹¹⁾. Ngoài Quang Toản là đích tử ra, có thể hai người sau là Quang Bàn và Quang Chiêu. Một trong hai người con gái chắc đã được gả cho phò mã Nguyễn Văn Trị bị bắt khi chống giữ tiền đồn cho Phú Xuân (1801).

Nhưng trường hợp Nguyễn Quang Thùy thật đáng lưu ý. Kể về tuổi tác, Thùy lớn hơn Toản, đã tham dự sứ bộ chúc thọ bát tuần vua Thanh khiến Thanh đế tưởng con

trưởng Huệ mới phong làm Thế tự sau mới biết rằng lầm⁽¹²⁾. Tất nhiên ông không phải là con Phạm hoàng hậu cũng như của Ngọc Hân công chúa. Ngoài chứng cứ ám thị ở *Liệt Truyện*, ta còn được nghe giáo sĩ Le Labousse nói rõ sự khác biệt giữa hai dòng con của Quang Trung như sau: “Ông để lại hai người con... người được chỉ định nối nghiệp là người đích tử duy nhất, nhưng còn có một người khác *lớn tuổi hơn* đang cai trị xứ Bắc Hà là con của một người hầu”⁽¹³⁾. Rõ ràng không phải như ông Trần Trọng Kim đã ghép Thùy làm em Toàn và anh Quang Thiệu (?)⁽¹⁴⁾.

Sự việc đáng lưu ý là Nguyễn Huệ là con nhà dân giả chứ không phải con vua chúa gì mà lấy hầu để sẵn trong khi chờ kén vợ chính thức, nên có con dòng lẽ trước con dòng chính. Quang Thùy hẳn là con của người Huệ lấy trước nhất. Nhưng mẹ Thùy là ai?

Sử nhà Nguyễn có ghi là sau khi rút ở Thăng Long về (9-1786), Nhạc, Huệ hục hặc nhau, Nhạc đắc chí (có lẽ phần chí thì đúng hơn) buông thả, dâm loạn, giết Nguyễn Thung, *hiếu vợ Huệ*⁽¹⁵⁾. Trong tờ hịch đánh Qui Nhơn, có câu buộc tội Nhạc “làm như uế cả một triều” chắc là ám chỉ đến việc này. Giống như Nguyễn Huệ đi đánh Thuận Hóa có lẽ chỉ đem theo Quang Thùy, Phạm thị và Quang Toàn còn ẩm ngựa mà thôi, còn *mẹ Quang Thùy ở lại Qui Nhơn*. Vì lẽ đó khi biến cố không lường trước được xảy ra thì Phạm thị lên ngôi chánh cung và Quang Toàn trở thành đích tử. Điều này cũng giải thích được mối phân ly giữa Quang Toàn ở Phú Xuân và Quang Thùy ở Bắc Hà khi Quang Trung mất đi.

Sự chia rẽ bất thần giữa Nhạc, Huệ hồi năm 1787

khiến các tướng tá có liên hệ với một phe phái trở nên lúng túng hơn để có khi dẫn đến những kết quả thảm thương. May mắn hơn Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Duệ ở Nghệ An trốn được về Qui Nhơn. Trong khi đó ở Đồng Nai cách trở, Nguyễn Đăng Vân, con nuôi của Nguyễn Huệ, không còn thấy cách nào khác hơn là vượt bể trốn sang Vọng Các (mùa thu 1787) để khoảng vừa một năm sau trở về đánh Phạm Văn Tham, bị bắt, mất chửi mà chết.

Còn Nguyễn Quang Hiển, người “gỗ cửa thành” cầu hòa với Hòa Khôn là con ai? Không lẽ con của Nhạc? Con Lữ chăng? Ta không thể bàn xa hơn được.

Hầu hết con cháu, tướng tá Nguyễn Huệ đều chết chung trong một cuộc xử trả thù mà hình ảnh cương quyết, đáng điệu điềm tĩnh của Bùi Thị Xuân còn làm cho giáo sĩ De La Bissachère thần phục. Từ 1831 dòng dõi Tây Sơn tuyệt diệt hay ít ra trong cuộc lần trốn vạ tru di, họ đã không còn dám lưu giữ chút vết tích nào khiến cho đến nay lời khen một thuở oanh liệt không còn ai đứng ra ứng thỉnh, nhận tiếng.

CHÚ THÍCH:

- (1) *Tây Sơn thuật lược*, Tạ Quang Phát dịch, bản viết tay.
- (2) Lt, q 30, 17b. Chúng tôi gạch nghiêng.
- (3) Hoàng Lê... sđd, 252.
- (4) Thư ông Girard gửi ông Boiret, Macao 25 – 11 – 1792, trong

A. Launay, Documents historiques sur la Mission de Cochinchine, t. III, 244.

(5) Thư Le labousse 16 – 6 – 1792, sđd, 223.

Thư Le labousse cho Letondal 17-6-1792, sđd, 97.

(6) Sơn Tùng Hoàng thúc Trâm, *Quốc Văn thời Tây Sơn*, Vinh Bảo, 1950, 82.

(7) Labartette gửi cho Letondal, 6 – 10 – 1797, thư ông Girard kể trên A, Launay, sđd, 244.

(8) Lt, q. 30, 45b.

(9) Thư gửi Giám đốc nhà dòng Phái đoàn Truyền giáo, 3-6-1799, sđd, 247.

(10) Thư từ Collège Đồng Nai 24-4-1800, A. Launay, sđd, 260.

(11) Lt, q 30, 43b.

(12) Lt, q. 30, 44b.

(13) BEFEO, 1912/7, 30, chú (1), thư Le Labousse gửi cho Trường dòng Paris 1793. Chúng tôi gạch nghiêng.

(14) Việt Nam sử lược, in lần 7, 406.

(15) Lt, q. 30, 13b.

nguyễn huệ,
một thiên tài quân sự

nguyễn nhĩ

**NGUYỄN HUỆ: MỘT THIÊN TÀI QUÂN SỰ CHƯA
HỀ NÉM MÙI THẤT BẠI**

Chiến thắng bất hủ Xuân Kỷ Dậu đã đưa Nguyễn Huệ lên tột đỉnh đài vinh quang của dân tộc. Người đời sau có thể vì quá thần thánh hóa con người hùng của Nguyễn Huệ, nên người ta đã coi Nguyễn Huệ như một thiên tài quân sự siêu việt. Thực ra thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ cũng đã được người cùng thời với Nguyễn Huệ xác nhận như là một sự thực không thể chối cãi.

Như các giáo sĩ là những người có nhiều thành kiến

không mấy thiện cảm⁽¹⁾ với quân Tây Sơn, họ lại thường ví Nguyễn Huệ như là “Alexander” hay “Tân Attila”⁽²⁾. Đại đế Hy Lạp Alexander Le Grand và vua Hung Nô Attila đều là những nhà quân sự nổi danh “bách chiến bách thắng” ở Châu Âu.

Vì quá sợ tài dùng binh của Nguyễn Huệ cũng như sức mạnh của Tây Sơn, các giáo sĩ khi được tin Nguyễn Ánh nhờ Đức giám mục Bá Đa Lộc cầu viện quân Pháp, đã không khỏi e ngại quân Pháp sẽ thất trận trước quân Tây Sơn. Trong bức thư đề ngày 11 tháng Sáu năm 1788, giáo sĩ La Bartette gửi cho giáo sĩ Letondal đã viết như sau:

“... Tôi không rõ cuộc viễn chinh của người Pháp khi nào xảy ra. Nhưng tôi sợ rằng quân Pháp của chúng ta vì khinh thường bọn người này [Tây Sơn] và không am hiểu tường tận cách hành binh của họ và không đủ sẵn sức mạnh và có thể trở thành nạn nhân”⁽³⁾.

Người Việt cùng thời với Nguyễn Huệ như một cung nữ cũ của vua Lê, khi nghe tin vua Lê Chiêu Thống đã đưa Tôn Sĩ Nghị về Thăng Long, đã từ Trường An⁽⁴⁾ ra Thăng Long nói với Thái Hậu:

(Cứ xem những lời trong bài dịch, thì thấy Ngài [Tôn Sĩ Nghị] buộc cho ta nhiều lắm, mà Ngài thì cứ lượn lờ trên sông, chỉ dùng thanh thế dọa nạt, không biết Nguyễn Huệ là bậc anh hùng hảo thủ hung tợn và giỏi cầm quân. Coi y ra Bắc vào Nam, thật là thần xuất quỷ nhập không ai có thể dò biết. Y bắt Nguyễn Hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Vũ Văn Nhậm như giết con lợn, không một người nào còn dám trông thẳng vào mặt. Nghe lệnh của y, ai cũng mất cả

hồn vía, sợ hơn sấm sét. E rằng bất nhất y sẽ lại ra, quân Tôn tổng đốc còn có cái lo bên trong, địch sao nổi!”⁽⁵⁾

Các sử quan nhà Nguyễn cũng phải xác nhận:

“... Nguyễn Văn Huệ là em của Nguyễn Văn Nhạc, tiếng nói như tiếng chuông to, mắt lập lòe như ánh điện, là người giáo hoạt đánh giặc rất giỏi; người người đều sợ Huệ”⁽⁶⁾.

Cái giỏi và độc đáo của Nguyễn Huệ ở điểm xuất thân là kẻ ít học, chỉ là kẻ “áo vải”, người trong “hang núi” như Nguyễn Huệ đã tự nhận, không xuất thân từ một trường dạy võ nào, hay một chức quan võ nào trong triều đình mà từ một kẻ bạch đinh trở thành một tướng lãnh tài ba.

Phàm kẻ làm tướng tài, thì như Tôn Tử nói: “Tướng ấy là trí, là nhân, là kính, là tín, là dũng, là nghiêm. Trí là để bẻ gãy kẻ địch, nhân để làm cho người ham theo, kính là để chiêu người hiền, tín để đúng lệ thường, dũng là để thêm khí, nghiêm để nhất lệnh”.

Nguyễn Huệ thật là một người lắm mưu nhiều trí.

Không có trận đại thắng nào mà Nguyễn Huệ không dùng tới mưu, từ trận đầu tiên đi vào sử sách là trận đánh úp quân Tống Phước Hiệp ở Phú Yên với kế “dụ địch”, khiến địch không đề phòng xuất kỳ bất ý đánh úp, giúp quân Tây Sơn lật ngược được thế cờ. Trận đánh chiếm Phú Xuân (1786) với kế “ly gián” phối hợp kế “dụ địch” khiến hai tướng Phạm Ngô Cầu và Hoàng Đình Thử nghi kỵ nhau và Phạm Ngô Cầu mắc mưu bắt quân lính phục dịch mọi việc không còn hơi sức chiến đấu. Trận phá 20.000 quân và 300 chiến thuyền của Xiêm (1784) cũng dùng tới kế “phục kích”. Đến khi ra Bắc Hà diệt họ Trịnh,

Nguyễn Huệ dùng đường thủy ngược theo sông Hồng Hà tới địa phận Lỗ Giang⁽⁷⁾ gặp thủy quân của Đinh Tích Nhưỡng, Nguyễn Huệ lại dùng kế “dụ địch” khiến quân Nhưỡng mắc lừa, bắn vào thuyền không lúc đêm tối, đến khi sáng ra thì bắn hết đạn, quân Nguyễn Huệ đã ập tới, phá tan quân Đinh Tích Nhưỡng là phòng tuyến trấn giữ kinh thành bị chọc thủng, khiến quân của Nguyễn Huệ tiến tới kinh thành không mấy khó khăn. Đến khi đại phá quân Thanh thì sự vận dụng mưu trí của Nguyễn Huệ đã đi đến mức tuyệt diệu.

Tôn Sĩ Nghị vốn tính hay kiêu khi sang nước ta chưa gặp được sức kháng cự nào, từ biên giới cho tới núi Tam Tầng⁽⁸⁾, đường đi rất dễ dàng, Nghị dương dương tự đắc, gặp Tham tri Vũ Chỉnh nói về tình hình Tây Sơn có nói: “Nguyễn Huệ là tay lão luyện về việc hành trận, tay cầm một đội quân rất mạnh”⁽⁹⁾. Tôn Sĩ Nghị đã cười mà rằng: “Nước người vì bị tàn ngược đã lâu, mất hết nhuệ khí nên động một tý thì đem hùm sói ra mà dọa, tự ta coi ra nó chỉ như hạng chó dê, chỉ sai một người dùng thừng buộc cổ lôi về chẳng khó khăn gì. Đợi khi ta đến La Thành, chỉ nhỏ nước bọt xoa tay là xong việc. Người hãy thử ngắm mà xem”⁽¹⁰⁾.

Nghị lại tỏ ra chủ quan hơn nữa khi Lê Quýnh đến dinh Nghị yêu cầu động binh, Nghị nói: “Việc gì mà phải lật đật như thế? Chẳng qua cũng như lấy của trong túi, lấy sớm được sớm, lấy muộn thì được muộn. Bây giờ đã sắp hết năm, đại quân đi xa cần phải nghỉ ngơi, không nên đánh vội. Giặc gầy thì ta béo, để nó tự đến nộp thịt. Nhưng “nước ấy” đã xin như thế thì nên tính từ Đô thành về Nam,

chừng 60 dặm, chia quân đóng ba đồn, đó cũng là cách phòng xa, chờ đến sang năm tiến quân mà bắt chưa muộn”⁽¹¹⁾.

Chưa rõ tình hình ra sao, chưa có kinh nghiệm gì về địch mà Nghị dương dương tự đắc kiêu căng, như vậy làm sao có thể tránh khỏi kế khiêu địch của Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ đã gửi thư tới Tôn Sĩ Nghị xin hàng⁽¹²⁾. Trước ngày tấn công, Nguyễn Huệ lại cho quân đến khiêu chiến và giả thua nhiều trận. Sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục chép: “Ngày 4 tháng Giêng ấy, quân lưu động của giặc, đến trước, hễ đánh trận nào thì thua luôn trận ấy, Sĩ Nghị rất coi khinh”⁽¹³⁾. Nhờ vậy, Quang Trung có được yếu tố bất ngờ, và với lối hành binh thần tốc, quân Thanh đã trở tay không kịp, nên đại bại.

Nguyễn Huệ lại tỏ ra là người có tài tiên liệu thần tình, chẳng khác nào như Khổng Minh sắp đặt công việc.

Từ khi chiến thắng Phú Xuân. Nguyễn Huệ đã tỏ ra một người có mưu trí về cả chính trị. Những lời đối đáp với Nguyễn Hữu Chỉnh khi Chỉnh đưa ra đề nghị chiếm đất Bắc Hà đã chứng minh điều đó. Nguyễn Huệ đã quan tâm đến yếu tố nhân tâm trong cuộc chiến, nào e sợ nhân tài Bắc Hà, nào lấy danh nghĩa tiến quân cho hợp lòng người, đến khi được Chỉnh nói trúng ý mình thì ông quyết định liền⁽¹⁴⁾.

Nguyễn Huệ đã tiên tri được sự “trung thành” của Nguyễn Hữu Chỉnh.

Sau khi diệt được họ Trịnh, Nguyễn Huệ trở về Phú Xuân, bỏ Nguyễn Hữu Chỉnh ở ngoài Bắc, nhưng Chỉnh đã vội đuổi theo gặp Nguyễn Huệ ở Nghệ An. Nguyễn

Huệ cho Chinh cùng Nguyễn Văn Duệ ở Nghệ An và dặn riêng bọn Duệ: “Chinh vốn là đứa vong mạng đến đâu ta, hấn phản phúc không thể tin được, ta lúc đầu muốn mượn tay người Bắc Hà giết hấn, chẳng ngờ hấn chạy thoát theo đây. Theo nghĩa, ta cùng không nhẫn bỏ hấn, Nghệ An là quê quán hấn. Người phải xem xét tình hình động tĩnh của hấn mà phòng bị. Nếu có biến thì đưa thơ cấp báo.”⁽¹⁵⁾

Quả nhiên, Chinh mưu chống lại Nguyễn Huệ khi nắm quyền hành ở Bắc Hà, sau khi được vua Lê Chiêu Thống vời ra thanh toán bọn Trịnh Bồng. Nguyễn Huệ đã sai Vũ Văn Nhậm ra bắt Nguyễn Hữu Chinh, nhưng Huệ đã tiên tri được những hành động của Nhậm nên đã cho bọn Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân đi theo. Trước khi đi, Nguyễn Huệ nói kín với Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân: “Nhậm trong chiến dịch này cầm trọng binh, chuyện việc nước lớn lao thì cái biến không thể nào liệu trước được. Điều ta lo không ở Bắc Hà mà chỉ ở Nhậm thôi. Bọn người phải xem xét hấn kỹ như lửa vậy, dập lúc lửa mới nhen nhúm thì sức rất dễ”⁽¹⁶⁾.

Đến khi được tin cấp báo của Ngô Văn Sở về hành vi của Vũ Văn Nhậm, Huệ bèn bảo: “Vũ Văn Nhậm, ta vốn biết hấn ắt làm phản, thì quả nhiên”⁽¹⁷⁾.

Nguyễn Huệ như đoán trước những biến cố sẽ xảy ra cho Bắc Hà, và đã có con mắt tinh đời, biết tài Ngô Thì Nhậm, là người có thể đương đầu với thời thế khi có biến, đã dặn dò bọn Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân nên tin cẩn và nghe lời Nhậm. Ông nói với bọn tướng tá rằng: “Phải hội đồng thương nghị với nhau, chớ vì mới cũ mà xa cách nhau, ấy là điều mong ước của ta”.

Quả nhiên nhờ có Ngô Thì Nhậm bàn kế rút lui để bảo toàn lực lượng thủy bộ và kế “dụ địch”, “khiêu địch”.

Khi gặp bọn Sở, Nhậm ở núi Tam Điệp (đèo Ba Dội), Nguyễn Huệ đã tiên đoán là do Nhậm bày kế ấy. Khi hỏi Nguyễn Văn Tuyết quả nhiên đúng như thế⁽¹⁸⁾.

Trước khi phát binh ra Thăng Long, Nguyễn Huệ lại nói với Ngô Thì Nhậm:

“Nay ta tự ra coi đốc tướng sĩ, phương lược tiến đánh đã tính sẵn rồi. Chẳng quá mười ngày có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ nó là nước lớn, gấp mười nước mình, sau khi bị thua trận ắt lấy làm thẹn mà cố báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, thật không phải phúc cho dân, lòng ta không nỡ làm vậy. Tới lúc đó, chỉ có một cách nói thật khéo, thì mới ngăn được cái ngòi chiến tranh, việc ấy phi Ngô Thì Nhậm không ai làm nổi. Đợi mười năm nữa ta đủ thì giờ gây nuôi, nước giàu quân mạnh thì ta có sợ gì nó”⁽¹⁹⁾.

Đến khi phá quân Thanh xong, lúc đầu để Hồ Hổ hầu viết biểu cho Càn Long xin phong làm An Nam quốc vương. Biểu ấy khi chuyển tới Thang Hùng Nghiệp, thì viên này cả kinh nói với sứ giả Hồ Hổ hầu: “Nay không phải là hai nước đang đánh nhau, sao lại viết toàn một giọng giận dữ. Viết như thế là muốn cầu phong tước chẳng hay muốn khơi hấn chiến tranh chẳng?”⁽²⁰⁾

Sau Quang Trung phải giao hảo cho Ngô Thì Nhậm: lo việc ngoại giao với nhà Thanh thì y như rằng việc giao hảo với nhà Thanh thật rất tốt đẹp, khiến vua tôi nhà Lê trở nên khổ nhục.

Những sự sắp đặt mưu kế, tiên liệu tính toán như vậy đã chứng tỏ mưu trí của Quang Trung cao đến mức nào!

Nói về cái dũng Nguyễn Huệ, chánh sử triều Nguyễn ghi: “Nguyễn Huệ đã bốn lần đánh phá Gia Định, lâm trận đi đầu các quân sĩ, hiệu lệnh rất nghiêm minh, quân sĩ đều kính phục”⁽²¹⁾. Làm tướng mà luôn luôn đi đầu khi lâm trận làm sao quân sĩ chẳng kính phục?

Khi chỉ huy trận đánh quân Thanh, Nguyễn Huệ cỡi voi đốc suất quân sĩ xông pha với lửa đạn đến nỗi khi tiến vào thành Thăng Long, chiến bào của vua Quang Trung biến thành màu đen xám vì thuốc súng⁽²²⁾.

Trong một bản nhứt ký của Giáo hội Truyền giáo Bắc Hà gửi về cho Giáo hội Truyền giáo Trung Ương ở Ba Lê có kể: “Ngày 30 tháng Một [1789] Quang Trung rời Kẻ Vôi [Hà Hồi] trên lưng voi và đến chung sức, khuyến khích đội ngũ ông, nhưng khi thấy họ chiến đấu không được hăng hái lắm, ông *liền bỏ voi và dùng ngựa*. Theo lời đồn, ông đeo hai cái đoản đao (gươm) và chạy ngang dọc chém rơi đầu nhiều võ quan và binh lính Trung Hoa, làm rất nhiều người chết về tay ông, ông *luôn mồm hô xung phong và lúc nào cũng ở trận tuyến đầu*”⁽²³⁾.

Điều này đã chứng tỏ sự vô cùng xông xáo của Nguyễn Huệ, làm tướng coi cái chết nhẹ như lông hồng.

Tôn Vũ Tử xưa khi ra mắt vua Ngô Hạp Lư đã chứng tỏ sự áp dụng hiệu lệnh nghiêm minh của mình đã cho chém đầu hai người thiếp yêu nhất của nhà vua khi hai người này làm đội trưởng cho một toán 180 cung nữ để Tôn Vũ Tử áp dụng thử hiệu lệnh. Tôn Vũ Tử đã ba lần ra lệnh, năm lần nhắc lại và lại phải một lần thứ hai làm

như vậy, mà bọn cung nữ cứ cười cợt không tuân theo, ông mới ra lệnh chém hai người thiếp yêu của vua dù vua can xin tha tội. Người đời về sau khen hiệu lệnh Tôn Tử thật là nghiêm. Hiệu lệnh của Nguyễn Huệ cũng nghiêm khắc không kém. Trong bức thư đề ngày 11 tháng Sáu năm 1788, giáo sĩ La Bartette gửi cho giáo sĩ Letondal có viết: “Quân giặc [quân Tây Sơn] đôi khi điều động được tới hai, ba trăm ngàn quân, sự thực thì đa số bị cưỡng bách, nhưng tất cả đều quyết tử. Kẻ nào nhìn về sau trận địa, lập tức bị chém đầu”⁽²⁴⁾.

Ngày lễ thành phục vua Lê Hiển Tôn, Huệ mặc đồ tang đứng bên trái trên điện, có một người chấp sự cười lén, Huệ ra lệnh bắt đem ra chém⁽²⁵⁾.

Khi Nguyễn Huệ ra Bắc diệt họ Trịnh, bọn côn đồ thừa cơ hỗn loạn nổi lên cướp bóc khắp nơi, Nguyễn Huệ đã áp dụng sự trừng phạt gắt gao, giáo sĩ Le Roy (ở Nam Định) đã viết cho ông Blandin ở Paris ngày 11 tháng Bảy năm 1786:

“... Những người Nam Hà này [quân Nguyễn Huệ] đã áp dụng sự xử án khắc nghiệt, mới thấy tố cáo chẳng cần đợi xét xử lời thôi, họ đã chém đầu những bọn trộm cướp hay tất cả những kẻ nào bị người ta tố cáo là trộm cướp. Người ta rất lấy làm thích sự xử phạt như vậy và sự liêm khiết của quân Tây Sơn. Vì họ không cướp bóc ai, họ chỉ biết chặt đầu mà thôi. Điều đó đã khiến cho yên lành ở một vài nơi trong một thời gian”⁽²⁶⁾.

Nguyễn Huệ nghiêm khắc việc quân như vậy, không hẳn con người sắt thép ấy không còn tình cảm mà sự thực Nguyễn Huệ lại là người nhiều tình cảm hơn hết. Bằng

chúng như khi người vợ cả của ông mất, ông đã thương tiếc gần như điên khùng⁽²⁷⁾.

Ngày 16-6-1792, giáo sĩ Le Labousse lại viết thư cho người bạn của ông:

“Cuối cùng tôi được biết rằng một trong những bạn của chúng ta [Girard] ở Nam Hà hiện nay đang ở trong triều đình phiến loạn, ông ta bị bắt phải đến để chữa bệnh cho người vợ của “bạo chúa” vì ông đã đòi một y sĩ người Âu. Tại triều đình, ông này được đón tiếp rất trọng hậu và hạnh phúc lớn lao nhất có lẽ chính là vợ của Tiếm vương đã chết trước khi ông có thể khám bệnh. Ông “bạo chúa” đã đau khổ đến cùng cực về việc ông Girard không được gọi đến kịp thời”⁽²⁸⁾.

Nguyễn Huệ dù sắt đá đến đâu cũng phải mềm lòng trước nước mắt của giai nhân. Khi Lê Hiển Tông chết, Huệ giận Tự Tôn đã không mời trước đến bàn việc tang ông bố vợ mà lại để khi nhập liệm xong mới đến mời. Nguyễn Huệ cho đó là có ý coi mình như những người ngoài, lập tức sai người vào triều bắt phải hoãn lễ đăng quang, muốn lập người khác. Nhưng khi công việc đăng cực đã xong, triều đình đã cho người ra báo tin thành lễ với ông, Nguyễn Huệ giận dữ bèn truyền lệnh các quân thủy bộ sắm sửa hành trang cho kịp ngày mai rút quân về nước⁽²⁹⁾. Nhưng đến khi Ngọc Hân Công chúa khóc xin Huệ ở lại, thì Nguyễn Huệ không thể đành lòng.

Người anh hùng ấy cùng hơn một lần chiều theo ý của giai nhân. Ngọc Hân đã “thỏ thẻ” đến nỗi Huệ có ý không chịu lập Tự Tôn lên ngôi. Đến khi công chúa nghe nói triều đình giận mình, kết tội mình làm hại đến việc lớn của

xã tắc thì Ngọc Hân công chúa lại về phủ để xin với Huệ lập Tự Tôn trở lại. Công chúa đã nói như thế nào để Nguyễn Huệ cũng lại mềm lòng, nể “người đẹp” mà bằng lòng.

Không phải là con người không có tình cảm nên Nguyễn Huệ thật cũng có lòng nhân. Xem việc Nguyễn Huệ xử sự trước cái chết của Trịnh Khải thì biết. Khi bọn Nguyễn Trang đến nộp đầu Trịnh Khải, Nguyễn Huệ đã nói: “Đáng tiếc cho một hảo nam tử, lúc đầu nếu sớm đầu hàng thì hẳn không mất phú quý, sao lại khổ tử, hủy mạng”. Rồi Nguyễn Huệ cho lấy lễ bực vương tống táng Trịnh Khải⁽³¹⁾. Thật khác hẳn với kẻ hẹp lượng, chỉ muốn băm vằm kẻ địch, đến nỗi kẻ thù chết rồi cũng không tha, cho quật mồ quật mả. Thái độ đối với Trịnh Khải thật là độ lượng của người anh hùng.

Còn lòng kính hiền đãi sĩ của một võ tướng như Nguyễn Huệ thì thật khó ai bì kịp. Điển hình như sự đối xử của Nguyễn Huệ với La Sơn phu tử. Bao lần “mời cụ không ra, lễ cụ không nhận, lộc dưỡng lão cụ cũng từ... Thế mà Quang Trung chỉ ôn tồn kính cẩn, trách nhẹ mà thôi, rồi lại cố mời cụ ra. Lòng mến kẻ hiền lớn mạnh biết chừng nào!”⁽³²⁾.

Với tư cách ấy, Nguyễn Huệ đã tỏ ra một vị tướng tài ba vẹn toàn. Tài ba này đã hơn một lần được chứng tỏ bằng những chiến tích anh dũng của ông. Từ trận đánh úp tại Phú Yên quân Tống Phúc Hiệp (năm 1773) đến trận Đống Đa (1789), gần 20 năm trời vị tướng trẻ tài ba ấy đánh nam dẹp bắc, không hề nếm mùi thất bại. Trong bài hịch gửi đến quan quân và dân hai tỉnh Quảng Ngãi, Qui

Nhơn, ông đã nói: “Nơi nào có ta mang quân đến, nơi đó quân thù bị đánh tan tành”⁽³³⁾.

Trong sử sách không thấy đoạn nào ghi chép sự thất bại của Nguyễn Huệ. Trong bốn lần vào đánh Gia Định, nơi nào Nguyễn Huệ tới, nơi đó đối phương phải chịu thảm bại. Đại Nam Thực Lục chính biên của triều Nguyễn, vốn có ác cảm với Nguyễn Huệ cũng chỉ có thể viết: “Tháng 12 [năm Giáp thìn (1784)] giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc nghe tin quân giặc cáo cấp, tức thì sai Nguyễn Văn Huệ đem binh thuyền vào cứu Sài Gòn. Huệ đến, đánh vài trận không được, muốn đem quân về. Có tên phản thần là Lê Xuân Giác bày kế cho Huệ đem hết quân mạnh mai phục ở Rạch Gầm và ở sông Soài Mút (Định Tường) rồi, dụ quân Xiêm lại đánh”⁽³⁴⁾. Đó là lần duy nhất Thực Lục nói Nguyễn Huệ không thắng, nhưng cũng không nói là thua.

Đánh Gia Định lần nhất vào mùa xuân Đinh dậu (1777), quân Nguyễn phải chạy dài, đến tháng 9 mùa Thu năm ấy, chúa Nguyễn Duệ Tông bị giết, chỉ một mình Nguyễn Ánh thoát, lên thuyền đậu sông Khoa (Long Xuyên) rồi lẩn tránh.

Đánh Gia Định lần hai vào mùa Xuân (tháng 3) Nhâm dần [1782]. Quân Nguyễn không ngăn được sự tiến quân của Tây Sơn từ biển vào theo lối Cần Giuộc, Nguyễn Ánh phải chạy đến Lữ Phụ [Giồng Lữ] thuộc tỉnh Định Tường, nhặt tàn quân còn khoảng hơn 300 người. Nguyễn Ánh cố gắng vùng lên, đánh bại được quân của tướng Tây Sơn là Đô đốc Nguyễn Học tới đánh; thừa thắng quân Nguyễn phản công Tây Sơn, khí thế lên mạnh. Nhưng khi quân

Nguyễn tới đóng ở Ngã Tư [Tứ kỳ giang] (thuộc tỉnh Gia Định), Nguyễn Huệ đem quân mạnh ập tới, bày trận bồng thủy (quay lưng xuống nước như Hàn Tín) mà đánh, quân Nguyễn thảm bại. Nguyễn Ánh chạy về miền Hậu Giang, tới Hà Tiên rồi ra Phú Quốc, và phải sai Nguyễn Hữu Thụy, Trần Xuân Trạch cùng Cai cơ Cao Phúc Trí sang Xiêm cầu viện⁽³⁵⁾.

Lần thứ ba, cũng vào mùa Xuân (tháng 2) Quý mão [1783], Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Lữ lại vào đánh Gia Định cũng từ cửa Cần Giờ tiến vào... Quân Nguyễn cũng bị bại, Nguyễn Ánh phải chạy về Ba Giồng (Tam Phú, Định Tường), quân không còn đầy một trăm, bầy tôi còn năm, sáu người. Nguyễn Ánh phải chạy về Mỹ Tho rồi cùng mẹ và cung quyến chạy ra Phú Quốc. Lần này Nguyễn Huệ cho quân truy kích, cho phò mã Trương Văn Đa đem thủy quân vây ba vòng Nguyễn Ánh ở đảo Côn Lôn. Nhờ có bão, Nguyễn Ánh thoát vòng vây, qua ở đảo Phú Quốc, rồi sai người mời Bá Đa Lộc đến nhờ đi Pháp cầu viện [tháng 7 Quý mão].

Và lần cuối cùng, vào tháng 12 năm Giáp thìn [1784], Nguyễn Huệ đem quân đánh Gia Định và đại phá hai vạn quân Xiêm cùng 300 chiến thuyền⁽³⁶⁾.

Rồi từ năm Bính ngọ (1786) trở đi, thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ được phát triển, nảy nở toàn vẹn, khiến ông mạnh tiến trên đài danh vọng như điều gặp gió, thoát khỏi quyền kiểm tỏa của anh ông để rồi Nguyễn Nhạc đành phải chấp nhận sự thoái bộ của mình. Rút kinh nghiệm những trận chiến dai dẳng với Nguyễn Ánh, phải ba, bốn lần vào đánh Gia Định, mỗi lần phải ở tới năm, sáu

tháng trời đánh dẹp từ khi đánh Phú Xuân, ông đã phối hợp giữa mặt trận quân sự, chính trị, tâm lý và với lối đánh thần tốc, ông đã thắng những trận lớn một cách nhanh chóng.

Đối với kẻ nội thù, ông đã đánh trận nào thắng trận ấy, từ chiến trường miền Nam ra chiến trường miền Bắc, đánh tan quân Nguyễn và làm sụp đổ hoàn toàn cơ nghiệp họ Trịnh.

Đối với kẻ ngoại thù, ông đã thắng hai vạn quân Xiêm và đại phá 20 vạn quân Thanh⁽³⁷⁾ dù rằng nhà Thanh đã mưu nhờ tới cả quân Xiêm tiếp viện⁽³⁸⁾ để ba mặt cùng đánh.

Con người cái thế anh hùng như Nguyễn Huệ có thể làm nổi những chuyện kinh thiên động địa hơn nữa với mộng đánh Tàu của ông. Nhưng anh hùng mệnh đoản, vào mệnh thu năm Nhâm Tý (1792) ông đã từ trần⁽³⁹⁾.

NGUYỄN HUỆ VỚI LỐI HÀNH BINH VỮ BẢO

Đánh nhanh đánh mạnh, đó là điểm đặc biệt về phép dụng binh của Quang Trung. Nếu Hưng Đạo Vương sở trường về lối đánh “đoàn binh” để chống lối “trường trận” hay Lê Lợi với phép “dĩ dật đãi lao”, chuyên đánh du kích thì Quang Trung trái hẳn, rất sở trường lối đánh “trường trận”. Đó là lối đánh “vận động chiến”, “trận địa chiến”. Đó là lối đánh của một kẻ mạnh đối với kẻ yếu. Quang Trung luôn tỏ ra ở thế mạnh.

Thế mạnh là nhờ ở quân số, hỏa lực, phương tiện và mưu kế (chiến thuật chiến lược).

Trước hết về quân số, Nguyễn Huệ thật có tài huấn

luyện rất mau chóng các tân binh để biến thành các chiến binh có khả năng chiến đấu cao.

Khi ra Bắc đại phá quân Thanh, Nguyễn Huệ đã qua Nghệ An và Thanh Hóa lấy thêm quân lính đến tám vạn người⁽⁴⁰⁾.

Với hơn 10 ngày tuyển binh và kể từ ngày bắt đầu tuyển (ngày 29-11 Mậu thân tới Nghệ An) cho tới ngày ra trận, trong vòng chỉ khoảng một tháng trời, đồng thời lại phải chuyển quân một khoảng đường dài hàng trăm cây số mà lính ấy ra trận đánh giặc lại hay, như vậy thực là ngoài sức tưởng tượng. Giáo sĩ Le Roy đã tả đạo quân Quang Trung gồm cả người già lão, trẻ con trông giống một toán bệnh nhân ốm yếu hơn là một đoàn chiến binh. Ấy thế mà đạo quân khốn khổ ấy lại tàn sát được đạo quân Trung Hoa⁽⁴¹⁾.

Hồi Lê Lợi khởi nghĩa Ngài cũng tuyển đinh tráng ở các xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa. Nhà nào có ba người thì một người làm quân, thuê khóa giao dịch đều miễn trong ba năm⁽⁴²⁾. Sang đời Lê Thánh Tông phép tuyển binh rất rõ ràng chu đáo:

Cứ ba năm thì làm hộ tịch một lần gọi là tiểu điển, sáu năm một lần gọi là đại điển. Sai quan đi các xứ, dùng nội thần và văn võ mỗi hạng hai viên, dựng lập tuyển trường để duyệt dân binh, chia làm các bậc tráng hạng, quân hạng, dân hạng, lão hạng, cố hạng, cùng hạng, nhà nào có ba đinh thì một người bổ vào hạng lính tráng, một người bổ hạng quân và một người bổ hạng dân. Nhà có bốn đinh thì ba người vào bổ hạng dân. Nhà có năm, sáu đinh trở lên thì hai người bổ hạng lính, một người bổ hạng quân để ứng

vụ. Hạng lính thì kể riêng. Hạng lão nhiều và tàn tật thì khai riêng. Những người phiêu lưu trốn biệt thì bỏ ra ngoài sổ. Trưởng thành đến 18 tuổi thì vào sổ. Trước hết tuyển những người cường tráng làm binh lính, rồi đến dân tráng sung vào hạng quân, ở nhà làm ruộng, khi nào có phải người già yếu thì chiếu theo thứ tự lấy bổ sung vào. Cứ mở sổ mà lấy binh, không cần phải đòi bắt mà có đủ ngay⁽⁴³⁾.

Còn Nguyễn Huệ thì việc tuyển binh có phần gắt gao hơn. Trong bức thư đề ngày 13-5-1787, giáo sĩ Longer gửi cho ông Bladin viết: “Người bạn đồng sự trẻ của chúng tôi bắt buộc phải chạy bởi người ta bắt tất cả mọi người phải đi đánh nhau từ 15 tuổi trở lên. Những người già, đàn bà góa, và con gái cũng bắt đi sửa cầu, đường xá”⁽⁴⁴⁾.

Một giáo sĩ khác viết: “Họ [quân Nguyễn Huệ] đã phá hủy ở đây tất cả những ngôi nhà thờ đẹp nhất của chúng ta cùng tất cả những ngôi chùa và bắt các sư tăng cầm khi giới ra trận”⁽⁴⁵⁾.

Việc kiểm soát đi lại rất gắt gao và khoa học nên sự trốn lính rất khó khăn. Giáo sĩ Doussint gửi thư cho ông Blandin ngày 16-6-1788 viết:

“Rất khó đi lại, kẻ nào không có “thẻ” sẽ bị bắt giữ và bị tù: mỗi làng bắt buộc phải dựng lên hai hay ba căn nhà nhận dấu (tay) của người qua lại. Với phương tiện này, họ bắt được tận hết suất đinh”⁽⁴⁶⁾.

Với cách tuyển binh như trên, nên quân của Nguyễn Huệ lúc nào cũng có quân số đông đảo, hàng trăm ngàn người, rất cần thiết để dùng lối đánh vũ bão.

Về hỏa lực, Quang Trung có khí giới lợi hại nhất là ống phun lửa tục gọi là Hổ lửa và lực lượng xung kích lợi hại

nhất là voi trận⁽⁴⁷⁾. Chính Tôn Sĩ Nghị trước khi tiến quân sang đã ban tám điều luật để dẫn dò quân sĩ. Trong đó có nói: “Người Nam đánh trận hay dùng sức voi. Lối đó nội địa (Trung Hoa) không quen, nên hãy gặp phải, ắt phải chạy trước để tránh...”.

“Họ chỉ dùng các “ống phóng” làm lợi khí. Thứ lợi khí ấy cũng gọi là Hổ lửa. Trong khi hai bên giáp nhau, trước hết họ dùng vật ấy đốt cháy quần áo người ta, để cho người ta phải lui...”⁽⁴⁸⁾.

Về loại ống phun lửa từ đời Lê Thái Tổ đã thấy nói đến. Mỗi vệ trang bị ống lửa hạng đại tương quân một cái, hạng lớn mười cái, hạng nhỏ 80 cái⁽⁴⁹⁾. Chắc loại ống phun lửa này còn sơ khai không tân tiến được như loại “hổ lửa” sau này.

Ngoài ra các khí giới khác chắc cũng dùng như khí giới ở thời Lê Trung Hưng như kiếm, kích, giáo, mộc, đao, súng, thuốc đạn. Hoặc như nỏ bắn đá, súng báng gỗ, súng bọc da, tên lửa, thuốc lửa, đạn lửa, thuốc mù⁽⁵⁰⁾.

Về súng, quân đội Quang Trung trang bị các loại súng tay như súng chim⁽⁵¹⁾, súng đại bác.

Các súng đại bác dùng để phòng thủ, hay dùng để tấn công bằng cách cho voi chở như lời Ngụy Nguyên chép trong sách Thánh Vũ Ký: “Giặc [Tây Sơn] đều chở đại bác bằng voi mà xông vào trận”⁽⁵²⁾.

Súng đại bác đã được chúa Nguyễn ở Nam Hà dùng từ lâu và đã nhờ người Bồ Đào Nha lập xưởng đúc súng ở Phú Xuân. Trong một tập du ký viết về Nam Hà vào năm 1749. Ông Le Poivre có cho biết chung quanh phủ chúa Nguyễn có tới 1.200 khẩu đại bác mà phần lớn là súng của

Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. Súng thì không bắn được tới sáu phát và phần lớn đạn không cùng một cỡ⁽⁵³⁾. Mỗi khẩu đội gồm sáu người...⁽⁵⁴⁾ Voi có nhiều ở cao nguyên Trung phần, Tây Sơn cũng như Nguyễn Huệ ở gần đất có voi, nên việc lập tượng binh rất dễ dàng. Các triều đại trước kia cũng phần lớn lấy voi ở miền đất giáp Chiêm Thành để làm voi trận. “Hiến Tông, [Lê] năm Cảnh Thống thứ hai [1499], ra lệnh cho quân dân ở địa phương Quảng Nam,⁽⁵⁵⁾ ai bắt được vào công thì báo cho ba ty khám thực, cứ bắt được một con thì được kể 20 người công đầu và 20 người công phụ mà thưởng cho theo thứ bậc”⁽⁵⁶⁾. Xem thế, việc bắt voi làm voi trận vào thời Lê này còn khó khăn lắm. Thời Trịnh Nguyễn phân tranh, chúa Nguyễn mở rộng bờ cõi về phía nam, gồm các vùng Cao nguyên, nên việc kiếm voi rất dễ dàng. Vì thế, chúa Nguyễn lúc nào cũng có sẵn hàng trăm con voi trận như giáo sĩ Delacourt có nói ít nhất là 400 voi trận (Ar. M. E, Coch 740, tldd). Lực lượng tượng binh của Nguyễn Huệ không rõ cả thấy được bao nhiêu, nhưng cũng phải tới hàng trăm thốt voi trận. Sách Liệt Truyện chép: “Bình đặc thắng được hơn 10 vạn, voi trận mấy trăm thốt”. Vua Quang Trung duyệt binh sĩ ở trên doanh. Vua Quang Trung thân cỡi voi ra doanh trại ủy lạo quân sĩ rồi hạ lệnh tiến phát⁽⁵⁷⁾.

Dùng voi trận rất lợi nhưng cũng rất hại. Vì nếu không khéo, chính voi ấy lại giết quân mình dễ dàng, làm quân mình thua trận mau hơn. Như trận tập kích Bích Khê, quân Tây Sơn la hét, gây tiếng động làm voi quân chúa Nguyễn có tới hơn 40 con sợ hãi, chạy tán loạn, đạp lên quân sĩ chúa Nguyễn chết nhiều hơn là quân Tây Sơn giết⁽⁵⁸⁾.

Thời đó, người ta thấy hầu như Nguyễn Huệ chỉ sử dụng voi trận ở chiến trường miền Trung và Bắc, còn miền Nam thì không. Sử sách không thấy nói tới việc mang voi tới đánh Gia Định, Nguyễn Huệ đều đi bằng đường biển, không tiện mang voi theo, một phần vì voi trận chỉ thích hợp chiến trường miền nhiều rừng núi, chứ không thích hợp với miền nhiều đồng lầy như ở miền Nam.

Nguyễn Huệ ít khi dùng ngựa mà luôn luôn cỡi voi, lúc đưa đám ma vua Lê Hiển Tông cũng cỡi voi, lúc duyệt binh rồi đến khi ra trận cũng vậy.

Vì thích dùng voi, nên Nguyễn Huệ đã tạo ra tượng binh rất lợi hại. Sách Cương Mục chép về Nguyễn Huệ dùng voi đánh quân Thanh: “Hồi trống canh năm sớm hôm sau, Văn Huệ xắn tay áo đứng dậy, đốc thúc bản bộ lừa quân rầm rộ tiến lên. Chính Văn Huệ tự mình đốc chiến, cho hơn trăm con voi khỏe đi trước. Tờ mờ sáng, quân Thanh lừa toán quân kỵ tinh nhuệ ồ ạt tiến. Chợt thấy bầy voi, ngựa quân Thanh đều sợ hãi, hí lên, té chạy, lồng lộn quay về, chà đạp lẫn nhau. Giặc lại lừa voi xông đến, quân Thanh, trong cơn gấp rút, không cứu nhau được, ai nấy rút vào trong đồn lũy để cố thủ. Bốn mặt đồn lũy quân Thanh đều cắm chông sắt, súng và tên bắn ra như mưa. Giặc dùng những bó rơm to lớn để che đỡ mà lần xả vào rồi thấy đều trở sức liều chết mà chiến đấu. Các lũy quân Thanh đồng thời tan vỡ và quân Thanh đều chạy. Giặc đuổi đến đồn Nam Đồng, thừa thắng, ập lại giết chết quân Thanh bị chết bị thương đến quá nửa”⁽⁵⁹⁾.

Voi trận của Nguyễn Huệ thật là một lực lượng xung kích rất lợi hại, chẳng khác nào như lực lượng “xe tăng

thiết giáp” thời nay, khiến cho quân Nguyễn Huệ thêm dũng mãnh.

Nguyễn Huệ rất giỏi về lối dụng binh thần tốc. Binh Pháp xưa cùng dạy kẻ làm tướng phải lấy yếu tố nhanh làm quý. Tôn Tử nói: “...*Việc binh nên rằng thà vụng mà chóng, chứ không nên khéo mà lâu. Việc binh kéo dài mà nước lợi, chưa từng có vậy*”.

Trước hết, Nguyễn Huệ có lối chuyển quân rất nhanh chóng. Trong bức thư của giáo sĩ Labartette đề ngày 23-7-1788, không rõ gửi cho ai, có kể Nguyễn Huệ chuyển quân từ xứ Nam về Phú Xuân chỉ mất 10 ngày trong khi bình thường phải mất tới 20 ngày⁽⁶⁰⁾. Trong một bức thư của giáo sĩ Le Breton, đề ngày 2-8-1788, gửi từ xứ Nghệ đã viết: “*Như thế Nguyễn Huệ đã trở về Phú Xuân vào đầu tháng 7. Ông đã bắt quân phải về gấp rút đến nỗi có nhiều binh sĩ chết vì mệt mỏi và nắng nực. Ngay cả voi ngựa cũng chết*”⁽²⁾.

Lúc ra Thăng Long bắt giết Vũ Văn Nhậm, từ Phú Xuân, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã tự đốc thúc bộ, kỵ binh ngày đêm gấp đường truy đi. Chừng hơn 10 ngày đến Thăng Long.

Trong Nhật ký của Giáo Hội Truyền Giáo Bắc Hà⁽⁶¹⁾ gửi vào cho Hội Truyền Giáo ở Trung ương có thuật lại sức tiến quân vũ bảo của Quang Trung như sau:

“*Ông [Nguyễn Huệ] tiến như vũ bão ra Bắc và chỉ mất có một ngày, không quản đường xa khó nhọc đã giết chết nhiều ngựa voi của ông, trong khi người khác phải mất ba hay bốn ngày*”.

Với khoảng đường dài hơn sáu trăm cây số, thời gian

di chuyển quân chỉ mất 10 ngày; đường xá lại bị núi sông cách trở, việc di chuyển cả một đoàn quân lớn như vậy thật là phi thường. Sức ngựa voi mà còn không chịu nổi phải chết dọc đường hưởng hổ sức người. Về kỹ thuật di hành cho bộ binh, Nguyễn Huệ đã áp dụng nguyên tắc “tập thể di chuyển liên tục ngày đêm, cá nhân luân phiên nghỉ dưỡng sức”.

Nguyễn Huệ đã từng cho quân cứ ba người một tốp, luôn phiên vòng lẫn cho nhau, suốt dọc đường, anh nào cũng phải vòng người và được người vòng. Như thế hết lượt anh này phải đi, lại đến lượt anh khác được nghỉ. Nghỉ đi, đi nghỉ, cứ vòng lẫn mãi cho ra đến mục tiêu. Vì thế, vừa thấy được nhau, vừa khỏi kiệt quân lực. Quân lính đi trước, vài trăm voi trận đi sau⁽⁶²⁾.

Việc chuyển quân nhanh khiến địch quân không ngờ và trở tay không kịp khi bị tấn công.

Theo như nhận xét của một cung nữ vua Lê, sự xuất hiện của Nguyễn Huệ như thần xuất quỷ nhập⁽⁴⁾. Chính bởi chiến thuật của Nguyễn Huệ luôn khai thác yếu tố bất ngờ. Từ việc khai thác sự sợ hãi của Tổng Phúc Hiệp ở Phú Yên, sự không đề phòng và mệt mỏi của quân Phạm Ngô Cầu ở Phú Xuân đến sự lợi dụng ngày tết Nguyên đán, quân Thanh đang mải mê ăn Tết, Nguyễn Huệ đều xuất kỳ bất ý đánh địch không kịp trở tay. Ngay đến việc ra Bắc bắt Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Huệ cũng lợi dụng sự xuất kỳ bất ý, đến Thăng Long còn đêm vào lúc canh tư, đến nơi Nhậm còn đang ngủ, bắt giết Nhậm⁽¹⁾. Trước đó, Nguyễn Huệ đã bỏ Chinh ở lại Bắc Hà, sau khi diệt họ Trịnh, cũng thật đột

ngọt, bất ngờ, xuống thuyền về Nam lúc nào Chỉnh cũng không hay.

Trong cuộc tiến quân ra Bắc đại phá quân Thanh, Nguyễn Huệ đã áp dụng chiến thuật bôn tập xuất phát từ nơi xa cách mục tiêu khoảng hai trăm cây số, Nguyễn Huệ đã cho quân tiến rất nhanh. Trong những trang Nhật ký của Giáo Hội Truyền Giáo Bắc Hà có thuật rõ: Quân Tây Sơn tới xứ Nam vào ngày 24-1 tức ngày mùng 3 Tết, quân của Nguyễn Huệ đã tới Hà Hồi, chỉ cách Thăng Long một ngày rưỡi đường. Ngay sau đó quân của Nguyễn Huệ tấn công liền mấy tiền đồn của Trung Hoa. Quân Trung Hoa bị đánh bất ngờ và không kịp điều động binh lính đi cứu viện vì họ không đề phòng trước.

Tài liệu còn nói rõ: Vào ngày 29-1-1789 tức ngày mùng 4 Tết, quân Trung Hoa đã phản công lại, chống cự kịch liệt, gây thiệt hại nhiều cho binh sĩ Tây Sơn và phá nhiều voi trận. Nguyễn Huệ đã lo ngại. Nhưng Nguyễn Huệ đã đốc thúc, chính nhà vua dẫn đầu, miệng hô xung phong, lúc cỡi voi đến cỡi ngựa, dùng hai thanh gươm, chạy ngang chạy dọc, chém giết nhiều quân Trung Hoa. Sáng ngày 30-1, quân Trung Hoa bị dồn đánh cả bốn mặt, phải chạy về Thăng Long. Lập tức Nguyễn Huệ cho đuổi theo chúng bèn gót, phá được một cửa thành Thăng Long và làm chủ tình hình vào cùng ngày, sau khi rong ruổi đi đánh đuổi quân địch, chạy dài hàng chục cây số. Thật là một cuộc rượt đuổi đầy hào hứng với sức tiến công như nước vỡ bờ. Tới ngày 30-1, rạng ngày 31-1, Điền Châu thái thú phải tự vận cùng khoảng 1.000 người binh lính bị thảm sát.

Vào tới Thăng Long, Quang Trung liền gấp rút tổ

chức ngay cuộc bố phòng đề phòng cuộc phản công của Trung Hoa, bằng cách cho xây trong ba ngày ba đêm liền một thành lũy bằng đất quanh điện vua Lê, dày 20 “piê” (tắc xưa hay bộ) cao 12 “piê” [mỗi piê dài: 0,324m]. Chính giáo sĩ La Mothe phải thốt lên rằng: *“Thật là hiếm những người đáng sợ và quỉ quyết như ông ta”*.

Xem như vậy, sở trường của Nguyễn Huệ là hành động thật mau lẹ và bất ngờ, khó ai sánh kịp. Chính yếu tố này giúp Nguyễn Huệ có lối hành binh vũ bão.

CHÚ THÍCH

(1) Các giáo sĩ không mấy thiện cảm với Tây Sơn không phải vì Tây Sơn gây khó khăn cho họ. Trái lại là đằng khác. Nhưng vì các giáo sĩ thường hay có khuynh hướng thân với chính quyền chính thức, khi Tây Sơn còn chưa nắm cai trị; đến khi Tây Sơn đã nắm quyền thực sự thì họ lại về phe với Giám mục Bá Đa Lộc, người đã ra mặt giúp Nguyễn Anh. Nên họ luôn kêu Tây Sơn là phiến loạn (rebelles), bọn cướp (brigands) bọn trộm (voleurs), còn Nguyễn Nhạc, Quang Trung, Quang Toản kêu là bạo chúa (Tyran) hay tiếm vương (Usurpateur).

(2) Trong bức thư đề ngày 6-1789, gửi cho Blandin, giáo sĩ Le Roy ví Nguyễn Huệ như một Alexandre [Tonkin 692, tr. 112]. Trong nhật ký tường trình của Hội Truyền giáo ở Bắc kỳ về cho Hội Truyền giáo Trung ương Ba Lê gọi Nguyễn Huệ là Tân Attila (một Attila mới) [Archives Nationales F5; A 22, tr. 217].

(3) Archives des Missions Etrangères de Paris, Cochinchine vol. 801, tr. 176.

[Nguyên văn: “Je ne sais quand l’expédition des Français auralieu. Mais je crains que nos français méprisant ces gens-ci et n’ayant pas un juste idéé de la manière dont ils font la guerre,

ne soient pas assez munis de force et n'en deviennent peut-être les victimes].

(4) Trường An: Phủ Trường An thuộc trấn Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

(5) HLNTC, sđd, tr. 252.

(6) ĐNLTCB, sđd, tờ 17b. jk2

(7) Lỗ Giang: khúc sông Hồng Hà thuộc huyện Nam Xang (Xương) phủ Lý Nhân, Sơn Nam Thương Lộ [trấn] [Hà Nam hiện nay].

(8) Núi Tam Tăng: ở huyện Yên Dũng, Bắc Ninh. (Nay là Bắc Giang).

(9) HLNTC, sđd, tr. 245.

(10) HLNTC, sđd, tr. 145.

(11) HLNTC, sđd, tr. 148.

(12) Cương Mục, sđd, tr. 61.

(13) Cương Mục, sđd, tr. 62.

(14) HLNTC, tr. 64.

(15) ĐNCBLT, sđd, tờ 24b.

(16) ĐNCBLT, sđd, tờ 27b.

(17) ĐNCBLT, sđd, tờ 28b.

(18) HLNTC, sđd, tr. 256.

(19) HLNTC, sđd, tr. 256.

(20) ĐNCBLT, sđd, tờ 37a. Trong bài biểu này. Có đoạn viết: "... Ôi đường đường là triều đình thiên tự lại để so hơn thua với nước bé thì ắt là muốn chinh chiến mãi không thôi để cùng khốn binh sĩ lạm dụng vũ lực hầu sướng khoái cái lòng tham lam tàn bạo thì thật lòng đại Hoàng đế không nhẫn? Vạn nhất can qua mãi không dứt, tình thế đến nỗi nào thật không do thần muốn cũng không dám biết đến..." [37a]. Rõ ràng là giọng văn đầy khiêu khích, không khéo về ngoại giao.

(21) ĐNCBLT, sđd, tờ 17b.

(22) ĐNCBLT, sđd, tờ 34b.

(23) Archives Nationales de Paris, F 5, A 22, tr. 267. Đặng Phương Nghi dịch, Sử Địa số 9-10, tr. 224.]

(24) Archives des Missions Étrangères, Cochinchine vol. 801, tr. 177.

[Nguyên văn: "Ils [Tây Sơn] mettent quelquefois sur pied 200, 300.000 hommes. La plupart forcés à la vérité mais tous déterminés la mort. Qui regarde en arrière dans le combat a aussitôt la tête tranchée..."]

(25) ĐNCBLT, sđd, tờ 14a.

(26) BEFEO, 1912, t. XIII n 7, p. 8.

(27) Archives des Missions. Étrangères, Tonkin vol. 692, p. 369. Thư của Girard viết từ Macao gửi cho Boiret đề ngày 25 tháng 11 năm 1792. Đặng Phương Nghi có trích dịch đăng trong Sử Địa số này.

(28) Archives des Mission Étrangères, Coch, vol. 736, p. 361.

(29) HLNTC, sđd, tr. 87.

(30) HLNTC, sđd, tr. 87.

(31) HLNTC, sđd, tr. 87.

(32) Hoàng Xuân Hãn, La Sơn Phu Tử, sđd, tr. 140.

(33) Manifeste de Quang Trung, Roy le la Cour de Cochinchine et du Tonquin à tous les mandarins, soldats et peuples des provinces de Quảng Ngãi et de Qui Nhơn. Archives des Missions Étrangères de Paris, Coch. vol. 746 p. 457. Đặng Phương Nghi dịch và đăng trong Sử Địa số này.

(34) ĐNTLCB, sđd, tr. 57.

(35) ĐNTLCB, sđd, tr. 40-41.

(36) ĐNTLCB, sđd, tr. 46-49.

(37) Theo chính sử triều Nguyễn ghi 20 vạn quân Thanh. Theo tài liệu các giáo sĩ nói con số ấy lớn hơn: Bản nhứt ký của Giáo hội Truyền giáo Bắc Hà gửi cho Giáo hội Truyền giáo Trung ương Ba Lê ghi: 300.000 quân cả thủy lẫn bộ [Sử Địa 9 và 10, tr. 213].

(38) Trong bức thư của giáo sĩ Le Labousse, từ Sài Gòn gửi cho Letondal đề ngày 15 tháng 6 năm 1789, viết: "... Nhà vua ở đây [Nguyễn Ánh] đã bắt gặp một bức thư viết nhân danh Hoàng đế Trung Hoa gửi cho vua nước Xiêm La yêu cầu đến đánh quân Tây Sơn ở mặt phía Nam Hà này. Thật nhục biết bao cho vị Đại Đế phải cầu cứu tới một ông vua nước Xiêm bé nhỏ để tới đánh một kẻ cướp". [Le Roy d'ici a intercepté une lettre écrire au nom de [E]l'empereur de Chinois au Roy de Siam pour lui

dire de venir attapue les T.S. de côté-ci par la Cochinchine. Que le houte pour le Grand Empeteur d'être obligé de demander du secours à un petit roy de Siam pour combattre un voleur]. Ar M.E, C801, p. 256.

(39) Về ngày giờ Quang Trung mất, ông Hoàng Xuân Hãn có viết trong báo: "Đur Luận, Hanoi, 1946, số 28, tr.5" [sau này trích đăng vào phụ lục cuốn La Sơn Phu tử]. Ông Hoàng Xuân Hãn đã dẫn chứng rất tường tận để bác ngày chết là ngày 29 tháng 9 Nhâm tý (13-12-1792) mà chính quyền Việt Nam hồi đó đã tổ chức kỷ niệm trọng thể vào ngày ấy. Theo ông, Quang Trung mất vào ngày 29 tháng 7 Nhâm tý, nhưng ngày dương lịch lại là ngày 16-9-1792 thay vì ngày 15-9. Vì ông cho vua Quang Trung chết vào giờ dạ tý (khoảng 11 giờ, 12 giờ khuya) bởi căn cứ vào Dã Sử nhật ký rất đáng tin cậy là chép vào tháng 8 âm lịch, [giờ tý có thể tính thuộc này 29 tháng 7 hoặc ngày 1 tháng 8 âm lịch, vì tháng 7 ngày thiếu]. Nay tôi thấy trong bức thư đề ngày 4-9-1801. Giám mục Longer gửi cho ông Boiret và Descourvières có viết rõ ngày tháng chết của Quang Trung như sau: "...Ông đâu phải không biết rằng bạo chúa Quang Trung, cha Cảnh Thịnh, mất vào ngày 15 tháng 9-1792, đã sử dụng binh đội của anh ông là bạo chúa Thái Đức để đánh lại ông này và lấy lại hầu hết tất cả những nơi ông này chiếm cứ, chỉ còn để lại ba hay bốn trấn, trừ Qui Nhơn ra, đều ít quan trọng, mà rồi Thái Đức lại phải nhường lại tất cả những phần còn lại cho cháu ông là Cảnh Thịnh, đã đòi hỏi như thế trước khi gửi binh đội đến giải vây cho thành Qui Phủ (Qui Nhơn) khi đó (1793), đang bị chúa Nguyễn vây".

[Nguyên văn: Vous n'ignorez pas que le Tyran Quang Trung père de Cảnh Thịnh, mort le 14 Sept. 1792, s'était servi des troupes de son frère, le Tyran Thái Đức pour le combattre et lui enlever presque tout ce qu'il avait occupé, ne lui laissant que 3, 4 provinces peu considérables, à l'exception de Qui Nhơn et encore, el fallu que Thái Đức Cédât ce qui lui restait à son neveu Cảnh Thịnh qui exigeait cette co dition avant d'envoyer des troupes fare lever le siège de la forteresse de Qui Phủ

assiégée alors (en 1793) par Chúa Nguyễn. AR M.E. Tonkin vol. 693, p 512]

Trong một bức thư khác, ông Longer từ Macao gửi cho Blandin đề ngày 10-2-1793 có viết: “Ông La Mothe cũng báo cho tôi biết rằng cái chết của Tiếm vương Quang Trung được giữ bí mật gần hai tháng trời [Ar. M.E. Tonkin 692, tr 415. Đặng Phương Nghi có trích dịch trong số này]. Điều này khiến ta không lấy làm lạ tại sao Liệt Truyện cũng như Đại Thanh Thực Lục chép ngày chết chậm hai tháng ngày 19 tháng 9 âm lịch. Vậy ngày chết Quang Trung là ngày 29 tháng bảy Nhâm Tý tức 15-9-1792.

(40) Cương Mục, sđd, tr. 61.

(41) Thư Le Roy viết cho Blandin hồi tháng 6-1789 [Đặng Phương Nghi có trích dịch trong Sử Địa số này]: “[Nguyên văn: Son armée [quân Quang Trung] avai plus l’air d’un détachement d’hôpital que de guerriers N’inporte! Les pauvres so’da’s ont Manacré le chinous au commencement de l’armée”] [Ar. M.E. Tonkin vol. 692, p 112].

(42) Lịch triều... q. XXXIX – sđd, tr. 16.

(43) Lịch triều... q. XXXIX – sđd, tr. 17.

(44) Ar. M.E. Coch. 726. p 178. Thư của Longer gửi cho Blandin ngày 3-5-1787 [Nguyên văn: “Notre petit collège a été obligé de se dis er ser car on oblige tout le mo de d’aller à la guerre depuis 15 ans et au – dessus. Les vieillards, les femmes veuves et les files sont mêmes oblges de réparert les ponts et les grands chemi...”].

(45) Ar. M.E. Coch. 746, p 178. Thư của La Bartette gửi cho Blandin ngày 25-6-1786. [Nguyên văn: “Ils ont déjà détruit ici toutes nos plus (tr. 178) belles églises, ils détruisent tous les pagodes et obligent tour les borzes à porter les armes et aller à la grerre”].

(46) Ar. M.E. Coch, 745. p. 227. Thư của ông Doussaint gửi cho Blandin, ngày 16-6-1788. [Nguyên văn: Il est tiés difficuld de voyager; qui conque n’a point de “Thẻ” est prisset enprisomé, chaque village est obligé de fairc 2 ou 3 maisons pour recevcir

les marques des passants. Par ce moyen. Ils ont enlevé tout peuple “tận suất”...].

(47) Voi trận phải huấn luyện rất công phu. Phải tập voi chiến đấu, phải cho voi quen đi không sợ lửa, không sợ tiếng súng lớn. Phải dùng tới hai quân tượng. Khi voi gần địch quân, một trong những người điều khiển voi lấy que (dài chừng hai sải (brasse), to khoảng 10 – 12 phân) chọc vào vòi khiến voi dùng vòi quật ngã tất cả những gì gặp phải khi đi qua, những người cỡi trên voi đều mặc một loại áo giáp bắn không thủng.

(48) HLNTC, sđd, tr. 236.

(49) Lịch Triều... sđd, tr. 25.

(50) Lịch Triều... sđd, tr. 25.

(51) Súng chim hay súng điều thương được sử dụng vào thời kỳ này. Trong thời kỳ đánh nhau với Nguyễn Huệ, Thực Lục ghi: “Vua ra trận giỏi dùng súng chim. Mỗi khi đánh nhau với giặc, hễ bắn là trúng...” [Thực Lục, sđd, tr. 40]. Năm tân hợi [1791] vào tháng 2, Nguyễn Ánh gửi mua ở Bồ Đào Nha một vạn cây súng chim, 2.000 cỗ súng gang, mỗi cỗ nặng 100 cân, 2.000 viên đạn nổ, đường kính 10 tấc” [Thực Lục, sđd, tr. 137].

(52) Hoàng Xuân Hãn, Việt Thanh Chiến Sử, SĐ số 9 và 10, tr. 6.

(53) Ar. N C21, fol. 173/2.

(54) Ar. N. C11, fol. 40.

(55) Quảng Nam từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 18, là đất từ Hải Vân trở vào gồm có đất Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên bây giờ.

(56) Lịch Triều... q. XXXIX, sđd, tr. 25.

(57) ĐNCBLT, sđd, tờ 32b.

(58) Giáo sĩ Diego de Jumilla kể trong bức thư gửi cho giáo sĩ Jean Salguero về trận tập kích của quân chúa Nguyễn đóng trên sườn núi, trùng hợp với trận Bích Khê [một điểm địa ở huyện Phù Mỹ, Bình Định] mà Liệt Truyện nói tới (sđd, tờ 3b) – B.S.E.I. tập XV, số 1–2, 1940, tr. 78.

(59) Cương Mục, sđd, tr. 62.

(60) Đ.N.C.B.L.T., sđd, tờ 28b.

(61) Sử Địa 9 và 10, tt. 223 – 225 [Archives Nationales de Paris, F5. A 22].

(62) Ngày xuất binh từ Thanh Hóa như thế không phải là đêm trừ tịch như sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí chép.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Archives de Missions Étrangères de Paris

Tonkin vol. 692

Tonkin vol. 693

Cochinchine vol. 746

Cochinchine vol. 801

2) Archives Nationales de Paris - fds. Ar. Marine: C1: (E O), C2 1 (E. O). (Các tư liệu Văn khố trên là những bản chép tay của Đặng Phương Nghi).

3) Lệnh Triều Hiến Chương Loại Chí. Tập IV, Nhà xuất bản Sử Học Hà Nội, 1962.

4) Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, Sơ tập, quyển 30 Nguyễn Tây Liệt - Bản dịch chép tay của Tạ Quang Phát.

5) Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ nhất kỷ. Tập II, Nhà xuất bản Sử Học Hà Nội, 1963.

6) Việt Sử Thông Giám Cương Mục. Tập XX, Nhà xuất bản Sử Học Hà Nội.

7) Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố, Cơ sở xuất bản và Báo chí Tự Do, Saigon, 1958.

8) Bulletin de l'École Française d'Extrême Orient, 1912, Tập XII, n-7.

9) Bulletin de la Société des Études Indochinoises, Tập XV, 1940.

NGUYỄN HUỆ VỚI “CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG”

DÂN ĐÓI KHỔ LÀ NGUYÊN NHÂN THÚC ĐẨY CAO TRÀO CÁCH MẠNG TÂY SƠN

Nguyên nhân nổi dậy có nhiều, nhưng người ta phải chú ý đến tình trạng đói khổ đến cùng cực của dân hai miền Bắc Hà và Nam Hà.

Trước ngày Nguyễn Huệ chiếm Phú Xuân, nạn đói đã hoành hành thường xuyên tại các tỉnh Bắc Hà và Nam Hà Thượng.

Tại vùng Định Cát, Quảng Trị, giáo sĩ Labartette đã viết: *“Nạn đói càng ngày càng gia tăng ở đây. Những nhu yếu phẩm cho đời sống đều quá giá... Từ một năm nay tất cả mọi người chết vì đói khổ và chúng tôi không còn có sự cứu giúp nào ngoài triều đình hay từ Bắc Hà, lại nữa làm chúng tôi phải trả một giá rất đắt. Ngoài đường và trong nhà đâu đâu cũng đầy rẫy những xác chết và không còn ai nghĩ đến việc chôn cất”*⁽¹⁾.

Giáo sĩ Labartette⁽²⁾ cũng cho biết:

“Ở đây có ít nhất một nửa dân vương quốc đã chết bởi chiến tranh chưa chấm dứt cũng bằng do nạn đói đang hoành hành đến cực độ. Người ta đã bán thịt người từ lâu rồi ở ngoài chợ. Tôi nhớ rằng ở năm đầu tiên, tôi đã hân hạnh lâu ý với ông như một sự kiện lạ lùng về cái đong gạo mà người ta gọi là “Cái lương”⁽³⁾ được bán đến mười quan trong khi trước kia người ta bán bốn hay năm tiền. Tuy nhiên, ở năm nay, người ta mua tới 70 quan. Điều đó có vẻ như hơi khó tin. Tuy vậy, đó là hoàn toàn sự thực”.

Trong khoảng từ năm 1774 đến năm 1786 tức năm

Nguyễn Huệ tiến đánh Phú Xuân và Bắc Hà, diệt họ Trịnh, không năm nào, các giáo sĩ không nói đến nạn đói kinh khủng đang hoành hành tại các tỉnh miền Châu Thổ sông Hồng.

Thư của Đức Giám Mục Reydellet gửi cho các vị Giám đốc Chủng viện (Directeurs du Séminaire) đề năm 1774 viết:⁽⁴⁾

“Sự khốn khổ trở nên trầm trọng ở khắp xứ, đầu tiên vụ hạn năm vừa qua làm mất cả cấy lúa, không có cá, không có gặt hái. Tiếp đến là những trận mưa dữ dội, nước lan tràn khắp đồng bằng, những nhà tranh vách đất và bằng tre nửa đe dọa làm sạt nghiệp người ta và những gia súc thì leo lên trên nơi cao, trên những loại róng bắc sà. Chẳng bao lâu người cùng gia súc đều thiếu ăn, người ta không biết xê dịch gì hơn bằng tàu thuyền. Nạn lụt đầu tiên này đã kéo dài một tháng vừa mới bắt đầu sút giảm thì lại vụ lụt thứ hai xảy đến, đáng kể hơn, kinh khủng hơn, vụ lụt này kéo dài 3 tháng...”

Theo giáo sĩ Le Breton trong vụ đói tháng 8, 9, 10 năm 1778, có làng chết đến quá nửa⁽⁵⁾.

Tới cuối tháng 8 năm 1779, đề vỡ đã gây lụt lội nhiều vùng trong ba tỉnh trung châu Bắc Việt⁽⁶⁾.

Trong một cuốn nhật ký⁽⁷⁾ đề ngày 5-1785 đến 6-1786 cho biết: Vào cuối năm 1785, có lụt lạ thường, lại hạn hán kéo dài, sâu bọ đã tàn phá nhiều nơi ngay cả gốc cây lúa mới cấy. Các nhu yếu phẩm tối cần thiết mỗi ngày một tăng giá. Cướp của đốt nhà hoành hành trên bộ cũng như ngoài biển, chính quyền không dám đá động tới chính

những lý do trên đã gây ra nạn đói dữ tợn kéo dài gần ba tháng.

Dân chúng một khi chịu đói khổ triền miên như vậy, làm gì chẳng dễ nổi loạn.

Với tình trạng dễ gây bất mãn ấy, ta không lấy làm ngạc nhiên khi thấy quân đội Tây Sơn có nhiều dân Bắc Hà theo sau khi Nguyễn Huệ mới diệt được họ Trịnh. Trong một cơ đội của Vũ Văn Nhậm ra đánh Nguyễn Hữu Chỉnh cứ có một người lính gốc Nam Hà, trung bình lại có khoảng 30 hay 100 người lính Bắc Hà⁽⁸⁾. Mặc dù theo các giáo sĩ nói rằng việc đi lính này có tính cách bắt buộc. Nhưng nếu xét đến tinh thần chiến đấu quân Tây Sơn lúc nào cũng dũng mãnh, ta phải công nhận có sự đồng tình, hưởng ứng của những người lính gốc Bắc Hà này với Tây Sơn hay với Nguyễn Huệ.

Hồi phong trào Tây Sơn mới phát khởi, bản chất cách mạng thấy hiện rõ ở các hoạt động của quân đội Tây Sơn, mà dĩ nhiên Nguyễn Huệ là một trong những người đã đóng góp và thừa hưởng truyền thống cách mạng ấy. Quân Tây Sơn chia thành toán, mỗi toán chừng 300 đến 600 người. Mỗi toán lại có cờ đào (étandard de soie rouge), biểu hiệu cho Cách mạng. Họ ngang nhiên xuống chợ ban ngày. Họ không gây thiệt hại đến ai, đến tính mạng, tài sản của ai. Trái lại họ muốn có bình đẳng cho nhân dân Nam Hà. Rồi họ vào các nhà giàu, nếu người ta biết tặng cho họ món gì, họ không gây thiệt hại. Nhưng nếu gặp sự chống đối, họ sẽ chiếm những vật quý nhất để đem phân phát cho dân nghèo. Họ tuyên bố họ chiến đấu là vâng theo mệnh Trời...⁽⁹⁾

Một đoàn quân có những hành động táo bạo và theo một lý tưởng như vậy rõ ràng là một quân đội vì đại nghĩa, chống cường quyền, chống bất công. Chính là một quân đội cách mạng mà Nguyễn Huệ cùng anh em Tây Sơn người biết khai thác và lãnh đạo lực lượng cách mạng ấy.

CHÚ THÍCH:

- (1) Arch. M. C. Coch. 800. Thư của Labartette gửi Steiner đề ngày 21-7-1775, p. 1473. [La famine augmente ici de jour en jour. Les choses nécessaires à la vie son hors de prix... Depuis 1 an, tout le monde y meurt de faim et de misère et nous n'avons d'autre secours que ceux qui nous viennent de la cour on du Tonkin, encore nous les fait-on payer bien cher. Tous les chemins et toutes les maisons sont remplis de cadavres et nul qui pense à les enterrer.]
- (2) Arch. M.E.O, Coch. vol. 800. Thư của Labartette gửi cho Steiner ngày 1-8-1777, pp. 1543 - 46. Nguyên văn: Ici pour le moins la 1/2 du royaume a péri tant par la guerre qui n'est point encore terminée que par famine qui a été extrême. On a pendant longtemps vendu de la chair humaine dans les mrchés. Je me rappelle que dans ma 1 année j'eus l'honneur de vous marque comme une lương se vendait à 10 quan, tandis qu'on l'achetait autrefois pour 4 ou 5 tiền. Néanmoins cette année-cy on adiète cette même mesure poour 70 quan. Cela paraitr un peu difficile à croire. Cependant c'est la pure vérité.
- (3) Đơn vị đong thóc gạo.
- (4) Arch. M. E. Tonkin vol. 700. p. 1774. Thư không thấy đề ngày. [Nguyên văn: La misère est devenu grande dans tout le

pais, d'abord la sécheresse fit manquer l'année dernière la plantation des riz, point le poisson, point de récolte. Ensuite sont venues des pluies extraordinaires, les eaux se sont répandues dans tout le plat pais, les maisons contruits en paille, en terre et en bamboux menaçaient ruiner des hommes et des maisons sur des espèces d'écxhaffaux (?). Bientôt les uns et les autres ont manqué de vivre, on ne voiageait plus qu'en bateau. Cette 1 inondation qui a duré un mois commençait à peine à diminuer lorsqu'il en est survenu une seconde, tout plus considérable et plus terrible que la 1, elle a duré trois mois...]. (5) Arch. M.E. Tonkin vol. 700. Thu Breton gửi cho Steiner ngày 19-6-1779, p. 950: [C'est à dire dans le mois d'aoust, Septembre et Octobre, un nombre presque infini da misérables ont péri par le famine. Il y a des villages où il est mort plus de la moitié dans habitants].

(6) Arch. M.E. Tonkin vol. 700. Thu Serard gửi cho Davoust ngày 13-5-1780. p 1016.

(7) Arch. M.E. Tonkin 691. Journal du Tonkin. Mai 1785 à Juin 1786. p. 660 – 2: [Sur la fin de l'année 1785, inondation extraordinaire, très longue sécheresse, ébullition prodigieuse de vers qui ont dévoré en beaucoup d'endroits jusqu'à la racine des riz nouvellement plantés. Alors le prix de cette denrées absolument nécessaire à a vie, n'a fait qu'augmenter de jour en jour. Des armes de brigandes incendières se sont répandus de tous côtés et sur terre, pillant, brulant, assassinant impunément les pauvres habitants dans leurs propres maisons et cela sans que le gouvernement osait leur résister. Enfin ces différentes causes ont produit une cruelle famine qui a duré près de trois mois].

(8) *Sử Địa* 9 và 10 tr. 197.

(9) B.S.E.I. txv No 1 – 2, 1940. p. 74.

NGUYỄN HUỆ VỚI CUỘC CÁCH MẠNG VỀ THỦY QUÂN

Cuộc tương quan giữa Trịnh Nguyễn kéo dài 45 năm (1627 – 72) với bảy lần đánh nhau bất phân thắng bại, đành phải giữ thế phân chia hai miền Nam Bắc kéo dài gần hai thế kỷ. Hai bên đã không có bên nào thắng vì đã áp dụng chiến thuật chiến lược cổ điển.

Cuộc cách mạng chiến lược chiến thuật của quân Tây Sơn cũng như của Nguyễn Huệ đã làm đảo lộn thế phân chia ấy. Cách mạng quân sự quan trọng nhất chính là sự sử dụng “Thủy quân chiến lược”.

Không phải quân Nguyễn hay Trịnh đã không có thủy quân. Theo Alexandre de Rhodes, lực lượng thủy quân chúa Nguyễn có khoảng 200 chiến thuyền (galère), lực lượng thủy quân chúa Trịnh gấp ba lần.

Nhưng lực lượng thủy quân của họ không giữ vai trò tối quan trọng như thủy quân của Tây Sơn.

Trong các cuộc đánh chiếm Gia Định, Phú Xuân cũng như Bắc Hà để diệt hai họ Nguyễn, Trịnh. Nguyễn Huệ luôn tiến đại quân bằng đường thủy. Chính vì thế người ta không lấy làm lạ tại sao Nguyễn Huệ cùng mở “chiến dịch gió mùa”. Trong bốn lần đánh Gia Định, thì ba lần đầu Nguyễn Huệ tiến đánh vào mùa xuân, và lần cuối cùng vào mùa đông nghĩa là cũng vào mùa gió đông bắc, thuận gió cho lực lượng thủy quân. Và khi đánh Phú Xuân và Bắc Hà, Nguyễn Huệ tiến quân vào mùa hạ thuận gió tây nam. Duy chiến dịch đánh quân Thanh, đại quân Nguyễn Huệ tiến bằng đường bộ, một phần chính vì lực lượng tương đối

khá đông, không thể di chuyển bằng thủy quân, một phần vì ngược gió đông bắc vì đây là mùa đông.

Nguyễn Huệ cũng như Tây Sơn chắc đã thấy rõ vai trò quyết định của thủy quân đối với một chiến trường có bờ biển khá dài như bờ biển Việt Nam. Vào thời bấy giờ, đường thủy là phương tiện di chuyển và chuyên chở được nhiều nhất và mau lẹ nhất, rất thích hợp với lối đánh nhanh, đánh mạnh và bất ngờ. Dùng đường thủy lại có thể đánh tập kích sâu vào hậu tuyến địch một cách dễ dàng.

Nếu xưa kia, quân Trịnh cũng dùng đường thủy là cốt yếu tiến đánh thốc vào thành Phú Xuân và hậu tuyến của đối phương thì quân Nguyễn thật khó lòng chống đỡ, và chiếm lũy Trường Dục tất sẽ thành vô dụng mặc dù lực lượng phòng thủ tại Phú Xuân cũng khá hùng hậu, luôn túc trực từ 12 đến 15 ngàn quân và gần 300 chiến thuyền và hơn 400 voi trận⁽¹⁾.

Nguyễn Huệ đã gây dựng được lực lượng thủy quân rất hùng mạnh. Gần 10 năm sau khi Nguyễn Huệ mất, và dù thủy quân này đã bị tiêu hao đi nhiều⁽²⁾ nhưng Chaigneau kẻ đã tham dự trận đại thắng⁽³⁾, tiêu diệt hoàn toàn thủy quân Tây Sơn đã nhận định như sau:

“Trước khi thấy được thủy quân địch, tôi đã coi thường lực lượng này nhưng nay tôi đoan chắc với ông rằng đó là lầm lạc, quân Tây Sơn đã có những chiến hạm trang bị 50 và 60 đại bác”.

Barixzy cùng thuật cho Letondal về lực lượng của hạm đội Tây Sơn do Vũ Văn Dũng chỉ huy. Người ta thấy lực lượng này gồm có 673 chiến hạm đủ cỡ lớn nhỏ. Trong số đó, có những chiến hạm hạng nặng trang bị súng đại bác và

có đoàn thủy thủ nhiều hơn cả những chiến hạm lớn nhất kiểu Tây phương mà quân Nguyễn có⁽⁴⁾.

Lực lượng hạm đội Tây Sơn có tới 9 chiến hạm lớn (vaisseaux) trang bị 60 khẩu đại bác nặng 24 cân anh (livres)⁽⁵⁾ với thủy thủ đoàn 700 người, 5 chiến hạm lớn (vaisseaux) trang bị 50 đại bác nặng 24 cân anh nhưng số thủy thủ đoàn chỉ có 600 người và cũng loại chiến hạm lớn này còn có 40 chiếc trang bị 16 đại bác nặng 12 cân anh và chỉ có 200 thủy thủ.

Về loại chiến thuyền trung bình (galères) hạm đội của Vũ Văn Dũng có tới 93 chiếc, mỗi chiếc chỉ trang bị 1 khẩu đại bác 36 cân anh và 150 thủy thủ. Còn những chiến thuyền không có mang đại bác, hạm đội này cũng còn có 300 xuồng (chaloupes canonnières) và số 50 thủy thủ, 100 chiếc "lugger cochichines" với 70 thủy thủ.

Ngoài ra Tây Sơn còn có rất nhiều những thuyền vận tải. Nguyên trận đánh Qui Nhơn kết thúc 16 tháng giêng âm lịch, năm Cảnh Hưng 61, Tây Sơn đã mất tới 1.800 thuyền buồm⁽⁶⁾.

Về kỹ thuật đóng tàu người ta không rõ Nguyễn Huệ có dùng kỹ thuật đóng tàu Tây phương hay không. Người ta chỉ biết rằng Nguyễn Huệ từng bắt các thủy thủ trên tàu Tây phương xung vào đội ngũ để đi đánh trận. Giáo sĩ Labartette có thuật với Descouvières trong bức thư ngày 1-8-1786: "*Tây Sơn đã bắt giữ chiếc tàu từ Macao tới lấy tất cả những gì ở dưới tàu. Họ đã phá chiếc tàu để bắc cầu. Họ bắt viên thuyền trưởng theo người ta nói rất hiền lành cùng ba sĩ quan trên chiếc tàu. Họ đã giết tức thì những người này*

và các thủy thủ được đem phân tán trên các chiến thuyền của Bạo chúa để đi đánh nhau”.

Trong bức thư đề năm 1787 [không rõ ngày], giáo sĩ Longer viết cho Blandin rõ hơn:

“Tôi quên nói với ông rằng quân (Tây Sơn) đã chìm chết một người thuyền trưởng Bồ Đào Nha và anh (em) ông này sau khi đã trói “gỗ” những người này đầu lửng với nhau. Họ cũng đã giết hai người khác trong thủy thủ đoàn, cùng đốt tàu đang đậu ở bến và buộc những thủy thủ còn lại xung vào lính của họ”.

Trong khi ấy, Nguyễn Ánh ở Gia Định đã dùng tàu Tây phương trang bị cho thủy quân của ông và đồng thời chính Nguyễn Ánh đã cho đóng tàu theo kiểu Tây phương. Nguyễn Ánh đã mua chiếc tàu Tây phương cũ rồi đem tháo ra từng mảnh để thí nghiệm ráp lại giống như kiểu cũ và đẹp hơn trước. Sau thành công đó Nguyễn Ánh đã cho đóng thêm chiếc khác. Những chiếc hạm này trang bị từ 26 đến 36 đại bác và khoảng hơn 300 thủy thủ cho mỗi chiếc.

Nguyễn Ánh đã chú tâm rất nhiều đến việc phát triển thủy quân. Vì hơn ai hết, ông là người đã hiểu rõ vai trò chiến lược của thủy quân qua kinh nghiệm thất bại liên miên đối với quân Tây Sơn. Lực lượng thủy quân của Nguyễn Ánh sau trở thành rất hùng hậu, đã giúp ông mở những chiến dịch gió mùa mà trước đây quân Tây Sơn đã từng làm và cuối cùng ông đã tiêu diệt được nhà Tây Sơn. Người ta cũng biết thêm Nguyễn Huệ không những có những chính sách cải cách táo bạo mà ông thật là người có tinh thần “khai phóng”. Chính Nguyễn Huệ đã từng gửi sứ giả sang Ma Cao để thương lượng người Tây phương đến

buôn bán⁽⁷⁾ và Nguyễn Huệ đã dành nhiều dễ dãi cho các giáo sĩ Tây phương. Do vậy người ta có thể tin rằng Nguyễn Huệ không thể nào không để ý đến kỹ thuật đóng tàu của Tây phương, vốn đã nhiều tiến bộ vào thời bấy giờ. Dù sao với lực lượng thủy quân hùng hậu đáng sợ như trên, kỹ thuật đóng cũng như sự thiết lập thủy quân Tây Sơn quả là cuộc cách mạng quân sự lớn lao vào thời đó.

Trong lực lượng thủy quân của Nguyễn Huệ liệu có những loại chiến thuyền nào?

Trong Thực Lục, người ta thấy có nhắc tới các loại thuyền chiến lớn (đại hiệu), thuyền đi biển, thuyền sai⁽⁸⁾.

Trước Tây Sơn, người ta không có tài liệu nói về những chiến thuyền khổng lồ.

Phải chăng vào thời Nguyễn Huệ mới có loại chiến thuyền khổng lồ (vaisseau) trang bị tới 60 khẩu đại bác, chở tới 700 thủy thủ?

Những chiến thuyền (galères) của chúa Nguyễn vào cuối thế kỷ 17 theo Vachet có chiều dài, chiều cao như chiến thuyền Tây phương thời bấy giờ nhưng không rộng bằng. Nhưng cách kiến trúc có khác. Mỗi chiến thuyền có chừng 60 mái chèo, mỗi bên 30 mái. Mỗi chiến thuyền trang bị hơn ba khẩu đại bác ở mũi thuyền và hai khẩu nhỏ hơn ở bên cạnh.

Theo tập Du Ký của P. Poivre cho biết ông đã thấy những chiến thuyền của chúa Nguyễn trong những xưởng đóng tàu dọc theo sông Hương, chúa Nguyễn có khoảng 400 chiến thuyền đủ cỡ, và chiến thuyền lớn nhất có chiều dài từ 90 đến 100 bộ (pieds) và 7 hay 8 bộ về chiều cao.

Ông còn kể thêm những chiến thuyền chỉ cao trên

mực nước khoảng 2 bộ rưỡi, số người chèo thuyền có thể từ 40 đến 60 người. Và về phía trước chiến thuyền có buồng nhỏ (cabinet) có chiều cao hay bề rộng chừng 7 – 8 bộ, có bốn cửa (thuộc loại cửa lùa). Loại tàu này chạy rất tốt và chịu đựng với gió, và có trọng tải từ 100 đến 150 tấn⁽⁹⁾.

Những loại chiến thuyền có trước thời Tây Sơn không bao lâu, đã được các giáo sĩ tả lại rất rõ. Thời Tây Sơn, sự trang bị súng ống cũng như sức chuyên chở lớn lao của các chiến thuyền Tây Sơn đã làm ngạc nhiên các giáo sĩ. Điều này chứng minh kỹ thuật đóng chiến thuyền thời Tây Sơn có sự cải tiến lớn lao, nếu không nói là phi thường.

Như thế, vai trò quan trọng về chiến lược của thủy quân cùng sự trang bị ghê gớm của thủy quân đời Nguyễn Huệ đã tạo ra một cuộc cách mạng về thủy quân nước ta vậy.

CHÚ THÍCH

(1) Arch. M.E. Coch. vol. 743. Mémoire touchant la Cochinchine. p. 298 – 99: “Le Roi entretenait toujours aux environs de son palais 12 à 15 mille hommes pour sa sureté et son service et près de 300 galères fort propres. Elles servaient en temps de guerre pour le transport des soldats et en temps de paix le Roi s’en servait pour voyage. Outre cela, la Roi nourrissait plus de 400 éléphants”.

(2) Hoặc do gặp bão đánh chìm mất nhiều như vào năm Quý Sửu (1793), Thực Lục đã chép (tr. 165), hoặc do Nguyễn Ánh tiêu diệt như năm 1793, trong trận đánh gần Qui Nhơn (Thực Lục trang 175) nhất vào năm 1797 tại Qui Nhơn, theo Giám mục Bá Đa Lộc viết trong thư gửi cho Boiret ngày 30-5-1798

[Coch. 746, p. 703] cho biết Tây Sơn thiết tới hơn 100 vừa chiến hạm lớn (vaisseaux) vừa chiến thuyền cỡ trung bình (galère) và ghe sai.

(3) Arch. M.E. v. 801. Thư của J.B. Chaigneau gửi cho Barixy ngày 2-3-1801, p. 857 [Auparavant d'avoir vu la marine ennemie je la méprisais mais je t'assure que c'était à tort, ils avaient des vaisseaux qui avaient 50 et 60 gros canons.]

(4) B.E.F.E.O. 19912, XII, n 7. Thư của Barizy gửi Marquini và Letondal ngày 16-7-1804, p. 48 nói về lực lượng hạm đội Tây Sơn. Thư của Le Labouse gửi "Directeurs de Séminaires de Paris" ngày 24-4-1800. p. 48 nói về lực lượng thủy quân của Nguyễn Anh chỉ có một số chiến hạm được đóng theo kiểu Tây phương trang bị không tới 50 khẩu đại bác. Loại chiến hạm vào bậc lớn nhất được đóng ở Âu châu như chiếc Long Phi do Chaigneau chỉ huy cũng chỉ trang bị 32 khẩu đại bác, chiếc Bằng Phi do Forcans 26 khẩu. Phụng Phi do Vannier 26 khẩu, thủy thủ đoàn chỉ chừng gần 300 người mà thôi.

(5) Cân anh (livres): 1 live là 489gr 5

(6) Arch. M.E. C 801. Thư của Barizi gửi Letondal ngày 11-4-1801 p. 872. ["ils ont perdu au moins 50.000 hommes, toute leur marine qui était formidable, toutes leurs transports au nombre de 1.800 voiles, 6000 pièces de canon de toute grandeur"...].

(7) Arch. M.E. Tonkin vol. 692. Thư Girard gửi cho Boiret ngày 25-11-1792. tr. 369.

(8) Đ.N.T.L.C.B.. sđd, p. 158-159. Thuyền sai: thuyền để sai phái, thuyền nhẹ.

(9) Arch. Nationales de Paris, C12. P. Poivre, Journal d'un voyage à la Cochinchine le 29-8-1749 au 11-2-1759, fol 72, 73.

NGUYỄN HUỆ VỚI CHIẾN TRANH TÂM LÝ

Nguyễn Huệ cũng như quân Tây Sơn rất chú trọng đến mặt trận “chiến tranh tâm lý”, luôn quan tâm đến việc tuyên truyền để nâng cao thanh thế.

Tây Sơn đã tung ra hàng ngàn câu chuyện bịa đặt những điềm mộng, điềm trời để chứng minh sứ mạng của họ⁽¹⁾.

Đến khi Nguyễn Huệ ra đánh họ Trịnh, quân của Nguyễn Huệ đã viết lên cờ bốn chữ: “DIỆT TRỊNH PHÙ LÊ”.

Đồng thời lấy lòng dân, Nguyễn Huệ đã thả tay trừng trị những bọn cướp hay quân lính làm bậy bằng những biện pháp để xúc động tâm lý quần chúng chú ý tới⁽²⁾.

Đến khi đánh quân Thanh ở Hà Nội, nửa đêm mùng 3 tháng giêng, quân Nguyễn Huệ bí mật vây kín Hà Nội, dùng ống loa truyền lệnh, quân sĩ dạ lên nghe như gần mấy muôn binh. Trong đồn run sợ, không đánh mà tự vỡ tan⁽³⁾. Chính Nguyễn Huệ khi ra trận luôn luôn hô xung phong⁽⁴⁾. Đó chính là những kỹ thuật khai thác về tâm lý để giữ vững và làm tăng tinh thần quân sĩ và làm nhụt tinh thần địch quân.

Trước khi hành động, Nguyễn Huệ luôn sửa soạn tinh thần bằng những hình thức tác động tinh thần quần dân. Như hồi ở Nghệ An kén lính mới, trước khi kéo quân ra Bắc phá quân Thanh, Nguyễn Huệ đã tự ra trước dinh, truyền lệnh quân sĩ hết thầy ngồi xuống rồi đứng nói để khích động lòng ái quốc của quân sĩ:

“Người Tàu không phải nòi giống nước ta, bụng họ ắt

là khác hẳn. Từ đời nhà Hán đến nay họ đã mấy phen chiếm cướp đất cát, giết hại nhân dân, vợ vét của cải của ta. Người nước ta không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Trong đời Hán có Trưng Nữ Vương, trong đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành. Trong đời Nguyễn có Trần Hưng Đạo, trong đời Minh có đức Thái Tổ Hoàng đế nhà Lê, các ngài không nở ngồi mà nhìn chúng làm tàn bạo phải theo lòng người mà dấy quân nghĩa, chỉ đánh một trận liền thắng được chúng về Tàu”⁽⁵⁾.

Trước khi Nguyễn Huệ định cử đại binh vào đánh Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ đã gửi tờ hịch⁽⁶⁾ cho quân dân hai trấn Quảng Ngãi và Qui Nhơn, là dân đã đóng góp việc tạo dựng nhà Tây Sơn đang bị giao động mạnh vì những cuộc tấn công mới của Nguyễn Ánh. Những lời lẽ khích động quần chúng vừa khơi dậy lòng tự ái dân hai trấn vừa tỏ chí cương quyết của nhà vua thật có tác dụng tác động tinh thần mạnh mẽ.

Nội dung bài chiếu⁽⁷⁾ lên ngôi của Nguyễn Huệ cũng thật có giá trị sâu sắc về phương diện chiến tranh tâm lý. Để làm yên lòng dân về vấn đề chính thống, bài chiếu đã trình bày hết về cái lẽ thay ngôi đổi họ từ Đinh, Lê, Lý, Trần mà vận kỳ suy phế, hưng thịnh, dài ngắn thật là do trời ban cho. Bài chiếu cũng lược qua về tình trạng nhà Lê mất quyền bính, họ Trịnh và Nguyễn tương tranh, nhân dân rơi vào vòng đồ thần rồi đến công việc xây dựng lại cơ đồ nhà Lê mà vua Lê Chiêu Thống không biết giữ nước.

Để lấy lòng dân, bài chiếu đã công bố những biện pháp rất khoan dung như tha thuế má hoàn toàn, xá tội nhân,

tôn trọng tục lệ địa phương, khoan hồng để dãi cho quan quân nhà Lê.

*

Những chiến tích về vang cũng như tài tổ chức quân sự, lối hành binh độc đáo và sự cách mạng về chiến thuật chiến lược đã chứng tỏ thiên tài quân sự hay tài dùng binh của Nguyễn Huệ, khiến Nguyễn Huệ trở thành một con người đáng sợ cho mọi đối thủ của ông dù nội thù hay ngoại thù và đã được sự khâm phục của mọi người. Sự nghiệp của Nguyễn Huệ có thể còn tiến xa hơn nữa, phi thường hơn nữa, nhưng người anh hùng này đã “đoán mệnh”. Cái chết của Nguyễn Huệ đã ảnh hưởng trực tiếp rất lớn đối với tình hình Việt Nam lúc bấy giờ. Giáo sĩ Lelabousse nhận định rằng: *“Tin Nguyễn Huệ chết này đối với Nguyễn Ánh có giá trị hơn chiến thắng mà Nguyễn Ánh vừa mới gặt hái được bởi người em thứ này là một đối thủ mạnh, mưu lược và rất đáng sợ. Ông đã chết vào đầu tháng 9-1792, trong khi ông đang sửa soạn một binh đội”*.

Thực ra, tình hình đã có lợi cho Nguyễn Ánh ngay khi Nguyễn Huệ còn sống vì có sự hiềm khích giữa Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc. Cứ theo các giáo sĩ thì Nguyễn Huệ đã gây ra sự hiềm khích này. Trong bức thư của Doussain gửi cho Blandin đề ngày 6-6-1787 viết: “Nguyễn Huệ tự xưng Đức Chúa với tất cả dân chúng. Nhạc biết tin này đã khiến ông ta bất bình, đã đe dọa em ông, Nguyễn Huệ đã cất một đạo quân 60 ngàn người và đến đánh Nhạc ở Qui phủ. Hai anh em đã đánh nhau hai lần mà người ta nói Đức Chúa mất đi một nửa lực lượng”.

Nguyễn Huệ như thế không phải là không có sở đoán vậy.

CHÚ THÍCH:

(1) Arch. M.E. Coch. 746. Thư của Grillet không rõ tên người nhận, p. 405 – 406. (2) Arch. M.E. Tonkin voil. 708. Thư của Le Roy gửi Giám mục Véren ngày 6-10-1786.

(3) ĐNCBCT, sđd, tờ 34a.

(4) Sử địa số 9 và 10 tr. 224 (Archives Nationales de Paris F.5; A 22)

(5) Hoàng Lê sđd., tr. 254–55.

(6) Manifeste de Quang Trung đã đăng tải ở Nouvelles lettres Edifiantes des Missions de la Chine et des Indes Orientales, Paris, A. Leclerc, 1818 pp. 225 – 228 và trong “Relation sur le Tonkin et la Cochinchine” (1807), Paris Champion, 1920, và dịch đăng ở Sử địa số 13, tr. 175.

(7) Quang Trung Hoàng đế tức vị chiếu, Nam Phong tạp chí số 111, phụ trương phần Hán văn 1926, dịch đăng ở Sử Địa số 13, trang 127.....

việt thanh chiến sử

hoàng xuân hãn

Cuộc Việt Thanh giao chiến cách nay chưa lâu, nhưng những tài liệu thư tịch liên quan đến không thấy mấy.

Ban đầu, những sử gia Việt viết chuyện Tây Sơn chỉ biết những tài liệu Việt: hoặc chính sử như Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện hoặc ngoại sử như Lê Quý kỷ sự, Hoàng Lê nhất thống chí.

Nhưng xét sử mọi cuộc chiến tranh, còn có phần chắc tìm được tài liệu ở đối phương. Mà sự ấy rất cần, vì kẻ biên chép ở phe nào thường bênh vực phe ấy. Chỉ theo một bên thì hay trở nên tây vị. Trong cuộc Việt Thanh giao chiến, Quang Trung đã lập một vũ công đặc biệt, mà mọi sử sách ta, tuy là do những kẻ phò kẻ nội địch là Nguyễn Ánh viết nên, đều ca ngợi. Nhưng giá như không có tài liệu do

người Thanh hoặc kẻ bàng quan khẳng nhận, thì độc giả ngày nay có lý để nghi ngờ. Vì những lẽ ấy, ta nên và cần tìm những sử liệu đời Thanh liên quan với cuộc chiến tranh ấy.

Tôi từng nghĩ rằng những sử liệu ấy chắc có nhiều. Trong khi thu thập tài liệu về Quang Trung, tôi đã để ý đến bộ sách khổng lồ là Đại Thanh Thật lục⁽¹⁾ và một bộ sử chép riêng về việc binh nhà Thanh, là Thánh vũ ký. Tôi đã từng nhắc qua đến các tài liệu ấy trong bài *Ngày giờ Quang Trung mất* đăng trong báo *Dư Luận* ở Hà Nội 1946, số 28 và trích in lại trong sách *La Sơn Phu Tử* trang 156.

Sự thật là: cho đến ngày nay, tài liệu Trung còn ít. Ngoài hai nguồn nói trên, có tác phẩm đặc biệt mà sử gia Trần Văn Giáp năm 1954 đã thấy ở *Quốc Lập Đồ thư quán* ở Bắc Kinh; ấy là sách *Quân doanh kỷ lược*, bút ký của viên bí thư của Tôn Sĩ Nghị, sách viết tay gồm ba quyển (Theo *Văn Tân* dẫn trong *Cách mạng Tây Sơn* xuất bản tại Hà Nội năm 1958). Tác giả tên là Trần Nguyên Nhiếp.

Gần đây các sử gia tại Hà Nội đã khai thác nhiều hai sách *Quân doanh kỷ lược* và *Thánh vũ ký* trong những sách kể chuyện Tây Sơn (*Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ* soạn bởi Nguyễn Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng, Hà Nội 1966; Văn Tân ngoài sách đã dẫn trên mới soạn *Nguyễn Huệ con người và sự nghiệp*, Hà Nội 1967).

Giá trị độc đáo của *Quân doanh kỷ lược* thì không cần bàn, nhất là hình như bản viết còn lại có tự đời Càn Long. Còn giá trị của *Thánh vũ ký* ra sao thì hai tác giả sách *Tìm*

hiếu... vừa dẫn trên, là kẻ đã dùng nó nhiều, không bàn đến trong tác phẩm của các ông ấy.

Sau đây sẽ phiên dịch hoàn toàn bài *Càn Long chinh vũ An Nam kí*, một thiên nhỏ trong số 55 thiên của sách *Thánh vũ kí*. Tôi cũng sẽ giới thiệu qua tác giả Ngụy Nguyên, và thử đánh giá về phương diện sử học cái thiên tôi sẽ dịch.

*

Ngụy Nguyên, tự Mặc Thâm, người huyện Thiệu Dương tỉnh Hồ Nam. Sinh năm 1794. Đậu tiến sĩ, làm quan đến chức tri châu Cao Bưu thuộc tỉnh Giang Tô, sách *Từ Nguyên* chép như trên và cho biết thêm rằng thuộc nhiều chuyện xưa, rất lưu tâm đến thời sự. Có soạn những sách *Hải quốc đồ chí* và *Thánh vũ kí*⁽²⁾.

Trong bài tựa sách cuối này, Ngụy Nguyên tự giới thiệu và trở qua lai lịch sự soạn sách ấy:

“Ở phía nam miền Kinh Sở (tỉnh Hồ Nam), có tên dân đã chứa chất nhiều ơn. Sinh một năm trước lúc Càn Long đánh rợ Miên ở vùng Sở (năm Càn Long thứ 60, 1795, theo quyển 7 trang 44). Trung Canh (lên 15 tuổi?) vào năm Gia Khánh đánh Giáo phi và giặc bể. Đến năm Gia Khánh thứ 18 (1813), là năm dẹp yên giặc ở Kỳ Phụ mới đi thi ở kinh sư. Lại đến năm Đạo Quang đánh dân Hồi ở Tân Cương (Đạo Quang thứ 5, 1825, theo quyển 4, trang 48), mới bắt đầu làm quan ở kinh sư.

“Kinh sư là cái bể chuyện xưa. Tôi được mượn đọc những sách công ở Sử quán và Bí các, các sách của đại sĩ phu tư gia biên chép cùng các truyền thuyết của các cố lão

nữa. Nhờ đó, một số việc lớn xảy ra sau năm tôi sinh, và vài mươi việc lớn có từ trước khi tôi sinh ngược lên cho đến ban đầu nước (nhà Thanh), thấy lối lạc trước tai mắt, nghe mệnh mông trong ngực bụng. Suy trở lại đến thịnh suy của sức dân, sức vật, đến đầu đuôi tiến thoái thêm bớt của nhân tài, phong tục.

“Mãi về sau, khi tôi ở miền Giang Hoài (trở châu Dương, châu Cao Biêu là nơi nhậm chức), các việc biến động ở mặt bể dồn dập tới (vụ thủy quân Anh uy hiếp Trung quốc để nhập cảng thuốc phiện, đánh Thượng Hải, ép ký hòa ước Nam Kinh năm 1842). Tức giận xúc động đến những điều từng trữ trong lòng, bèn đem hết những biên kí từng giấu trong hòm, bày ra thành thứ tự ngang dọc, ruỗi đi quay lại nhiều lần. Trước hết đem ra những biên kí chuyên về việc binh, và những thiên chép điều từng bàn luận, sắp thành 14 quyển, cộng hơn 40 vạn chữ...”

Trên đây là lời tựa Ngụy Nguyên viết năm Đạo Quang thứ 22 (1842) tại Giang đô, tức Dương Châu trên sông đào Vận Hà ở Giang Tô, nhằm vào năm quốc sỉ mới đầu của cuộc ngoại xâm.

Qua lời trên, ta biết rằng Ngụy Nguyên sinh vào năm 1794, bốn năm sau việc Thanh Việt giao chiến. Năm 32 tuổi mới làm quan ở Bắc Kinh, có lẽ Sử quán, hoặc Bí các. Theo lạc khoản sau bài tựa thì năm 1842, y tự xưng là *Nội các Trung thư xá nhân*. Chắc đó là hàm của những viên tòng sự trung cấp ở Bí các.

Nguyên, tính thích khảo cổ, lòng lo thời sự; lại được làm việc ở giữa “bể chuyện cũ”. Vậy ta không ngạc nhiên biết y sưu tầm thư tịch quan, tư, chép về triều Thanh. Rồi

trữ cất trong hòm mà theo hoạn lộ của một viên quan nhỏ. Ba bốn năm sau, khi đã ngoại nhậm vùng Giang Tô, không xa Nam Kinh, Thượng Hải, thì họa đế quốc thực dân da trắng bắt đầu thực hiện ở bể Đông. Thấy binh lực nước nhà yếu ớt, các vũ tướng vô tài, y bèn phẫn nộ, mới đem những điều ghi chép ra mà soạn thành *Thánh vũ kí* này.

Phàm các chuyện chép trong sách ấy, tác giả không những chỉ ghi các điều tiết, mà còn vạch rõ nguyên nhân, tóm tắt những việc trước liên quan, cuối cùng thường có nghị luận, giải thích lẽ được thua; chỉ trích, phê bình và nói những điều đáng lẽ trước nên làm. Bốn quyển cuối cùng để riêng bàn các chiến lược. Nói tóm lại Ngụy Nguyên là một sử gia biết trọng sự sâu tầm. Nhưng cũng là một nhà phê bình thời sự, có phần khó tránh chủ quan.

Nói riêng về cuộc Việt Thanh giao chiến, thì cái đầu đề *Càn Long chinh vũ An Nam kí* tỏ rõ tính chủ quan của tất cả những sử gia Trung quốc đối với nước ta. Nhưng ta cũng nhận thấy rằng, Ngụy Nguyên đã không bịa những chi tiết ghi trong thời đó. Rõ ràng, y đã nhận sự thất bại nặng nề của quân nước mình, nhưng đã không bỏ cuộc dụng binh này ngoài *Thánh vũ kí*, là sách soạn cốt để tán dương và kích thích lòng tự ái tự cường của quốc dân. Đó chứng rõ tính cách khá bàng quan của tác giả.

Nhưng Ngụy Nguyên cũng không chịu tỏ rõ các chi tiết sự thất bại của người mình. Vì vậy bài kí chép rõ ràng những trận tấn công của quân Thanh trên đường trấn Nam Quan đến Thăng Long, mà trái lại không cho biết những tiểu tiết về trận Nguyễn Huệ phản công, ngoài câu "*Giặc đều chờ đại bác bằng voi mà xông vào trận*", dụng ý

để giải thích sự bại trận của quân Thanh. Hoặc cho rằng Ngụy Nguyên không được biết những tiểu tiết ấy. Tôi nghi rằng y đã từng biết chuyện, nhưng cố ý bỏ qua. Đối với một kẻ sưu tầm việc vũ như Ngụy Nguyên, thì không lẽ một sách như *Quân doanh kỷ lược* của viên bí thư của Tôn Sĩ Nghị và mở hồ sơ khác về Tôn Sĩ Nghị đã lọt ra ngoài con mắt.

Nói tóm lại, đối với cuộc Thanh Việt giao chiến, sách *Thánh vũ kí* đã ghi sự thật, nhưng cũng đã giấu một phần. Tuy không phải là người trực kiến những biến cố xảy ra, những tác giả đã dùng trực tiếp những tài liệu đồng thời với sự kiện.

Lại nói đến nguyên do sự Nguyễn Huệ chiếm đô nhà Lê, thì Ngụy Nguyên theo thuyết rằng Trịnh Nguyễn tranh giành, nên Trịnh mưu với anh em Tây Sơn mà đánh Nguyễn. Sự đồng mưu kia chắc không có, nhưng khi Hoàng Ngũ Phúc iấy xong Phú Xuân, chúa định sai Phan Huy Ích vào Quảng Nam phong cho Nhạc tước Cung quận công (1775 - xem *Chinh phụ ngâm bị khảo* trang 49), sự ấy có thể làm cho kẻ ở xa hiểu lầm.

Những điều ghi về khoảng năm sau Thanh Việt giao chiến đáng được chú ý hơn: chuyện tàu Anh bị nhử vào trong sông “Phú Lương” rồi bị phục kích (trang 52b - trong lời dịch, tôi gọi là phần phụ), và chuyện Tây Sơn dùng quân Tàu Ô cướp vùng Phúc Kiến Quảng Đông.

Về việc đầu, tôi chưa biết có hay không và chỗ xuất xứ. Nhưng tôi nghĩ có lẽ tác giả đã khuyếch trương một sự kiện nhỏ, cuộc xô xát đụng chạm của tàu buôn với tàu tuần

của ta, sự kiện mà người Thanh lấy làm thích thú, vì họ đương bị tàu Anh uy hiếp.

Về chuyện thứ hai thì trong sử nước ta đã từng biên chép vài điểm. Nhưng trong bài này, tôi không theo mục đích so sánh sách *Thánh vũ kí* và các sách khác. Tôi chỉ chú ý giới thiệu mà thôi.

Thiên *Gia Khánh đông nam Tĩnh hải kí* (quyển 8 trang 36) chép khá dài về việc quân Tàu Ô được Tây Sơn cấp bằng, cấp thuyền để quấy miền Mân Việt. Tôi cũng sẽ dịch đoạn đầu thiên ấy để bằng chú thiên kia.

Bản *Thánh vũ kí* tôi dùng mang tựa năm 1842 đã dẫn trên. Nhưng ở mặt sau tờ thứ tư có lời dẫn thêm rằng: “Tập kí này, đang khi mặt bể không yên, người đòi đọc nhiều; cho nên vừa làm vừa cho in, chưa kịp thẩm duyệt tinh tường. Hai năm sau, lại trùng đính ở Tô Châu. Rồi hai năm sau nữa lại trùng đính ở Dương Châu. Làm thành sách *Thánh vũ kí* trùng đính lần thứ ba. Đạo Quang năm thứ 26, 1846, Ngụy Nguyên viết tại lự thứ Dương Châu”. Vậy bản ấy thật là bản 1846, “tân tăng hiệu đối vô ngoa” như nhà tàng bản *Cổ vi đường* đã đề vào bìa sách.

Trung Hoa thư cục ở Thượng Hải đã tái bản bằng thạch bản. Các tác giả Nguyễn Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng đã mách trong số tài liệu dùng, nhưng không chép in vào năm nào. Tùng san *Tiểu Phương hồ địa dư*, có tái bản thiên *Càn Long chinh vũ An Nam kí* nhưng bỏ hai chữ Càn Long và phần phụ chú cuối cùng. Trong tùng thư ấy còn có thiên *Chinh An Nam kỷ lược* (trang 122, quyển 10) tác giả là Sư Phạm người Triệu Châu, có lẽ là bộ hạ của Phú Cương tổng đốc Vân Quý. Thiên này ngắn. Chắc vì

đạo quân Vân Nam không dự trận nào, cho nên tác giả hầu như không biết chi tiết nào về đoàn quân Quảng Tây.

Tuy vậy, Sư Phạm đã cho biết một vài điều thêm, ví như: lai lịch sự Tây Sơn đánh Bắc Hà mà ta thấy chép trong *Thánh vũ kí* là theo lời khai của một tôi nhà Lê chạy sang Vân Nam trả lời hỏi của viên tổng đốc Phú Cương. Lại cho biết rõ tên gia quyến vua Chiêu Thống chạy sang vùng Khai Hóa. Tôi sẽ có dịp nói đến bài kỷ lược này.

Sau đây, là bản dịch nguyên văn thiên *Càn Long chinh vũ An Nam kí*. Tôi đã dịch rất sát từng chữ, có hiệu đính vài chữ sai, nhưng khi nào cũng ghi nguyên văn. Hán văn rất giản tiện, cho nên nấu cần, tôi đã thêm một vài chữ để cho rõ nghĩa. Chữ ấy để trong dấu (...).

Về chú thích, có loại vốn của nguyên văn, tôi dịch và viết (ng. ch.:), nghĩa là nguyên chú là... Còn ngoại chú thì phần lớn cốt để giải thích văn tắt cho độc giả dễ hiểu ý văn. Trong trường hợp ấy, tôi dùng ký hiệu (). Tôi chỉ dùng cước chú trong rất ít trường hợp: có đánh con số làm môi. Cước chú dùng để thêm ý mới. Tôi ít dùng cước chú, trái với các tác giả khác, vì nó buộc độc giả gián đoạn sự đọc nhiều quá.

Khi nào chữa một vài chữ chắc sai trong nguyên văn, thì tôi có ghi sự ấy trong dấu hiệu (ng. v.).

(1) *Đại Thanh Thật lục* được Nhật Bản xuất bản sau khi lập nước Mãn Châu. Bộ sách rất to, in rất đẹp và cẩn thận, nhưng chắc rất ít bản. Trong hồi Nhật quân còn đóng ở Hà Nội, tôi đã đọc một vài đoạn.

(2) Tác phẩm của Ngụy Nguyên chắc còn nhiều. Một thiên nhỏ trong tùng san *Tiểu Phương hồ dư địa*, đề là *Việt*

Nam cương vực khảo và chú: Thiệu Dương Ngự Nguyên lục (trang 88 quyển 10).

CÀN LONG CHINH VŨ AN NAM KÍ

(Bài ghi việc đánh dẹp An Nam đời Càn Long)

Tác giả Ngự Nguyên

Trích từ sách THÁNH VŨ KÍ, quyển thứ sáu, từ trang 45.

DỊCH

* tr. 45/a- Từ đời Minh đến nay, họ Lê nối đời làm vua nước An Nam. Năm Thuận Trị thứ 16 (1660), quân nhà vua (: Thanh) dẹp yên Vân Nam, quốc vương *Lê Duy Đề* (: tên giả của Lê Thần Tông) sai sứ đến quân doanh.

Năm Khang Hi thứ 5 (1666), trả lại sắc, ấn đã nhận của vua Quế Vương nhà Minh bán cho (: vua cuối nhà Minh, niên hiệu Vạn Lịch). Chiếu phong *Duy Hi* (: tên giả Lê Huyền Tông) làm An Nam quốc vương. Bấy giờ *Mạc Nguyên Thanh* (: tên giả của Kính Vự) còn đóng giữ Cao Bằng, cũng được ban chức Đô thống sứ, nhiều lần gây việc đánh quấy.

Năm (Khang Hi) thứ 6 (1667), Lê Duy Hi đánh úp Cao Bằng. Mạc Nguyên Thanh đem ba nghìn người chạy sang Vân Nam. Năm thứ 7 (1668), triều đình đổ họ Lê đem bốn châu thuộc Cao Bằng trả cho Nguyên Thanh (nguyên văn: đem *châu Tử* thuộc Cao Bằng). Năm thứ 13 (1674), Ngô Tam Quế (: tướng Thanh, làm tổng đốc Vân Nam) phản. Duy Hi nhân dịp lại đánh lấy Cao Bằng (thật ra: Lê Hi Tông, Vĩnh Trị thứ 2, 1696). Bấy giờ, đất An Nam hoàn toàn về tay họ Lê.

Từ đó, xin sáu năm hai lễ cống cùng dâng một lúc (xem: *Sử Địa* số 6, trang 5). Truyền sáu đời đến *Duy Đoan* (: tên giả Lê Hiến Tông, xem S.Đ. số 6, trang 143) thì có loạn họ Nguyễn (: Tây Sơn).

Xưa, trong đời Gia Tĩnh, An Nam bị Mạc Đăng Dung cướp ngôi. Quốc vương *Duy Huệ* (: tên giả Lê Trang Tông?) chạy giữ *Thanh Hoa*. Đến đời cháu, *Duy Đàm* (: Lê Hiến Tông) phá Mạc, lấy lại nước. Thật là công của *Trịnh Ưc* (: tên giả Trịnh Kiểm), Nguyễn

* tr. 45/b- Kim; nguyên bỏ trống tên), bày tôi lâu đời làm tả, hữu phụ chính. Sau, hữu phụ chính (: phó phụ chính). Họ Trịnh nhân dịp Nguyễn chết để con cô trẻ, bèn kiêm giữ chức tả phụ chính chuyên quyền coi việc nước; rồi đẩy họ Nguyễn đi ở Thuận Hóa, gọi là Quảng Nam vương. Vì đó mà Nguyễn Trịnh đời đời cừ thù nhau và gây sự đánh nhau.

Đến Lê Duy Đoan, quyền càng rơi xuống kẻ dưới, chỉ giữ doanh phủ mình mà thôi. *Đổng* (: tên giả Trịnh Sum) bèn giết thế tử (: Duy Vĩ, con vua Cảnh Hưng), chiếm ấn vàng, có ý cướp ngôi. Nhưng sợ sức mạnh Quảng Nam, bèn dỗ dỗ tù ở đó là *Nguyễn Nhạc*, *Nguyễn Huệ* cùng nhau đánh diệt Quảng Nam vương ở Phú Xuân. Nguyễn Huệ tự xưng Thái Đức vương (ng. v.). Trịnh Đổng tự xưng Trịnh Tĩnh vương. Hai bên chống nhau. Vua Lê không làm thế nào được.

Chỗ An Nam đóng đô là Đông Kinh, tức trị sở đô hộ đời Đường. Mà lấy hai đạo Quảng Nam và Thuận Hóa làm Tây kinh (ng.v.), tức là đất Nhật Nam và Cửu Chân xưa (ng.v. có lẽ đã lầm Thanh Hoa ra Thuận Hóa), đất cách bởi

cửa bể; đã lâu đời bị họ Nguyễn ở Quảng Nam cắt tách và chiếm đóng, quân mạnh hơn nước An Nam.

Năm Càn Long thứ 51 (1786), Trịnh Đổng chết (ng. v. Trịnh Sum mất năm 1786), con là *Trịnh Tông* (: Khải) và *Trịnh Cán* hằm hè nhau. Cán sai bày tôi, *Cống Chính*, xin đi quân Quảng Nam để diệt Tông. Từ đó, họ Nguyễn (: Tây Sơn) lại chuyển chiếm nước Lê Duy Đoan lấy hai quận (: Thanh Hoa và Nghệ An) thưởng

* tr. 46/a- cho. Lại đem con gái gả cho nữa.

Năm sau, Duy Đoan mất. Tự tôn (: cháu nối ngôi) là Duy Kỳ được lập. Nguyễn Huệ lấy hết voi chở của cải quý báu về Quảng Nam; sai *Cống Chính* ở lại giữ Đô thành. *Cống Chính* lo phò Lê cự Nguyễn, bèn lấy vương mệnh đem quân cướp lại năm mươi voi. Rồi Nguyễn Nhạc ở Quảng Nam cũng đòi choán lấy của chở về.

Nguyễn Huệ sửa soạn thành trì ở lũy Phú Xuân. Rồi sai tướng mình *Nguyễn Nhậm* (: Vũ Văn Nhậm) đem vài vạn quân đánh *Cống Chính* ở quốc đô. Chính chết trận. Duy Kỳ bỏ trốn mất. Nguyễn Nhậm bèn chiếm giữ Đông kinh. Bốn bề giữ nơi hiểm yếu, cũng có chí làm vương.

Năm (Càn Long) thứ 53 (1788), mùa hè, Nguyễn Huệ lại đem binh giết Nguyễn Nhậm ở kinh nhà Lê, rồi mời Duy Kỳ trở lại lên ngôi. Duy Kỳ biết nó khó lường, không dám ra. Huệ biết rằng dân tâm không theo mình, bèn phá cung vua, bắt con trai, con gái, lấy ngọc, lụa đem theo thuyền về Phú Xuân. Để lại ba nghìn quân giữ kinh nhà Lê.

Có viên coi phủ Cao Bằng, *Nguyễn Huy Túc* diu mẹ và vợ tự tôn(1) với hai trăm họ hàng (nhà Lê) qua Cao Bằng,

Xuống thuyền trốn xa, đến khe *Bạc Nậm*, là con sông ranh giới Long Châu thuộc phủ Thái

* tr. 46/b- Bình, liều chết qua sông lên bờ bắc. Ai không kịp qua sông đều bị quân đuổi theo đến bờ nam giết hết.

Tổng đốc Lương Quảng, *Tôn Sĩ Nghị*, tuần vũ Quảng Tây *Tôn Vĩnh Thanh*, trước sau đều tâu việc ấy, và nói: “Đuổi đi hoặc cầm lại, cho đất hay chiếm đất, xin theo mệnh bề trên”. Hoàng thượng nghị rằng: “Họ Lê giữ đất phen giàu và vâng theo lễ cống hơn trăm năm nay. (Ta) không thềm nhân nó nạn mà lấy đất nó làm lợi cho ta. Nên đem quân hỏi tội. Để dấy cái dứt, nối cái dứt, trước hãy để họ hàng nó ở lại phủ Nam Ninh, sai các bồi thần nó, bọn Lê Quýnh, Nguyễn Đình Mai về nước, mật báo cho tự tôn”.

Đất An Nam, phía đông giáp bể, phía tây giáp Lão Qua, phía nam cách Chiêm Thành bằng bể (: đường đi lại), phía bắc liền với Quảng Tây và Vân Nam. Đông tây hơn 700 dặm, nam bắc 2800 dặm. Có 52 phủ, trong số đó, 12 phủ có thổ ti ở. Thật chỉ có 40 phủ mà thôi, gộp lại chia làm 13 đạo. Bấy giờ chưa bị chiếm, còn đạo Thanh Hoa có 4 phủ 15 huyện, đạo Tuyên Quang có 3 châu 1 huyện, đạo Hưng Hóa có 10 châu 2 huyện. Lại có lộ (: đạo) phần cao chưa bị chiếm mà phần dưới đã bị chiếm: đạo Nghệ An còn 4 phủ 12 huyện, đạo Sơn

* tr. 47/a- Tây còn 5 phủ 24 huyện, đạo Kinh Bắc còn 4 phủ 20 huyện, đạo Thái Nguyên còn 3 châu 8 huyện. Những lộ mà phần cao đã bị chiếm mà phần thấp chưa bị chiếm có đạo Sơn Nam còn 9 phủ 36 huyện, đạo Hải

Dương còn 4 phủ 19 huyện. Chỉ hai đạo Quảng Nam và Thuận Hóa vốn là sào huyệt họ Nguyễn (ng. v. không phân biệt rõ ràng hai họ Nguyễn). Và chiếm giữ hai đạo: Cao Bằng (ng. ch: 1 phủ 4 châu), Lạng Sơn (ng. ch: 1 phủ 7 huyện) để ngăn át nội địa.

Vua sai Tôn Sĩ Nghị đưa hịch cho các lộ ở An Nam, bày tỏ sự thuận nghịch, bảo sớm phải quay về đường chính. Bấy giờ em Duy Kỳ là *Duy Lưu*, *Duy Chỉ* đều chạy lánh nạn. Duy Lưu chết ở Tuyên Quang (: Bị Hoàng Văn Đồng phản năm 1788). Duy Chỉ qua xứ *Ba Bồng* thuộc Kinh Bắc tới xin đầu. Tôn Sĩ Nghị thấy Duy Chỉ có tài khí, muốn bảo tạm coi việc nước. Vua lo rằng ngày sau hai anh em sẽ hiềm nghi nhau, cho nên không cho phép. Bèn sai *Sầm Nghi Đống* là thổ quan Điền Châu giúp đưa Duy Chỉ ra cửa quan (: vào An Nam) hiệu triệu nghĩa binh.

Gặp lúc bọn Nguyễn Đình Mai đem thư tự tôn trả lời vừa tới nơi, xin chuyển tâu lên. Từ ấy, các thổ ti nước An Nam và quan dân các châu chưa bị chiếm đua nhau bắt trời nguyệt đảng, hiến địa đồ.

* tr. 47/b- Và lại vài vạn nghĩa dũng thuộc các xứ ở ngoài cửa quan đều xin cấp lương, tập luyện, xin làm hướng đạo.

Bấy giờ, anh em Nguyễn Huệ cũng gõ cửa quan xin cống, đem tờ biểu của thần dân trong nước đến nói rằng: “Lê Duy Kỳ thì không biết còn hay mất, xin lập con vua cũ Duy Đoan là *Ông Hoàng Tư* (ng. v. bằng chữ Nôm) *Duy Cẩn* để coi việc nước; cùng rút mấu nghi về nước”. Vua biết rằng Nguyễn Huệ dối, Duy Kỳ (ng. v. Duy Đoan) ngu

hèn, dễ đem giáo kế để hoãn binh. Bảo Tôn Sĩ Nghị nghiêm lời từ chối.

*

Đường tiến binh sang An Nam có ba: một là ra qua trấn Nam Quan thuộc Quảng Tây, ấy đường chính; hai là bởi Khâm Châu thuộc Quảng Đông qua bể tới núi *Ô Lôi*, đến phủ *Hải Đông* thuộc An Nam; đó là đường thuyền từ đời Đường về trước dùng; ba là bởi thác *Hoa Liên* ở huyện *Mông Tự* thuộc Vân Nam đi bộ tới sông *Thao* thuộc An Nam, ấy là đường *Mộc Thạnh* đời Minh xuất quân.

Tôn Sĩ Nghị và đề đốc *Hứa Thế Hanh* đem một vạn quân *Lưỡng Quảng* ra cửa quan, lấy tám nghìn quân đi thẳng đánh thọc vào kinh đô, và hai nghìn trú lại *Lạng Sơn* để làm thanh viện.

Đề đốc *Vân Nam* *Ô Đại Kinh* đem tám nghìn quân ấy đường qua cửa

* tr. 48/a- *Mã Bạch* thuộc sảnh *Khai Hóa*, vượt sông *Chúc* vào cõi *Giao Chỉ*, đi 1100 dặm sẽ tới trấn *Tuyên Hóa* (: *Tuyên Quang*). So với đường cũ *Mộc Thạnh* đi, thì khá gần hơn.

Tổng đốc *Vân Quý* (: *Vân Nam* và *Quý Châu*) *Phú Cương* cũng xin đi. Vua nghĩ rằng một đạo quân không thể có hai sếp, bèn bảo ở lại ngoài ranh đốc áp việc vận lương.

*

Cuối tháng mười, quân *Lưỡng Quảng* ra khỏi *Nam Quan*.

Vua chiếu rằng: “Xứ *An Nam* sau khi loạn bị yếu mệt, không cung ứng nổi. Về việc tải lương trên nội địa (: đất

Thanh), dọc hai đường Việt (: Quảng Đông) và Điền (: Quảng Tây), hãy đặt điểm đài hơn 70 sở”.

Quân nhà vua qua đâu, không quấy nhiễu một tí gì.

Tôn Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh qua Lạng Sơn rồi chia đường tiến quân (ng. ch: Lạng Sơn tức là nơi đời Tống, Dịch Thanh người Quảng Châu đã chiếm ải Côn Lôn). Tổng binh *Thượng Duy Thắng*, phó tướng *Khánh Thành* cầm quân Quảng Tây. Tổng binh *Trương Triều Long*, *Lí Hóa Long* cầm quân Quảng Đông. Bấy giờ các thổ binh, nghĩa dũng đi theo. Tiếng rằng đại binh có vài chục vạn. Các đạo đều giữ các ải.

Giặc nghe bóng, chạy trốn biệt, chỉ ngăn giữ chỗ hiểm ở ba sông (: Nhật Đức, Nguyệt Đức, Nhị. ng. v. *tam giang chi hiểm*) để cự lại. Ngày 13 tháng 11, *Thượng Duy Thắng*, *Khánh Thành* đem một nghìn quân, đang trống canh năm, tới sông *Thọ Xương* (: Nhật Đức). Giặc lui giữ bờ nam. Nhân thấy cầu phao bị cắt đứt, quân ta đều cười

* tr. 48/b- bè qua thẳng lên bờ. Trong mù, giặc giết lẫn nhau. Quân ta bèn sang sông được cả, hết sức dày xéo, chém giết.

Trương Triều Long cũng đánh bại tướng cốt cán của giặc. Ngày 15, tiến quân đến sông *Thị Cầu* (Nguyệt Đức). Sông rộng. Vả bờ nam dựa vào núi, cao hơn bờ bắc. Giặc giữ chỗ hiểm, dàn súng. Quân ta không thể kết bè. Các tướng nghĩ rằng hình thế sông cong queo, (khiến) giặc trông ra không thấy được xa. Bề ngoài, bèn chở tre gỗ, làm cầu phao để tỏ rằng thế nào cũng qua sông (chỗ ấy). Rồi giấu hai nghìn quân ở thượng du (cách đó) hai mươi dặm, chỗ nước chảy chậm, lấy thuyền con đang đêm qua sông.

Ngày 17 (tháng 11) quân ta cưỡi bè áp bờ. Cầm cự với nhau đang sôi nổi, thì gặp khi quân từ thượng du đã vòng ra sau lưng giặc, nhân chỗ cao mà hét to, đánh xuống. Tiếng ran các hang núi. Giặc không biết vương sư từ đâu xuống, bèn tan rã chạy lùi.

Ngày 19 (tháng 11), tới sông *Phú Lương* (: Nhị Hà. Thật ra tên Phú Lương là một khúc sông Cầu hay Nguyệt Đức). Sông này là sông ở ngoài cửa thành kinh đô của giặc. Giặc dẫn tre gỗ dọc sông, thu lượm các thuyền rút về bờ kia. Nhưng xa trông hàng trận nó thì thấy không chỉnh. Biết rằng chúng không có chí cố giữ. Bèn tìm thuyền nhỏ ở các bến cách xa đó, chờ hơn trăm quân, ban đêm đến lòng sông, cướp được một chiến hạm. Bèn chở hai trăm quân, Hứa Thế Hanh thân cầm quân qua sông. Lại cướp

* tr. 49/a- được hơn hai mươi thuyền nhỏ, thay phiên nhau chở hai nghìn quân sang, chia ra mà đánh các doanh giặc. Trong đêm, giặc không biện rõ (quân ta) nhiều hay ít, bèn tan rã. (Ta) đốt hơn mười chiếc tàu, bắt được vài mươi viên tổng binh, tước hầu, tước bá.

Sáng rõ, quân ta tất cả qua sông. Họ hàng nhà Lê, nhân dân cùng ra đón, cúi mình bên phía tả đường. Tôn Sĩ Nghị, Hứa Viết Hanh vào thành, tuyên ủy rồi ra.

*

Bọc (kinh) thành có lũy đất, cao không đến vài thước. Trên trồng tre rậm. Phía trong có hai thành gạch, là chỗ quốc vương ở. Cung thất hoàn toàn bị hủy. Mà Lê Duy Kỳ trốn ở dân thôn; trống canh hai đêm ấy mới ra. Tới doanh yết kiến Tôn Sĩ Nghị, cúi đầu chín lần mà tạ mừng thắng trận.

Ban đầu, khi vương sư mới ra vua lo rằng sau khi việc (dẹp giặc) xong, sự qua lại để sách phong làm mất lâu thời giờ, đến đổi vương sư trải sương nắng ở ngoài lâu, (cho nên) đã trước sai lễ bộ đúc ấn, nội các soạn sách văn, gửi trạm đem tới quân doanh Tôn Sĩ Nghị định đến ngày 22 thì tuyên chiếu sách phong Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương, và gấp báo cho Tôn Vĩnh Thanh đem gia thuộc (họ Lê) về nước.

Duy Kỳ dâng biểu tạ ơn, xin đến năm Càn Long thứ 55 (1790) sẽ

* tr. 49/b- tới kinh chúc lễ vạn thọ tám mươi tuổi. Vua chiếu rằng: “Đợi khi nào xứ An Nam hoàn toàn yên, và Duy Kỳ có thể tự lập thì sẽ cho phép tới chầu”.

Về việc này, nhân lòng dân (thuộc chúa) cũ nhớ nhà Lê, và nhớ quân nghĩa dũng của các tướng đi trước dẫn đường. Và chẳng bọn Hứa Viết Hanh và hai họ Trương (ng. v. *Hứa Viết Hanh nhị Trương đẳng*) đều là chiến tướng mới lập công ở Đài Loan về, mới có sự với hơn một vạn quân ruổi thẳng vào sâu, mà chưa chấn thảng đã lấy được quốc đô. Còn quân của Ô Đại Kinh tại Vân Nam thì chưa đến nơi.

Chiếu phong Sĩ Nghị tước *Nhất đẳng Miêu dũng công*, Hứa Viết Hanh tước *Nhất đẳng tử*. Các tướng sĩ đều được thưởng kẻ ít người nhiều.

Bấy giờ Nguyễn Huệ đã trốn về sào huyệt. Tôn Sĩ Nghị tính việc đóng thuyền đuổi đánh. Tôn Vĩnh Thanh tâu rằng: “Quảng Nam xa cách đô họ Lê thêm hai nghìn dặm. Dùng quân một vạn người thì đặt điểm lương cần mười

vạn phu vạn tải, cũng bằng khoảng từ trấn Nam Quan đến thành họ Lê”.

Vua nghĩ rằng: “An Nam bị tàn phá, trở nên trống không. Vả họ Lê nhiều đời đã ương hèn. Dấy lên, mất đi, chưa biết chừng chẳng là vận số. Đã rằng đi đường xa, chở lương khó thì không lẽ phí ngày giờ, nhọc quân lính để thay Lê đi lòng bất giặc”. Vua chiếu bảo rút quân về cửa quan.

*

* tr. 50/a- Nhưng Tôn Sĩ Nghị tham lập công bắt Nguyễn. Quân không rút liền, mà lại khinh địch, không đặt phòng bị, sai các thổ binh, nghĩa dũng đi tản mát, để quân ở yên trong thành nhà Lê trong hơn tháng.

Họ Nguyễn dò biết thật hư. Cuối năm, dốc tất cả binh lực ra, lại đem quân đánh úp quốc đô. Thế mà quân ta còn tin lời nói dối là tới hàng, cứ êm đềm không biết gì sốt.

Ngày mùng một tháng giêng năm sau (: Càn Long thứ 55, 1790) trong quân đặt tiệc rượu, bày cổ nhạc. Đang đêm thành linh có tin báo rằng quân Nguyễn tới đông. Bấy giờ mới thẳng thốt ngăn địch.

Giặc đều chờ đại bác bằng voi mà xông vào trận. Quân ta ít chống nhiều, không địch nổi. Trong đêm tối, tự dày xéo lẫn nhau.

Lê Duy Kỳ đem gia đình trốn trước. Quân Vân Nam (ở Sơn Tây) nghe tiếng súng rập trời, cũng lui chạy.

Tôn Sĩ Nghị giành qua sông Phú Lương, rồi lập tức dẫn cầu phao để dứt với phía sau mình. Bởi vậy, quân ở bờ nam, đề đốc Hứa Thế Hanh, tổng binh Trương Triều Long

trở xuống, quan, binh, phu dịch hơn vạn người đều bị chết đuối.

Sĩ Nghị chạy về trấn Nam Quan, đốt hoặc bỏ hết ngoài cửa quan lương thực khí giới thuốc súng vài mươi vạn (cân). Quân và ngựa trở về không đầy một nửa. Quân Vân Nam nhờ bày tôi nhà Lê, Hoàng Văn Thông hướng đạo trở về được hoàn toàn⁽²⁾.

Mẹ con Lê Duy Kỳ lại tới xin đầu.

* tr. 50/b- (Các việc ấy) được tâu lên vua. Vua nghĩ rằng: “Tôn Sĩ Nghị đã không rút quân về sớm. Vả chẳng Nguyễn Huệ đã thua mà trở lại, thì chắc rằng không phải (chỉ có) quân kết hợp lại trong chốc lát (mà thôi). Sao mà không trừ bị, đến đổi làm hỏng uy nước, tổn tướng sĩ”.

Ra lệnh cất chức y và bảo vệ Kinh đô tội. Lấy *Phúc Khang An* (ng. v. An Khang) thay.

*

Sau khi Nguyễn Huệ chiếm được An Nam, tự biết đã gieo vạ; rất sợ vương sư (trở) sang đánh dẹp. Vả vừa mới gây việc binh với Tiêm La. Sợ Tiêm La thừa hư ở phía sau. Gõ cửa quan, tạ tội xin hàng. Đổi tên ra *Nguyễn Quang Bình* (ng. ch: Theo *Minh sử*, vua An Nam đều có hai tên; lấy một tên thờ Trung quốc, xưng bày trong biểu tấu).

Sai con anh, *Quang Hiến*, đem biểu vào cống. Nói rằng: “Giữ (đất) Quảng Nam đã chín đời. Đối với nước An Nam (ng. v. sót chữ Nam), là địch quốc, chứ không phải là vua tôi. Vả (việc này) là chuyện các man dân đụng chạm tranh giành nhau, chứ đâu dám chống với Trung quốc. Xin năm sau thân hành tới châu mặt ở Kinh sư. Cùng nguyên

sẽ lập miếu trong nước để thờ các tướng sĩ (Trung quốc) tử trận. Vả lại, nghe nói cống sứ Tiêm La sắp tới Kinh, sợ chúng mưu sách tội lỗi. Xin Thiên triều đừng nghe lời chúng”.

Trước sau, Phúc Khang An đem các việc ấy tâu lên.

Vua nghĩ rằng: “Duy Kỳ lại bỏ nước đi, cả sách ấn cũng không giữ được. Ấy là Trời ghét họ Lê không hay bảo tồn tự lập. Mà

* tr. 51/a- Nguyễn Quang Bình đã xin thân hành tới châu mặt, chứ không phải như họ Mạc ngày trước chỉ cống người vàng thay mình. Vả nước An Nam, từ đời Ngũ Quý đến nay, (các họ) Khúc (: Thừa Mi), Kiều (: Công Tiện), Ngô, Đinh, Lí, Trần (ng. v. sót Lê Hoàn), Lê, Mạc lần lượt nuốt lóm nhau. Đời trước đã từng chia đất nó thành quận huyện. (Nó) phản trắc không chừng. (Làm vậy) không đủ bớt sự lo sợ ở bờ nam”. Bèn bằng lòng nghe lời tâu. Lê Duy Kỳ thì thưởng cho hàm tam phẩm, biên (hiệu vào) cờ, an trí ở Kinh sư.

Năm (Càn Long) thứ 55 (1790), Nguyễn Quang Bình tới chúc mừng. Thiết yến tại sơn trang tại Nhiệt Hà (ng. v. 4chép như vậy, nhưng hình như người Thanh biết rằng đó là Quang Bình giả); được đặt dưới ban thân vương (: bà con gần vua) và trên ban quận vương. Ban mũ, đai. Nhận sách phong rồi về.

Năm sau, đánh bại Lê Duy Chỉ (: bị Hoàng Văn Đồng phản năm 1792) và quân nước Vạn Tượng. Tới dâng tin thắng trận.

Năm thứ 57 (1792), tháng ba, (Quang Bình) mất (ng. v. chép *tam nguyệt*; sự thật vua Quang Trung mất ngày 29

tháng bảy. Xem sách *La Sơn phu tử* trang 156, do Minh Tân xuất bản). Con là Quang Toàn nối ngôi, tuổi lên mười lăm.

Vua nghĩ rằng: “Nước họ Nguyễn mới dựng, lòng người chưa định. Vả Nguyễn Nhạc còn ở Quảng Nam. Ngô Văn Sở cầm binh quyền từ lâu. Chúa trẻ, nước ngờ. Sợ có sự biến động. Đặc bảo Phúc Khang An (và) Vân Quý tổng đốc dự bị biên giới. Lại sai án sát sứ *Thành Lâm* (sang) dụ tế và dò thám trong nước chúng”. Thành Lâm (khi) trở về đem sự nước ấy bị xâu xé tâu lên. Bèn thôi.

*

* tr. 51/b- Xưa, họ Nguyễn (: chúa Nguyễn) đời đời làm vương ở Quảng Nam, lấy cảng Thuận Hóa làm cửa ngõ. Với Chiêm Thành, Tiêm La đều liên đất (dọc theo) bờ bể tây nam. Khi có thuyền buôn theo gió vào cảng ấy, nếu không gió tây thì không ra được, (chúng) bèn thu mất hàng hóa. Tức như chuyện thuyền buôn Trung quốc ngẫu nhiên vào, mà cũng tăng thuế lên gấp nửa. Vì vậy, thuyền buôn các nước Hồng Mao, Tiêm La, Chiêm Thành đều lấy sự tới gần cõi Quảng Nam làm kiêng.

Cha con Nguyễn Quang Bình dùng binh cướp nước (ấy). Của trong nước hư hao. Thuyền buôn không đến. Bèn sai hơn trăm chiếc tàu ô, mười hai viên tổng binh, lấy tiếng là tìm mua quân lương, để chiêu tập nhiều tội vong mạng dọc bờ bể Trung quốc. Lấy quan tước làm mồi nhử, cấp cho thuyền và khí giới, sai đưa đường vào cướp (các vùng) Mân (: Phúc Kiến), Việt (: Quảng Đông), Giang (: Giang Tô), Chiết (: Chiết Giang).

Năm đầu niên hiệu Gia Khánh (1786: Cảnh Thịnh thứ

4) các tỉnh tâu rằng đã bắt được giặc biển, nhiều lần (thấy) có binh tướng An Nam và sắc ấn (An Nam) ban tước cho các tổng binh. Vua bảo tư (việc ấy) hỏi An Nam. Nó còn bảo quốc vương không biết chuyện sao? (ng. v. *Thượng bất vị quốc vương dự tri dã* nhưng chắc rằng phải đưa chữ *bất*) xuống trước chữ *tri*. Xem lời dẫn).

*

Tiêm La đã cùng Quảng Nam tính toán. Gặp khi cháu họ ngoại nhà Lê (ng. v. *Lê thị sanh*) là vua *Nông Nại* (: Đồng Nai), *Nguyễn Phúc Ánh* (ng. ch: *vốn tên Chung*, đây là tên đổi) chạy tới Tiêm La. Tiêm La lấy em gái gả cho, giúp cho binh (bền) khắc phụ Nông

* tr. 52/a- Nại. Thế càng ngày càng mạnh. Họ Nguyễn gọi là cũ cùng với họ Nguyễn mới, nhiều lần đánh nhau; chiếm được đô cũ Phú Xuân (ng. ch: Năm Gia Khánh thứ 9, 1804 - tổng đốc Lương Quảng, Uy Thập Bố tâu rằng thuyền rợ An Nam từ cảng Thuận Hóa mà vào Quỳnh: - đảo Hải Nam - Bể châu này đối diện với dọc xứ Thuận Hóa, ấy là cửa ngõ của Phú Xuân thuộc An Nam. Phú Xuân là quốc đô nó. Xem đó thì Phú Xuân là Tây đô chứ không phải Đông đô) và bắt trời và dâng bọn giặc bể *Mạc Phù Quan*. Chúng đều là gian dân Trung quốc, đã từng nhận tước Đông Hải vương và chức tổng binh của An Nam ban cho. (Phúc Ánh) lại dâng lên sách phong và ấn vàng của Nguyễn Quang Toản, mà đã bắt được khi đánh lấy Phú Xuân⁽³⁾.

Ấy vào năm Gia Khánh thứ 4 (1799 - thật ra thì Quang Toản bỏ Phú Xuân vào năm 1801). Vua chiếu rằng: “Cha con họ Nguyễn làm tôi thờ Thiên triều, (lại) chiêu nạp tội

bạn vong, nhóm gian, nhử trộm. Phụ ơn như thế, không gì lớn hơn. Nay quốc đô, sách phong ấn (đều) không giữ nổi. Sự diệt vong đã chắc nay mai. Đó tỏ rằng lẽ “khuyh phúc” (: Trời làm đổ cái gì đã nghiêng) không sai. Vậy sai tổng đốc Lương Quảng Cát Khánh tới trấn Nam Quan, thúc binh giữ biên giới. Đợi khi nào Nguyễn Phúc Ánh lấy được toàn cõi An Nam thì sẽ tâu lên”.

Năm (Gia Khánh) thứ 7, tháng chạp (đầu năm 1803), Nguyễn Quang Ánh (đã) diệt được An Nam, sai sứ vào cống, bày tỏ trọn đầu đuôi sự gây binh, rằng ấy vì nhà Lê cũ mà phục thù. Đất Nông Nại ngày trước được phong, vốn xưa là đất Việt Thường (ng. ch: Xét Minh sử, Chiêm Thành và Lão Qua là đất Việt Thường cũ,

* tr. 52/b- vậy thì Nông Nại phải liền đất với phía tây Quảng Nam). Nay lấy đất An Nam thêm vào. (Lòng) không quên đất đời đời đã giữ, (vậy) xin lấy tên Việt Nam gọi nước (ng. v. nhưng thật thì Gia Long xin đặt tên nước là Nam Việt). Chiếu phong làm Việt Nam quốc vương.

*

Trước đó, năm Càn Long thứ 54 (1789), khi Lê Duy Kỳ bị an trí ở Kinh sư, có cựu thần, bọn Lê Quýnh, bốn người nhất định không chịu cắt tóc, thay áo mũ. Vả chúng nói: “Em quốc vương là Duy Chỉ, cùng các tông đảng và cựu thần họp nhau để tự bảo: nghĩa quân đông lắm. (Vậy) muốn xin ra cửa quan để lo khôi phục”.

Vua bảo rằng: “Nguyễn Quang Bình đã quy thuận, được ta phong. Không thể lại bày lễ để thay đổi. Thế mà tội Lê Quýnh lưu li, chạy vạy, lại không tùy thịnh suy mà lui tiến, còn trung với cái mình thờ. Đặc biệt sắc cho

Nguyễn Quang Bình hãy đem ra (Trung quốc) thê thiếp, em trai gái của Lê Duy Kỳ; khiến mất (ng. v. *Vô tí thất sở sự*. Tôi nghĩ chữ *vô* thừa) cái chúng thờ”. Chưa thi hành thì vào năm Gia Khánh thứ 7 (1802) Nguyễn Quang Toàn bị diệt.

Bấy giờ, chiếu cho các bầy tôi nhà Lê, ai nhớ đất cũ thì sẽ theo quan tài Lê Duy Kỳ về nước.

Ấy bởi họ Nguyễn mới đã cướp nước họ Lê được hơn mười năm, lại bị diệt bởi họ Nguyễn cũ. Ngày nay, làm việc chức cống không phải họ Nguyễn ngày trước nữa.

*

PHẦN PHỤ (trang 52/b)

An Nam ghét thuốc phiện và giáo Thiên Chúa của Tây dương, đã cấm tàu buôn vào Quảng Nam từ lâu. Đến khi Anh Cát Lợi đóng quân ở Ấn Độ; có tướng nghe chuyện nước họ Nguyễn mới gây việc binh, (cho rằng) có thể thừa nhíp. Bèn đem hơn mười tàu binh tiến vào cửa sông Phú Lương. Người An Nam rút hết thuyền giấu vào trong cảng. Trên vài trăm dặm, không có một ai. (Tàu Anh) tiến thẳng về Đông đô. Đang đêm, thỉnh linh một trăm mười chiếc thuyền con ra phía dưới trong cảng, thừa lúc có gió, nước thủy triều mà đánh hỏa công. Rợ Anh không đường trốn. Bảy chiếc tàu vào trước bị đốt. Các tàu còn lại ở cửa sông sợ trốn, không có mặt mũi nào về nước. Bèn thuận nẻo tới Quảng Đông, mưu chiếm Áo Môn. Không làm được rồi đi, ấy là chuyện đời Gia Khánh thứ 13 (1808), khi Ngô Hùng Quang làm tổng đốc Quảng Đông.

*

PHẦN BÌNH LUẬN (trang 53/a)

Tôi, *Nguyễn*, nói rằng:

Hình thế nước An Nam thì Tây đô mạnh hơn Đông đô. Cho nên các họ Trần, Mạc, Lê, Nguyễn, lần lượt đẩy lên, đều trước hết chiếm Quảng Nam, Thuận Hóa đã. Thắng rồi mới đưa đại binh đánh về phía đông (: phía bắc).

Chính binh (ta) đã từ Quảng Tây thẳng tới Đông đô, mà đáng ra thì kì binh nên qua thổ ti họ Mạnh thuộc Vân Nam vào châu Thủy Vĩ (: Lào Kay) (Nếu) lại hện Tiêm La áp đánh Quảng Nam phá Tây đô nó, thì Nguyễn Quang Bình chạy ắt phải bắt, mà không sợ lo sau. Dùng binh sao có thể không hiểu rõ địa lợi?

Giặc tàu ô vào cướp Trung quốc cũng từng bị phá ở Mân, Việt, tan rã vì bão, thua tàu giáp bản của Tây dương xa lắm. Thế mà (An Nam) hai lần diệt được tàu của rợ Anh tới rình mò. Ấy đều (vì) để mặc giặc vào cảng, đặt quân phục, đánh hỏa công. Mới biết rằng quân chính không bằng quân kì, rằng sức mạnh không địch trí khôn. Giữ cửa bể không bằng giữ sông bên trong.

Khăng khăng muốn súng Tây dương, tàu Tây dương mới đủ chế lại Tây dương! Như vậy chẳng làm An Nam nó cười cho sao? Đáng buồn cười! Như muốn đưa trát thuyền (: thuyền nhẹ mang súng chạy mau) để ruổi ngoài khơi, hoặc khăng khăng giữ cửa bể mà không nhử vào thẳng, lại chẳng để An Nam có cười cho chăng? Đáng buồn cười!

*

Phụ chú (trang 53b) các lối từ Trung quốc vào An Nam

theo sách *Minh Nhất thống chí* (Tôi đã dịch trong sách *Lý Thường Kiệt*, quyển I, trang 125.

CƯỚC CHÚ PHẦN DỊCH

(1) Trong *Chinh An Nam kí lược*, Sư Phạm cho biết thêm rằng: “Lại tuần vũ Quảng Tây tư khai, kê danh sách các quyển thuộc tùy tùng, đầu mục của tự tôn vua An Nam có: Nguyễn Thị Ngọc Tố là mẹ, Nguyễn Thị Ngọc Thụy là vợ, Lê Duy Thuyền lên ba tuổi là con tự tôn Lê Duy Kỳ; con trai có chức sáu người, con gái có vị sáu người, bậc đồng bầm sáu tên” (sách kể trên trang 123b).

(2) Về *Hoàng Văn Đồng*, Sư Phạm chép:

“Trước đó, ngày 28 tháng 10, đốc sư (: nguyên soái) Tôn Công đem đề đốc Quảng Tây Hứa Viết Hanh ra cửa trấn Nam Quan, qua Lạng Sơn mà tiến. Ngày 13 tháng 11, bại giặc ở Xương Giang. Ngày 15 đến Thị Cầu. Giặc chặn đường ở sông Phú Lương. Tiến đánh nó. Giặc thua to. Ngày 20, vào kinh nhà Lê. Làm vững ngôi cho tự tôn Duy Kỳ. Thành thử khi quân Điền (: Vân Nam) đến điểm thì An Nam đã được bình định rồi. Gặp có lệnh ban sư (: triệt binh). Ngày 21 tháng giêng năm sau, rút về Vân Nam. Xét thấy rằng sở dĩ quân Điền tiến không bị ngăn là nhờ Hoàng Văn Thông mở đường. Hoàng Văn Thông là tôi nhà Lê, trung với nhà Lê. Gặp loạn Nguyễn, quốc dân nhiều người phản theo Nguyễn. Chỉ mình Hoàng Văn Thông giữ nhà Lê. Gặp lúc đại binh nam chinh, Văn Thông nhân dịp mở đường cho quân Điền. Trên hơn nghìn dặm quân đi, có sẵn nệm chiếu quân Việt (Quảng Tây và

Quảng Đông) bị tan sập. Một mình quân Điền kéo rầm rộ về được. Đó chẳng phải công Hoàng Văn Đồng sao?”

Đoạn sau tác giả nhắc lại chuyện Vũ Văn Mật đời Mạc đã xin quân Minh, và hướng dẫn quân Minh vào đánh Mạc. Minh đã thưởng đai mũ cho y và hàng được Mạc. Tác giả trách các quan Thanh không biết lợi dụng che chở cho Hoàng Văn Thông, để đến nỗi “sau khi Lê mất, Hoàng Văn Thông bị dụ rồi cha con đều bị giết. Thật ra thì theo Trần Đình Dao, một cô thần triều Lê, thì chính Hoàng Văn Đồng đã theo Tây Sơn giết hại hai em trai Chiêu Thống (xem nội chú).

(3) *Gia Khánh đông nam Tĩnh Hải kí* (bài kí chuyện ở bể Tĩnh Hải phương đông nam, đời Gia Khánh (quyển 8, trang 36).

Nước nhà từ đời Khang Hi thứ 22 (1683) đánh Đài Loan dẹp họ Trịnh, rồi năm thứ 24 (1685) mở rộng tuần phòng trên bể thì vùng Mân, Việt, Chiết, Ngô trên vạn dặm bể trời, kinh nghệ không bóng sóng. Đến đầu đời Gia Khánh (1796), mới có cướp thuyền (Đĩnh đạo) quấy rối. Cướp thuyền này bắt đầu từ khi cha con Nguyễn Quang Bình ở An Nam cướp nước, rồi quân mỗi của hết, bèn vờ tui vong mạng dọc bể, cấp cho binh thuyền, nhử bằng quan tước, sai cướp các thuyền buôn ở gần bể để biện lương thực. Mùa hè tới, mùa thu về, tung tích không lường, làm họa lớn cho đất Quảng Đông.

Sau lại có bọn cướp đất ở bang Phượng Vĩ, bang Thủy Áo cũng phụ vào. Chúng bèn vào sâu trong vùng Mân, Chiết. Cướp đất dựa vào thuyền rợ (: An Nam) làm thanh thế, thuyền rợ cạy cướp đất làm hướng đạo. Trên vài nghìn

dặm trên mặt bể ba tỉnh, nếu ta lên bắc thì chúng xuống nam, nếu ta xuống nam thì chúng lên bắc. Nếu ta chống với thuyền, thì tội cướp đất tung ra cướp, nếu ta đương đầu với cướp đất thì thuyền tới tới cứu. Vả chẳng thuyền rợ cao, to, nhiều súng; có gặp cũng chưa chắc gặp chúng. Cướp đất giảo quyết lại có nội ứng; mỗi lúc tạm trốn rồi quay nhóm lại. Mà bấy giờ tội giáo phi ở Xuyên Thiểm vừa đầy. Triều đình vừa chú ý đến tây chinh, chưa rảnh để tính việc về hòn đảo. Cho nên thế giặc càng ác liệt.

Đầu đời Gia Khánh (1796), tướng quân Phúc Châu là Khôi Luân, tổng đốc Lương Quảng là Cát Khánh trước sau tâu rằng: “Bắt được giặc bể tàu ô bọn Trần Thiên Bảo, có ấn sắc An Nam tổng binh và Báu ngọc hầu”. Sắc cho An Nam quốc vương Nguyễn Quang Toàn tra rồi tâu. Chúng còn bảo rằng quốc vương không biết chuyện.

Năm Gia Khánh thứ 4 (1799), vua Nguyễn cũ ở Nông Nại cùng Nguyễn mới giao binh, bắt và đưa đến giặc bể là bọn Mạc Phù Quan. Đầu là gian dân nội địa, đã từng chịu An Nam ngụy phong tước Đông Hải vương và chức tổng binh. Triều đình mới biết rằng An Nam mắc tội nhóm gian nhả trộm.

Tháng 6, năm thứ 5 (1800), hơn ba mươi chiếc tàu rợ, sáu bảy chục chiếc tàu Thủy Áo và Phụng Vĩ đều nhóm ở vùng Chiết Giang, dọa Đài Châu, chục đổ bộ. Tuần vũ Nguyễn Nguyên, đề đốc Thương Bảo tâu lên. Bèn lấy tổng binh Định Hải trấn là Lý Trường Canh, tổng thống thủy quân ba trấn. Giặc dừng ở Long Vương đường, dưới núi Tùng Môn. Gió bão sấm mưa phát lớn. Thuyền giặc va nhau bị vỡ, bị lật, chúng chết đuối gần hết, chỉ còn một hai

thuyền trôi ra ngoài bể. Những đứa lên bờ hoặc bám vào thuyền đắm đều bị quan quân thủy lục bắt. Tụi chịu tước hầu của An Nam Luân Quý Lợi và bốn tổng binh đều bị chém. Dem sắc ấn ném trả cho nước nó.

Tàu ô An Nam có hơn một trăm hiệu, tổng binh mười hai người, chia làm ba chi: tiền, trung, hậu. Mỗi chi có bốn tổng binh. Bọn Luân Quý Lợi là chi hậu. Gặp lúc nước An Nam bị vua Nông Nại Nguyễn Phúc Ánh diệt, chịu phong tước mới, bèn chịu thúc ược của triều đình, đuổi hết tụi gian phỉ trong nước. Từ đó giặc không sào huyệt. Còn tụi ở Mân, thì bị tên cướp Chương là Thái Khiên thu tóm... Sau khi Khiên được thuyền rợ, súng rợ, thì tất cả dư đảng Thủy Áo và Phượng Vĩ đều theo...”.

乾隆征撫安南記。

黎氏自明以來世王安南順治十六年

王師定雲

南國王黎維禔遣使至軍康熙五年繳所受明桂王勅印。

詔封維禔安南國王時莫元清尙據高平亦受

都統使職屢擄兵六年黎維禔襲奪高平莫元清率三

千口走雲南七年

朝廷諭黎氏以高平泗州還元

清十三年果三桂叛維禔復乘間攻取高平於是安南盡歸黎氏自後請六年兩貢並進六傳至維禔而有阮氏之亂初明嘉靖中安南爲莫登庸所篡國王黎維讓走保清華至孫維禔起兵破莫復國實其臣鄭梃阮口

不卽班又輕敵不設備散遣土兵義勇懸軍黎城月餘
阮氏謀知虛實於歲暮傾巢再舉襲國都而我師方信
其來降之誑詞晏然不知也明年正月朔軍中置酒張
樂夜忽報阮兵大至始倉皇禦敵賊皆象載大轂衝陣
我師衆寡不敵黑夜自相蹂躪黎維祁挈家先遁滇師
聞轂聲震天亦退走孫士毅奪渡富良江卽斬浮橋以
斷後由是在南岸之軍提督許世亨總兵張朝龍以下
官兵夫役萬餘皆溺死焉士毅走回鎮南關盡焚弃
關外糧械火藥數十萬土馬還者不及一半其雲南之
師以黎臣黃文通嚮導得全返黎維祁母子復來投秦

cuộc dàn xếp ngoại giao
giữa vua quang trung
và vua càn long

VỤ 16 CHÂU VÀ XÂY ĐỀN THỜ SÂM NGHI ĐỒNG

lý văn hùng

Phía bắc nước Việt Nam có hàng trăm cây số dài giáp giới Trung quốc; sự phân chia giới hạn này hoặc căn cứ hoàn cảnh thiên nhiên, hoặc do bởi ảnh hưởng nhân tạo.

Cứ theo sử sách bắt đầu thế kỷ thứ mười vua Lê Đại Hành đã mở mang bờ cõi miền Tây Bắc. Thế kỷ thứ mười một Lý Thái Tông diệt Nùng Toàn Phúc bình định đất Cao Bằng. Thế kỷ thứ mười ba Trần Nhân Tông biểu dương vũ

công đến Ai Lao. Sau khi nhà Hậu Lê vừa khai quốc năm 1431 vua Thái Tổ thân chinh bình phục phủ Lý Khánh trấn Thái Nguyên, và năm sau lại thân chinh bình định vùng Sơn La, Tuần Giáo, Mai Châu. Hai trận thân chinh ấy vua đều có làm thơ kỷ công khắc trên bia đá để hiểu thị hậu thế. (Sách Phương Đình Địa Dư Chí có ghi chép những văn hiến giá trị này).

Truyền sang đời Lê Thánh Tông từng chia quân năm đạo đánh đến thượng du sông Cửu Long, đổi đất Bồn Man làm Trấn Ninh phủ. Do bản đồ Hồng Đức ta thấy ranh giới miền Bắc thời ấy đã tương tựa ranh giới hiện nay.

Cùng những thời kỳ kể trên biên giới Trung quốc cũng được mở mang lấn lướt chiều hướng Nam. Sau khi Tống Dịch Thanh bình định Nùng Trí Cao liền san trừ chế độ tù trưởng, thay thế bằng chế độ thổ quan, chọn những người có công trận đảm đương để chiêu hàng các dân sơn động. Vào đời Nguyễn tiêu diệt nước Nam Chiếu, đặt ra tỉnh Vân Nam, do bốn vị tổng quản cai trị 160 động; diện tích mỗi một động tương đương một huyện nội địa Trung quốc (theo trang 222 quyển Lĩnh Biểu Kỷ Man của tác giả Lưu Tích Phồn).

Các thổ quan tức thổ ty có quyền thế tập, lũng đoạn cả quyền hành địa phương, lắm lúc thổ ty này lấn chiếm khổ ty kia vì quyền lợi, lại có khi phiến loạn, tự chủ và uy tín triều đình suy kém ví như cuối đời Minh.

Đến khi nhà Thanh khai quốc sẵn thế lực hùng cường ông Ngạc Nhĩ Thái Viên tổng đốc ba tỉnh Vân Nam, Quý Châu và Quảng Tây, chẳng những chiêu dụ lại tất cả thổ ty sơn động, lại còn khai thác rộng bờ cõi đến ba nghìn

dậm, ăn sâu tận mé bờ Cửu Long Giang, đặt huyện Xa Lý cai trị cả 12 bản.

Hồi ấy 16 đạo Lai Châu, Sơn La nhân Hậu Lê suy yếu đều khuynh hướng quy thuận Trung quốc.

Thế thì diễn thành cuộc tiếp xúc giữa biên giới Việt – Hoa.

*

Dưới đây chúng tôi xin vào phần chủ đề:

Theo tài liệu sử Tây Sơn của Sở Cường: năm 1789 – 90 vua Quang Trung có phái sứ giả đòi lại những vùng Tung Lăng, Lễ Tuyền, Hoàng Châu, Hợp Phì, Khiêm Châu v.v...

Vậy những vùng đất ấy ở đâu?

Chúng tôi thấy vào đời Lê Thánh Tông ngài chia toàn quốc làm 13 trấn, trong đó có trấn Thừa Tuyên Hưng Hóa hạt thuộc 3 phủ:

1) Phủ Gia Hưng quản lĩnh một huyện năm châu: Thanh Xuyên, Phù Hoa, Mộc Châu, Mai Châu, Tây Châu, Thuận Châu,

2) Phủ Quy Hóa quản lĩnh ba huyện hai châu: Văn Trấn, An Tập, Trấn An, Văn Bàn, Thủy Vỹ,

3) Phủ An Tây quản lĩnh mười châu: Luân Châu, Lai Châu, Quỳnh Nhai, Chiêu Tấn, Sùng Lộc, Tuy Phụ, Hoàng Nham, Hợp Phì, Khiêm Châu, Lễ Tuyền.

Xét ba phủ kể trên tức tỉnh Sơn La, Lao Kay, Lai Châu hiện giờ.

Riêng Sơn La và Lai Châu cộng có 16 châu hay 16 đạo,

xưa gọi chung là vùng Vạn Mộ (Mang Mộ) (theo Việt Nam địa dư chí của Nguyễn Bá Trắc).

Và 16 châu này bỗng bị nặc danh. Vào cuối Hậu Lê, năm 28 Cảnh Hưng chia đảng. Ngoài làm 7 trấn, 4 phủ, 25 châu, mà chẳng có tên trấn Hưng Hóa với những châu đó.

Sau chiến thắng vẻ vang và được nhà Thanh nhìn nhận chánh thức, vua Quang Trung liền đòi hỏi lại những đất đai ấy và vua Càn Long cũng ưng thuận quy hoàn.

Theo bài Bắc Hành Lược Ký của ông Lê Quỳnh khi trần tình với Hòa Khôn vào tháng giêng năm canh tuất tức năm 55 Càn Long (1790) trong có một đoạn rằng: “Sở dĩ nhà Thanh chịu đem cả dư đồ 16 đạo trao Nguyễn Huệ có phải là việc bất đắc dĩ mà quyền nghi nhất thì hay sao?..”

*

Cuộc giao thiệp đất đai, ông Sở Cường lại nhắc đến ba động: Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phụ Thanh.

Với vấn đề này đã từng nêu ra hồi Hậu Lê. Xét trong quyển 296 bộ Thanh Triều Văn Hiến Thông khảo của Thanh Cao Tông sắc soạn có ghi chép rằng: “Năm 30 đời vua Khang Hy vua Lê Duy Chính có sai bồi thần Nguyễn Danh Nhu triều cống và ngỏ lời: Xin cấp hoàn ba xứ Ngưu Dương (trâu dê) Hồ Điệp (bướm bướm) và Phổ Viên (vườn rộng) vì bị thổ ty lân cận xâm chiếm”. Nhà vua dụ hỏi Thạch Văn Thanh viên tuần phủ Vân Nam, biết được vùng đất này thuộc phủ Khai Hóa đã hơn ba mươi năm; hướng chi đất này chẳng phải đất cố hữu của An Nam (theo nguyên văn) thế không thể cấp cho và gửi bản công văn giải thích rõ”.

Xét về phủ Khai Hóa trong bộ Hoàng Triều Thông Điển có nói rằng:

“Phủ Khai Hóa nguyên là phủ Đôn Hóa, sáng lập vào năm thứ 6 Khang Hy, lĩnh hạt 3 bộ:

1) bộ Vương Lộng,

2) bộ An Nam,

3) đất ty trưởng quan và 1 huyện Văn Sơn.” (phủ này giáp giới với Hà Giang có đường thủy, đường lộ liên tiếp nhau).

Năm thứ 3 Ung Chính, ông Cao Kỳ Trác, tổng đốc Vân Nam xin nối rộng lại phủ Khai Hóa thêm 80 dặm. Năm thứ 5 Càn Long, ông Ngạc Nhĩ Thái tổng đốc Vân Nam xin nối rộng phân nửa là 40 dặm để duy trì biên cương cũ của triều Minh. Nhưng hai phen đều vì vua Lê tranh biện thiết tha, nên vua Thanh vẫn phán: vì mối tình giao hảo, ta chẳng tiếc chi vùng đất biên thù này, và bảo hãy bỏ qua.

Khi sứ thần của Quang Trung nhắc nhở ba động, Thanh triều tra cứu lại hồ sơ cũ, vẫn phúc đáp như lời năm 30 đời Khang Hy trước.

Dù sao Quang Trung lấy lại 16 châu đã thu hoạch một thành tích khả quan lắm rồi!

*

Sở dĩ được thành tích kể trên, bên Quang Trung lại có phần đổi chác để vấn hồi thể diện nhà Thanh; ấy là vua Quang Trung chịu cho lập đền thờ Sầm Nghi Đống tại Thăng Long.

Sầm là người thế nào? Sao được vua Càn Long chú trọng đến thế?

Căn cứ sách Lĩnh Biểu Kỷ Man của ông Lưu Tích Phồn có ghi chép rằng: “Thủy tổ dòng dõi thổ quan họ Sầm tên Sầm Trọng Thục, người huyện Dư Dao tỉnh Triết Giang, chuyên nghề y học, đỗ tiến sĩ. Đời vua Hoàng Hựu nhà Tống (Tống Nhân Tông) lĩnh chức Hoài viễn tướng quân, vũ thuật kỳ lân, theo phụ tá Dịch Thanh đánh dẹp Nùng Trí Cao. Sau khi khải hoàn, Trọng Thục được lưu lại trấn thủ đất Ung Châu (Nam Ninh) lo công cuộc chinh đốn tình trạng. Ông gieo uy lực và ân huệ phủ dụ các Man chúng, lập phủ nguyên súy, đô đốc các binh mã vùng Quế Lâm và Tượng Quận. Truyền sang đời con Sầm Tự Dinh vì có công trấn phủ, được nhà vua gia tặng chức Kim Tự Quang Lộc đại phu, Diên Biên an phủ sứ, Lai an lộ đô tổng quản.

Trải qua các đời sau: Tường, Anh, Hùng, Thế Hưng đều tập ấm trấn thủ biên thùy. Khi thế lực nhà Nguyên tràn ngập, Thế Hưng chuyển theo Mông Cổ, được phong chức tổng binh, Vạn hộ hầu.

Thế Hưng sinh năm người con trai đều đặt tên tiếng Mông Cổ. Về già ông phân chia hạt địa cho các con:

- 1) Nộ Mộc Hãn ấm tập chức của cha.
- 2) Thiếp Mộc Nhi phân phong đất Diên Châu.
- 3) A Thứ Lan Phân phong đất Tư Ân.
- 4) Bất Hoa Dã Tiến tuyệt hậu.
- 5) Thích Tân phong đất Trấn An.

Chi nhánh tổ tiên Sầm Nghi Đống sống vùng cực tây nam tỉnh Quảng Tây, chúa tể riêng cõi, rèn luyện đạo binh Nùng rất nổi tiếng, gọi “lang binh” (binh hùm sói) ông Khoái Lộ viết quyển Xích Nhã giới thiệu: “Binh pháp họ

Sầm rất nghiêm nhặt, khéo dùng ít đánh nhiều. Mười dám chọi với trăm, trăm dám chọi với nghìn. Trong lúc tác chiến hễ một người xung phong thì hai tả hữu phải gào thét cùng tiến, cả một ngũ tiếp ứng ngay, luôn cả đội phải cùng hành động, nếu ai rụt rè sẽ bị xử trảm và phạt luôn cả đội. Lại cấm không cho lượm nhặt tiền bạc ném của địch, sợ mắc lừa”.

Thời Gia Tĩnh triều Minh bận vụ khuấy loạn Oa Khẩu (giặc đồ đảng Từ Hải) nhà vua phải nhờ đạo binh Nùng giúp sức. Do bà Ngõa thị (mẹ của viên thổ quan Điền Châu) suất lĩnh. Trấn thủ đất Tô Châu và đại phá Oa Khẩu ở Vương Giang kinh. Bà được thăng chức tổng binh tham tướng, chỉ huy sứ. Người thời ấy có bài hát khen rằng: “Hoa Ngõa gia, năng sát Oa, lập nhi phạm chi hữu xà!” Nàng họ Ngõa đẹp như hoa giỏi nghề chinh chiến giết giặc Oa, ướp thân của chúng xơi ngon tựa thịt xà (rắn)!

Trải đời Sầm Mạnh đến Sầm Nghi Đống càng oai quyền hách dịch hơn trước. Ông ta có một đạo thân binh cận vệ gọi “mã tiên bài”. Giàn binh trước đầu ngựa. Binh chọn các thanh niên lực lưỡng, nhanh lẹ, dũng cảm độ năm sáu trăm người, liều sống chết hộ vệ người chủ mình.

Đối với những điều hoành hành của họ Sầm, ông Triệu Dực từng than phiền trong tập ký “Thiền Bộc” của mình rằng: “Các thổ quan đối với thổ dân có giai cấp vua tôi rất nghiêm nhặt. Nhất là quan Châu Điền Sầm Nghi Đống càng ngược đãi chúng. Sợ e họ thoát vòng thống trị, nên cấm ngặt học sinh dự thi khoa cử. Phạm gái có nhan sắc phải trước hầu hạ với mình nếu ông ta không ưng cho gả, thì cha mẹ đành gái không dám hứa gả người khác.

Phân xử kiện tụng bất công, kẻ hàm oan chỉ có nước khóc than trước nắm mồ cật thổ quan mà thôi!”

Vậy mà triều đình có thấu chăng? Triều đình thấu rõ lắm nhưng làm ngơ. Là gì? Theo Thanh triều thống chí có bài luận giải thích: “Các thổ ty miền tây nam lân cận với Giao Chỉ (theo nguyên văn) Giao không dám dòm ngó nội địa, ấy ngại bởi binh lực hùng cường của bọn thổ ty. Nếu ta tước nhược cái binh lực ấy, thì khác nào tự phá vỡ hàng rào? Rất e nạn biên thù còn to hơn nạn thổ ty vậy!”

*

Mùa hạ năm 1788 anh em Lê Duy Chỉ chạy sang cầu viện Trung quốc. Mùa thu năm ấy vua Càn Long sai Sầm Nghi Đống làm hướng đạo giúp đưa Duy Chỉ do ngã Cao Bằng về Nam, hiệu triệu nghĩa quân chống Tây Sơn. Sau Sầm được Tôn Sĩ Nghị ủy phó trấn thủ đồn Đống Đa, một phòng tuyến quan trọng nhất yểm hộ thành Thăng Long. Đầu xuân năm kỷ Dậu vì bị tập kích bất ngờ các tướng lĩnh nhà Thanh: Hứa Thế Hanh, Trương Vĩ Long (Triều Long), Thượng Duy Thăng lần lượt tử trận, đạo binh Sầm bốn mặt bị bao vây, chiến đấu đến lúc thế cùng lực kiệt Sầm cường ngạnh chẳng hàng, thà thất cổ tự tử.

Cái thác của Sầm quả thật anh hùng chăng? Đã có lời bình trong bài thơ của bà Hồ Xuân Hương; nhưng có một hậu quả đáng lo ngại cho nhà Thanh là lung lay tinh thần hơn năm triệu dân biên thù dưới sự thống trị linh đạo bấy lâu nay của họ Sầm. (Họ Sầm thống trị gần phân nửa đất tỉnh Quảng Tây, lời của ông Lưu Tích Phồn). Vì xóa nhòa vết thương cảm đáy lòng dân biên thù, khích lệ gương trung liệt, và Càn Long khôn khéo truy tặng chức Thái thú

cho Sầm, một quan chế thời Bắc thuộc và lập đền thờ, phái khâm sứ tế lễ.

Sầm là một quan tri châu, bậc tòng thất phẩm mà vinh hiển được trội cả các tướng sĩ trận vong kia, tướng cũng mát dạ các dân biên thùy lắm rồi!

Quang Trung anh hùng lễ tất nhiên thấu dụng tâm Càn Long, mà đền của Sầm có khác nào là nơi biểu dương vũ công của mình? Thế nhất cử lưỡng tiện đôi bên đều thỏa chí cả.

CHÚ THÍCH

Thổ quan họ Sầm được tiếp nối thêm đến nguyên niên Quang Tự, vì gia tộc tranh quyền, tàn sát lẫn nhau, thổ dân thừa dịp phản kháng, triều đình phế bỏ chế độ thổ ty chia châu Diên là huyện Bá Sắc, Diên Đông, Diên Tây, Diên Dương, Tây Lâm v.v...

Các địa danh Hán đối chiếu với địa danh Pháp trong bài này:

Khai Hóa: Kai houa

Nam Ninh: Nan-ning

Quy Thuận: Kouei-choun

Bá Sắc: Po-sé

Tư Ân: Se en

Trấn An: Tchen-ngan

vài tài liệu mới lạ
về những cuộc bắc tiến của
nguyên huệ
đặng phương nghị

Nếu các nguồn sử liệu trong nước về Tây Sơn đã được xuất bản hay khai thác gần hết, thì còn nhiều nguồn sử liệu ngoại quốc chưa được phát hành. Các nguyên bản đó hiện đang được lưu trữ tại các Nha Văn Khố Âu Châu mà hầu hết là các thư tín trao đổi giữa các Giáo sĩ ngoại quốc. Một số đã được đăng tải hoặc trong bộ "Lettres Édifianates et Curieuses" của Gia Tô Hội, bộ "Nouveles Lettres Édifiantes et Curieuses" của Hội truyền giáo Ba Lê, và A. Launay, Documents historiques sur la mission de Cochinchine, M. E. P, 1925 hoặc trong các Tập San như

“Bulletin des Amis du Vieus Hué”, “Bulletin de la Société des Études Indochinoises”, “Bulletin de l’École Française d’Extrême-Orient, Revue de l’Extrême-Orient”, “T’oung Pao” Revue Indochinoise... Nhưng còn một số lớn chưa được khai thác hay xuất bản. Tài liệu về Tây Sơn còn nhiều, nhưng trong khuôn khổ của tờ báo kỳ này, chúng tôi chỉ có thể trích một chút ánh sáng cho sự hiểu biết về lịch sử Tây Sơn.

Chắc chắn, sự sử dụng loại tài liệu này rất tế nhị vì các Giáo sĩ không tránh khỏi chủ quan, nhưng nhờ nó ta có một ý niệm về dư luận quần chúng và tình trạng xã hội dưới thời Tây Sơn, không kể đến nhiều chi tiết quan trọng về “Các Cuộc Bắc Tiến” của Nguyễn Huệ mà không một tài liệu chính thức nào nói tới.

Những tài liệu trích dịch dưới đây là những trang nhật ký của Hội Truyền Giáo ở Bắc Kỳ, đã chép các việc xảy ra ở Bắc Kỳ rồi gửi về Hội Truyền Giáo Trung ương ở Paris (Société des Missions étrangères de Paris). Thời kỳ này Giáo hội này được điều khiển bởi Đức Giám Mục Davoust (Jean) 1728 – 1789. Ông đến Bắc Kỳ 1753. Đến năm 1759 đi La Mã và Paris, nhưng tới năm 1782 lại trở sang Ma Cao và 1783 trở lại Bắc Kỳ. Những trang nhật ký này đáng lẽ phải tàng trữ tại thư viện Hội Truyền Giáo Ba Lê nhưng vào thời cách mạng Pháp (khoảng năm 1792), Hội Truyền Giáo Ba Lê bị thất lạc nhiều tài liệu, và những trang nhật ký này không hiểu lý do nào đã sang Nha Văn khố Quốc Gia Ba Lê. Chính vì vậy, hầu như đã không có ai biết đến về tài liệu của Hội Truyền Giáo Ba Lê này.

Ngoài ra chúng tôi còn dịch một số bức thư trao đổi giữa các Giáo sĩ của Hội Truyền Giáo Ba Lê.

Vì thời gian quá cấp bách để đúng kỳ hạn của Tập San ấn hành vào dịp Xuân này, chúng tôi đã không thể chú giải kỹ càng như ý muốn.

(tài liệu lưu trữ NHA VĂN KHỐ QUỐC GIA BA LÊ
(Paris, Archives nationales số F5; A 22).

NHẬT KÝ VỀ NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG GHI NHỚ

đã xảy ra trong địa phận Giáo hội Bắc Kỳ⁽¹⁾ về chính trị, dân sự và tôn giáo từ tháng Tám 1787 cho tới trung tuần tháng Mười 1788.

Từ hồi tướng Cống Chính⁽²⁾ trở về thủ đô Bắc Kỳ vào cuối tháng Một 1787 và từ lúc tân chúa (hay kẻ thống trị) Quê⁽³⁾ tự tử theo lời đồn vài tháng sau khi thấy đảng mình bị tiêu diệt và sự nghiệp của mình bị phá hủy hoàn toàn, quyền lực của nhà vua trẻ tuổi Chiêu Thống⁽⁴⁾ hình như đã hồi phục được sự vẻ vang xưa và mỗi ngày một củng cố – trong khi các tiên vương như Cảnh Hưng, như chúng tôi đã từng nói, chỉ là những vị vua trên danh nghĩa và tượng trưng mà thôi.

Các vụ quấy rối trước đây do “giặc Tây Sơn” gây nên chỉ còn rất hiếm trong nội địa Bắc Kỳ; phần đông quân lính Tây Sơn đã rút vào Nam và chỉ còn một ít đóng tại xứ Nghệ An và vùng Bô Chin⁽⁵⁾, giáp giới Nam Kỳ Thượng⁽⁶⁾. Nhưng than ôi, sự yên ổn đó chẳng được lâu dài. Tướng Cống Chính sớm hối cho lòng tin cậy và sự khinh suất của ông, hay sự việc nể quá đáng đối với một kẻ thù nguy hiểm [Tây Sơn] vì ông tuồng như nhường cho họ miếng đất Bắc Kỳ trên để họ cai trị có chỗ vùng vẫy và lối vào tiến chiếm

vương quốc khi cơ hội thuận tiện. Vả lại, đáng lẽ tướng Chinh phải thận trọng và hiểu rằng tình trạng thái bình mà Bắc Kỳ đang hưởng từ chín, mười tháng nay, là do sự ân cần và tính dũng mãnh của ông ít hơn là do tình thế chiến trận giữa ông bạo chúa đáng sợ miền Nam Kỳ Thượng, tức gọi là Đức Ông⁽⁷⁾, em thứ tám của tiếm vương Nhạc và người anh [Nhạc]. Tiếm Vương buộc lòng phải chịu đựng quyền của em mình và phải nhận mọi điều kiện em mình đặt ra. Quả nhiên, khi Đức Ông hành quân trở về, ông ta vẫn chưa hài lòng về sự bành trướng mới mẻ của xứ Phú Xuân của ông. Ông không quên trở lại kế hoạch tiến chiếm Bắc Kỳ mà ông đã nghiên cứu lâu nay.

Ngày 6 tháng Mười Hai 1787, tôi nhận được nhiều tin đặc biệt và lá thư của ông Le Breton⁽⁸⁾, người trợ kế đại diện cho tôi ở vùng giáp giới Nam Kỳ đề ngày 20 và 23 tháng Mười Một cho biết rằng.

1) [tr. 217] Chừng một tháng nay, một vị tướng của Tân Attila⁽⁹⁾ [Nguyễn Huệ] tên là Vach Quich⁽¹⁰⁾ đã trở lại xứ Nghệ mộ rất nhiều lính và bắt dân chúng cung cấp một số lượng gạo khá lớn. Với những hành động tối dã man, tên ác quỷ đó thường hay xẻo tai, lột da mặt từ trán cho tới miệng, đánh như tử cho đến chết những viên xã trưởng hay những người đại diện cho các làng xã không tuân lệnh hắn ngay.

2) Từ hai, ba ngày nay, một vị quan khác, cao cấp hơn, trước gọi là Chương nha, sau đổi thành Đô đốc, rồi Đức Ông và sau cùng gọi là Tiết chế⁽¹¹⁾ (tất cả các loạn tướng thời đó đều đổi tên như thay áo) cũng tới xứ này những hai mươi hay hai mươi lăm con voi và bốn, năm ngàn lính Nam

Kỳ, chắc là tính tiến lên về phía kinh thành của vương quốc này. Tuy nhiên thượng cấp của ông ta có lẽ chỉ có ý định gửi ông ta ra Bắc Kỳ để mộ lính, thu gạo và ở đó dò xét hành vi và mọi sự đòi hỏi của Cống Chính và Chiêu Thống, vị vua bị điều khiển. Mục đích của việc tuyển mộ dân quân Bắc Kỳ là để thay thế các lính cũ của bạo quân Phú Xuân [Nguyễn Huệ] mà từ rầy chúng ta sẽ gọi là Bắc Vương (sau ngày ông ta thắng Nhạc tức Thái Đức⁽¹²⁾ và chia lãnh thổ của ông ra làm ba phần chỉ để lại cho người anh ba tỉnh nhỏ ở giữa quốc gia và cái chức vị Hoàng đế tuy long trọng nhưng lỗ bịch. Ông tự xưng là Bắc Bình Vương tức Vua xứ Bắc, biểu lộ như vậy mưu đồ thanh toán Bắc Kỳ (địa phận phía bắc Nam Kỳ Thượng). Vì đội ngũ đã bỏ rơi ông để theo Nhạc, trong hoặc sau thời kỳ chiến tranh giữa ông (kể chinh phục và phân phát vương vị) và tiếm vương [Nhạc] ông bị lâm vào tình trạng phải thu nhập trên lãnh thổ nhỏ bé của ông những thành phần thuộc giai cấp hạ lưu, những tay anh chị lưu manh, nông dân, và cấp cho họ khí giới. Đó là những người lính được chỉ định hoặc để ngăn ngừa sự tấn công bất thần của quân địch (tuy bị bại trận nhưng được tăng cường với rất nhiều đào binh) hoặc để trừ định xâm chiếm Bắc Kỳ. Sư đoàn do Tiết chế và Vach Quinh chỉ huy được phân tán và chỉ định vào các cơ đội dân quân tuyển tại xứ Thanh Nghệ và Bố Chính [218] (địa phận dùng vào việc dưỡng binh). Sư đoàn này có nhiệm vụ giám sát, bắt buộc những người dân quân phải chiến đấu chống anh em họ. Vì thế trong một cơ đội cứ một người lính Nam Kỳ (của Tây Sơn) thì trung bình lại có khoảng ba mươi hay một trăm lính Bắc Kỳ.

Trong một khoảng thời gian ngắn, Tiết chế đã thành

lập được một quân đội có lẽ hơn 30.000 người. Quả nhiên, ông ta trực chỉ kinh đô và tới xứ Thanh vào trung tuần tháng Chạp. Bấy giờ chính quyền Bắc Kỳ mới thức tỉnh khỏi cơn mê ngu muội của họ và trù liệu những biện pháp cần thiết để đẩy lui quân địch hay ít nhất cũng ngăn không cho họ tiến vào xứ Nam để vào hoàng thành. Những trận đụng độ đầu tiên giữa hai bên xảy ra ngay sau ngày lễ Giáng sinh. Mặc dầu thỉnh thoảng thua mấy trận và thiệt hại một số lính chính quy vài trăm lính tập Bắc Kỳ, quân Tây Sơn vẫn tiến từ từ về cõi xứ Nam (tức tỉnh Sơn Nam) và chỉ còn cách tư dinh tôi có nửa ngày đường, lại mệt hơn nữa là trong tình trạng nguy cấp như thế mà sự bất hòa lại thỉnh linh bộc phát giữa Đốc Chiên và Cống Chính trấn thủ xứ Nam (mà tôi đã nhắc tới trong cuốn nhật ký viết năm trước). Sự lũng củng này bắt nguồn từ sự ghen ghét của Đốc Chiên trước uy danh lừng lẫy của Cống Chính. Đốc Chiên ghép cho Cống Chính tội ban phát những đặc ân phi pháp cho những kẻ tay chân và chỉ lo tới sự tiến cử họ trong khi đó chính ông và những quan lại dưới quyền ông mới là những kẻ tận tụy với việc nước lại không được đếm xỉa tới. Đốc Chiên vì tham vọng và đổ kỵ, cho rằng thời cơ thuận tiện để báo thù Cống Chính đã tới và định nắm lấy nó nhưng ông nghĩ rằng hành động phản bội của ông không những gây tổn hại cho địch thủ ông [Cống Chính], cho cả ông nữa. Ngày 30 tháng Mười Hai, một viên sĩ quan theo Công giáo chỉ huy một sư đoàn trọng yếu của hạm đội hoàng gia dưới quyền của Đốc Chiên có viết cho tôi một lá thư trong đó [219] ông cho tôi hay rằng Đốc Chiên không những không đem lực lượng cản địch mà ngược lại còn dự định vượt tuyến vào Nam hàng Tây Sơn.

Trước đây, ông ta cùng với Cống Chính hợp tác với Tây Sơn, (đồng thời tôi nhớ rằng) nhờ vậy ông ta được Tiết chế Tây Sơn ban cho một thẻ thông hành và một sổ hộ vệ quân. Vì Đốc Chiên đã nhiều lần tỏ ra dũng cảm và am tường chiến thuật của địch nên lính Bắc Kỳ tin cậy và sẵn sàng tuân lệnh ông ta hơn các tướng khác. Tin tức về sự bội phản đó làm thay đổi tức thì cục diện chiến cuộc vì nó khuyến khích lòng can đảm của quân Tây Sơn và gây kinh hoàng trong đội ngũ lính Bắc Kỳ. Tuy bị bạn đồng liêu bỏ rơi một cách hèn nhát như vậy Cống Chính vẫn không nổi giận mà giả vờ viết liên tiếp mấy cái thư cho Đốc Chiên, nhân danh Vua và tổ quốc, khẩn thiết yêu cầu ông này từ bỏ ý định tai hại của ông và gác lại mối di hận sang một bên (vì lợi ích chung). Nhưng tính kiêu căng và sự ngoan cố chung của những kẻ bội phản làm hấn bỏ ngoài tai mọi điều khuyên răn. Bởi vậy Cống Chính bắt buộc phải đích thân chỉ huy đội ngũ còn lại và cấp tốc rời thủ đô để chặn đường tấn công địch. Trong khi đó, một vị hoàng thân (cậu hay chú bác của Lê Chiêu Thống) được cử đi dẹp giặc, gây hoang mang trong dân cư kinh đô vì sự đào tẩu về kinh thành một cách quá vội vã của ông. Cống Chính tức giận và muốn trừng trị nghiêm khắc người này để làm gương và cảnh cáo các vị quan và binh lính dưới quyền ông. Vì vậy ông tâu với Vua rằng ông chỉ nhận lãnh trách nhiệm điều khiển cuộc chinh phạt quyết định sự thành bại của đất nước với điều kiện phải bêu đầu ông hoàng kia về hành vi hèn hạ của ông. Vua Chiêu Thống không dám từ chối sự đòi hỏi đó. (Chắc hẳn hình phạt đáng sợ đó không hợp với phong tục Tây phương và ở đây mọi người sẽ coi đó là một hành động dã man). Sau đó vào ngày 4 (hoặc 5 gị đó)

tháng giêng Cống Chính lên đường. Theo nhiều lời đồn thì ông bị ám ảnh bởi những điều gở mà ông đã nhận thấy khi xem xét các tinh tú vì ông ta am hiểu cặn kẽ chiêm tinh thuật. Và lại ông ta cũng biết rằng mình không được lòng quân sĩ của ông. Quả nhiên, khi ông ta tới trận tuyến, ông nhận thấy rằng quân đội của ông sẵn sàng đào ngũ hay chưa đánh đã muốn đầu hàng quân Tây Sơn. Trong tình trạng hiểm nghèo đó, vì sợ rơi vào tay Tiết chế, ông không làm gì khác hơn là rút lui một cách kín đáo vào đêm 6 và 7 tháng giêng để trở về hoàng thành. Người ta kể rằng khi tới nơi thấy nhà Vua, ông liền kêu lên rằng: “Bloi ơi là Bloi! nhà Lê mất rồi!”⁽¹³⁾ rồi ông cầm lấy tay nhà Vua. Cả hai vừa khóc vừa xuống một chiếc thuyền chở họ đi ẩn tại “xứ Boc” hay “Xứ Bắc”⁽¹³⁾.

Không chậm trễ. Tiết chế xua quân tiến về kinh đô và vào thành với phần lớn quân sĩ của ông vào ngày mùng 9 tháng Một. Hôm sau chiến hạm Le Castries của Pháp qua ngang Bắc Kỳ.

Ngày 10, tướng Nam Kỳ cho quân đuổi theo Cống Chính để bắt ông này và mời vua Chiêu Thống trở về kinh thành. Cố nhiên nhà vua không dám nhận lời mời. Cuối cùng ngày 12, Cống Chính bị chính một người đồng hương (và cũng là một cựu chiến hữu) của ông là Ba Trang Thuoc⁽¹⁴⁾ bắt. Cống Chính phản cự một cách dũng cảm nhưng khi thấy con trai ông bị giết một cách dã man ngay trước mắt ông và hơn nữa, theo người ta kể lại vì ông bị thương nặng nơi cánh tay, ông bắt buộc phải đầu hàng. Ngay đó, ông bị nhốt trong một cái cũi có buộc đầu con trai ông ở trên. Ông bị đưa về kinh đô. Người ta quả quyết rằng

Tiết chế dự định gửi ông vào Phú Xuân để nộp ông cho Nam Kỳ bạo quân hay Tân Bắc Vương. Nhưng lính Bắc Kỳ gọi là quân Tam phủ⁽¹⁵⁾. Kẻ thù bất cộng đái thiên của người tù nhân danh tiếng này, đã hò hét đòi giết ông ngay nên Tiết chế không dám khước từ. Đó là dư luận dân gian. Sự thật thì Tiết chế lúc đó có vẻ không những mong muốn độc lập mà còn hy vọng độc chiếm Bắc Kỳ [21] ly khai với chủ ông, nên ông rất mừng khi đã trừ được một kẻ địch đáng sợ như Cống Chính. Cống Chính vị tướng bất hạnh, bị xử tử tại hoàng thành hôm 15 tháng Một và thi thể trần truồng với cái đầu của ông bị bêu mấy giờ liền cho công chúng xem. Người ta còn kể thêm rằng khi Tiết chế đọc bản án tử hình, kẻ tội ông là một kẻ nghịch lệnh và phản bội không chịu đến gặp Bắc Vương mặc dù đã nhận được nhiều lệnh gọi, Cống Chính trả lời rằng: “Ông tốt phúc mà bắt được tôi vì nếu không, chính ông sẽ mất đầu (như tôi sắp mất đầu đây) cuối năm nay”. Cái chết bi thảm của tướng Cống Chính như thế đó. Ông ta hình như chỉ “trèo cao để ngã đau”. Quyền lực của ông dưới thời vua Chiêu Thống mạnh đến nỗi vị vua này định cho ông nhập Hoàng gia bằng cách thừa tự ngài, việc ban thưởng này là việc rất hi hữu ở các quốc gia khác! Cống Chính từ chối. Thực ra, chắc hẳn ông sợ rằng một ân sủng quá đáng như thế đó với dòng dõi của ông có thể gây ác cảm và làm thiên hạ chống ông. Vả lại, trong triều đình, việc gì cũng do ông định đoạt cả. Ngay nhà vua cũng có vẻ nể sợ ông. Ngài hết sức tránh những việc có thể làm méch lòng ông. Đến nỗi, một hôm nọ, một số người có cửa hàng tại hoàng thành đến tố cáo với tướng Cống Chính rằng một vài vị Hoàng thân, chú bác và cậu vua đến bức hiếp họ không cho họ buôn bán,

Cống Chính bắt bình bắt vua phải trừng phạt những người này. Chiêu Thống lập tức phải cho bắt mấy người đó nộp cho Cống Chính. Sau khi quở trách các vị này ông liền bắt họ phải bồi thường thiệt hại do họ gây ra. Còn cấm họ từ rầy không được la cà trong phạm vi thành phố nữa [222] nếu không tuân lệnh thì sẽ bị trừng phạt. Lệnh cấm đó tỏ ra có hiệu nghiệm.

Tiết chế mẫn nguyện và tự đắc về thành tích đầu tiên của ông nên tưởng thế nào cũng bắt được Chiêu Thống. Ông còn khoe khoang rằng ông sẽ cho nhà vua trình diện dân chúng hoàng thành nhân dịp chào đón năm mới (Bắc Kỳ). Nhưng nhà vua này đã phải cải trang nay dưới hình thức này mai dưới hình thức khác, có khi phải đội lốt một người nông dân, phải chắt củi trong rừng rồi khiêng lên trên vai (như chính ông đã thú nhận trong một bức thư cảm động mà ông gửi cho thần dân ông ít lâu sau).

Nhờ vậy ông đã thoát khỏi cuộc truy tìm của bọn tay chân Tiết chế.

Những người nào quen suy tưởng thời cuộc bằng nhân nhãn, chỉ coi cái ách vận của Chiêu Thống như một trò đùa tàn nhẫn của Tạo hóa. Nhưng các giáo sĩ được biết rằng vị vua đó đã đánh dấu sự đăng quang của ông bằng cách chấp chiếu các bằng sắc cho dân những vùng muốn vị thành hoàng lên phẩm trật cao hơn với một giá rất đắt. Hành vi đó (đối với chúng tôi) bắt nguồn từ ba cái tật xấu (của quan lại cũng như của dân chúng): lòng kiêu căng, tính biếng lận và sự mê tín. Những vị giáo sĩ khi biết được cái tin chẳng lành đó, hình như đã tiên đoán, ngay lúc đó, một cuộc cách mạng mà hậu quả là sự chiếm đoạt ngai vàng và

lãnh thổ bởi người ngoài. Họ định ninh rằng tại Cống Chính không những không chống sự mê tín dị đoan đó mà lại còn khuyến khích nó một cách đê tiện. Chính ông đã nhận được bằng sắc⁽¹⁶⁾ [do vua ban] và sai một anh lính cận vệ Công giáo mang tờ đó về quê ông⁽¹⁷⁾ nên trước sau ông cũng gặp thảm họa nhục nhã.

Còn tên Đốc Chiên bất trung, hẳn không được hưởng lâu sự hoan hỉ của mối thù đã trả. Vài ngày sau sự thất bại và trước ngày hẳn bắt và xử tử Cống Chính, hẳn nhận được lời khuyến cáo của vài người bà con hẳn (đang bị Bắc vương giữ làm con tin) ở Phú Xuân bảo hẳn chớ có đến thành này. Hẳn bèn viết thư cho Cống Chính xin tha thứ tội đào ngũ của hẳn, viện cớ rằng đó chỉ là một mưu nhỏ do hẳn nghĩ ra để tấn công quân Tây Sơn. Nhưng chẳng may lá thư của hẳn bị địch bắt được, thành ra hẳn trở thành kẻ bội phản khả ố đối với hai bên. Tuy nhiên vì lúc đó, hẳn có vẻ quả quyết và bị dồn vào thế phải chiến đấu với Tiết chế, nên vua Chiêu Thống định che đậy sự phản bội của hẳn. Ông ra lệnh cho hẳn phải tấn công tiền quân của địch trong khi cánh quân khác sẽ đánh úp hậu quân còn lại. Từ lúc đó, tức là từ trung tuần tháng Giêng, có nhiều trận đánh ác liệt giữa Đốc Chiên và Tiết chế.

Đến cuối tháng Ba, tháng Tư chiến tranh tuy ngắn trở sự hung đồ của Tiết chế nhưng không có hậu quả gì hơn là tăng gia sự tàn phá và sự khốn cùng trên đất nước. Trong khi quân Nam Kỳ làm chủ Hoàng thành và thủ phủ xứ Nam, vị trí bố phòng trọng yếu độc nhất của Vương Quốc và Đốc Chiên hãy còn đóng đồn ở nơi cũ với chiến thuyền và đủ loại tàu bè, giữ chắc thế thủ; Tiết chế cùng Vạch

Quinh, (vị tướng hung bạo mà tôi có nói ở đầu bài này) và các quan tướng khác bố trí dọc bờ sông các đội vệ binh đủ loại để dò xét động tĩnh của tướng Bắc Kỳ. Những vị tướng Nam Kỳ quấy phá Đốc Chiên không ngừng và phái bộ hạ đi khắp nơi sách nhiễu dân chúng đủ điều. Người ta chỉ nghe nói đến mộ lính, quyền gạo, quyền tiền. Khi một tổng vừa mới cấp cho Tiết chế một số lính mới đúng ngày đã hẹn (mỗi sự chậm trễ hoặc thiếu sót về vấn đề đó đều bị trừng trị tức thì) người ta lại thấy chẳng bao lâu, những con chim kên kên (chỉ những người lính mới tham tàn đó) trở lại mang theo danh sách hay bản kê những người có tiếng giàu có hay sung túc [phú hộ], những kẻ có hiềm khích nhiều hay ít với chúng phải nộp bao nhiêu lượng gạo hay bao nhiêu tiền. Chúng khám xét nhà cửa lấy cơ để tìm kiếm khí giới làm cho tôi một bữa phải trốn giữa đồng ruộng, ngay buổi trưa đang lúc nắng chang chang trong khi chúng lục lọi và làm một bản kê khai tài sản của dinh thự tôi. Chúng còn đòi hỏi tất cả hội đoàn nông dân, làng mạc, thôn xóm phải trình cho chúng biết tình trạng hay bản kê khai chính xác những đất đai của họ nhằm mục đích trưng tập thuế má, và các phụ đảm khác cùng mộ lính tráng. Tệ hơn nữa tại nhiều nơi quân Tây Sơn đã man còn tuyển các thiếu nữ trẻ. Chúng đã cướp nhiều cô khỏi tay cha mẹ để làm tỳ nữ hay làm cung nữ cho tên Tiết chế đề tiện. Muốn dân Bắc Kỳ không tài nào chống lại chúng, chúng cho các thủ hạ làm mật sứ đi khắp nơi triệt hạ tất cả những thành lũy hay gò [mô] đất [224] được dựng lên mấy năm trước để chống bọn giặc cướp tại các thôn làng. Nhưng tôi phải ngừng lại đây vì tôi bắt buộc phải thú nhận rằng mưu mô của quân vô đạo đó, được sắp đặt trước một cách tinh xảo

quá. Những thủ đoạn quấy rối của chúng khiến tôi không thể (tự phụ) là đã trình bày được một ý niệm đầy đủ về tình trạng hỗn loạn và lộn xộn toàn diện... [quân Tây Sơn quấy nhiễu các giáo sĩ] [225]. Trong lúc đó Tiết chế vẫn đóng bản doanh tại Hoàng thành trong phủ Chúa được ông biến thành một thứ pháo đài. Ông không che dấu được sự bối rối tuy bề ngoài khinh miệt tướng Đốc Chiên. Ông sợ tướng này là vì bây giờ trong tay ông chỉ còn một số ít lính Tây Sơn (hay Nam Kỳ) thực thụ mà thôi vì phần đông lính Nam chết đói hay mất hiệu lực chiến đấu, nguyên do là ở bệnh tật và chiến tranh. Không những ông không hy vọng gì về việc bạo quân Nam Kỳ hay Bắc vương gửi quân tăng viện cho ông (tuy vậy ông không ngớt khoe khoang là vẫn nhận được đều đều quân tiếp viện để lung lạc tinh thần quân Bắc Kỳ) mà ông lại còn lo sợ sự phẫn nộ của Bắc vương vì ông khăng khăng từ chối nhiều lần không chịu tuân theo lệnh gọi ông về Phú Xuân sau khi đã giết được Cống Chính. Ông lại còn tình nghi là đã có tham vọng chiếm ngai vàng Bắc Kỳ đáng lẽ là của chủ ông [Bắc vương] nhân lúc người này đang đánh nhau với Tiêm vương Nhạc, Bắc vương không thể dích thân ra Bắc Kỳ để xem xét tận tường các hành động của Tiết chế. Ông phải giao nhiệm vụ đó cho một vị quan thân tín tên là Đại tư Mã⁽¹⁸⁾, kẻ thù công khai của vị tướng tham vọng [Tiết chế]. Vị quan này ra Bắc vào đầu tháng Hai với một quân đoàn 2.000 người. Ít lâu sau ông tới kinh đô. Ông không thèm đến chào Tiết chế mặc dù ông này chức lớn hơn. Ông lúc nào cũng tỏ vẻ lãnh đạm và có nhiều ác cảm với Tiết chế. Sự chia rẽ giữa tướng sĩ Nam Kỳ cộng với những thắng lợi của Đốc Chiên và vài phóng đảng Bắc Kỳ khác

chống lại Tiết chế bắt đầu làm chúng tôi hy vọng. Nhất là từ trung tuần tháng Tư, chúng tôi hy vọng rằng Bắc Kỳ sắp thoát nạn quân Tây Sơn khốn nạn vì chúng không giấu giếm sự bối rối của chúng khi quân Tây Sơn thi nhau đào ngũ và ẩn trốn trong nhà những người dân nào chịu chứa chấp họ. Nhưng chúng tôi không ngờ rằng chúng tôi đang sống trước một cuộc đại cách mạng đặt Vương quốc này dưới uy quyền chúng. Thật vậy, vào cuối tháng Ba⁽¹⁹⁾ khi Bắc vương đã thắng hai, ba trận quân đội của Tiếm vương Nhạc được cử tới đánh ông [Bắc vương] để trả thù việc ông làm cho anh ông mất thể diện năm 1787⁽²⁰⁾, ông chỉ nghĩ tới cuộc chinh phạt Bắc Kỳ dự định vào tháng Tư. Lúc đó, vua Chiêu Thống cùng với Đốc Chiên nhờ một chiến thuật đặc biệt, vừa mới phá tan một đội quân lớn của địch. Nghe tin Bắc vương sắp ra, Đốc Chiên vội bỏ dinh sở cũ để lên thuyền trốn ra biển⁽²¹⁾. Mãi ngày hôm sau, mùng 3 tháng Tư tin Đốc Chiên bỏ trốn (không rõ duyên cớ đích xác) mới đến tai tôi. Nhưng khi tới bờ biển, Đốc Chiên không có thì giờ thả neo để tìm kiếm lương thực tại vùng lân cận, thì một cuồng phong ngược chiều nổi lên làm phân tán hạm đội của ông. Vì vậy hải quân ông rơi vào tay địch và ông bị bắt vào đầu tháng Năm. Còn vua Chiêu Thống khó khăn lắm mới thoát nạn được, bằng cách băng qua rừng núi. Hiện giờ, người ta vẫn không biết đích xác vị hoàng đó ra sao. Dân Bắc Kỳ không quên nhận xét (như một việc đáng lưu ý) rằng sự liên kết giữa vua và Đốc Chiên cũng là sự mở đầu tai vạ của vị tướng từ trước tới giờ có tiếng là tốt số.

Trong khi đó Bắc vương tiến rất mau, cầm đầu một đại binh cùng đoàn hộ giá gồm 150 von voi, 100 người nằm

võng, rất nhiều kiểu sơn vàng lộng lẫy (một dành cho Bắc vương, và một cái cho công chúa Hân, cô của Chiêu Thống và vợ của ông)⁽²²⁾. Ngày 2 tháng Năm, tôi hay tin Bắc vương chỉ còn cách trú sở tôi có một ngày đường. Ngày mồng 7, tôi chỉ còn cách trú vào kinh thành sáng mùng 4 nhưng không lộ vẻ vui tươi gì. Có người nói rằng quan Tiết chế có ra đón ông tại một địa điểm cách xa thủ đô với vẻ nể sợ nhưng thực ra là với ý định chặn đường và tấn công ông; nhưng khi thấy ông được bảo vệ kỹ lưỡng quá, nên Tiết chế giả vờ vui vẻ như không hề có tình ý gì. Dù sao Bắc vương cũng cho người bắt ông tức khắc. Sáng hôm sau, mồng 5 tháng Năm, ông bị trói dẫn ra pháp trường và bị bắt quì ở đó cho công chúng xem, phơi mình dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời. Ngày hôm sau ông bị xử trảm. Đó là vận số xứng đáng [227] cho một kẻ khát máu đã từng gieo tang tóc cho tổ quốc nói chung và Bắc Kỳ nói riêng. Theo một lá thư của ông La Mothe⁽²³⁾ thì một người phu khiêng kiệu của các chúa Bắc Kỳ đã bị đâm chết bằng một ngọn giáo theo lệnh của Tiết chế (không cần phải qua một thủ tục nào cả) ở ngay trong dinh của ông bốn ngày trước khi ông bị xử trảm. Gan của người phu xấu số này (mà các bạn đồng giáo đoàn của tôi quen biết) bị các lính cận vệ Tây Sơn ăn hết.

Ngày 10 tháng Năm, một ngày trước lễ Thánh linh Giáng Lâm, một vị quan tư lệnh Bắc Kỳ tên là Lê Thái⁽²⁴⁾ và anh (hay em) rể Cống Chính bị quân Tiết chế bắt từ trước và bị giam giữ tại Hoàng thành, cũng bị Bắc vương ra lệnh xử trảm, [mưu toan rửa tội hai người này bắt thành]...

Tuy Bắc vương ra Bắc để lật đổ loạn đảng Tiết chế và để giữ chắc công cuộc cai trị vương quốc được phó thác cho ông nhưng ông sợ vì thái tử hợp pháp của Nam Kỳ [Nguyễn Ánh] trở về nay mai và xâm chiếm bất thành linh. Ông phải lập tức lên đường vào Nam với những binh lính mới mộ được tại Bắc Kỳ để bố trí phòng thủ và kháng cự lại. “Tân Attila” đó chẳng bao giờ chịu ngồi không tại thủ đô. Ngày 1 tháng Năm, ông đến cung điện vua Chiêu Thống, hình như để chiếm hữu ngai vàng. Song le, ông thận trọng không dám công khai tự xưng là vua Bắc Kỳ và đành lòng đặt sự cai trị vương quốc trong tay với bốn, năm vị quan Nam Kỳ hay Tây Sơn; vị quan thứ hai là Đại Tư Mã⁽²⁶⁾, sư phó ông (mà tôi [228] đã có nói tới) nổi tiếng là dũng cảm và thông minh trong việc điều khiển mọi công việc (nhiều người trong đó có ông Serard⁽²⁷⁾ tin là vị này theo Công giáo).

Ngày 15 tháng Năm, Bắc vương – từ một ít lâu nay ông chỉ tự nhận là Đức lệnh⁽²⁸⁾, nghĩa là vị hoàng lập pháp – công bố một sắc lệnh mà nội dung là:

1) Năm 1786 ông có ra cứu Bắc Kỳ và tôn vương Chiêu Thống khỏi áp lực của các vị hoàng họ Trịnh định tiếm vị Vua dưới tên Chúa.

2) Ông đã giao cho Cống Chính nhiệm vụ trông nom công lợi nhà nước nhưng vị quan này đã không làm tròn nhiệm vụ đó vì thế ông phải phái Tiết chế ra triệt hạ và lật đổ Cống Chính nhưng cuối cùng trái với sự mong đợi của ông, Tiết chế lại lạm dụng quyền thế để quấy nhiễu, hà hiếp dân chúng nên nhà Vua (Bắc vương) phải đích thân đến tận nơi để tái lập trật tự.

Sau vài dòng vào đề như trên, ông tiếp rằng: bốn ngày trước nghĩa là ngày 11 tháng Năm, các quan văn võ tới yết kiến ông có bảo ý đệ đơn xin tha cho hoàng tộc Lê và tôn thất chúa Trịnh. Đoạn ngỏ lời nói với dân Bắc Kỳ, ông hỏi họ thích sống dưới chế độ nào: bị một ông hoàng huyết thống nhà Lê cai trị (ông giả vờ không nhắc đến tên Chiêu Thống) hay khẩn cầu ông ở lại điều khiển quốc gia để được hưởng một sự thái bình hoàn toàn và vĩnh cửu, dưới sự bảo hộ, giúp đỡ của ông. Ông kết thúc sắc lệnh đó bằng cách yêu cầu mọi công dân (không phân biệt giai cấp, phẩm tước và địa vị) cho biết ý định của họ về việc này.

Cùng lúc ấy, một sắc dụ khác của Bắc vương công kích vua Chiêu Thống được ban hành. Nội dung của nó là:

1) Vua Chiêu Thống là một kẻ vô ơn bạc nghĩa, phản bội sự trợ giúp của Bắc vương.

2) Vị hoàng đế là một gánh nặng cho quân đội và thần dân của ông. Ông đã không ngừng sách nhiễu họ đủ kiểu đến nỗi họ phải buộc lòng rời bỏ nhà cửa ruộng vườn để tản mát khắp nơi.

3) Chiêu Thống đã phạm trọng tội [229] gian dân và loạn luân ghê tởm với em gái ông và sát nhân vì ông đã cho giết một cách dã man cùng một lúc ba người chú (bác hay cậu) ông và một người vợ của Cảnh Hưng, tổ phụ của ông [tuy nhiên Bắc vương không có chứng cứ]. Với những hành động bẩn thỉu và kinh tởm đó ông không xứng đáng chút nào, vì thế Bắc vương cho hay rằng bất cứ ai bắt sống Chiêu Thống, mẹ và em trai ông ta⁽²⁹⁾ nộp cho chính quyền sở tại sẽ được tặng thưởng xứng đáng, nơi cư trú sẽ được miễn (suốt đời) khỏi phải trả các thứ thuế, phụ đảm

và không phải làm sưu dịch; ngược lại nếu ai biết chỗ ẩn náu của Chiêu Thống mà không báo ngay hay dám chứa chấp ông ta, nếu nhà cầm quyền mà biết được, sẽ bị xử tử tức thì không ân giảm, làng hoặc nơi trú ngụ sẽ bị phá hủy hoàn toàn và biến thành tro.

Trong khi chờ đợi, vì Bắc vương sắp phải lên đường vào Nam, ông nhất định cho phá hủy thủ đô Bắc Kỳ, gọi là Kẻ Chợ⁽³⁰⁾, Kinh Đô hay Kinh Ki và xây lại tại xứ Nghệ An một hoàng thành mới⁽³¹⁾ gần quốc gia nhỏ bé của ông (Phú Xuân) và gần Nam Kỳ Thượng, ở khoảng giữa hai vương quốc. Ông liền cấp tốc cho thực hiện kế hoạch này. Trước hết ông cho phá tất cả các biệt thự của các Chúa cũ và của những người chuyên chế biến sự nhà Trịnh ở trong hoàng thành và cho chất lên thuyền những vật liệu, đồ đạc quý nhất và tài sản cùng với một số lớn gạo thu nhặt được để mang tới chỗ được qui định là nơi xây cất thành phố tương lai gọi là Phủ Thạnh hay Thành Rum. Ông cũng không bỏ sót các dinh vua Chiêu Thống và cung điện các vua nhà Lê [ông cho phá tan hết]. Ông cho lấy đi tất cả những thứ ông thích, ngay cả đá lát nữa (theo lời đồn). Nhưng như thế vẫn chưa làm thỏa mãn lòng tham vô đáy của ông. Tôi nhận được nhiều lá thư và được nhiều người cho biết rằng vào cuối tháng Năm và đầu tháng Sáu, Bắc vương nghĩ và kiếm đủ cách tịch thu tiền mọi người. Ông lợi dụng một vị quan Trung Hoa tên là Thiểm Bầy 932), con rể vua Cảnh Hưng như ông tức là anh (hay em) “cột chèo” bằng cách bảo vị này kê khai những tên đại thương gia giàu có và những tư nhân có nhiều tiền để ông xua lính vào cướp. Cuối cùng ông kiếm chuyện với tên đồng lõa ti tiện này [tức vị quan Tàu]. Ông cho tra tấn thật dã man tên

đó cùng với vợ hắn để ép chúng làm tờ kê khai đích xác của cải của chúng. Ông đã thành công trong việc chiếm đoạt tài sản kếch xù của chúng. Mấy lá thư đó còn cho tôi biết rằng:

1) Người ta không biết gì hơn nữa về các phản ứng của vị Bắc vương hung dữ này đang phẫn nộ vì sự thất bại của đội quân do ông phái đi dẹp các loạn quân Bắc Kỳ còn lại và dân cư miền thượng.

2) Bà góa phụ Cảnh Hưng, mẹ vợ ông có lần xin ông tha cho các vị quan Bắc Kỳ, đặc biệt là cho Đốc Chiên. Người ta đồn rằng bà có cho Đốc Chiên 100 thoi (hay đỉnh) vàng để ông ta dùng vào việc mua chuộc các quan lại, bảo tồn cái đầu ông. Nhưng vì sợ hãi trước sự phẫn nộ của con rể bà, bà đã bỏ trốn. Bắc vương lập tức cho tịch thu đồ đạc và tài sản của bà Công Chúa Bắc Kỳ (tức là bà Hân) vợ ông bị đánh hai mươi roi theo lệnh ông. Hình như bà này đã oán trách chồng bà vì sự ngược đãi đối với mẹ bà.

3) Khi mẹ vợ ông bị điệu về triều đình, ông đã trách mắng bà thậm tệ vì mối cảm tình của bà đối với Đốc Chiên. Số vàng do bà cấp cho Đốc Chiên để chạy tội phải vào tay ông. Ông còn cho lấy cung của Đốc Chiên, vị tướng đáng thương này đã bị đóng gông gần một tháng nay. Rồi ông cho đánh vị tướng này bốn mươi trượng vì tội từ chối, không chịu khai chỗ vua Chiêu Thống ẩn trốn. Cuối cùng, ông ra lệnh xử trảm vị tướng này ngày một tháng Sáu.

4) Ông vừa mới cho giết bào đệ vua Chiêu Thống; bị bắt khi đánh nhau với quân Tây Sơn.

5) Ông còn giữ tại Hoàng thành tất cả các văn võ đại thần Bắc Kỳ, không cho phép họ ra khỏi thành bất cứ vì

nguyên do gì. Người ta không biết số mạng của họ rồi đây sẽ ra sao.

6) Ông cho tuyển chọn rất nhiều thợ và nghệ sĩ đủ loại để mang họ theo ông. Ông dùng họ vào việc xây cất tân kinh thành. Ông bắt mỗi nghiệp đoàn phải cấp cho ông ít nhất mười lăm người.

7) Ông mới ra lệnh mộ một đội quân 240.000 người gồm toàn lính cũ thuộc cựu quân đội vương quốc, nhiều dân quân mới. Trong thời gian năm ngày, mọi khu vực phải cấp đầy đủ số lính mới. Số lính được tuyển mộ vượt hẳn nhu cầu chiến tranh của Bắc Kỳ và gần gấp đôi số mà chính quyền trước có lệ tuyển và duy trì.

8) Lại có lệnh mới bắt nộp ngay lập tức và cùng một lúc các thứ thuế được trả làm hai kỳ trước kia, các thứ thuế gạo tháng Ba và tháng Mười, tất cả các thuế khác mà chưa được trả đầy đủ; không ai được than phiền hay bày tỏ ý kiến về việc đó. Các xã trưởng và phú hộ (hào mục) nào không tuân lệnh ngay sẽ bị đánh một trăm trượng hoặc sẽ bị xử tử tùy theo họ phạm trọng tội hay khinh tội.

Đó là đại khái kết quả của những cuộc hành quân và cách xử lý của Bắc vương trong thời gian ngắn ông lưu lại thủ đô Bắc Kỳ. Ông rời nơi này sau ngày lễ thánh Jean⁽³³⁾ để về Phú Xuân chặn đường vị vua hợp pháp đang tìm cách chiếm lại đất đai của ông [Nguyễn Ánh]. Ông hấp tấp đến nỗi ông chỉ ghé ở một ngày tại nơi được chỉ định xây thành phố mới. Theo thư của ông Breton nhận được hồi cuối tháng Bảy, cuộc hành trình gian khổ ấy trở vào Nam Kỳ, chúng tôi không nhận được tin tức nào về việc làm và sức khỏe của ông ấy [Bắc vương]... [tác giả nói về tình

trạng hiện tại]... Hiện thời, cả Bắc Kỳ đều trong tình trạng chiến tranh, đâu đâu cũng thấy khí giới. Chỗ nào cũng có bè đảng. Tuy chúng không chịu kết hợp với nhau nhưng chúng cũng chẳng ghét quân Tây Sơn lắm. Thành thử quân Tây Sơn, tuy ít ỏi, [231] lợi dụng được sự chia rẽ và bất hợp tác của chúng để tiêu diệt chúng dần dần nhờ khí giới của những người dân Bắc Kỳ bị họ bắt làm lính đi theo họ [quân Tây Sơn]. Họ dùng những người dân Bắc Kỳ này làm mộc và đắp thành lũy chống đồng bào Bắc Kỳ. Từ ít lâu nay, người ta đếm được khoảng năm hay sáu đối thủ tranh nhau vương vị Bắc Kỳ. Đầu tháng Tư, tôi nhận được một đại chứng thư của một trong những tên giang hồ, tự nhận là con cháu một vương gia cũ họ Lý và là người kế vị chính thống⁽³⁴⁾ của ngôi vua. Hắn ta dùng những lời lẽ bay bướm nhưng mập mờ đại để khuyến cáo sự tán trợ phe hắn. Hắn hứa sẽ dành nhiều đặc quyền cho tôn giáo mà tôi đang truyền giáo nếu thành công. Thư đó không đề năm thứ hai Chiêu Thống mà lại đề ngày thứ một Xuân Mậu Thân, năm mặt trời chu chuyển (tức là năm 1778). Ai cũng biết rằng tôi không bao giờ trả lời một lá thư như thế.

Ngày 13 tháng Tám, tôi nhận được một lá thư của ông Serard đề ngày 10, cho biết rằng thủ lãnh một đảng nọ ở Bắc Kỳ vừa mới tuyên bố: là con cháu một vị đại thần tên là Trịnh Trình⁽³⁵⁾ người đã từng được nâng vào hàng chức phẩm cao nhất tức là chức tể tướng vương quốc). Hắn lại còn khoe khoang là được chỉ định làm vua theo lời sấm truyền mà hắn bảo là lấy ở trong cuốn Sam Ki⁽³⁶⁾. Cuốn này được khắc lên đá và viết bởi vị sĩ phu tên [Trịnh Trình]. Vị sĩ phu này được dân Bắc Kỳ coi là Nostradamus⁽³⁷⁾ của họ.

Trong cuốn nhật ký này, tôi chưa nói tới các hoạn quan Bắc Kỳ vì khi tôi bắt đầu viết cuốn này tôi chưa biết rõ đời sống của họ. Giờ đây, tôi chép lại bài trần thuật mà tôi vừa mới nhận được ngày 9 tháng Mười Một. Tác giả của bài này là một vị linh mục tự nhận là người mục kích nhiều sự kiện ly kỳ nhất. Ông ta viết bài này theo lời dặn của tôi. Đây là bản dịch sát nghĩa của bài đó:

Thưa Đức ông, tôi lấy làm hân hạnh được dâng lên Đức ông bài trần thuật này kèm với tất cả sự kính cẩn của tôi. Trước hết, tôi xin nói về những việc làm của ông hoàng lập pháp Đức lệnh hay Bắc vương, sau khi tới thủ đô Bắc Kỳ. Khi vừa nhập thành, ngài lập tức ra chỉ thị cho các văn võ đại thần và các hoạn quan của cựu quốc vương Bắc Kỳ, gọi là Vua hay Đức thống trị, và của người nắm hết quyền hành lúc bấy giờ là Chúa, phải tuân theo ý ngài, đến yết kiến (ra mắt) ngài ngay, không được chậm trễ, để bày tỏ lòng tôn kính ngài. Ai nấy đều tin chắc rằng Bắc vương ra Bắc Kỳ là để chiếm ngai vàng vương quốc mà thôi. Song le, phần lớn các quan văn võ không vội tuân lệnh đó và chỉ có thiếu số quan lại đến ra mắt Bắc vương. Những người ra trình diện đều bị bắt ngay lập tức. Họ phải trả một số tiền chuộc ít hay nhiều tùy theo chức vụ và tư cách của họ nếu họ muốn chạy tội. Còn nếu không có tiền chuộc họ sẽ bị xử tử. Phần đông các vị quan bỏ trốn, không chịu giáp mặt Bắc vương. Phần nộ trước các hành động khinh thị ý ngài, Bắc vương liền cho bắt họ tại và ra lệnh tịch thu tài sản của họ. Còn các hoạn quan, bình sinh ở tại triều đình vì vậy rất chóng giàu có (và một ngày một giàu hơn) ngài ra lệnh bắt họ lại, gây áp lực mạnh và canh chừng nghiêm ngặt để họ chịu nộp cho chính quyền vàng bạc lụa là của họ. Ngược

lại, nếu họ cứ cứng đầu mãi, thì họ sẽ bị giết. Những kẻ giàu có vì muốn bảo đảm an ninh cho đời sống và gia đình họ nên chấp nhận trả cho chính quyền một số tiền lớn. Những người này, nhờ cái đó mà được hưởng một đời sống khá dễ chịu. Nhưng họ sợ ngài lại làm khó dễ một lần nữa, nên bỏ trốn rất xa nơi [232] trú ngụ của họ. Các hoạn quan (tại hoàng thành) vì nghèo mà không thể nộp tiền cho nhà cầm quyền, đều bị trói tay sau lưng và đeo ở cổ một đồng tiền. Họ gồm hai hoặc ba trăm người bị dẫn bộ về Phú Xuân (tại Nam Kỳ Thượng) trong tình trạng đó. Nếu bỏ trốn mà bị bắt lại, họ sẽ bị xử tử liền tại chỗ. Đó là trường hợp của một hoạn quan đã bỏ trốn từ hai ngày nay. Quan Tây Sơn ra lệnh cho dân làng ông phải đem nộp ông ta ngay nếu không cả làng sẽ bị cướp phá hoàn toàn. Dân làng buộc lòng phải tuân lệnh và vị quan khốn nạn này lại rơi vào tay của quân Tây Sơn (bạo tàn). Chúng liền xử tử ông và treo đầu ông bên lề đường... một hoạn quan khác trốn đi đã được một ngày thì chúng hay tin và cho người đuổi theo. Nhưng vì ông không dám về nhà, chúng bắt dân làng phải nộp cho chúng người anh (hoặc em) của ông nếu họ không muốn cả làng họ bị phá hủy. Rồi chúng mang người anh (em) đó theo các tù nhân khác. Nhưng tới một quãng đường thấy không có cách nào bắt ông này cung khai cả nên chúng đành thả ông ra. Quân Tây Sơn chỉ muốn moi tiền của các tù binh thôi nên nếu gia đình bà con họ đến đón đường xin chuộc cho họ chúng chịu liền, (nếu họ nhận điều kiện của chúng). Thật là một cảnh tượng “đau lòng” khi thấy cha mẹ, anh em, vợ con (?) và họ hàng các hoạn quan vượt mấy dặm đường đi theo họ từ thủ đô tới một làng xa xôi hẻo lánh, vừa khóc vừa rên rỉ y như đi

đưa đám, rồi lại nhìn và nghe họ từ biệt nhau bằng những lời lẽ thật thấm thiết và cuối cùng chứng kiến cảnh quân Tây Sơn tàn nhẫn thúc dục những nạn nhân bạc mệnh và khốn nạn của họ lên đường. Đó là việc mà tôi đã chứng kiến tận mắt.

Ký tên Thomas Diên

Linh mục người Bắc Kỳ

Nhưng vì loại người đó rất khả ố và đáng khinh đối với nông dân Bắc Kỳ, công chúng không chú ý mấy tới sự thất sủng của họ, và vì phần đông họ ghét Thiên Chúa Giáo, nên đạo này chẳng tổn hại gì khi họ chết cả.

Ngày 18-12-1788.

Nhật ký về những sự kiện đáng ghi nhớ trong địa phận Giáo Hội Bắc Kỳ về chính trị, dân sự, tôn giáo từ tháng Mười 1788 cho tới cuối tháng Bảy 1789.

...Tiếm vương ấy [Bắc vương] đang bận xây tại Huế, theo một lá thư của đức ông La Bartette đề ngày 17 tháng Tám và nhận được ngày 24 tháng Mười, một pháo đài rất cao rộng đã làm chết rất nhiều người [thợ], để bảo đảm thành phố đó chống lại mọi sự đánh úp hay công kích của Tự quân chính thống vì ông không ngớt lo sợ Tự quân trở về nay mai. Đức ông nói thêm rằng có tin đồn Bắc vương sẽ phải ra Bắc Kỳ vào tháng Mười Một.

Ngày 25 tháng Mười, tôi nhận được một lá thư gửi tới từ hoàng thành đề ngày 21 báo rằng khi hoàng đế Trung Hoa được một đơn thỉnh nguyện của vợ⁽³⁸⁾ Chiêu Thống đã ẩn náu tại đế quốc đó, thông tri cho ngài vận khốn nguy của vua Chiêu Thống, theo lời đồn, Hoàng đế cho gửi 300.000 người vừa đi bộ lẫn đường bể sang cứu vua Chiêu

Thống chống quân Tây Sơn. Đồng thời tôi nhớ rằng các lãnh tụ đảng Ô Bắc Kỳ hình như phấn khởi bởi tin đó. Mới đây có âm mưu công kích giặc Tây Sơn khắp nơi ngõ hầu tiêu diệt họ. Nhưng kế hoạch bị phát giác kịp thời, hoặc vì người chủ mưu dự định đó không dám hành động. Ngày 18 tháng Mười Một tôi đọc một lá thư đề ngày 20 tháng Chín của đức ông La Bartette gửi cho ông Le Breton trong đó Đức ông cho biết rằng: Tiếm vương Phú Xuân hay Bắc vương vừa mới phong cho con trai ông làm Nam vương lúc đó mới có bảy tuổi, nhưng hoàng tử đó được coi như được mười hai tuổi vì theo như lời đồn, các quan muốn nịnh người cha nên tăng cho người con nhiều tuổi hơn⁽³⁹⁾.

Bắc vương đã ấn định ngày 11 tháng Mười [âm lịch] tức ngày mồng 8 tháng Mười Một là ngày ông tự phong mình làm Hoàng đế dưới danh hiệu “Quang – Trung” (có nghĩa là ánh sáng trung ương tức là theo sự giải thích có lẽ đúng nhất, mặt trời của vũ trụ) đồng thời ông đang bận tính một kế hoạch vĩ đại theo như sắc lệnh ban bố ngày 6 tháng Mười [âm lịch] hay ngày 3 tháng Mười Một gởi cho Đại thần Đại tư Mã và tất cả các quan hay sĩ quan Tây Sơn làm việc tại Bắc Kỳ; ngày 19 một giáo đồ Bắc Kỳ rất thân với Đại tư Mã có cho bản sao của sắc vị đó. Tự văn bản đó như sau:

“Bởi sắc lệnh này ta cho các tướng Đại tư Mã, Đại đốc⁽⁴⁰⁾ và các sĩ quan khác biết rằng từ trước tới nay các vua chúa đều lấy luật pháp để cai trị thần dân và duy trì hòa bình, nên ta cũng noi gương các vị tiền bối mà đánh dấu ngày khởi đầu triều đại ta bằng cách soạn ra một bộ luật để dân chúng sống trên đất đai ta nghiêm ngặt tuân

theo. Vì thế ta đã giao cho các quan tư pháp và tham chính viện nhiệm vụ hoàn tất các tác phẩm đó trong một, hai tháng. Trong khi chờ đợi ta ban bố vài pháp quy yêu cầu mọi người và mỗi các người đứng đắn thi hành. Nội dung điều lệ đó như sau:

1') Nếu một sĩ quan hay binh lính nào phạm tội gì, các quan văn võ sẽ họp lại để xử họ và nếu họ đáng bị xử tử họ sẽ bị kết án tử hình.

2') Song le trong thời chiến tranh, mỗi lần một vị chỉ huy sai bộ hạ mình đi đánh địch, bộ hạ đó phải tuyệt đối tuân theo, người nào tử trận một cách can đảm sẽ được về vang. Trái lại ai vì sợ chết mà bỏ trốn sẽ bị sỉ nhục. Bởi vậy ta cho phép xử tử tức thì những kẻ trốn bốn phần cũng như những kẻ cho địch có thời giờ dưỡng sức lại và tấn công vì hèn nhát hay vì chậm chạp; sau rồi các tướng lãnh phải báo cáo hành động của họ trong trường hợp đó.

3') Khi chiến tranh chấm dứt và khi quân đội trở về kinh đô và được trả lại cho chính quyền, không một quan chỉ huy nào được tự tiện xử tử một người ngang quyền hay ngang chức và ai mà vi phạm luật này sẽ không có hi vọng được khoan hồng.

4') Mỗi lần xảy ra chuyện gì liên quan đến quốc gia hay công ích, mọi người đều phải lưu ý ngay đến việc đó kéo một sự chậm trễ nhỏ nhất cũng có thể gây trở ngại cho công việc. Thời bình, sự mau lẹ đó cũng cần thiết rồi, huống chi tại Bắc Kỳ nơi cuộc chiến càng ngày càng ác liệt, một cuộc chiến mà các ông phải coi như việc trọng yếu bởi vì mỗi giây mỗi phút có thể mang lại nhiều thay đổi bất ngờ liên tiếp theo nhau như gió, như chớp hay như hơi và

những biến chuyển đó lúc thì thuận, lúc thì nghịch thành thử không thể căn cứ trên cái gì chắc chắn được. Bởi vậy mỗi khi nhu cầu quốc gia hay tình hình chiến tranh bắt phải họp để thảo luận về những việc phải làm và mỗi khi ngày giờ họp được ấn định, các quan văn võ sẽ phải họp ngay lập tức vào ngày giờ đó [238] để bàn bạc và quyết định với nhau. Nếu bất đồ có người vì sơ xuất mà quên tới nơi họp đúng giờ, ta cho phép Tư Mã và Đại Đô đốc phạt họ tùy theo lỗi nặng hay nhẹ.

5') Nếu mỗi khi thuộc hạ quan chỉ huy chi đội hay thuộc hạ của ông đi đuổi bắt kẻ gian, đáng lẽ bảo vệ và che chở dân vô tội và hiền lành họ lại cưỡng đoạt của cải của dân chúng đáng thương sẽ đau khổ và thất vọng, vì họ phải chịu nhiều tai vạ hơn dưới thời ác quỷ Nhậm hay Tiết chế. Họ cư xử như vậy thì làm sao dân chúng yên lành được? Và làm sao gọi hành động đó là giải phóng dân chúng khỏi áp bức, và làm sao phạt thủ phạm cho được? Vậy ta ra lệnh cho các sĩ quan phải công bố trong trung đội hay binh đoàn mình điều nghiêm cấm, không được lấy bất cứ vật gì của dân dù là một ngọn cỏ, như ta không ngớt tuyên cáo trước đây. Các sĩ quan sẽ chắc chắn làm vừa lòng ta và đúng theo tình ý ta nếu hết sức thi hành điều nghiêm cấm đó. Ai cư xử như vậy có thể tin rằng sau khi chia sẻ cùng ta những nỗi khổ nhọc và những mối hiểm nghèo của thời chiến này, họ cũng sẽ chia sẻ thanh danh và hưởng thú vui thời bình cùng ta. Vả lại nữa, không ai có quyền dựa vào sự vắng mặt hay sự xa cách của ta để phiền nhiễu cướp bóc dân chúng và uy hiếp đàn bà con gái. Chỉ khi nào ngưng và dẹp được những bạo hành đó, họ mới có thể tự phụ giữ nổi

chức vụ và bảo đảm an ninh cho cá nhân và gia đình họ, bằng không, đừng mong gì ta dung thứ họ.

Đó là những điều ta muốn các người phải biết.

Ngày 3 tháng Mười [âm lịch] năm Thái Đức (Tiếm vương Nhạc) thứ 11”.

Lúc đó Bắc vương chưa thực thụ xưng hoàng đế dưới danh hiệu Quang Trung⁽⁴¹⁾.

Ngày 29 tháng Mười Một tôi được tin trấn thủ xứ [Sơn] Nam của Tây Sơn tên là Đốc Thung⁽⁴²⁾ vừa mới có ý định sai người đi lùng bắt các giáo sĩ với hi vọng làm giàu nhờ sự bắt bớ đó [239]... Ngày 13 tháng Mười Một (?), hai người lính Bắc Kỳ, thuộc quân đội Tây Sơn chạy trốn đến nơi chúng tôi ở và kể lại rằng quân Nam Kỳ đã bị đánh tan trong sáu cuộc chiến; một số lớn tử trận quân còn lại thì tẩu tán. Tin đồn đó được tiếp theo nhanh chóng bởi nhiều tin khác: Chiều ngày 15 và hôm 16, Đại tư Mã và các sĩ quan Tây Sơn khác đã rời bỏ thủ đô và chạy trốn với đội ngũ, khí giới và hành lý họ. Nhưng không thấy ai bị bắt cả. Ngày 17, một phần quân đội Trung Hoa vào thủ đô cùng với vua Chiêu Thống. Ngày 19 sứ giả của hoàng đế Trung Hoa là đại tướng chỉ huy quân đội thiên hoàng, tên gọi là Tổng đốc⁽⁴³⁾ đã nhiệm mệnh và tuyên bố Chiêu Thống làm vua Bắc Kỳ. Viện binh Trung Hoa gồm độ 280.000 người, một nửa đóng trong thành phố, nửa còn lại ở bên kia sông. Quân đội đó được cung cấp rất nhiều lương thực cần thiết mang từ bên Trung Hoa sang. Thành thủ họ không phải là một gánh nặng cho Bắc Kỳ và không hề quấy nhiễu dân chúng. Quân Trung Hoa đã phá tan tất cả các đồn vệ binh do quân Tây Sơn lập trong kinh thành hay

trong vùng lân cận. Người Nam Kỳ nào rơi vào tay chúng đều bị xử tử không tha một ai⁽⁴⁴⁾.

Đó là yếu lược một lá thư của một linh mục trông coi giáo dân hoàng thành viết cho tôi đề ngày 26 tháng Mười Hai và tới tay tôi ngày hôm sau. Nhưng đây không phải là cách duy nhất để cho chúng tôi biết tin tức về sự thất bại của địch [Tây Sơn]: từ ngày 17, các làng mạc đánh trống để đánh dấu sự vui mừng của họ vì trống [240] tuy là một nhạc khí được dân Bắc Kỳ rất ưa chuộng đã bị cấm đánh và ngưng sử dụng từ ngày quân Tây Sơn làm chúa tể xứ này. Chẳng bao lâu các đồn do địch chống giữ tại xứ Nam bị phá hủy hết. Chính quân địch cũng bị công kích bởi dân cư các làng. Họ còn nhiều khi cướp bóc và tàn sát chúng. Chúng rút lui về xứ Thanh Hóa tại doanh trại cũ của chúng và đóng đồn phòng ngự tại đó. Quân Trung Hoa chẳng hề lo ngại việc ấy làm dân chúng lấy làm ngạc nhiên vì ai cũng tưởng thế nào họ cũng đuổi kỳ được quân Tây Sơn không cho chúng có thì giờ nghỉ ngơi trước khi rút ra hết khỏi vương quốc. Thái độ hay tính khinh địch của quân Trung Hoa đầy ngạo khí vì đã thành công chống một kẻ địch lợi hại làm cho những người biết suy nghĩ e sợ và tiên đoán những biến chuyển về sau.

Cũng ngày 27 tháng Mười Hai tôi nhận được mấy bản văn thư từ thủ đô gửi tới những biến cố đã giúp Chiêu Thống lấy lại ngai vàng của ông. Vì những sắc lệnh đó chứa nhiều điểm kỳ khôi đáng biết nên tôi đã tóm tắt hoặc dịch những bản đó dưới đây:

Sắc lệnh thứ nhất là một lời tuyên ngôn hay khuyến cáo mà đại thần Trung Hoa đảm đương việc canh chừng

biên giới đế quốc và Bắc Kỳ gửi cho các quan dân Bắc Kỳ, trong đó họ mô tả một cách cảm động những nỗi khổ của vua Chiêu Thống. Họ trách các quan dân Bắc Kỳ đã không chịu hợp tác với nhau bằng những lời thiết tha và giảng cho họ hiểu những hậu quả đáng tiếc không thể không đáng trách được của thái độ đó. Họ khuyến khích mọi người đoàn kết lại và cùng nhau vùng dậy chống cự địch chung nhất định giải thoát nhà vua và tổ quốc họ. Họ kêu gọi quan dân suy nghĩ kỹ vì chỉ có cách đó mới có thể bảo toàn được danh dự họ [quan dân] và mới tránh cho họ sự chê bai của thiên hạ. Họ còn thêm rằng: nếu quan dân Bắc Kỳ chịu hành động như vậy, họ sẽ không quên báo cáo cho Thiên hoàng biết và quan dân sẽ xứng đáng được Thiên hoàng bảo trợ và sủng ái hơn. Ngài sẽ nhớ đến lòng nhiệt thành và công trạng của các quan dân và việc đó sẽ được vĩnh viễn lưu truyền trong sử ký đế quốc [Trung Hoa]. Sau đó, từ lời khuyến dụ đến lời dọa nạt cho đến lời khoe khoang (kiểu người Trung Hoa), họ tuyên bố với các quan Bắc Kỳ mà họ coi như trẻ con rằng nếu các quan từ chối không chịu nghe lời khuyên bảo khôn ngoan đó, họ cũng sẽ báo cáo cho Thiên hoàng biết và ngài thế nào cũng trừng phạt họ [quan Bắc Kỳ]⁽⁴⁵⁾. Các quan phải biết rằng lực lượng quân sự của đế quốc thật là ghê gớm, rằng Trung Hoa không thiếu tiền và lương thực và quân Trung Hoa đi đến đâu thì không một thành lũy nào mà họ không phá hủy được, không một pháo đài nào mà họ không triệt hạ được. Quan dân Bắc Kỳ hãy thức tỉnh khỏi cơn mê say cuồng của họ bằng cách trở về với vị vua chính thống của họ. Bằng không, Thiên hoàng sẽ gửi sang đây một đạo quân mạnh mẽ đến nỗi đi đến đâu đá phải nát, ngọc phải

tan để bắt họ trị tội. Lúc đó, họ chỉ còn nước tự trách mình vì đã không sáng suốt kịp thời để né tránh tai họa. Bởi vậy, họ hãy cân nhắc cho thật chín chắn nên theo phe nào và bàn cãi kỹ càng với nhau phải hành động ra sao trước khi báo cho các vị quan Trung Hoa biết ý kiến của họ. Các vị này sau đó sẽ báo cáo cho Thiên hoàng biết kết quả. Trong khi chờ đợi, Thiên hoàng đã sai một danh tướng Trung Hoa cùng với một đạo quân gồm bốn binh đoàn đuổi theo giặc Nhạc để giết hẳn cùng các tướng cướp khác vì tội hấn thật quả đáng chết. Các quan Trung Hoa còn nhắc lại rằng: “Nếu sau khi đọc cáo thị này các ông rời bỏ phe giặc để về quy hàng nhà vua và dẫn cả hoàng tộc về thủ đô, Thiên hoàng sẽ tha tội các ông. Nhưng nếu các ông vẫn còn mê muội, không sợ cơn phẫn nộ của ngài mà còn cố chấp, ngài sẽ gửi thêm 800.000 người qua đường thủy và đường bộ để bắt hết thấy các ông hòng trị tội. Chắc hẳn từ khi có xứ Bắc Kỳ cho tới nay, chưa có một cuộc chinh phạt nào lớn như vậy. Dù các ông có khinh thường lệnh ngài, các ông cũng sẽ bị tiêu diệt và không có một người nào trong các ông có thể than phiền là chưa được cảnh cáo trước”.

Bài sau đề ngày 17 tháng Mười Hai là một bài khuyến cáo của ba đại tướng Trung Hoa gửi cho Bắc Kỳ nội dung bài này như sau: *Từ khi quân đội Thiên hoàng lên đường vào Nam nhanh như hỏa tốc, lẹ như chớp bão, dữ tợn như sấm sét, họ mới tới một con sông thì đã gặp địch quân. Họ đã giết hơn 1.000 tên địch và đánh đuổi lũ tàn quân rồi đem vua Chiêu Thống trở về thủ đô bình an vô sự. Họ không chậm trễ chỉ đuổi theo giặc tới nơi trú ẩn cuối cùng của chúng⁽⁴⁶⁾ để tiêu diệt cả giống chúng. Chúng ta cho toàn*

dân Bắc Kỳ hay biết rằng khi Thiên hoàng được tin các người trở thành mồi cho lũ giặc Tây Sơn, ngài đã cảm kích tình trạng bi đát ấy và đã gửi viện binh sang để giải thoát các người khỏi cảnh giông bão và khói lửa. Chúng ta cũng xin nói rằng đội ngũ của Thiên hoàng đi đến đâu cũng đều để yên cho dân lành làm ăn, không gây một tổn hại nào, chúng ta còn phải sĩ quan đi khắp nơi để dò xét xem có tên lính nào xâm nhập gia cư dân chúng để ăn cướp không và chúng ta có lệnh xử tử tất cả những tên này và đem bêu đầu chúng dù chúng chỉ ăn cắp một ngọn cỏ. Như vậy toàn dân đều có thể an tâm làm việc hàng ngày như thường không phải lo sợ cho số mạng mình hoặc bỏ nhà cửa ra đi. Sau hết, nếu chẳng may quân Tây Sơn có ẩn náu tại nơi nào đó, các người phải cố kiếm ra vị trí của chúng để đi thông báo cho quân đội Trung Hoa. Ai trái lệnh này và chứa chấp chúng trong nhà sẽ không mong được sống sót mà còn chịu chung số phận như chúng. Chúng ta xin thông báo cho các người trước để sau này có chết thì đừng hối hận.

Bản thứ ba là một sắc lệnh trong đó Hoàng đế Kiền Long tuyên bố lập ông hoàng Chiêu Thống làm vua Bắc Kỳ. Đây bản dịch bài đó: *Ta thừa lệnh trời mà làm Hoàng đế muốn mọi người biết rằng:*

1) Mỗi quan tâm của người cai trị một đế quốc là duy trì hòa bình trong hay ngoài đế quốc mình.

2) Không có việc thiện nào đáng giá hơn sự giúp đỡ kẻ khốn khổ khỏi bị áp bức và sự biếu lộ tình thân hữu lớn nhất là nâng đỡ kẻ bị sa sút và phục hồi tài sản họ.

Căn cứ trên nguyên tắc đó, bốn phạm đầu tiên của những công dân nào đã từng được hưởng ân huệ của Quốc

vương họ và đã cha truyền con nối chức vị cao. Khi nước họ bị đe dọa bởi sự tiêu diệt và dân họ phải sống trong sự hỗn loạn và sự quấy nhiễu (bốn phạm đầu tiên của họ, tôi nhắc lại) chắc hẳn là hợp sức để phá tan kẻ thù, để cứu tổ quốc điêu tàn của họ và phục hưng mọi sự sao cho từ rầy trở đi từ trong ra ngoài chỉ là hòa bình và an ninh. Mới đây tự quân vương quốc Bắc Kỳ tên là Lê Duy Kỳ ngay sau khi tổ phụ ông thắng hà đã bị áp chế bởi một người dòng họ Nguyễn Nhạc – tên này đã tàn phá vương quốc và chiếm lấy ngọc tỷ – và bắt buộc phải rời bỏ kinh thành và xứ sở ông để lang thang đây đó rồi sang ẩn náu tại đế quốc ta. Nhưng trong tình trạng đau đớn đó, quốc vương nhớ rằng từ 180 năm nay Bắc Kỳ thuộc về đế quốc ta và nộp cống cho ta và thấy quốc vương đó không có tham vọng nào hơn là bảo tồn di sản do tổ tiên ông để lại gồm có 16 tỉnh với điều kiện cũ, không nghĩ tới tăng rộng nó, ta động lòng trước bi vận của ông và muốn ông kính phục ta thêm nữa, ta đã gửi một đạo quân chống kẻ thù ông để cho chúng biết uy lực của ta và để giải phóng Bắc Kỳ khỏi sự áp bức của chúng rồi hồi phục ngai vàng cho quốc vương. Đồng thời ta cũng khuyến cáo các thần dân ông phải đoàn kết để đánh đuổi kẻ thù. Sau hết, đạo quân của ta chỉ huy bởi tướng Đại Nhân⁽⁴⁷⁾ (đặc sứ [241] của Hoàng đế) sau khi đánh đuổi quân địch và chấm dứt nỗi thống khổ và sự lưu vong của quốc vương đã dẫn ông về thủ đô ông bình an vô sự và đã khiến thần dân ông hàng phục ông. Vậy được toàn quyền quyết định, tướng Đại Nhân đã nhân danh ta tuyên bố là từ rầy ông là vua Bắc Kỳ [tức An Nam quốc vương] và thay mặt ta ban cho ngài một ngọc tỷ mới”.

Sau đó, nói thẳng với Chiêu Thống, hoàng đế kết thúc

như sau: Ông hãy cố gắng sửa đổi các tệ tập và bình lại xử ông theo mệnh lệnh và ý định của ta. Ông hãy sống yên vui với thần dân ông. Ông hãy canh chừng cẩn thận biên giới, đừng nhãng bỏ việc nước và chớ tự đặt ông vào thế mất nước một lần nữa vì quá tin tình trạng hòa bình hiện tại bởi sự tin tưởng đó có thể bị trả bằng một giá rất đắt. Làm như vậy, ông sẽ thực thụ chứng minh lòng biết ơn của ông đối với ta vì hai ân huệ mà ta đã ban cho ông (phục hưng đất nước ông và vương chức ông) và mới mãi mãi duy trì lãnh thổ ông. Ông hãy nhớ lời khuyên cáo này của ta. Ta chào ông.

Ngày 10 tháng Mười Một năm Kiền Long thứ 35 (tức là ngày 7-10-1788).

Sau cùng bản thứ tư gửi đến tôi làm tôi ngạc nhiên là bản thảo một lá sớ do một linh mục trông coi giáo đồ ở kinh thành gửi cho một bạn đồng liêu của ông ta trú ngụ gần nơi tôi ở. Đơn thỉnh nguyện này được mấy vị quan theo Công giáo, bộ hạ mới của vua Chiêu Thống, nhận trình lên...

[242]... Trong khi quốc vương đang cho lòng bất vài vị quan có tội [phản bội] trong số đó có hai vị bị kết án tử hình vì năm ngoái đã nộp em ông cho Tiếm vương Phú Xuân (để bị xử tử như tôi đã kể trước đây), quân đội Thiên hoàng hay “Thiên triều”⁽⁴⁸⁾ – đó là tên mà sĩ quan và binh lính Trung Hoa tự đặt cho họ vì lòng kiêu căng thậm tệ của chúng – chỉ thao diễn hay vận động quân sự để phô trương hơn là vì thực ích và chỉ nghĩ tới ăn mừng năm mới vào ngày 26 tháng Một hơn là lo về quân Tây Sơn. Quân này, một mặt phấn khởi bởi lời đe dọa và sự e sợ cơn phản nộ

của hoàng đế Quang Trung hung bạo khi ông hay tin chúng tháo lui⁽⁴⁹⁾, tha hồ cướp phá trở lại. Tại những nơi chúng đóng, chúng cho mộ một cách rất nghiêm ngặt nào là binh lính, tiền bạc hay lương thực. Chúng đốt phá các làng mạc đã hoan hỉ chứng kiến mối nhục nhất thời của chúng, hay đã tiếp đón binh đội Bắc Kỳ, hay không đủ tư cách chịu đựng sự trưng thuế mới. Ngày 16 tháng Một, hai học trò trường Kẻ Vinh⁽⁵⁰⁾ của chúng tôi, gần vùng quân “giặc” đóng, đến nhà tôi cho tôi biết rằng hôm trước quân Tây Sơn đã đốt thành tro một làng lớn gần sát cạnh Kẻ Vinh [dân Bắc Kỳ] thấy quân Trung Hoa, những kẻ tự hào là người giải phóng họ, chẳng làm nghĩa vụ dẹp loạn Tây Sơn, hồi tỉnh khỏi cơn mê (nhất thời), hết tin tưởng nơi những tên lính Thiên triều đó. Thay vì ca tụng chúng như trước, họ bắt đầu công khai chỉ trích tình trạng bất động và tính cách khiếp sợ trước quân Tây Sơn của đạo quân này. Chẳng bao lâu sự hoan hỉ của công chúng, nhất là của những kẻ theo tà giáo [tức là theo Tam giáo] nhường chỗ cho sự thất vọng ê chề. Những người trên đã đóng góp tiền bạc để xây lại và sửa chữa những đền chùa đã bị địch phá phách, cũng để tỏ lòng tôn kính đối với những vị thần của họ nhân những buổi hội hè, chè chén, ăn uống thô tục. Ngày nào cũng vậy, người ta chỉ thấy các sứ giả đem hung tin về tới thủ đô. Trong khi đó, các sĩ quan Trung Hoa, bỏ qua tai những lời kêu than và vô tình trước những đại bại, chỉ biết kêu gọi Tư mã và quân Nam Kỳ đầu hàng hay ra giao chiến thử tài. Địch nhận sự thách đố đó sớm hơn quân Tàu tướng và sự thành công của họ giống như người ta tiên đoán và báo động mặc dầu phần đông dân chúng vẫn chưa chịu tin. Quả nhiên, hoàng đế Quang Trung mà

nhiều người Bắc Kỳ (nghe theo lời tuyên truyền của Trung Hoa) tưởng đã tạ thế, rồi Phú Xuân khi hay biết về tình trạng nguy cấp của sự nghiệp ông nếu ông không ra Bắc Kỳ. Ông tiến như vũ bão ra Bắc chỉ mất có một ngày, không quản đường xa khó nhọc đã giết chết nhiều ngựa voi của ông, trong khi người khác phải mất ba, bốn ngày. Từ ngày 20 tháng Một, quân Tây Sơn do Tư mã chỉ huy đâm ra lên tinh thần vì biết ông sắp tới. Mỗi trung đoàn vài người lính Tây Sơn tấn công một biệt đội lớn Bắc Kỳ ở gần Kẻ Vinh. Chiến thắng, họ [Tây Sơn] tàn phá cả một vùng giáp nơi xảy ra cuộc giao tranh. Sau đó, trung đoàn này được sát nhập vào binh đoàn được Quang Trung giao cho nhiệm vụ tiến trước về phía thủ đô, được lệnh đột kích ngay quân Tàu, không phải chờ quân tiếp viện. Khi binh đoàn này vừa tới xứ Nam sau khi đi qua Thanh Hóa, thì binh lính Tây Sơn đã lan tràn ở chung quanh vùng tôi ở như một lũ chó săn háu đói. Ngày 24, chúng bắt tôi phải bỏ trú sở của tôi đi sang làng khác giữa ban trưa nóng bức. Nhưng vài tên cướp ngày đó lại đi theo tôi, vì thế tôi lại phải đánh lừa chúng đi ẩn trốn tại một nơi tương đối an ninh hơn, trọn ban đêm. Ngày hôm sau là ngày thánh Paul cải giáo và là ngày chủ nhật thứ ba sau lễ Cửu Chúa hiển hiện, ngoài sự đau đớn không được tổ chức và dự lễ mét, tôi có nhận được tin địch vào nhà tôi (mà tôi mới bỏ ngày hôm trước) và chiếm cứ nó. Chúng còn cướp phá các nhà tư nhân nào có đồ vật khả dĩ chúng đem theo được, lục lọi khắp nơi và đào đất tìm gạo hay tiền bạc mà dân cư kiếm cách giấu không để lọt vào tay chúng. Vùng này có chín, mười làng và tất cả các làng này đều bị hoàn toàn phá hủy đến nỗi dân cư phải lâm vào cảnh đi ăn xin. Người ta phải

bất nhẫn trước cảnh bần cùng và chết đói gây bởi quân Tây Sơn vì tại khắp vùng không ai có thể làm phúc cho hàng ngàn người bất hạnh này... [sự đào tẩu của tác giả] tôi phải lang thang khắp nơi, với đủ hạng người, phần đông theo tà giáo, vì quân địch đang lùng bắt.

Ngày 26 hay 27 tháng Một, hoàng đế Quang Trung đi qua xứ Nam và trực chỉ thủ đô. Ngày 28 ngài tới Kẻ Vôi hay Hà Koi⁽⁵¹⁾, một thị trấn cách thủ đô có một ngày rưỡi thôi, và nghỉ tại đó. Người ta nói với tôi rằng, có một tướng Trung Hoa tên là Đỗ Khou Coung⁽⁵²⁾ đến gặp ngài tại đó để báo tin cho ngài biết là hoàng đế Kiền Long vừa gởi một đại binh tới tiếp viện cho Bắc Kỳ. Quang Trung giả vờ không tin điều đó nhưng ngài biết rằng ngài chỉ còn hai đường để chọn: một là phải đầu hàng, hai là sửa soạn giao chiến vào ngày thứ sáu năm mới tức là ngày 31 tháng Một. Vài ngày trước đó, các tướng Trung Hoa, vì tự phụ, cho công bố tại tất cả các khu phố kinh thành một bản cáo thị kêu gọi công chúng đến làm chứng và mục kích tại chỗ trận chiến sắp xảy ra. Chúng còn hứa sẽ bao vây và bắt trọn quân Tây Sơn và giao giải thưởng cho ai có thể khuyến dụ Quang Trung đích thân tấn công chúng tại thủ đô Bắc Kỳ vì như vậy sẽ tránh cho họ đỡ mất công đi tìm kiếm ngài. Mặc thái độ phách lối ấy, lời thách của họ được chấp nhận và ngày tốt lành được ấn định bởi quân Trung Hoa mê tín, nhưng Quang Trung, khôn ngoan hơn đã ra tay trước ngày đó. Ngày 28 tháng Một tướng Đại tư Mã tấn công liền mấy tiền đồn của Trung Hoa. Quân Trung Hoa bị đánh bất ngờ và không kịp điều động binh lính đi cứu viện vì họ không đề phòng trước. Song le, người ta thừa nhận rằng có một số lính Trung Hoa bỏ chạy hôm ấy nhưng hôm sau ngày 29

họ bình tĩnh trở lại, quyết tâm đánh đuổi địch, giết và gây thương tích cho nhiều lính Tây Sơn và khá đông voi trận. Sự kiện này làm Quang Trung lo ngại. Ngày 30 tháng Một [267] Quang Trung rời Kẽ Voi trên lưng voi và đến chung sức, khuyến khích đội ngũ ông nhưng khi thấy họ chiến đấu không được hăng hái lắm ông liền bỏ voi và dùng ngựa. Theo lời đồn, ông đeo hai cái đoản đao (gươm) và chạy ngang dọc chém rơi đầu nhiều sĩ quan và binh lính Trung Hoa làm rất nhiều người chết về tay ông. Ông luôn mồm hô xung phong và lúc nào cũng ở trận tuyến đầu. Lúc bấy giờ một số ít tàn quân Trung Hoa, bị rối loạn hàng ngũ, lại bị dồn ép và bị tấn công cả bốn mặt, thấy hậu vệ đội Bắc Kỳ nao núng chúng liền bỏ cuộc và chạy thẳng về thủ đô. Quang Trung dẫn quân Tây Sơn đuổi theo chúng bẻ gót, phá được một cửa thành và làm chủ tình thế. Theo bản trần thuật sát sự thật nhất, quân Trung Hoa đã thiệt hại trong trận này hơn 10.000 người, ít nhất là một phần ba bị chết đuối khi chen nhau qua sông trên một cái cầu phao (vì không chịu nổi sức nặng của hàng ngàn người nên cái cầu này liền sụp xuống), hai phần ba còn lại bị đâm (hay chém) nát hoặc bị bắt làm tù binh. Quân Tây Sơn thì cố giấu giếm tổn thất của họ. Ai cũng nói rằng ít nhất là có 8000 lính Tây Sơn bị giết trong số đó có một sĩ quan cao cấp (cũng là dũng sĩ của Quang Trung) tên là Đô đốc Lân⁽⁵³⁾. Ngài [Quang Trung] biểu lộ sự thương tiếc ông này bằng cách cử hành long trọng tang lễ cho ông giữa khi chiến trận còn sắc mùi tử khí. May thay, vua Chiêu Thống đã trốn đi được với mẹ ông từ Trung Hoa trở về từ hôm trước hay hai ngày trước cùng với hoàng gia. Họ chạy lên Xứ Bắc cùng Tổng Đốc⁽⁵⁴⁾ (là người đầu tiên bỏ trốn) và một số lính còn sót

lại của “đại quân” Trung Hoa. Vị quan dũng cảm nhất của Trung Hoa có lẽ là Diên Chu Mai Thu⁽⁵⁵⁾ chỉ huy đội 1.000 người. Khi bị quân Tây Sơn vây chặt, ông vẫn cố thủ đồn ông một cách can đảm tới tận sáng 31, cuối cùng thấy không có hy vọng thoát thân, ông liền tự tử, binh lính của ông bị giết sạch. Không chậm trễ, Quang Trung sai tướng Tư Mã dẫn một phân đội kỵ binh đuổi theo tàn quân Trung Hoa. Tới một con sông tên là Soung Thoung⁽⁵⁶⁾, hai bên đánh nhau lần nữa Tư Mã bị thua liên tiếp hai trận lại còn bị địch bắt sống. Nhưng theo một nguồn tin khác, ông đã rút lui, sau khi bị thiệt hại lớn. Những lời đồn về trận này xung khắc nhau nhiều quá nên tôi không dám bảo đảm bất cứ nguồn tin nào. Có một điều chắc chắn là từ khi cuộc giao chiến đẫm máu ở Hoàng Thiên triều sắp trở lại. Nhưng tới hôm này, ngày 30 tháng Ba, người ta vẫn chưa thấy chúng đâu và có lẽ chẳng bao giờ người ta còn thấy chúng nữa. Dù sao chúng không thể nào mà trở sang ngay được. Hiện nay, dân Bắc Kỳ đều coi chúng là ngu xuẩn mặc dù họ có tin cậy chúng lúc ban đầu.

Trong khi chờ đợi, Quang Trung để đề phòng một cuộc xâm lăng bất ngờ đã cho xây trong ba ngày ba đêm liền, chung quanh điện của Chiêu Thống, một mô đất dày 20 “piê”⁽⁵⁷⁾ và cao 12 “piê”. Về việc này, ông La Mothe đã thốt lên rằng: “Thật là hiếm những người đáng sợ và quỉ quyết như ông ta! Ông ta đã cho đem về Phú Xuân và về tân kinh đô của ông [Quang Trung] bằng đường bộ chứ không phải bằng đường thủy (vì ông sợ tàu bè chất nặng quá có thể chìm xuống đáy biển hoặc gặp bão giữa đường) hai, ba nghìn cỗ đại bác và súng thần công (chiến pháo), không biết bao nhiêu là súng dài và khí giới khác cùng với

vô số tiền bạc và (đại khái) tất cả những vật liệu quý giá bắt được của quân Tàu. Đó, kết quả của cuộc chinh phạt ấy là như vậy, nó đem đến đau đớn và nhục nhã cho quân Trung Hoa và lợi lộc cùng vẻ vang cho quân Tây Sơn.

[268] Cuối cùng, Quang Trung, sau một thời gian lưu trú tại thủ đô Bắc Kỳ mà ông đã hoàn toàn phá hủy và biến thành tro bụi, đã trở về Nam Kỳ Thượng vào ngày mùng 2 tháng Năm mang theo nhiều voi nhưng ít người. Phần lớn quân đội của ngài đã tử trận, một phần lớn hơn nữa đã chết vì bệnh dịch và số còn lại mệt mỏi quá không đủ sức mang theo vũ khí, nhiều người chỉ có thể lê lết nhờ một cái gậy thành ra họ thác dọc đường như rạ và tất cả đều nghĩ rằng không còn bao giờ thấy lại Phú Xuân nữa. Trước khi rời kinh thành Bắc Kỳ, Quang Trung có lập một hội đồng gồm vài vị quan có nhiệm vụ duy trì mọi việc trong tình trạng cũ (của ông để lại). Các đội và các đồn vệ binh được đặt khắp nơi để mộ lính, thu thuế, (nộp bằng tiền, gạo hay bằng các thực phẩm khác), lập sổ điền địa ghi đầy đủ ruộng đất của các tư nhân mà chúng bắt nộp thuế theo ý chúng, và để duy trì áp lực trên dân chúng. Mục đích của chuyến đi [vào Nam] này là gì? Có phải để đi đánh ông hoàng muốn cướp ngôi vua Nam Kỳ của ngài không? Chúng tôi chưa được biết rõ điều đó mặc dù có nhiều tin đồn được truyền đi về việc đó từ lâu nay.

Tài liệu lưu trữ tại Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Ba Lê (Sté des missions étrangères de Paris).

Trích trong tập *Tonkin 692...*

* 20-1-1790. Thư của ông La Mothe gửi ông Blandin
(58)

... Ông Letondal có viết cho chúng tôi rằng Đức ông Adran đã trở về Nam Kỳ Hạ từ năm, sáu tháng nay thật, nhưng dường xá bị giặc [quân Tây Sơn] canh giữ kỹ quá nên đức ông không cho chúng tôi biết tin ông. Tiếm vương dũng cảm và tàn bạo, chúa tể Nam Kỳ Thượng và Bắc Kỳ không mấy lo sợ quân đội gồm người Ấn Độ, Xiêm, Trung Hoa và Bồ Đào Nha... Ngay đến hoàng đế Trung Hoa cũng có vẻ vì nể Tân Attila này vì ngài mới vừa phong ông làm vua Bắc Kỳ qua trung gian một vị đại sứ⁽⁵⁹⁾, quên cả việc 50.000 binh lính Trung Hoa đã chết vì tay Tiếm vương năm ngoái chỉ trong một cuộc giao chiến (thời)⁽⁶⁰⁾; trận đó quân Trung Hoa, được trang bị đầy đủ khí giới, từ súng cho tới gươm và đồng gấp mười quân Tiếm vương... Tiếm vương không thèm tới Nam Kỳ để nhận “sắc phong” tại thủ đô chúng tôi (Bắc Kỳ) và chỉ chịu phái một vị quan thường nhân danh ông. Ông này mặc áo của chúa ông [Quang Trung] làm vị đại sứ Trung Hoa phải kính nể...

Ách Tây Sơn còn được thích hơn ách quân Tàu hay nói cho đúng hơn thì sự thống trị của họ dễ chịu hơn dưới triều đại các vị vua trước, vì họ không ngược đãi các tôn giáo và biết cầm giữ điều khiển lính họ, (dân chúng và đạo tặc mấy năm trước thường đốt phá nhà chúng tôi) thành thử nếu họ bớt đừng bắt dân chúng đáng thương phải đóng nhiều thuế quá và nếu họ bớt tàn nhẫn trong vài trường hợp có lẽ chúng tôi không mong đổi họ với một vị chúa nào khác.

Trích trong tập *Tonkin 700*.

* Tr 1307 – 1309. Kẻ Vinh ngày 6 tháng Mười 1786. Thư của ông Le Roy⁽⁶²⁾ gửi cho Đức Veren và các giáo sĩ khác tại Nam Kỳ.

Tại xứ Nam, chúng tôi đã nhận được thư của Đức Veren và ông Toussain⁽⁶³⁾ mà một người lính tùy tùng Tiếm vương Nhạc đã đưa lại cho một linh mục của chúng tôi ở xứ Nghệ tên là cha Tần, nhưng mãi lâu sau lúc Nhạc trở về [Qui Nhơn] cha người Bắc Kỳ ấy mới gửi thư lại cho ông Breton.

... Ngày 16 tháng Bảy quân địch [Tây Sơn] được kẻ phản nghịch Cống Chính chỉ huy đã tới, bằng rất nhiều thuyền bè, cách trường của chúng tôi tại làng Kẻ Vinh một ngày đường. Chúng đi rất nhanh. Có vài người lính của một đại thần Bắc Kỳ đã bắn vào quân Nam Kỳ, nhưng sau đó quân này vẫn giữ trật tự khi tới một thị trấn lớn tên là Vị Hoàng, nơi có một vựa gạo mới mang từ Nam Kỳ ra. Quan quân Bắc Kỳ đã bỏ trốn và địch liền chiếm cứ tất cả các đồn và kho của vương quốc nhưng họ không làm hại ai và vẫn trọng công lý khắp nơi. Dân chúng thấy họ cư xử nhân đạo như vậy chỉ chê cười quân “giặc” và không ai nghĩ tới cách ngăn chặn họ tới Hiến Nam⁽⁶⁴⁾, nơi trấn thủ chúng tôi ngụ. Họ ra chợ che chở dân chúng khỏi bị quân ăn cắp quấy nhiễu và chặt đầu liên tại chỗ không cần làm thủ tục những tên bị nộp cho họ. Muốn được lòng dân hơn, có khi họ xử trảm ngay cả lính của họ vì mấy người này đã quấy nhiễu dân chúng ở chợ. Cuối cùng ông ta (người gửi thư) còn cho biết chúa Nguyễn vài ngày nữa, sẽ ra Bắc. Chúng tôi còn nghĩ rằng người Anh và người Hòa Lan sẽ đi theo ông vì người ta thường bàn tán tới tàu Âu châu, đại bác v.v... và các khí giới khác được thông dụng tại Âu châu. Ít lâu sau người ta thấy một chiến thuyền lớn của người em Nhạc (còn gọi là Đức Ông) long trọng tới. Dân chúng Bắc Kỳ đại khờ từ khắp nơi chạy tới coi các ông

chúa và nghe nhạc của họ. Đêm 18, 19 tháng Bảy chúng tôi nghe thấy tiếng súng đại bác nổ cả đêm. Đó là một cuộc giao chiến giữa quân Bắc Kỳ và kẻ địch tại Hiến Nam, Trấn thủ cũ của chúng tôi cùng vệ binh và con ông chống cự hết sức họ, nhưng vì sợ hãi xâm chiếm, binh lính họ bỏ trốn một cách hèn nhát; và sau khi bị thiệt hại 200 người, quân Bắc Kỳ không dám đụng độ địch nữa. Quân [Tây Sơn] nhân lúc đang thắng thế, tiến thẳng ra kinh đô và ngày 20 tháng Bảy chúng vào đó không gặp sự kháng cự nào. Thượng đế đã lấy mất trí suy đoán của quan binh chúng tôi vì ai nấy đều thi nhau trốn chạy tán loạn và mặc hết để cứu cái mạng sống của họ. Người ta kể rằng lính Bắc Kỳ chỉ bắn có mười hai phát súng vào quân Nam Kỳ thôi, rồi bỏ chạy và đốt cháy vài tòa nhà do đó 1 tháng Tư thành phố bị thiêu rụi. Địch có viết trên cờ họ chữ “diệt Trịnh phù Lê” bởi vậy chỉ có chúa Trịnh và bộ hạ cùng binh lính ông chạy trốn thôi. Gia đình nhà Lê ở lại kinh đô và hai ngày sau khi chúng đến nơi, quan quân Nam Kỳ đến ra mắt vua Cảnh Hưng với đầy đủ lễ nghi. Người ta tưởng ngài đã băng hà nhưng ngài chỉ thác một tháng sau thôi. Trước khi mất đi, vị vua tuổi tác đó đã gả một công chúa cho Đức Ông⁽⁶⁴⁾. Chạy được một, hai ngày thì chúa Trịnh bị chính thần dân ông bắt lại và định mang ông nộp cho quân Nam Kỳ nhưng ông không cho chúng thì giờ làm vậy vì ông đã tự thất cổ chết. Thế là hết đời ông hoàng bạc phước, đã được quân đội đem ra khỏi tù đặt lên ngai vàng và đã cầm đầu chính quyền trong một thời kỳ đen tối⁽⁶⁶⁾, như quý ông đã biết. Quân địch đã cướp hết mọi thứ, chúng chỉ để lại những căn nhà trống không và các dinh thự thôi. Chúng vét sạch cả phủ chúa và biến đền chùa thành nhà của

quan. Chúng đem chôn các ngẫu tượng và không thờ thần nào cả. Có người còn phao tin rằng hai Đức Ông [Nhạc và Huệ] đều theo Công giáo và có rất nhiều giáo đồ trong quân đội. Có một vị quan Nam Kỳ, sau khi rửa tội tại nhà một linh mục chúng tôi, đã viết thư cho đức Céram⁽⁶⁷⁾ nhờ Đức ông cho ông ta biết voi (?) ở đâu để ông ta lĩnh phần. Các lái buôn xứ này làm giàu nhờ sự đối kém gần đây. Chúng không thương xót những kẻ chết đói đáng thương nằm dài dọc bên lề đường, lại còn đầu cơ gạo để bán với giá đắt hơn. Hình như thượng đế đã có chủ tâm dẫn quân Nam Kỳ vào vương quốc này để trừng phạt những kẻ tàn bạo đó. Các lái buôn mất hết thuyền và vàng bạc thành thử mỗi ngày lại có kẻ âm thầm về nhà, thân thể bị lột trần chỉ còn một mảnh khố nhỏ, nhưng cũng may vì chưa bị giết. Lúc họ về tới nhà, họ còn gặp nhiều tai nạn nguy hiểm hơn nhiều. Đạo tặc lan tràn khắp nơi như kiến và cắn hết mọi thứ như châu chấu của “Ngày tận thế”. Chúng nhảy xổ vào các lái buôn; cướp đốt nhà họ và giết khá nhiều người. Gần cửa Bang, có một hòn đảo danh tiếng tên là Biện Sơn⁽⁶⁸⁾, trước dân cư gồm toàn lái buôn độ ba nghìn người, trong số đó có sáu, bảy nghìn giáo đồ. Những kẻ bất hạnh đó trước kia làm giàu trên xương máu người nghèo nhờ bất công và tham nhũng, lần này Thượng đế đã trừng phạt họ và trên nhiều người như thế chỉ còn hai, ba mươi người sống sót mà thôi. Năm nay thật là năm đen tối của Bắc Kỳ. Phủ Yên Trường ở xứ Thanh⁽⁶⁹⁾ là kho tàng của họ Trịnh nên đầy vàng bạc và chiến lợi phẩm thu được tại Nam Kỳ, đã bị quân Bắc Kỳ bỏ lại. Những quân cướp [thật chứ không phải quân Tây Sơn] đã ủa vào đấy lấy những gì có thể cướp được. Chúng đánh, giết và tranh giành nhau từng

vật một. Sau đó quân Nam Kỳ tới và cướp sạch hết. Ai cũng tin rằng quân Nam Kỳ sẽ thay thế nhà Trịnh. Chúng cho công bố vài sắc lệnh mà ai cũng khinh thường. Sau chót, sau khi đã thu nhặt hết chiến phẩm, Đức Ông sửa soạn để ra đi, nói rằng mục đích ra Bắc Kỳ của ông là để đánh đuổi quân Trịnh đang áp bức nhà Lê, nay nhiệm vụ đã xong ông xin trở về. Đang lúc đó, lại có một tin khác: đó là tin Vua trời với ba mươi con voi và một vạn quân đã qua xứ Nghệ, xứ Thanh và xứ Nam và đã tới Kẻ Chợ trong một thời gian ngắn. Người đó chính là Nhạc. Ông chỉ lưu tại Kẻ Chợ có hai, ba ngày, rồi ông lại hấp tấp trở về [Nam Kỳ] qua xứ Nghệ và Bố Chính, tất cả đội ngũ Nam Kỳ về theo ông, kẻ theo đường bể, người đường bộ. Không ai ngờ tới chuyện này cả nên được tin, nhiều kẻ bạo nhất cũng phải xanh mặt. Hết vua, hết quan, hết bạc, hết gạo, cả vương quốc bị bỏ rơi cho lũ đạo tặc... Chúng tôi tưởng chừng sắp khốn đến nơi, và thật vậy, nên thương đế để hàng triệu quân ác tâm nảy nở tại Bắc Kỳ, chúng tôi sẽ không còn trên thế gian này nữa. Lũ “giặc” [Nam Kỳ] lúc ra Bắc thì hiền lành nhưng lúc về Nam thì ngược lại; chúng đã cướp bóc dân chúng hai bên sông. Giữa sự hỗn loạn này nhiều sự phạm thượng (thần thánh) đã xảy ra. Nhiều linh mục của chúng tôi đã mất bình đầu thánh, hoặc tế phục, thánh tước, vở sách. Quân đạo tặc còn xé tế phục để may quần phục. Người ta có thấy nhiều đứa chết trong bộ áo lễ trắng...

... Sau khi dịch đi, các quan lập chú [hay bác, nguyên văn oncle] của tiên chúa trước gọi là “Ông quận Quế”⁽⁷⁰⁾ lên ngôi chúa. Nhưng có người cạnh tranh ngôi Chúa với ông. Quan quân đang chia rẽ. Nhiều xứ không có trấn thủ

hay trấn thủ lại đi cướp bóc. Tại vài nơi, các làng họp nhau lại để hỗ trợ nhau trong công cuộc bắt kẻ gian. Lúc nào người ta cũng dọa chúng tôi là Cống Chính và phe ông ta càng ngày càng mạnh. Quân Nam Kỳ không cho phép ông vào Nam và đã ngược đãi ông. Dù sao, ông đang lập ra một đảng mới và nếu dân chúng không chịu nộp những sắc thuế mà quân đội ông có quyền thu ở Bắc Kỳ, giặc [Tây Sơn] chắc sẽ thắng và chúng tôi sẽ còn bị áp bức lâu hơn nữa. Quân Trung Hoa mất hết tàu bè của họ mà quân Tây Sơn tịch thu để chở khí giới, chiến lợi phẩm về xứ chúng. Các phu trạm [người đưa thư] của chúng tôi không đi được vì thế tôi không biết thư của chúng tôi có được người Trung Hoa mang đến Áo Môn như chúng tôi hy vọng không. Mùa màng tháng Mười rất tươi tốt, nếu mất mùa chúng tôi đã nguy rồi.

* 28 tháng Năm 1790 thư của ông La Mothe gửi ông Letondal⁽⁷¹⁾

... Thật vậy Đức ông Adran đã trở về địa phận giáo hội của ông như chính ông đã viết cho chúng tôi, nhưng đường giao thông nối liền các vùng Nam Kỳ bị cấm chặt chẽ đến nỗi bây giờ chúng tôi mới được tin tức Đức ông về, nếu ông không cho chúng tôi hay. Đức ông Veren chủ giáo phụ tá của Đức Adran láng giềng của tôi, cũng nhờ có ông⁽⁷¹⁾ mới biết tin đó. Muốn đường được mở, phải có một cuộc cách mạng nữa lay chuyển và biến đổi cả Nam lẫn Bắc Kỳ. Đó là biến cố mà chúng tôi chờ đợi hàng ngày từ khi chúng tôi được tin chúa Nguyễn hay vua Nam Kỳ được người Bồ Đào Nha ở Áo Môn trợ giúp. Nhưng tôi không giấu rằng nếu viện trợ đó ít quá, chắc thế nào nó cũng vậy, rất có thể

vua Nam Kỳ sẽ không chống nổi khí giới, kinh nghiệm và mưu lược cũng như dũng cảm của Tiếm vương; tôi không nói tới Nhạc, hiện đang chiếm cứ miền Trung Nam Kỳ và hình như đã mất một phần đất của ông cho em ông mà tôi nói đến em ông, người đã chiếm được Bắc Kỳ và hiện đóng đô tại vùng Nam Kỳ gần nơi cư trú của Đức ông Veren và các giáo sĩ khác. Ông này còn dễ sợ và khó trừ khử hơn ông kia nhiều. Hiện giờ ông làm chủ tể và cai trị một mình vương quốc Nam Kỳ nhỏ bé của ông là Phú Xuân. Còn người cai trị chúng tôi là con trai ông, một đứa bé độ sáu, bảy tuổi mà chúng tôi phải gọi bằng chúa. Nhưng đứa bé có tướng và quan giỏi biết kìm giữ chúng tôi và bắt chúng tôi phải kính nể. Nói thật ra, sự thể không đến nỗi nào. Chúng tôi cũng bị phiền nhiễu nhưng chúng tôi tránh khỏi trộm cướp dưới tân triều này, và về phương diện tôn giáo, chúng tôi được hưởng nhiều tự do và an ninh hơn dưới thời các tiên vương khác.

Trích trong *Cochinchine* 746

* 6 tháng Sáu 1787. Thư của ông Doussain⁽⁷²⁾ gửi ông Blandin. tr. 201.

Vậy là quân giặc tràn vào chỗ chúng tôi ở đúng ngày lễ “Mình thánh”, lúc dân Bắc Kỳ ít ngờ nhất. Quan lớn của chúng tôi⁽⁷³⁾ còn đang bận làm lễ cầu tuần cho sự bình phục của ông một cách thành kính (tại một đền danh tiếng ở Phú Xuân) thì có người đến báo có đánh nhau ở ngay ngoài đồn. Thế là ông bỏ khăn cầu, bỏ ăn chay, bỏ cúng lễ để chạy đi triệu tập binh lính và cố gắng kháng cự. Mới vào giặc bao vây “đồn” vì muốn để cho ông có thì giờ đầu hàng. Các quan họp lại bàn tán, quan lớn và vài vị quan muốn

treo cờ bạc⁽⁷⁴⁾ nhưng các quan khác không chịu, chỉ muốn dương cờ điều. Thấy vậy quân giặc xông vào quân ông và gây một cuộc thảm sát dã man. Quan lớn bị bắt và điệu ra trước mặt vua Nhạc, sau đó ông bị chém đầu. May sao, một thanh niên bị bầm (?) nửa người thoát được và chạy về dinh Cát báo tin các bạn anh đã chết hết và chỉ có thể thoát thân được nếu bỏ trốn. Được tin đó tất cả binh sĩ của thành Cát chạy trốn. Giữa đường, chúng bị dân làng quấy phá và đòi treo cổ (họ). Thấy vậy chúng nói: “Nếu dân chúng tới xử tử chúng ta thì chém [họ], nếu là lính địch thì “chịu” đầu [hàng]”. Người ta tới báo tin ấy cho giặc lúc đó đã tới Bồ Chính bằng đường bể. Giặc nhận 200 người với 5 con voi trận và dẫn họ tới trước mặt quân Tây Sơn. Ông này ra lệnh đẩy họ xuống biển. Quân “đồn” lẫn trốn quân Tây Sơn, nhưng khi tới Bồ Chính, chúng bị dân cư [ở đó] vây bắt và nộp cho quan địa phương. Phần đông bị chặt đầu hay bị quăng xuống biển. Đàn bà trẻ cũng không được tha. Chỉ có quân “đồn Đồng Hới” là trốn thoát được không thiệt hại gì. Mới đầu họ bị chiến thuyền tấn công nhưng khi thấy không chống đỡ nổi, họ rút lui vào một khu rừng gần đó [rời họ?] tiến ra Bắc Kỳ. Nhạc có hai người em, một người đã ra Kẻ Chợ mà không báo tin cho anh biết, (bây giờ lại muốn làm vua vùng này). Ông để anh ông trở về Qui phủ (nơi đóng quân của ông này) rồi tự xưng là Đức chúa. Nhạc hay tin ấy không bằng lòng và cảnh cáo người em. Nhưng ông này không những không vâng lời lại còn mộ một đạo quân 60.000 người đến giao chiến với Nhạc tại Qui phủ. Ông ấy [Nguyễn Huệ] ở đó từ ngày lễ Tro thánh. Họ đã đánh nhau hai lần. Người ta đồn rằng Đức chúa đã mất đến nửa số quân. Điều chứng tỏ sự việc ông đang gặp

khó khăn là việc ông bắt mọi người phải ra trận. [204] Đức chúa đi đánh anh ông xong rồi còn dự định ra Kẻ Chợ để xưng Chúa ở đó. Việc ấy có thể có lỗi vì ông rất quan tâm đến nó. Ông có ba đại thần ở ngoài Bắc, một người ở chợ Vĩnh, (xứ Nghệ) và hai người ở Bố Chính. Ai cũng nghĩ rằng dù có thua [anh ông], ông cũng sẽ ra thẳng Bắc Kỳ. Ông [Letondal] nên biết rằng Đức chúa đã lấy làm vợ một công chúa nhà Lê. Mới đây có một đại sứ Bắc Kỳ vào Nam Kỳ. Người ta không biết lý do của vụ đi sứ đó.

* An Do 23 tháng Bảy 1788. Thư của đức ông La Bartette gửi cho... (?)⁽⁷⁵⁾

... Một người mới từ “Phan Thít”⁽⁷⁶⁾ gần vùng Đồng Nai tới đây nói với chúng tôi rằng nhiều bạn lái buôn của ông mới từ Đồng Nai về quả quyết với ông rằng quân đội ông Chung⁽⁷⁷⁾ đang đánh nhau ác liệt với ông đốc Sâm⁽⁷⁸⁾, người được giặc bổ làm trấn thủ Đồng Nai, và đã bao vây ông này [Sâm] cùng đội ngũ ông, thành thử quân Tây Sơn chỉ còn một khu đất nhỏ chung quanh cửa Cần Giờ⁽⁷⁹⁾. Tin đó có thật hay không? Chúng tôi không biết tính sao vì có nhiều tin đồn quá làm chúng tôi không biết vin vào đâu. Tôi tin một điều là quân đội “chúa Nguyễn” hiện đang ở Đồng Nai vì ai cũng nói như vậy. Ngoài ra ba, bốn trăm chiến thuyền do tân vương [Nguyễn Huệ] gửi vào Đồng Nai từ hai tháng nay để chở gạo ra Phú Xuân vẫn chưa về; như vậy họ đã gặp trở ngại. Và lại nếu “ông Chung” ở đó, quân của ông không biết đề phòng gián điệp kỹ lưỡng lắm. Chắc chắn Đốc Sâm đã kiếm được cách phá một chiếc thuyền mang tin chiến tranh với chúa Nguyễn cho tân vương lúc bấy giờ đang ở Bắc Kỳ. Ông này liền bỏ xứ Nam

để cấp tốc về Phú Xuân. Đường đi thường mất hai mươi ngày mà ông chỉ cần mười ngày thôi cho nên một số binh lính của ông, vì không theo kịp bị chết dọc đường. Ông đã triệu tập tất cả binh lính lại tại Phú Xuân. Chắc ông đã thu được nhiều lương thực tại Bắc Kỳ, nếu không ông không thể nuôi quân đội ông được vì thực phẩm mà ông trông đợi từ Đồng Nai chưa về tới nơi. Hiện nay, ở Phú Xuân, vận chuyển dữ lắm. Người ta tin rằng quân đội sắp vào Quảng nhưng không biết để đánh nhau với Nhạc hay để tiến vào Đồng Nai. Chắc ông trù định cả hai việc vì sợ lâu ngày quân đội chúa Nguyễn sẽ tăng cường nhưng ông cũng phải ra Qui phủ kết liễu cuộc tranh chấp giữa ông và anh ông. Vả lại, quân đội ông ta sẽ không tới Đồng Nai được trừ phi hạ bệ được anh ông. Nếu quân đội chúa Nguyễn ra đây khi tân vương còn ở Bắc Kỳ thì bây giờ mọi việc đã xong xuôi vì nếu tân vương muốn trở về Nam Kỳ ông sẽ bị chặn ở lũy Sầy^(79a), vả lại tất cả dân Bắc Kỳ sẽ nổi loạn vì họ đều chán ghét ông [Nguyễn Huệ] trong thâm tâm họ và chỉ mong chúa Nguyễn ra thôi... Cuộc chinh phạt Bắc Kỳ lần trước đã làm chết rất nhiều người, (vì đói, vì mệt, vì bệnh hay vì gươm giáo). Giả thử ông Chùng muốn đợi, ông ấy phải củng cố lực lượng của ông tại Đồng Nai hay nơi khác để ngăn sự tấn công và sức gắng của địch.

Từ khi Tân vương về Phú Xuân, ông ấy bận phòng ngự; ông đã cho xây cất một bức tường cao 20 pi-ê [thước] chung quanh dinh ông. Hình như ông gấp lắm; ông bắt mọi người làm việc sáng đêm không nghỉ. Người ta nói rằng ông cho đặt súng đại bác xung quanh. Người ta còn nói, ông sắp xây tường hai bên sông chảy qua Phú Xuân và đặt súng đại bác ở đó. Người ta tin rằng ông làm như vậy vì ông

sợ thủy quân [địch]. Chính tại thành này ông đã cất số vàng bạc kiếm được ở Bắc Kỳ.

Ngoài ra Tân vương tỏ vẻ khinh thường khi có người nhắc tới chiến tranh giữa ông và ông Chũng hay Nhạc, anh ông. Không những nhạo báng mà thôi, ông còn dùng nhiều danh từ “sỗ sàng”: Ông sẽ phải trả thái độ đó bằng một giá rất đắt vì có nhiều người dũng cảm của ông mà vẫn bị sa bẫy.

Vào khoảng tháng Hai năm nay, ông Chưởng Nhậm hay ông Tiết chế đến xứ Nam với một đội quân độ 40.000 người. Thấy vậy, vua Chiêu Thống chạy trốn với Cống Chinh. Ông này bị quân Tây Sơn bắt và bị chặt đầu. Họ không bắt được vua. Chắc ông đã trốn sang lục địa Trung Hoa. Trong khi ấy, quân Bắc Kỳ họp lại khá đông và giao chiến khá lâu với quân Tây Sơn, nhưng họ không làm ra trò trống gì. Ông Tiết chế luôn luôn thắng. Tuy vậy ông không hưởng hiệu quả của cuộc chiến thắng của ông được lâu vì “ông Đốc Ba”⁽⁸⁰⁾ buộc ông vào tội muốn tranh ngôi vua với Chúa [Nguyễn Huệ] nên chúa lập tức ra Bắc ra lệnh xử trảm ông cùng nhiều lãnh tụ đảng ông. Cuối cùng “Đức chúa” đã được tôn làm vua Bắc Kỳ hôm 25 tháng Tư [âm lịch].

** Xứ nghệ, 16 tháng Tám 1788. Thư của ông Breton gửi cho...*

Tôi phái đến ông một người đã từng ở Hội Thung⁽⁸¹⁾, bên cạnh Trong Xảnh⁽⁸²⁾. Đó là hai làng ở trên bờ sông lớn thuyền buồm Trung Hoa thường hay qua sông ấy để tới xứ này. Cửa biển này gọi là Cửa Hội... (tình hình có lợi cho chúa Nguyễn; hai anh em Tây Sơn bất hòa; Nguyễn

Huệ yếu vì không có tướng phụ tá; Bắc Kỳ cũng yếu vì chỉ có vài quân Nam Kỳ canh giữ thôi)...

[189] Hiện ai cũng ngạc nhiên khi thấy dân Bắc Kỳ bị điều khiển như đàn cừu bởi một tên Nam Kỳ phóng đảng xuất thân từ bọn hạ dân và chỉ được thăng quan từ hồi ra Bắc.

Tiến vương Phú Xuân sắp cho tịch thu các tàu bè ở xứ Nghệ và xứ Thanh và mang rất nhiều đội ngũ đi đánh quân vua [Nguyễn Ánh] tại Đồng Nai khi gió thuận, nghĩa là sau ngày thánh Michel⁽⁸³⁾. Họ đã làm bản kê các tàu bè rồi... [Chúa Nguyễn đang đợi viện trợ của Pháp quốc]...

[192] Ở xứ này quân Tây Sơn mới bắt lính ăn thịt người sống: chúng cắt thịt ra từng miếng bắt lính ăn sống; tay cầm gươm, chúng bắt họ phải nếm món đó. Chúng làm như vậy để ra oai. Nhưng tôi nghĩ rằng hành vi đó chỉ thúc tiến sự suy đồi của chúng thôi. Người ta nói rằng ở Phú Xuân, cảnh khốn cùng đã cực độ rồi lại gia tăng khi Tiến vương về, ra lệnh mọi người xây thành lũy, bắt mọi người làm việc không ngừng.

Các giáo sĩ nói rằng vua Bắc Kỳ đã trốn thoát. Họ không biết vị hoàng ấy ẩn náu nơi đâu. Từ nhiều tháng nay, có tin đồn ở Áo Môn [Macao] và Quảng Châu [Canton] rằng ông đã tỵ nạn tại Trung Hoa và nhân danh chư hầu hoàng đế, ông có xin hoàng đế gửi viện binh sang đánh kẻ thù của ông. Tin ấy đã được nhật báo Bắc Kinh xác nhận. Theo thư từ Quảng Châu gửi cho tôi, báo đó nói rằng vị phế vua đó có xin viện binh Trung Hoa và Hoàng đế đã nhận lời. Thư từ Bắc Kinh gửi tới tôi từ vài ngày nay làm tin đó thêm xác thực; Thư đó cho biết rằng vua Bắc Kỳ

ẩn náu tại một tỉnh Trung Hoa cùng với gia đình ông; ông có cầu cứu Hoàng đế và Hoàng đế đã chấp thuận; ngài đã tiếp ông xứng với chức vị ông... (quân đội Trung Hoa đang sửa soạn để sang Bắc Kỳ).

[195] Chắc hẳn đội ngũ [Trung Hoa] đã rời Quảng Châu từ một tháng nay và người ta hay tin họ đã tới Quảng Tây. Quân Trung Hoa được biết rằng tên giặc [Nguyễn Huệ] đã khoe khoang sẽ tới giao chiến với họ và chiếm một phần đế quốc họ. Đức ông Veren viết rằng ông ta có khoe như vậy thật...

[196] Ngoài tội lấn quyền hiển nhiên mà ông mới phạm bằng cách cướp một chư hầu của đế quốc, quân Trung Hoa còn tức ông vì ông quấy nhiễu lái buôn Trung Hoa. Năm 1788 (tức là năm nay) ông đã tịch thu thuyền bè của họ ở Bắc Kỳ để chở chiến lợi phẩm của ông vào Nam Kỳ. Những năm trước, ông đã tàn sát nhiều thương dân Trung Hoa.

* 30 tháng Sáu 1788. Thư của Đức ông Veren gửi...

Chiến tranh bùng nổ từ tháng Một [âm lịch] năm ngoái giữa hai anh em Nhạc và ông Tám và chấm dứt vào tháng Năm [âm lịch]. Một phần lớn dân Huế tử trận, sau đó hai anh em chia tay nhau, Nhạc ở lại phủ ông ở Qui Nhơn còn em ông về Phú Xuân... Hình như ông Tám cai trị, từ xứ (84) Chăm ra Bắc Kỳ và anh ông từ Quảng Ngãi tới Đồng Nai. Từ đó Nhạc đã đặt vệ binh tại Quảng Ngãi ở bờ cõi xứ Chăm và em ông cũng cho canh giữ vùng xứ Chăm giáp giới với Quảng Ngãi. Hai anh em ông rình nhau giữ lẫn; nhìn ngoài họ không bao giờ có thể họp nhau được. Vào khoảng tháng Ba năm nay, sau khi Nhạc gây hấn tại biên

giới Chăm làm như ông muốn chiếm đoạt xứ ấy và tiến thẳng ra Bắc, em ông lập tức cho quân ra kháng cự và chỉ trong vài ngày ông đánh Nhạc đại bại, tướng Nhạc thì bị voi dày. Sau chiến thắng đó, ông Tám trở về Phú Xuân. Từ đó, sự nghiệp của Nhạc gặp vận xấu, ông bị áp phục không còn gì và không đủ tư cách đương đầu với em ông.

Khi ông Tám ra Bắc, ông có giao lại Phú Xuân cho một người rất đàn độn. Ông ta muốn mộ hết mọi người làm lính, ông ta cho [200] bắt tất cả đàn ông từ 12 đến 60 tuổi. Lính ở xứ này như vậy đó. Chỉ còn lại đàn bà, con nít và niên lão. Gần như không có ai cày ruộng, không ai dám đi câu cá. Những người nào đã trả tiền để được miễn đi lính sau rồi cũng bị bắt và lôi đi đánh trận như người khác... [200] Tất cả những của cải cướp được tại Bắc Kỳ hiện ở Phú Xuân... [Tình hình rất lợi cho chúa Nguyễn. Quân Trung Hoa có lẽ sang Bắc Kỳ. Chúng đã mua đại bác của người Anh]... [204] Người ta nói rằng Hoàng đế cho người nói với ông Tám rằng ông phải rút lui ngay khỏi Bắc Kỳ bằng không ngài sẽ phái quân đội sang đuổi ông.

CHÚ THÍCH:

Chú ý: Phần giữ dấu móc [...] do dịch giả chưa thêm, còn giữa các ngoặc đơn, kép đều ở nguyên tác.

(1) Để dễ hoạt động, Hội Truyền bá Thiên Chúa giáo chia truyền giáo hội của họ tại Việt Nam làm hai, một ở Bắc Kỳ (từ bắc Bố Chính trở ra) và một tại Trung và Nam Kỳ; mỗi khu vực do một vị giám mục cai quản và một vị giám mục phụ tá. Nhưng Giáo hội Bắc Kỳ chỉ gồm miền tây Bắc Kỳ thôi vì miền đông được giao phó cho dòng thánh Dominique từ năm 1693.

- (1a) Ở đây chúng tôi chỉ chú trọng trích dịch về phần chính trị và dân sự mà thôi.
- (2) Nguyễn Hữu Chinh hay Cống Chinh.
- (3) Trịnh Bồng.
- (4) Vua Lê Chiêu Thống.
- (5) Bố Chinh (Bắc).
- (6) Nguyên văn: Haute Cochinchine. Đó là tên dùng để chỉ Trung Kỳ bấy giờ.
- (7) Đức Ông.
- (8) François Louis Le Breton (1749 – 1789) thụ chức giáo sĩ năm 1774, sang Việt Nam (Bắc Kỳ), vào năm 1777, cư ngụ tại Trang Nửa Nghệ An.
- (9) Các giáo sĩ gọi Tân Attila vì Nguyễn Huệ được ví như Attila, một vị vua Huug Nô, đã từng được coi là kẻ “bách chiến bách thắng” làm mưa làm gió Âu châu vào giữa thế kỷ thứ 5.
- (10) Vach Quinh?
- (11) Vũ Văn Nhậm, được Nguyễn Nhạc phong chức Tả quân Đô đốc vào tháng Tư năm Bính Ngọ (1786) khi Tây Sơn đánh chiếm Thuận Hóa và được Nguyễn Huệ phong chức Tiết chế đem quân ra Bắc bắt Nguyễn Hữu Chinh vào năm Đinh Mùi (1787). Chương Nha có lẽ là Chưởng Nha, một chức võ quan cũng có thể là Chưởng Nhậm (Chức Chưởng phủ và Nhậm để bị người Tây phương viết sai là Nha). Đức ông chỉ là tiếng gọi người được trọng vọng.
- (12) Thái Đức.
- (13) Nguyên văn. Bloi = Trời.
- (14) Ba trang Thuốc?
- (15) Quân Tam phủ: quân ưu binh tuyển ở ba phủ Thanh Hóa (Hà Trung, Thiệu Hóa và Tĩnh Gia) và mười hai huyện Nghệ An từ thời Lê Trung hưng. Sau trở thành kiêu binh.
- (16) “Bằng sắc” phong thần cho các thần hoàng.
- (17) Nghệ An.
- (18) Đại Tư Mã Ngô Văn Sở.
- (19) *Chú thích thêm của tác giả.* Ô. La Bartette mới được phong chức giám mục Veren (a) và đang làm “chủ giáo phụ tá” cho Đức ông Adran đã cho chúng tôi biết rằng một vị quan tên là

Trần Đức trước đã từng ngược đãi Công giáo và chỉ huy đội tiên vệ, đã bị bắt; thân ông bị voi dày, còn đầu ông bị bêu trong ba ngày ở Faifo, một thành phố của Nam Kỳ Thượng.

(a) La Bartette (Jean) – 1744 – 1823 ở Nam Kỳ năm 1773 – 1774 tại Dinh Cát. Năm 1784 được phong chức Giám mục Veren.

(20) Do Nguyễn Nhạc cũng đã bị Nguyễn Huệ đánh thua vào năm 1787 hay vì một nguyên do nào khác, Nguyễn Huệ đã làm anh mất thể diện?

(21) Bờ biển trấn Sơn Nam.

(22) Ngọc Hân Công chúa là cô của Lê Chiêu Thống nhưng không phải vợ cả của Nguyễn Huệ.

(23) La Mothe (Charles) – (1751 – 1816). Giáo sĩ sang Bắc Kỳ năm 1782. Năm 1793, phụ tá cho giám mục Longer ở địa phận Kẻ Vinh (Nam Định).

(24) Lê Thái phải chăng là Nguyễn Như Thái? Khi Vũ Văn Nhậm mang quân ra Bắc Nguyễn Hữu Chỉnh có tâu với vua Lê cho Nguyễn Như Thái làm Thống lĩnh (tư lệnh) quân Bắc Kỳ để chống với Tây Sơn, nhưng Nguyễn Như Thái bị chết trận rồi (Hoàng Lê Nhất Thống Chí).

(25) Ngoài Vũ Văn Nhậm còn ai là rể của Nguyễn Nhạc lại được Nguyễn Huệ trọng dụng? Phải chăng có sự lầm lẫn?

(26) Đại tư Mã Ngô Văn Sở.

(27) Serard (Philippe) – (738 – 1804). Giáo sĩ mang Bắc Kỳ 1762 ở Kẻ Vinh.

(28) Đức lệnh, tiếng kêu người được trọng vọng.

(29) Em trai vua là Lê Duy Chỉ?

(30) Kẻ Chợ: Đông Kinh, (Hà Nội).

(31) Kinh đô mới là Phượng Hoàng Trung Đô tại Nghệ An.

(32) Thiêm bầy?

(33) Lễ Thánh Jean [Jean Baptiste]: 24 tháng Sáu.

(34) Mưu toan lập lại nhà Lý?

(35) Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

(36) Sấm Kí.

(37) Nostradamus (Michel de Notre Dame). Nhà chiêm tinh và

y sĩ ở Saint Rémy (1503 – 1560), tác giả cuốn Centuries, một loại Sấm ký.

(38) Mẹ và vợ. Chú thích của tác giả: Trong lá thư “nhiệm mệnh” mà tôi sẽ nhắc tới sau, Hoàng đế Kiền Long [Càn Long] hình như nói rằng: “Tân vương Bắc Kỳ đang ẩn náu tại Trung Hoa và chính ông đến cầu viện”.

(39) Nam vương: Quang Toản.

(40) Đại tư Mã Ngô Văn Sở và Đại Đô Đốc Phan Văn Lân...

(41) *Chú thích của tác giả*: Có lẽ đó là văn thư cuối cùng của ông đề niên hiệu anh cả ông vì chính mắt tôi đã thấy hai sắc lệnh đề ngày 2 và ngày 7 tháng Hai mang niên hiệu năm đầu triều đại hay đế chính Quang Trung.

(42) Đốc Thung?

(43) Tổng: Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị.

(44) *Chú thích của tác giả*: “Người ta còn quả quyết rằng hồi đầu chúng quen thói tàn ngược bắt ăn thịt vài người đáng thương”.

(45) *Chú thích của tác giả*: Khi đọc bài này một người ta có thể nghĩ rằng quân Trung Hoa tuy không lộ ra sợ chính họ bị khốn vì quân Tây Sơn hơn là sợ cho quân Bắc Kỳ và hình như họ lấy làm sướng nếu xui được quân Bắc Kỳ đánh nhau với kẻ thù của họ.

(46) *Chú thích của tác giả*: Tên phách láo đã không giữ lời hứa.

(47) Đại nhân, tiếng “xưng hô”, tức Tôn Sĩ Nghị.

(48) Thiên Triều.

(49) *Chú thích của tác giả*: Mấy giáo đồ Bắc Kỳ là bộ hạ của quan Đại Tư Mã mà tôi nhắc tới ở trên, đã quả quyết với tôi rằng Tiếm vương phạt vị quan này về tội hoảng sợ bằng cách trừ của ông một tháng lương và cấm ông không được đụng tới thực phẩm của binh lính. Ngoài ra tôi còn nhớ rằng:

1) Quang Trung có tới tổng doanh của ông [Quang Trung] tại Vân Sang (a) và mời các võ quan cao cấp dự tiệc, nhân đó ông bắt Đại Tư Mã quỳ xuống cách xa ông trong khi các quan khác ăn uống và dùng lời lẽ gay gắt, dữ dội nhứt quở trách về tính nhút nhát của ông này.

2) Ít lâu sau: muốn làm ông [Đại tư Mã] thất đảm, Quang

Trung cho xử trăm viên trấn thủ Than Hoa (b) và một đại thần khác bị khép tội quấy nhiễu dân áp dân chúng trước mặt ông.

3') Quang Trung bắt ông [Đại tư Mã] lại ra chỉ huy quân đội.

4') Quang Trung bãi chức Tổng Nguyên Soái của ông [tư lệnh quân đội tại Bắc Kỳ hồi trước].

a. Một địa danh gần núi Tam Điệp.

b. Trấn thủ Thanh Hóa không rõ là ai?

(50) Kẻ Vinh: Nam Định.

(51) Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, Hà Đông.

(52) Đô Khou Coung?

(53) Đô đốc Lân này không phải Đô đốc Phan Văn Lân vì về sau vua Quang Trung ủy cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân coi việc hình ở Bắc, Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích coi việc giao thiệp với Trung Hoa sau khi Vua đại phá được quân Thanh và trở về Nam [Hoa Bằng, Quang Trung, Anh hùng Dân tộc, Bốn phương, 1951].

(54) Tổng Đốc Tôn Sĩ Nghị.

(55) Điền châu Sầm Nghi Đống?

(56) Soung Thoug = Sông Thương?

(57) Một piê: một thước, (độ 0,324 m).

(58) Blandin [Pierre – Antoine] – 1753 – 1802, giáo sĩ sang Bắc Kỳ 1778, tới 1784 về Paris.

(59) Sứ Tàu sang làm lễ “truyền phong” vua Quang Trung làm An Nam Quốc Vương.

(60) Trần Đống Đa?

(61) Xem chú 50.

(62) Le Roy (Jean,) – (1754 – 1803)

(63) Toussain: Doussaint (xem chú 72).

(64) Thủ phủ trấn Sơn Nam.

(65) Đức ông Nguyễn Huệ.

(66) Trịnh Khải được bọn Kiêu binh đưa lên ngôi chúa.

(67) Đức giám mục Céram tức Đức cha. J. Danoust.

(68) Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, tỉnh Thanh Hóa; tập Thượng của Cao Xuân Dục, Biện Sơn đảo ở phía ngoài cửa Bạng (Thanh Hóa) bầy dậm, chỗ tránh gió rất tốt cho thuyền bè đi bề.

(69) Phủ Trường Yên xứ Thanh Hóa. Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

(70) Ông Quận Quế: Côn Quận công Trịnh Bồng, con Trịnh Giang, vào hàng bác của Trịnh Khải. Khi Nguyễn Hữu Chỉnh ra Bắc, Bồng chạy lên hàng Quế ở trấn Kinh Bắc, liên kết với bọn người ở Quế ở chống lại Chỉnh. Phải chăng vì có liên hệ với Quế ở nên được gọi là Quận Quế?

(71) Lelondal (Claude) – 1733 – 1813 “Thầy tư quản sự” (procureur). Tại Ma Cao từ năm 1785.

(72) Doussaint (Jean – Adré) 1756 – 1809 sang Nam Kỳ 1781. Năm 1807 giữ chức Phó giám mục địa phận Bá Đa Lộc.

(72a) Lễ vào ngày thứ tư đầu tiên của mùa Chay (Carême) vào dịp lễ Phục Sinh, khoảng tháng Một, Ba.

(73) Viên trấn thủ Thuận Hóa Phạm Ngô Cầu.

(74) Cờ trắng là cờ hàng, còn cờ điều?

(75) Không thấy chép người nhận thư.

(76) Phan Thiết.

(77) Nguyễn Ánh.

(78) Thời kỳ này, viên trấn thủ Đồng Nai của Tây Sơn, trấn giữ thành Gia Định là quan Thái Bảo Phạm Văn Tham, người Tây phương đọc là Sâm?

(79) Một cửa sông Đồng Nai.

(80) Đò Đốc Phan Văn Lân?

(81) Hội Thung?

(82) Trọng Xảo?

(83) Ngày 29 tháng Chín.

(84) Vùng Quảng Nam.

triều đại vua quang trung
dưới mắt các nhà truyền giáo
tây phương
đặng phương nghi

Những tài liệu mà chúng tôi xin trích dịch sau đây gồm những bức thư trao đổi giữa các giáo sĩ thuộc Hội Truyền Giáo tại Việt Nam và Trung Hoa cùng những bản tường trình của họ cho các vị Giám Đốc Giáo Hội, hiện được tàng trữ tại Văn Khố Hội Truyền Giáo Paris (Archives des Missions Etrangères de Paris). Những tài liệu này đã được đóng thành tập và được xếp theo thứ tự từ số 1 và dưới ký hiệu Tonkin và Cochinchine.

Những văn liệu liên quan đến Tây Sơn từ năm 1787 đến 1792 ở trong tập Tonkin 692 đến 700 và Cochinchine

740 trở đi. Một số thư đã được đăng tải trong bộ: “Lettres Édifiantes et Curieuses” và “Nouvelles Lettres Édifiantes et Curieuses” hay trong các bài báo của ông Cordier L.M. Cadière. (T'oungpao, B A.V.H., B.E.F.E.O...)

Hiện nay còn rất nhiều những tài liệu về Tây Sơn cũng như về Việt Nam Văn khố của Hội Truyền Giáo Paris vẫn chưa được khai thác. Đó là một điều khiếm khuyết rất lớn cho Sử Học Việt Nam bởi các tài liệu này rất quý giá, cho biết thực trạng xã hội Việt Nam trước thời Pháp thuộc, có thể bổ túc cho sự thiếu sót của sử liệu nước nhà.

TẬP TONKIN 692

6-7-1789: *Thư của ông Lefro*⁽¹⁾ *gửi cho ông Bandin*⁽²⁾ [trang 111]. Họ Trịnh và nhà Lê đã suy. Dường như họ không bao giờ có thể khôi phục cơ nghiệp được nữa. Tất cả các đại thần đã bị giết. Ông Coung Chinh⁽³⁾ hữu danh, người đã mang chiến tranh đến ngay tại xứ sở của ông đã bị xử trảm tại kinh thành [tr. 112], cùng với người con trai ông. Các tòa án không còn quan tòa. Những kẻ man rợ⁽⁴⁾ từ cao nguyên miền Nam đến không biết gì về thuật cai trị cả. Họ chỉ biết cướp phá quấy nhiễu mà không sợ bị truy nã. Họ đã lấy hết tiền bạc của vương quốc, tất cả các dược phẩm của các y sư và dược tế sư. Họ đã bắt những kẻ cày ruộng tại thôn quê đi lính. Họ đã đốt phá một phần lớn các làng mạc và đã hành hạ dân chúng với thuế má và khổ dịch (bởi thuế tăng lên). Vua Chiêu Thống⁽⁵⁾, kẻ vị vương của ông ngài là Cảnh Hưng đã cầu viện Hoàng đế Càn Long bên Trung Hoa. Càn Long đã gửi một số khá đông quân lính sang Bắc Hà vào khoảng cuối năm ngoái (1788) nhưng đoàn quân vừa yếu vừa quá mê tín dị đoan. Giống như vị hiền triết Hy Lạp đã nói: "Tôi mang mọi thứ theo tôi", lính Trung Hoa mang theo cả diều hús, bát đĩa và các hành trang phụ khác, đeo lưng lẳng ở thắt lưng họ. Họ vừa là lính vừa là lái buôn bồi bếp...

... Quân Thanh thoát đầu đã đánh đuổi quân Nam Hà khỏi kinh thành. Vua Bắc Hà đã được đặt lên ngôi trở lại. Người ta đồn rằng Hoàng đế Mãn Thanh đã biếu nhà vua một số tiền lớn mà nhà vua cần món tiền này lắm. Nhưng các tướng nhà Thanh không được quảng đại như vậy. Chắc họ tưởng rằng vua Chiêu Thống sẽ biết ơn họ và sẽ đền bù

công khó nhọc của họ. Nhưng ông vua nghèo cai trị một xứ nghèo như xứ này không thể thỏa mãn từng đó túi tham. Bởi vậy quân Tàu đã không động binh, chỉ nghĩ đến kiếm lợi với nhau và với dân Bắc Hà... Trong khi đó, quân Nam Hà chưa bỏ cuộc. Họ đã tập trung gần nơi chúng tôi ở bên kia sông tại một nơi gọi là Vặn Làng⁽⁶⁾. Họ còn chặn tất cả những lối đi từ xứ Nam tới hai xứ Thanh Nghệ. Nếu quân Tàu muốn đánh đuổi họ chắc cũng đuổi được họ một cách dễ dàng khỏi vương quốc. Trong khi đó Tân vương Nam Hà đã kịp hay tin quân Tàu tới và những chiến công của họ. Vì ông ta là người có can đảm và được coi như là một Alexandre tại đây, nên ông lập tức xuất chinh đem theo tất cả thanh thiếu niên và bộ lão mà ông bắt gặp. Quân đội ông trông giống như một toán bệnh nhân ốm yếu hơn là một đoàn chiến binh. Nhưng không can gì! Những binh lính [tr. 113] khốn khổ ấy đã tiêu diệt quân Trung Hoa hồi đầu năm.

Quân Tàu này cũng gây thiệt hại cho quân Nam Hà và cũng tỏ ra có chút giá trị. Chiến phẩm của họ gồm có bạc, quần áo, vải lụa, v.v... đã vào tay quân Nam Hà và độ ba, bốn ngàn người của họ bị bắt làm tù binh. Sau trận đó quân Trung Hoa đã lên đường trở về nước. Có thể tin chắc rằng Hoàng đế Mãn Thanh sẽ không được hài lòng lắm về chiến trận này và ông sẽ không đợi gì mà chẳng gửi sang đây đội quân khác được chỉ huy chuẩn bị khá hơn. Trong khi đó dân chúng đáng thương đang chết đói. Mùa này tháng 10 (âm lịch) năm 1788 đã bị mất vì đại hạn vào mùa hè năm trước. Gạo cũ còn lại của mùa trước thì bị vơ vét vào kho lương định thành thữ ngay cả lái buôn cũng chết đói [có cả bệnh dịch nữa] vì tân chúa tể của chúng tôi ít mê

tín hơn chủ tể các thế kỷ trước. Họ đã cướp phá chùa và họ đốt những ngôi chùa danh tiếng nhất của các cự vương Bắc Hà [Nói về Linh mục Hóa đến thăm Lạc Thổ tại xứ Thanh ở ranh giới xứ Thượng, xứ Đoài và xứ Nam, về những người Thượng có phong tục khác hẳn người Bắc Hà]. Các làng gọi là Mường và xã trưởng gọi là Lang. Các làng có uy quyền lớn. Đó là một thứ tiểu vương có quyền sinh sát dân làng. Dân dưới quyền ông ta phải cày ruộng ở cạnh nhà cho ông ta và chịu tất cả tổn phí bắt buộc để nuôi con ông ta hay chôn cha mẹ ông ta... Những người Mường đó rất giản dị mộc mạc và sống như những người thời Hoàng Kim mà ta thường tưởng tượng.

Phần đông họ không biết ất giáp gì, không đếm ngày cũng không đếm năm. Họ ăn cơm với muối không thêm nước chấm, rau cỏ hay thịt cá gì. Thật là một đời sống khổ cực. Họ không có vườn hay có tiền. Để trả thuế mà họ phải đi thật xa bán gạo bởi tại cả châu huyện không có hội chợ nào. Họ để lúa trong nhà họ và mỗi buổi sáng họ phải đập lúa để có đủ gạo cho ban chiều hôm đó. Làng họ ở trên núi và trên dốc đồi. Họ không thích đồng ruộng mà họ chỉ dùng để gieo mạ. Mỗi làng có nhiều nhất là 40 nóc gia. Mỗi gia đình có tòa nhà vuông rộng chia ra làm ba phần bằng nhau, ở dưới là chuồng ngựa. Con cái họ kể cả những người lập gia đình...

4-7-1789, thư của Vincente Lâm Kỳ⁽⁷⁾ [trang 127]

"... Năm sau, ngày ấy tháng ấy (30-1-1788) tôi đã được (thư) vì năm ấy có tàu Frégate nước Phalansa đem năm thầy cả và các thư bởi Macao mà về nước An Nam".

[Nguyễn văn chữ quốc ngữ]

5-7-1789, *thư của ông Eyot*⁽⁸⁾ *gửi cho ông Blandin* [tr. 128-30]

... Người ta thu thuế không ngừng và thuế nặng quá đáng đến nỗi nhiều làng “xiêu đi” [ng. v.]. Lúc bấy giờ thì quân địch vào nhà và cướp đoạt tất cả cái gì vừa mất chúng. Đó là số phận của làng đáng thương không đủ sức nộp thuế. Dân Bắc Hà bất hạnh của chúng ta còn phải chịu sự tham lam vô bờ bến của quân địch và của người Bắc Hà trốn phe địch nữa, nếu không có một trận lụt làm mất mùa tháng 10 khiến dân chúng lâm vào cảnh nghèo khổ vô cùng [có làng mất 1/2 hay 3/4 dân số, người còn thì bỏ đi] mùa tháng 5 đã chặn sự đói kém nhưng quân Nam Hà vẫn tiếp tục thu thuế, vì tại nhiều nơi mùa gặt không được phong phú và vì nhiều làng trồng cấy một phần ruộng của họ hoặc vì họ đói quá không đủ sức cày hoặc tại chủ ruộng đã chết hoặc vì một lý do nào khác, nên chẳng bao lâu nữa dân chúng có thể lại rơi vào sự nghèo khổ.

... Hết đói kém lại đến bệnh tật...

Kẻ Vinh⁽⁹⁾ 6-7-1789: *Thư của ông Lam Mothe*⁽¹⁰⁾ *gửi ông Biandin* [tr. 132-5]

[Đói kém... Vua đã ẩn tránh tại nhà một võ quan Công giáo; ông này rước vua tới nhà một người nông phu Công giáo, cha vợ của ông ta, và vua đã cải trang trong ba tháng]. Nhà vua [Chiêu Thống] đã được quân Trung Hoa đặt lên ngai vàng trở lại vào cuối năm ngoái, cha vợ thì trở thành thượng thư [tr. 135] người con làm đại thần.

12-7-1789: *Thư của ông Sérard*⁽¹¹⁾ *gửi ông Blandin* [tr. 136 – 145]

[tr. 137] Chúa Trịnh thua. Lộn xộn sau khi quân Tây

Sơn rút lui. Không một vị tướng nào có thể ngăn cấm dân chúng cướp bóc lẫn nhau, đánh nhau, đốt phá, không chịu nộp thuế cho vua hay cho chúa và như thế trong bốn tháng trời.

tr. 138 [nói về] Sự kiêu căng của các võ quan tân chính quyền.

Sự nghi kỵ giữa các tướng sĩ, nhất là sự mê tín của vị vua trẻ tuổi [Chiêu Thống] đối với “thần” mà ông thăng tước hay thưởng... [quân phiến loạn trở lại; vua và Cố Chính thua] quân địch ngay khi đó đã vào kinh thành, đại tướng đã bị kết tội mưu phản đã bị xử trảm. Vua đã chạy vào rừng. Chuyện này xảy ra hồi năm 1788 khi chiếc tàu Pháp mang giáo sĩ đến [quân Tây Sơn có hay việc này và có bắn đại bác vào phía tàu... vua chạy đến hạm đội của ngài nhưng không thoát] vua đã chạy về phía bờ biển ở xứ Nam và từ đó rút lui vào trong núi bằng đường bộ, vài chiếc tàu đã đi về phía duyên hải các trấn miền đông; đó là những chiếc tàu duy nhất không rơi về tay địch.

tr. 140 quân Tây Sơn là “quân Quảng”

quân Trung Hoa là “quân Ngô”

“... Nắng quá, mưa quá, bệnh dịch, cướp (?). Nhà nào có mấy người thì bắt đi lính cả, sáu người thì đi cả sáu, nhà có năm người thì đi cả năm (không kỳ già nua, trẻ, yếu)... quân này nó lấy sự chém người ta như chơi vậy... Ngoài nước Nam bây giờ đang bắt làm thành lũy khó nhọc lắm; Trảo xứ Nghệ đã làm ba, bốn nơi, làm chỗ nọ rồi lại bỏ đi làm nơi khác bắt cả thầy lên rừng đốn gỗ, chém củi, nung gạch [tr. 141] gánh đất gánh cát làm đền làm phủ (động gì thì chém)”

[Nguyễn Văn]⁽¹²⁾

Kẻ Đầm (13) 17-1-1790: Thư của ông Sérard gửi ông Blandin [tr. 153-6]

tr. 154 [Dịch hạch, chiến tranh đói kém].

... Có những làng mạc xưa nay đông dân cư bây giờ không còn ai, có cả hàng huyện nữa như vậy: Thạch Liềm, Bình Lục, Thiên Bản⁽¹³⁾ bị tàn phá và Gia Viễn⁽¹⁴⁾ ở xứ Thanh gần như không còn ai nữa.

20-15-1790: Thư của ông Eyot gửi ông Blandin [tr. 207-9]

Ba tai ương: Đói kém, dịch hạch và chiến tranh, đã sát hại nhiều người, người ta đồn rằng “*khí Dịch*”⁽¹⁵⁾ hiện cai trị ở xứ Nghệ! Xứ này đã bị tàn phá nhiều. Biết bao người đã chết ở đó. Ngay đến cộp cũng ăn thịt mất mười người trong mười lăm ngày, trong số đó có một nữ tu sĩ của chúng tôi.

tr. 208... Ông Letondal viết cho tôi rằng chúa Nguyễn hiện ở Nam Hà. Người ta đồn rằng quân Bồ Đào Nha giúp ngài trong cuộc viễn chinh của ngài...

28-5-1790: Thư của ông La Mothe gửi ông Blandin [tr. 216]

Tiểu Vương Quang Trung yên hưởng kết quả của sự tiến ngôi đầu lời đồn [ngược lại]... ông vẫn đắm chìm trong niềm hoan lạc và bình thản hưởng cái kết quả của những chiến thắng của ông tại Phú Xuân, và như chúa Sơn Lâm, tuy ra vẻ nằm ngủ nhưng sẵn sàng vồ mồi nếu kẻ nào chọc tới nó.

Về phần dân Bắc Hà chúng tôi, chúng tôi chỉ có một cậu bé sáu, bảy tuổi là con cả⁽¹⁶⁾ của tiểu vương, làm vua

hay đúng hơn làm chúa, nhưng cậu bé đó có đại tướng và đại thần biết kiềm chế chúng tôi và bắt chúng tôi vâng lời.

[Chiêu Thỗ có yêu cầu ẩn tránh tại nhà dân Công giáo của Cha Thành ở xứ Đoài, ông đã cải giáo, chúa cũng vậy?]

Kẻ dầm 18-1-1791: Thư của ông Sérard gửi ông Blandin.

[tr. 224] Gần cửa nhà chúng tôi, ở giữa làng này có một trại lính gồm tất cả lính huyện Thanh Liêm⁽¹⁷⁾. Họ để chúng tôi muốn làm gì thì làm. Trại của trấn thủ Từ Hiến⁽¹⁸⁾ đem về Sở Kien⁽¹⁹⁾ cũng tại huyện này, rất dễ chịu. Chỉ có tại xứ nghệ là họ quấy nhiễu không nề nang ai.

Kẻ Sở⁽²⁰⁾ 20-9-1790: Thư của ông Sérard gửi ông Blandin [tr. 229 ‘ 32]

Bệnh dịch vẫn lan tràn ở nhiều nơi và vẫn giết hại nhiều người nhất là từ hai, ba tháng nay. Sự trồng trọt tốt đẹp, từ thủ đô Nam Hà tới khắp Bắc Hà, tại tất cả đất đai dưới quyền cai trị của Tiếm vương của chúng tôi, đang hứa hẹn một mùa màng phong phú thì lúa lúc đó, tôi xin nhắc lại, bị hư hại bởi một vụ đại hạn và lúa đã không lên mầm tại các đồng ruộng cạn và phần nhiều đã bị khô héo tận rễ. Cho nên thực phẩm đất đỏ liên tiếp. Hễ họ [dân di dời] rồi rãi, nghỉ ngơi một chút là họ chỉ nghĩ đến việc sửa đền và tổ chức những tế thần của họ.

Xứ Đoài⁽²¹⁾ 20-10-1790: Thư của ông Sérard gửi ông Blandin [tr. 263-65]

... Mới đây, ông Leroy đã nhờ đưa các thư của chúng tôi cho một thuyền trưởng Trung Hoa đi với bốn chiếc

thuyền nhỏ hộ tống (ông ta không dám mang theo hai “sứ giả” chúng tôi) và bỗng nhiên chúng tôi hay tin bốn thuyền đó bị bắt bởi bọn cướp biển Trung Hoa đã đầu hàng quân “phiến loạn” và đã bị dẫn đến thủ đô Nam Hà. Người ta tin rằng Chính dùng làm chiến thuyền để tấn công vua Nam Hà [tr. 264] hiện đang ở Dou Nai vì tướng phiến loạn đang chuẩn bị cho mục đích đó... Dân Trung Hoa càng ngày càng khó dễ và đòi hỏi một giá tiền quá đắt [cho công chuyển thư] đến nỗi không thể thỏa mãn họ được. tr. 226. [Có một kẻ mang danh vua Chiêu Thoug nhưng thực ra chỉ là một kẻ bịp bợm]...

2-5-1791, *thư của ông Sérard gửi ông Descourvières*⁽²²⁾
[tr. 279 – 81]

... Khó mà cứu hoàng Nam Hà đánh bại nổi kẻ địch của ông. Về phần vua Bắc Hà thì dường như ông không thể khôi phục cơ nghiệp nổi bằng sức mạnh. Chỉ có thuế má và dịch vụ là làm dân chúng bị áp bức kêu ca và mong mỗi được giải phóng...

19-7-1791: *Thư của ông Longer*⁽²³⁾ *gửi Đức Champenois*⁽²⁴⁾ [tr. 283 – 5]

... Sự giao thông giữa Nam Hà và Bắc Hà gần như bị cắt đứt [tr. 284]. Tiếm vương cai trị chúng tôi có lý khi sợ vua Nam Hà hiện đóng tại Đồng Nai gửi một số người theo ông ra ngoài Bắc lập đảng...

Làng Kẻ Seo⁽²⁵⁾, *Bố Chính*, 1-5-1792: *Thư của ông Sérard gửi ông Blandin*

[tr.366] Không có giao thông giữa các xứ.

Ông Girard⁽²⁶⁾ được cử làm thầy thuốc cho Tiếm vương, Phú Xuân.

Có lẽ tôi sẽ phải kêu gọi đến ông Girard ở Phú Xuân để nhờ ông ấy giao thư cho thuyền Trung Hoa cập bến tại đó, hay yêu cầu ông ấy đích thân mang theo nếu Tiếm vương bắt ông ấy đi Quảng Châu mời người Âu châu đến kinh đô buôn bán như ông đã dự định năm ngoái...

Macao, 25-11-1792: Thư của ông Girard gửi ông Boiret⁽²⁷⁾ [tr. 397 ' 99]

Ngày 7 tháng 3-1791, tôi được giới thiệu với Tiếm vương cai trị các tỉnh Nam Hà Thượng và Bắc Hà. Người vợ mà ông coi như vợ lớn⁽²⁸⁾ bị bệnh trầm trọng. Người ta có nói với ông ấy rằng chỉ còn trông đợi ở các thầy thuốc người Âu châu thôi. Bởi vậy ông sai một vị đại thần là một người Công giáo đã nhiều dịp giúp chúng tôi đắc lực đi tìm một giáo sĩ người Âu đến chữa bệnh cho vợ ông. Lúc đó tôi đang ở với Đức Verén⁽²⁹⁾ [tr. 398].

Các quan đã khuyên Tiếm vương cho mời một người Âu vào cung. Sau lại yêu cầu tôi kê thuốc cho phu nhân Tiếm vương, nhưng bà ta từ trần. Ngày 29-3 năm ấy. Ngày 25-6 bà ta được chôn cất. Tiếm vương gần như thành điên khùng. Ông ta muốn hành quyết hai thầy lang đã săn sóc vợ ông. May thay họ chỉ phải mang cùm thôi... [tr. 369]. Nên hiểu rằng tôi không còn ở đó (Kinh đô) nữa. Năm ngoái ông ta (Tiếm vương) muốn gửi tôi đi Macao kêu gọi người Âu châu đến buôn bán tại vương quốc của ông. May sao chỉ có vài chiếc thuyền Trung Hoa, mà không một chiếc nào chịu chở tôi cả.

Năm nay có một cơ hội khác. Một chiếc tàu từ Áo Môn tới và một chiếc khác từ Ma Ni qua, vì bất bình công việc làm ăn của họ tại Đồng Nai, đến đất của Tiếm vương,

nơi tôi ở, và đã bán cho ông ta 100.000 cân⁽³⁰⁾ lưu huỳnh. Tôi đã bắt buộc phải du hành đi Macao. Tôi đã tới đó hôm 3-7... Người ta đã báo tin cho tôi rằng vua chính thống Nam Hà đã thắng một trận và đã đến hải cảng Touron⁽³¹⁾ tại xứ Chàm⁽³⁶⁾...

Macao, 21-12-1792: Thư của ông Longer gửi ông Blandin [tr. 403 ‘ 5]

[Tr. 403] Ở đây người ta đồn rằng vua Nam Hà [Nguyễn Ánh] đã chiếm lại được vài tỉnh Nam Hà thuộc vương quốc của Tiếm vương Nhạc (Thái Đức). Người ta cũng nói rằng em Tiếm vương ấy, người cai trị Bắc Hà và Nam Hà Thượng đã chết vì bệnh và một trong những người con trai của ông lên nối ngôi... Tuy nhiên những tin đồn cần được xác nhận lại...

Macao, 5-2-1793: Thư của ông Langlois⁽³³⁾ gửi cho ông Chaumont⁽³⁴⁾ [tr. 411 – 14]

[Tr. 412]. Thư nhận được từ Bắc Hà ngày 15-1 mới đây do một sứ giả mang theo từ tháng 8 xác nhận tin Tiếm vương cai trị Bắc Hà và Nam Hà Thượng đã mất. Các con ông còn nhỏ (người con lớn nhất mới 14 tuổi). Các quan của ông lại đánh lẫn nhau, đã có nhiều người bị giết trong những vụ lộn xộn về vấn đề kế vị. Chắc ông đã biết những tin ấy với nhiều chi tiết hơn...

Macao, 10-2-1793: Thư của ông Longer gửi ông Blandin [tr. 415 – 417]

Ông La Mothe cũng báo cho tôi rằng “Cái chết của Tiếm vương Quang Trung được giữ bí mật gần hai tháng trời bây giờ mới được công bố bởi sắc lệnh bắt buộc toàn

quốc chịu tang một vị Hoàng đế anh minh như ông. Chúng tôi chưa biết ông mất vì bệnh gì...

Bố Chính, 6-6-1793: Thư ông Sérard gửi ông Boiret và Descourières [tr. 426 – 429]

... Ở đây sẽ khó khăn hơn vì xa xôi, và vì sự canh gác nghiêm mật ở thành lũy phân chia Bắc Hà và Nam Hà. Sự đào tẩu khỏi Phú Xuân của lính Bắc Hà chạy khỏi Phú Xuân là lý do chính khiến lính canh gác phải chu đáo. Đường biển cũng như đường núi được canh chừng rất cẩn mật.

[Tr. 427]. [Ông Girard trốn tránh vì sợ bị lôi thôi về việc đi sứ ở Quảng Châu]. Họ [quân Bắc Hà] muốn có nhiều tàu bè Âu châu đến hải cảng của họ với những hàng hóa mà họ đòi hỏi, nhưng chỉ có hai tàu tới; chiếc tàu bị bạc đãi bởi quan trấn thủ xứ Đàng Trong (Phủ Châm) nên đã nhổ neo và đã tẩu thoát để tránh tai họa. Chiếc kia mới từ Macao đến, đã được tiếp đãi tử tế hơn nhưng tôi không tin rằng nó chở nhiều hàng hóa cho “Tiểu vương” và triều đình của ông ta.

[Tr. 428] Tiếm vương [Quang Trung] đã mất nhưng tinh thần ông vẫn còn sống trong các đình thần của ông. Người ta rất chán nản để đợi vua Dồn Nai ông này không thể kiếm được một cơ hội nào tốt hơn bây giờ.

[Tr. 429] Hai tướng “phiến loạn” đã chết. “Hoàng đế” danh tiếng, bị vua Dồn Nai bao vây lâu ngày và bị đoạt hết thành trì, đã tắt thở ngay sau khi được cháu ông đến cứu và đã khiến vua Dồn Nai rút quân. Thế là vương quốc của hai anh em thù địch được sát nhập làm một. Mọi điều hình như có lợi cho vua chính thống: hạm đội của ông mạnh hơn

hạm đội đối phương nhiều. Binh lính của ông đã được hợp thành một quân đoàn, dân Bắc Hà và Nam Hà có ý định đầu hàng và sẵn sàng chống đối lại kẻ cai trị họ. Tuy nhiên, ông không có vẻ lợi dụng thời cơ đó...

[Đói kém, dịch hạch...]

19-6-1793: *Thư của ông La Mothe gửi ông Boiret, Descouvrière, de Chaumont và Blandin*

[Tr. 449]... Và lại, cái chết của Tiếm vương khét tiếng Quang Trung không gây một sự thay đổi mong đợi nào tại hai vương quốc. Những người con còn nhỏ tuổi và các cận thần của ông vẫn an hưởng các đất đai do ông chiếm lãnh. Theo ý kiến của những người hiểu biết thì đó không phải là một tai ương đối với dân chúng...

21-6-1793: *Thư của ông La Mothe gửi cho các cô Mesnard⁽³⁵⁾ tại Lorient* [tr. 452 – 55]

[Tr. 454] Tôi không chắc rằng một ngày nào đó, khi vua Nam Hà, cha của vị hoàng tử⁽³⁶⁾ mà các cô đã từng đón tiếp lên ngôi vua Bắc Hà là xứ của ông, nơi ông rất được mong đợi, tôi không chắc rằng lúc đó chúng ta sẽ được lợi nhiều trừ khi ông nhường ngôi lại cho người con theo Gia Tô giáo⁽³⁷⁾ của ông...

Làng Hoàng Lý⁽³⁸⁾, 15-7-1793: Thư của ông Bissachère⁽³⁹⁾, gửi các ông Blandin, de Chaumont và Descourvières.* [tr. 469 – 73]

[Tr. 469]. Tôi và các thầy tuyên giáo của tôi đã đuổi được ba ông từ của ba ngôi đền khác nhau tại ba huyện thuộc giáo khu tôi. Một trong các đền đó đã bị đốt cùng với 25 tượng mạ vàng, người ta có dành cho tôi năm tượng bằng gỗ quý mạ vàng và một tượng bằng đồng hay kim khí

dùng để đúc tiền bản xứ, mà tôi đã bán với một giá khá cao sau khi đã đập nó tan ra từng mảnh. Người ta đã mang cho tôi các tượng đó ngay đêm cháy đền.

Nhưng chúng tôi đã biểu quan vài quan tiền và họ không dám theo đuổi kiện nữa [Dân Công giáo biến đình làng trước dành cho việc cúng bái thành hai nhà thờ - Đền thứ hai không được sửa vì xã trưởng là một dân Công giáo].

[Tr. 471] Dân Công giáo trong làng đó không dám bán [các cây xung quanh đền] cho tôi vì sợ dân tà giáo, nên quyết định bán nó để giúp làng trả thuế. Vì không ai dám mua các cây ấy, chính họ đã mua lại với giá rẻ và tôi hy vọng sẽ được chia một phần nhỏ. [Đền thứ ba thì bị phá]. Tôi giữ tại chỗ công cộng hay nhà xí của chính dinh hay thủ phủ giáo khu này một nữ thần bằng gỗ khá lớn. Tượng thần này có 12 bàn tay ôm đầy quả, và kính bằng vàng và bạc; cả pho tượng đều mạ vàng.

17-7-1793: *Thư* của ông Leroy gửi ông Blandin* [tr. 482 - 89]

... Có người trốn tránh không chịu ghi tên vào sổ “hộ khẩu”, hay không chịu lãnh “thẻ bài” mà họ cấp phát khắp vương quốc [tr. 486]. Tôi đã in [bộ luật Bắc Hà] cùng với một bản dịch mà tôi đã nhờ một viên cựu quan dịch hộ viên quan này đã từ trần tại nhà chúng tôi [tr. 487]. Bộ luật đó dường như không được dùng nữa từ khi vương quốc này đổi chủ. Các quan xử theo lương tri họ, phần đông không biết đọc hay biết viết, họ xử kiện như người Thổ Nhĩ Kỳ vậy, nhiều khi hai bên đều bị quất roi mây và bị đuổi ra khỏi pháp đình, cốt sao cho kẻ thích sinh sự nhất

cũng phải ôn hòa, còn sách vở thì chẳng dùng làm gì cả. Gần như không ai học nữa, không có “khoa thi” nữa như dưới thời các chúa “nhà Trịnh”...

Ngày lễ thánh Ignace. 1793: Thư của ông Bissachère gửi ông de Chaumont [tr. 490 – 3]

... Tôi vừa hay tin có năm chiếc tàu Anh thả neo ngoài khơi Nam Hà Thượng làm cho quan phụ chính của Tiểu vương [Quang Toản] sợ và nghi có việc bí ẩn của vua chính thống Nam Hà khiến ông ta định ngược đãi thánh đạo của chúng ta, vì ông ta tin rằng người Công giáo nào cũng trung thành với vua chính thống. Tôi biết việc đó nhờ ông tổng trấn xứ này...

(Làng Đò)⁽⁴⁰⁾ 6-3-1792: Thư của ông Sérard gửi ông Blandin. [tr. 494 – 495]

...[Tr. 495]. Từ tháng 1 năm ngoái, đề bị vỡ, gây ra một vụ lụt lớn khó ai ở đời thấy được; lụt ngập phần lớn xứ Nam và làm mất mùa tháng 10 [âm lịch]; nhờ các xứ khác tiếp tế cho các xứ này nên các thức ăn mới không hao hụt vì thiên tai đó. Dân bị quấy nhiễu đủ thứ, bị thuế má đủ loại và khổ dịch đọa đầy. Sự kiểm tra hay sự điều tra dân chúng từ 9 tới 70 tuổi được thi hành một cách khắt khe để bắt hết mọi người phải trả thuế thân và đi lính. Sự bắt bớ những kẻ không mang một dấu hiệu (thẻ) đã được cấp phát tại mỗi làng. Sự áp chế đó gây bức mình cho mọi người hay đúng hơn gây mầm loạn khắp nơi. Nhiều lần vì vậy dân chúng đã nổi dậy và tụ họp thành quân phiến loạn nhưng bao giờ kết cuộc cũng chỉ đem lại tai họa cho người dân khốn khổ... Vì sự quấy nhiễu tại Nam Hà dữ hơn tại Bắc Hà nhiều, nên các bạn đồng giáo của tôi bắt buộc phải

lẩn trốn trong rừng núi từ nhiều tháng nay. Ngoài việc bắt những người có đủ năng lực tòng quân, họ còn bắt các trẻ con từ 7 đến 8 tuổi xung vào đoàn binh cận vệ của các Hoàng tử của Tiếm vương [Quang Trung]...

1793: Thư [một đoạn] của ông Eyot, gửi ông Blandin
[tr. 510 – 512]

... Quan phụ chính [Bùi Đắc Tuyên] vương quốc trong thời gian con Tiếm vương còn vị thành niên, bị tố cáo là muốn tiếm đoạt vương quyền. Cho nên ông ta bị bắt; ngay lập tức người ta triệu bắt (tr. 511) quan đại thần [Ngô Văn Sở] của chúng tôi bị nghi là có nhúng tay vào âm mưu của quan phụ chính. Người ta nói rằng con quan phụ chính định lên ngôi vua và quan Đại thần của chúng tôi sẽ là chúa. Nhưng khó mà bắt được ông ta: ông ấy có nhiều binh lính và tay chân. Có mật lệnh gửi cho các tổng trấn các xứ phải chuẩn bị quân lính để tăng cường trong trường hợp có sự kháng cự của ông ta.

Đặc sứ của vua Nam Hà đến kinh thành Bắc Hà mang theo trát bắt quan đại thần của chúng tôi: Ông ta không ngờ có một lệnh như vậy nên bị bắt bất ngờ, bị trói nhốt vào cũi và dẫn vào Nam. Nếu ông ấy biết được tin đó thì có lẽ đã xảy ra một cuộc nội chiến. Người ta nói rằng vị quan ấy dự định giết ba bốn đại thần khác ở trong nhiếp chính viện. Ngày khởi sự đã quyết định rồi nhưng ông bị bắt trước. Người ta đồn rằng ông ta và quan phụ chính hãy còn sống nhưng bị tù và đến ngày giỗ của Tiếm vương [Quang Trung], họ sẽ bị dùng làm nền nghĩa là họ sẽ bị bọc bởi một thứ vải tẩm dầu dùng làm sáp, thân thể họ sẽ bị dùng làm bấc, và họ sẽ bị đốt như vậy vì đã không trung

thành với vua. Thật là một cực hình ác độc. Theo như lời đồn hai ông đó vừa mới bị bắt, tất cả các mệnh lệnh của vị đại thần của chúng tôi đều bị bãi bỏ [không có sự ngược đãi đạo Công giáo nữa]...

Bố chính, mồng 5-6-1793: Thư của ông Sérard gửi ông Blandin [tr. 517 ' 26]

[Tr. 521]. Về việc dịch luật Bắc Hà, thì linh mục Văn đã dịch được cả tập hay một phần. Tôi có được đọc qua cuốn đó nhưng tôi quả quyết với ông rằng nó chẳng rõ gì hơn chữ viết... Hằng năm tổ yến bị giặc biển Trung Hoa ở Đông Hải đoạt mất; hay đúng hơn tôi không biết các con chim yến ấy còn ở trong các hòn đảo nhỏ mà chúng vẫn dùng làm nơi ẩn trú hay không, vì chúng bị quân cướp đó quấy rối quá. Về gỗ "trầm hương" thì chẳng nên nghĩ tới làm gì. Bây giờ không thể kiếm được hay mua được đến một miếng gỗ dác nhỏ để trộn với hương dùng để thắp cúng ở bàn thờ. Dân Bắc Hà không có thì giờ chạy vào trong rừng để kiếm gỗ ấy vì họ quá bận đi đánh nhau và công tác khổ dịch, và cộp lại tăng gấp bội và trở nên dữ tợn đến nỗi không ai dám đặt chân vào rừng cả trừ phi đi hàng đoàn để chặt cây đóng tàu thủy. Hơn thế nữa, người Lào hay người Thượng bắt buộc phải cung cấp cho Tiếm vương một số gỗ lớn đến nỗi họ không còn để bán. Sáp thì cũng vậy, lên giá quá chùng!...

29-4-1794 Thư của ông La Mothe gửi ông Boiret [tr. 539 ' 411]

... [Tr. 540] Cuối cùng ông Nhạc nổi danh đã chết hôm 13 tháng 12 năm ngoái: vài tháng trước khi ông chết, vì không thể chống cự lại vua chính thống Nam Hà, ông đã

cầu cứu vua Cảnh Thịnh (hay Thịnh), cháu ông. Tướng chỉ huy⁽³⁴⁾ đội quân này đã làm nhục ông đến nỗi ông chết vì uất hận. Người ta còn đồn rằng ông bị đầu độc. Khi nghe tin có quân đội của Cảnh Thịnh vào tiếp viện, vua Nam Hà [Nguyễn Ánh] đã lập tức thôi vây thành Qui Nhơn hay Qui Phũ và rút lui về Phú Yên; hiện ông vẫn đóng ở đấy. Chắc hẳn rằng sớm muộn gì cũng sẽ có một hành động [tr. 541] quyết liệt...

[Tr. 564] Năm 1793 ông Eyot đã gặp một vị quan Nam Hà vị quan này có nói chuyện lâu với ông và cho phép ông tiếp tục đi truyền đạo và có dặn ông nên: “*dạy người ta sự lành*” [nguyên văn bằng chữ quốc ngữ]...

14-31-17095: *Thư của ông Longer gửi Bố Giáo Thánh Hội (La Propagande)* [tr. 583]

... Địa hạt của giáo hội này (Bắc Hà) nằm từ sông Gianh, ranh giới Bắc Hà và Nam Hà đến tỉnh phía tây của Trung Hoa mà người Bắc Hà gọi là “Vân Nam” và tiếng Trung Hoa gọi là Yunam. Đường đi từ sông Gianh đến phủ lỵ Bắc Hà là 15 ngày đường; từ kinh thành mà chúng ta nhắc tới đến giáo khu xa nhất ở miền núi ít nhất là 10 ngày đường nữa. Từ giáo khu tới Trung Hoa phải mất bao nhiêu ngày đường thì tôi không rõ.

Giáo khu này [tác giả ở phía tây nam Bắc Hà] cũng được gọi là miền Tây và nó ở phía tây sông Bồ Đề [sông Hồng] trong khi một giáo khu khác ở phía đông sông có tên ngược lại (là miền Đông). Về thế quyền thì cả hai giáo khu đều thuộc về vua Cảnh Thịnh hay Thịnh, con Tiếm vương Quang Trung, hiện còn thống trị một số lớn các tỉnh

Nam Hà; vua này thật ra mới có 13 tuổi nên ông cậu, [Bùi Đắc Tuyên] của ông ta (một cựu tăng sĩ) nhiếp chính.

Các tỉnh [trấn] của địa phận giáo hội này là: gần sông Gianh đã nói ở trên là bắc Bố Chính được gọi như vậy để phân biệt với một tỉnh [dinh] cùng tên ở phía bên kia sông thuộc Nam Hà. Địa phận này được chia làm ba “tổng” và có 12.000 giáo dân. Cận đó là tỉnh [trấn] Nghệ An, có hai huyện và có gần 13.000 người Công giáo. Ở giáp giới tỉnh này là tỉnh [trấn] “Tanh Hòa” [Thanh Hóa] với 15.000 người Công giáo. Còn tỉnh “xứ Nam” [trấn Sơn Nam] thì ở phía bắc giáo khu chúng tôi nhưng lại ở phía nam một giáo khu khác gọi là tỉnh Bắc (xứ Bắc) [trấn Kinh Bắc]; “xứ Nam” đó được chia ra là 36 huyện trong đó có 14 huyện giáp khu phía Tây có hơn 30.000 giáo dân. Tại tỉnh cuối cùng tên là xứ Đoài [trấn Sơn Tây], có hơn 10.000 giáo đồ... [Nguyên văn bằng chữ La Tinh].

20-7-1796: *Thư của ông Guérard⁽⁴¹⁾ gửi ông Blandin* [11 – 729 – 31]

[tr. 730]. Tôi được đến thăm một tăng viện [Mường] mà họ gọi là Cẩ Để. Có hai “Chậu Húa” hay thầy tăng với sáu hay tám người “sơ tu”. Họ tiếp đãi tôi rất tử tế. Cả làng họp lại để xem mặt tôi. Họ mặc áo đỏ, không làm gì [tr. 731] cả, không lấy vợ nhưng nghe đâu họ cũng rất “phóng túng”. Làng của Cẩ Để đó nuôi tất cả những người ở trong tăng viện, không để ai phải mất công làm bếp. Khi có một người đến thăm họ, theo tục lệ, trước nhất phải bái tượng đặt tại một góc phòng, sau đó quỳ dưới chân Chậu Húa để chào ông ta và để “thưởng công” khách ông ta đưa tay cho hôn. Trong khi đó thì Chậu Húa ngồi nghiêm. Họ chỉ ăn có

hai lần một ngày. Nhưng ai ham ăn thường viện cớ cúng để giữ lại hai phần cơm sáng hay trưa để đến tối ăn.

Tăng viện hay Cả Để ở trên núi cao nhất vì, theo sách dạy, họ tin rằng họ ở nơi cao bao nhiêu khi chết họ càng dễ lên trời bấy nhiêu vì họ cho rằng trời chỉ cách núi cao nhất có 20 dặm.

... Ai cũng mạnh khỏe, béo tốt hơn người Kinh...

19-3-1795: *Thư của Đức Longer gửi ông De Chaumont*
[tr. 613 – 15]

... [Sắp có vụ ngược đãi đạo Gia tô mà quan phụ chính muốn che chở] [tr. 614]. Ông ấy mời các nhà Nho học và các sư tăng họp nhau lại để hoàn thành dự án rất cao cả đó. Tuy nhiên ông ấy làm cho các sư tăng một “vố đau” khi không cho phép mỗi làng đều có chùa như trước nữa, khoảng 200 làng mới có thể họp lại xây một ngôi chùa chung; vì vậy ông ra lệnh phá hủy các chùa riêng cũng như các giáo đường hay tiểu thánh đường của chúng tôi...

31-3-1795: *Thư của ông La Mothe gửi ông Letondal và các vị thuộc hội truyền giáo ở La Mã*

... [Sắc lệnh cấm Gia tô giáo đã được yết thị ngày 26 tại kinh đô và đã được thi hành tại Nam Hà, thánh đường của người Gia tô được sửa thành trại lính. Các quan đi bắt các tín đồ Gia tô]...

Vùng Cao nguyên, ngày 5-7-1795: *Thư của ông Lapavée⁽⁴²⁾ gửi thân phụ ông* [tr. 633 ‘ 43]

... [Tr. 637]. Quan phụ chính vương quốc, một ông già 80 tuổi và là thúc phụ (43) của vua Quang Trung, người đã mất từ hai năm nay, có ý định đoạt ngôi của cháu ông để truyền cho con ông. Ông bèn âm mưu với một vị quan can

trường và tảo bạo, ngược đãi Công giáo, mà ông mới cử làm kinh lược [vice-roi] Bắc Hà. Khi cả hai đã thỏa hiệp về ngày “dựng cờ khởi nghĩa”, ngày mà họ định giết ba người con vua Quang Trung, cháu ông, quan phụ chính cho người tâm phúc của ông ra Bắc với toàn quyền hành động theo ý muốn. Chuyện đang tiến hành tốt đẹp và mọi sự đã được xếp đặt xong cho sự hành quyết ba vị hoàng tử và các quan đại thần thì cựu kinh lược Bắc Hà [Võ Văn Dũng] mới tới Nam Hà Thượng, ở gần quan phụ chính bắt đầu nghi ngờ thái độ của vị quan phụ chính này, giấu giếm việc gì đây khi ông thấy có kẻ đem tin đến hay đi mà tiểu vương [Quang Toản] chẳng được hay báo gì cả, ông bèn tâu với vua: “Bệ hạ hãy đề phòng, người ta muốn ám hại Bệ hạ, Bệ hạ hãy cho bắt sứ giả lại”. Sứ giả liền bị bắt và quả nhiên cuộc âm mưu kỹ lưỡng của quan phụ chính và kinh lược Bắc Hà bị bại lộ, chỉ còn có 20 ngày nữa là họ hành động, lập tức có lệnh bắt quan phụ chính và chỉ trong vài ngày sau ông bị giải ra tòa xử tử. Một sứ giả mang lệnh vua được gửi ra Bắc Hà quan “kinh lược” cũng bị bắt và phải chịu chung cực hình với đồng lõa của ông là người anh vị “kinh lược” là người đòi ngược đãi dân Công giáo không sống lâu để thi hành cái thú dã man ấy vì mười ngày sau chính ông ta bị truy tố vì tội phản loạn [tr. 638] và nghịch vua... Hai vị đại thần Bắc Hà đi bắt quan Phụ chính đã trách mắng ông nhiều điều khi ông bị dẫn ra pháp trường; trong số đó có một điều mà tôi thấy đáng được thuật lại vì nó lợi cho thánh đạo nhất là khi những lời trên được thốt ra từ miệng người đi đời... [lệnh ngược đãi đạo Gia Tô đã bị hủy bỏ].

21-8-1795: *Thư của ông S Tessier gửi ông De Chaumont* [tr. 685 – 687].

[Tr. 686]. Một cô gái “giang hồ”, không có chồng mà đẻ con, làm cha cô ta giận ghê gớm vì đó là một trọng tội tại xứ này, khiến cha mẹ có thể bị tịch thu tài sản. Trong lúc quá nóng giận, người cha đã chặt đầu cô con gái.

29-6-1797: *Thư của ông Langlois gửi ông Blandin* [tr. 854 – 855]

Vua Nam Hà Hạ [Nguyễn Ánh] đã xuất chinh năm nay. Người ta đồn rằng ông đã làm chủ Nam Hà Thượng đến tận biên giới Bắc Hà [tr. 855] và Tiểu vương (Nam Hà Thượng và Bắc Hà) đã chạy ra Bắc, về phía kinh thành (Thăng Long). Nếu thật như vậy, thì Tiểu Vương sẽ không giữ được Bắc Hà lâu vì thứ nhất, trong hơn mười năm thống trị, quân Nam Hà [Tây Sơn] bị dân chúng oán ghét vì họ phải đóng thuế quá nặng và dân chúng chỉ mong có cơ hội tốt để nổi dậy; thứ nhì, họ đã mất đất, nơi họ vẫn tuyển dụng các quan cai trị Bắc Hà... (Tin cuối cùng cho biết vua Nam Hà chưa chiếm được thủ đô Nam Hà Thượng).

31-7-1797: *Thư của ông Sérard gửi ông Blandin* [tr. 895 – 98]

[Tr. 897] (tiền công và tiền nuôi thợ xây cất một giáo đường là 300 quan)...

6-8-1797: *Thư của ông Tessier gửi ông De Chaumont* [tr. 903 – 906]

[Tr. 904]. Cuối cùng bao giờ vua Đồng Nai cũng chẳng làm gì cả sau khi bắt mọi người chuẩn bị sẵn sàng, khiến

dân chúng rất khổ khổ vì phải công tác tạp dịch để đánh đuổi ông.

7-8-1797: *Thư của Đức Longer gửi các ông Boiret và Descourvières* [tr. 907 – 910]

[Tr. 908]... Có tin đồn rằng vua Nam Hà [Nguyễn Ánh] đi qua Qui phủ hay Qui Nhơn để tiến về phía Cửa Ai, một thứ đèo ngăn chia Huế và Quảng (Nam). Như vậy là Cửa Hàn hay Hải cảng Touran [Tourane] theo người Bồ Đào Nha, mới rơi vào tay vua ấy. Chúng tôi không rõ thành trì hay thành phố Qui Nhơn đã hàng hay bị phong tỏa. Hình như vua Nam Hà đã bị thua to hồi tháng 7 vì tại xứ [tr. 909] Nghệ, có lệnh làm lễ tạ quỷ thần cho họ (quân Tây Sơn) thắng trận.

TẬP TONKIN 700

Kẻ Blầu (44), 23-7-1787: Thư của ông Thiebaud⁽⁴⁵⁾ gửi ông Letondal [tr. 1329 – 1331]

[Tr. 1330]... Xứ gần giáp giới Nam Hà này, nơi ông Le Breton và tôi ở, thuộc quyền cai trị của Nam Hà. Họ đặt những đội quân đồn trú tại nhiều nơi. Họ có một nhiều binh lính tại đây và dân còn phải cung cấp thực phẩm cho họ nữa. Quân trộm cướp không dám hành nghề...

7-9-1787: Thư của ông Sérard gửi ông Letondal [tr. 1343 – 45]

[Tr. 1315]... Không có gì lạ từ ngày gửi thư trước của tôi. Phủ của quân phản loạn bị quân nhà vua bao vây từ nhiều tháng nay, hiện vẫn chống cự và thiệt hại nhiều người. Không ai biết rõ về Nam Hà; các ông ở đó có viết cho chúng tôi rằng người em đã thua và phải rút lui; có người lại nói rằng hai anh em đã hòa nhau, có người còn nói rằng người anh làm vua đã băng hà chỉ còn một vài quân Nam Hà ở xứ Nghệ An, nhưng họ giữ bí mật hay đến nỗi không thể biết việc gì xảy ra về phía họ...

Trên tàu De Castries, 10-10-1788: Thư của ông Dienne⁽⁴⁶⁾ gửi ông Letondal [tr. 1361 – 1362]

... Một người đưa thư của chúng ta đã lấy xuồng ghé vào một chiếc tàu lớn ở xứ hiện bị quân Tây Sơn thống trị, và đã báo động mọi người khi phao tin rằng có đội quân Nam Hà ở xứ trong [Nam] và quân Bắc Hà đã cho đội quân khác chống cự...

[Nhờ mua:

– Giấy bút và một hộp mực nhỏ.

– Hạt đủ loại, nhất là hạt nhỏ, hồng, lúa mạch, lúa đại

mạch, lúa tiểu mạch, bắp cải, ca-cao, trám Đài Loan, cây nho, hạt gai và hạt “liu”.

– Đồ đồng và sắt cùng khí cụ Âu châu không có ở đây.

– Một bộ đồ ăn giống như bộ của ông Bourgoigne nhưng nhỏ hơn đủ để nấu cơm cho một giáo sĩ nghèo và để mang theo].

15-1-1788: *Thư của ông Eyet gửi ông Letondal* [tr. 1365].

... Chúng tôi hay tin quân phiến loạn Nam Hà đã chiếm được hai trấn Bắc Hà, quân chúng do người em nhỏ nhất của Tây Sơn. Cầm đầu, sắp chạm trán với quân Bắc Hà (quân nhà Lê); người ta đồn rằng trong quân đội (Tây Sơn) này có hơn 10.000 lính Bắc Hà. Tôi nghe đồn, nhưng không chắc chắn vì không hiểu rõ, rằng quân đội của phe phiến loạn gồm tới 40.000 lính Bắc Hà; điều này đúng hay không tôi không dám quả quyết. Người ta còn nói thêm rằng quân đội của phe phản loạn gồm hầu hết là người Bắc Hà. Những tin trên có chắc không? Chỉ có việc hai trấn Bắc Hà bị chiếm là chắc chắn.

4-7-1789: *Thư của ông Le Roy gửi ông Letondal* [tr. 1371 – 73]

[Tr. 1371]... Chúng tôi rất đói khổ nhưng các ông ở Nam Hà còn khổ hơn...

Họ mong sẽ nhận được thư ông qua các tàu Pháp sắp tới Nam Hà trợ giúp vị vua bị lật đổ (Nguyễn Ánh).

12-7-1789: *Thư của ông Sérard gửi... (?)* [tr. 1379 – 1381].

... Từ ba, bốn năm nay, đói kém rồi đến trộm cướp, giết chóc, tàn phá vương quốc này. Tiếp theo nào là lụt lội, nào

là hạn hán. Song đến lượt quân địch tàn ác đốt phá khắp nơi. Tình trạng khốn khổ đó chưa ai từng nghe thấy từ thời lập vương quốc này. Quả thật đáng thiên công vẫn chưa vui lòng khi để hàng bao nhiêu người chết vì chiến tranh, hỏa hoạn và đói kém tột độ, ngài còn tiêu diệt phần lớn dân chúng bởi dịch hạch. Có khi cả làng, có khi một phần làng bị tàn phá, nhà cửa không còn người ở, ruộng nương bị bỏ hoang không ai cấy cấy. Cả xứ hoang tàn; nơi nào cũng chỉ có khung bố tang tóc và tiếng khí giới xô xát kêu lèng xèng. Đường xá đầy xác người, lúc nào trước mắt cũng chỉ thấy hình ảnh chết chóc, khủng khiếp. Hỡi ơi! Bộ mặt đáng thương của cảnh vật! Mà các tai ương đó xảy ra nhiều nhất tại giáo khu phía Tây của chúng tôi. Tại đây, khắp nơi đều bị quân địch bao vây và bàn tay đầm máu của họ gần như không để sót cái gì.

Tôi phải nói rằng lũ quân phản loạn mọi rợ đó, mà người ta gọi là Tây Sơn theo tiếng bản xứ, đã tàn phá đất nước này từ bốn năm nay. Chúng thật là lũ quỷ hiểm có trên thế gian này. Đó là một giống người gian manh dữ tợn, chỉ biết chém giết, đánh nhau không chừa nam nữ, không kể chức vụ hay tuổi tác, luôn luôn làm hại, tàn ác, phá phách, cướp bóc. Trong khi đó vua Bắc Hà lang thang trốn tránh ca năm trời trong rừng núi không ai phò vua, bày mưu giúp kế. Sau cùng ông chạy sang Trung Hoa xin cầu viện và rước quân đội Trung Hoa sang đây. Quân Tây Sơn không chống nổi cuộc xung đột đầu tiên, họ tháo lui về các trấn miền trong, bỏ lại kinh đô Bắc Hà mà họ chiếm giữ được một năm cùng với tất cả các thành phố khác. Nhưng quân đội Trung Hoa do Toungh Doc [Tổng Đốc Tôn Sĩ Nghị] (người cai trị hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây)

chỉ huy lại không đuổi theo địch như người ta tưởng. Họ ở lại tại kinh đô kẻ Chợ với vua Bắc Hà mới được phục hồi ngôi vị (tr. 1380). Bị phỉnh bởi một hy vọng khôi phục hòa bình [tr. 1380] hảo, họ đắm mình vào những cuộc truy hoan dâm dăng. Trong khi đó tướng phiến loạn ở Phú Xuân [Quang Trung] được báo tin rằng quân Trung Hoa đã tới tiếp viện, quân Tây Sơn đã rút lui và vua chính thống đã khôi phục được gần hết Bắc Hà. Ông liền tập trung binh lính và tiến thật nhanh ra Bắc Hà. Quân Trung Hoa bị bại, một phần bởi khinh địch, một phần vì thiếu sự trinh sát nên thua một cách nhục nhã ngay cuộc xung đột đầu tiên. Họ tiếc rẻ mà vẫn phải bỏ lại của cải và làm giàu quân địch với khí giới hay vàng bạc của họ. Đó là do Thượng Đế đã ra tay trừng phạt dân Bắc Hà và quân Trung Hoa đấy. Thật vậy quân phiến loạn làm sao so sánh được với đối phương của họ? và không có bàn tay Thượng đế thì làm sao họ có thể đánh bại được địch thủ khi địch hơn họ về lượng cũng như về sức? Dân chúng cực khổ than vãn dưới ách thống trị của giặc. Họ bị lôi đi làm khổ dịch bất kể cực khổ, nam nữ hay tuổi tác. Đàn ông thì đi lính, đàn bà và trẻ con thì đi tạp dịch. Kẻ thì phải cày cấy và xây thành lũy, kẻ thì bị gởi đi chết ở chiến trường. Đã vậy dân đen đáng thương đó không được phép nghỉ ngơi và không được nuôi ăn, không được biết đến ngày đêm nữa. Bị thúc đẩy bởi roi vọt, họ tận lực và gục ngã dưới gánh nặng. Anh lính nào không theo nổi thì bị xử giảo ngay, không một vết tích. Còn gì cay đắng hơn? Còn gì cực khổ hơn? Danh giá nào có thể xây dựng được trên nước mắt? Dân chúng bất hạnh này chỉ gặp toàn tai họa. Không đâu hiện ra một tia sáng hy vọng hòa bình, tự do nào.

Mọi người mong đợi vua chính thống Nam Hà từ bảy năm nay nhưng cho đến giờ không thấy bóng dáng ông đâu. Quân tiếp viện Trung Hoa có trở lại hay không cái đó không biết được và Chúa (Thượng Đế) với lòng độ lượng đối với dân xứ này (tôi muốn nói cả Bắc lẫn Nam) cũng không chắc được quân man rợ đó sẽ tha một phần dân chúng hai vùng này không?... [nguyên văn bằng chữ La Tinh].

15-7-1789: *Thư của ông Nunsius Orta*⁽⁴⁷⁾ *gửi ông Letondal* [tr. 1383 – 85]

[Tr. 1384]... Tôi không thể không kể những sự bất hạnh của Bắc Hà sau chiến tranh với quân phiến loạn Nam Hà. Nhờ giết chóc và phá phách quân họ đã chiếm được phần đông vương quốc này, rồi sau đó chiếm luôn Bắc Hà. Họ làm khổ dân chúng dưới ách của họ bằng không biết cơ man nào là thuế má và khổ dịch, không kể hàng bao nhiêu vụ đốt nhà và phá hủy làng mạc. Những tai ương đó còn được tăng gia nay bởi nạn đói kém; sau đó dịch bệnh như dịch hạch tàn phá vương quốc này. Vô số người chết ngay cả trên đường xá.

[Tr. 1385]. Quân đội Trung Hoa tiếp viện vua Bắc Hà và vương quốc này đã bị tiêu diệt. Người ta đồn rằng một đội quân Trung Hoa khác sẽ được gửi sang từ Trung Hoa sang tiếp viện. Có rất nhiều giặc cướp ở biển cũng như ở nội địa làm cho vương quốc này thêm điêu tàn; thuyền buôn Trung Hoa từ Tàu sang Bắc Hà bị chúng bóc lột; tài sản và hàng hóa của người Trung Hoa hoặc bị quân Nam Hà hoặc bị bọn giặc kể trên cướp bóc (nguyên văn bằng chữ La Tinh).

Kẻ Dằm, 27-9-1789: Thư của ông Sérard gửi ông Letondal [tr. 1318].

[Yêu cầu gửi:

- Giấy Nam Kinh.
- 6 cân trà tốt; loại trà xanh tốt và đậm nhất.
- 2 hay 3 cân lô hôi xanh (Alves Socotoria).
- 5 hay 6 cân gỗ hôi (assafactida)
- 1 nửa cân sâm.
- 25 hay 30 thanh sô cô la].

28-5-1790. Thư của ông La Mothe gửi ông Letondal [tr. 1397 – 1400]

... [Tr. 1398] Thật vậy, Đức Adran đã trở về giáo khu của ngài như ông đã viết cho tôi, nhưng đường xá từ phố Nam Hà này sang phố Nam Hà kia bị ngăn chặn nghiêm ngặt đến nỗi bây giờ chúng tôi cũng còn chưa biết Đức Ngài về nếu ông không cho tôi hay, và Đức Véren, vị Phó Giám Mục của ngài ở bên lảng giềng chúng tôi, cũng chỉ biết nhờ nguồn tin ấy. Muốn cho tình hình được giải tỏa, phải có một cuộc cách mạng mới làm chấn động cả Nam Hà lẫn Bắc Hà. Đó là biến cố mà chúng tôi đang chờ đợi từ ngày nọ sang ngày kia, từ khi chúng tôi được tin chúa Nguyễn hay vua Nam Hà được người Bồ Đào Nha ở Ma Cao trợ giúp, nhưng tôi không dấu ông rằng nếu sự viện trợ quá ít hay kém cỏi mà chắc thế nào nó cũng vậy [tr. 1399] e rằng vua Nam Hà sẽ lại thất bại trước khí giới, kinh nghiệm và lòng quả cảm của Tiếm vương, tôi không nói đến Nhạc, người chiếm cứ miền Trung Nam Hà và hình như đã mất một phần đất chiếm lãnh của ông, mà tôi nói đến em ông ta, người đã khống chế được Bắc Hà và chiếm

cứ một phần Nam Hà, nơi chúng tôi ngụ, giáp giới chỗ ở của Đức Véren và các giáo sĩ của chúng ta. Ông này (Nguyễn Huệ) còn ghê gớm và khó diệt hơn ông kia nhiều. Hiện ông chiếm cứ và đích thân cai trị vương quốc Nam Hà Phú Xuân nhỏ bé của ông. Còn chúng tôi thì có một cậu bé sáu, bảy tuổi, con của ông, làm Chủ Tế với danh nghĩa Chúa. Nhưng cậu bé đó có đại tướng và đại thần giỏi, biết kiềm chế chúng tôi và làm chúng tôi nể. Phải nói trắng ra rằng tình cảnh không đến nỗi tệ. Dưới triều đại mới này, chúng tôi có bị phiền nhiễu thật, nhưng ngược lại chúng tôi được che chở khỏi bị lũ trộm cướp phá phách, và về phần đạo giáo, thì chúng tôi được hưởng nhiều tự do và an ninh hơn dưới các triều vua trước.

13-6-1790: *Thư của ông Le Roy gửi ông Letondal* [tr. 1401 – 1403]

[Tr. 1402]. Theo như ông nói, thì chúng tôi không hay biết gì về cựu vương Nam Hà ở Dou Nai (Đồng Nai). Quân Nam Hà vẫn áp chế chúng tôi. Tiếm Vương đã toàn thắng chúng tôi và để một người con khoảng mười, mười một tuổi cai trị chúng tôi. Bắc Hà đã thái bình nhưng người ta sợ rằng sự yên ổn này không kéo dài. Quân Trung Hoa bị bại trận năm ngoái có thể sẽ trở lại tấn công nay mai. Mọi người tin tưởng rằng mùa tháng 5 âm lịch sẽ phong phú nhưng gió không thuận mà mùa quá kém. Các giáo sĩ của chúng ta ở Nam Hà nói rằng họ đã mất mùa này và nạn đói kém đang phá hoại xứ họ. Có người đề nghị với Tiếm vương Quang Trung nên ngược đãi giáo đồ Gia Tô nhưng khi đình nghị, các quan đại thần tâu với ông rằng dân Công giáo rất đông, có nhiều trong các binh đội, nộp thuế đầy đủ

và không làm hại ai cả. Nghe vậy, Tiếm vương liền cả cười và nói rằng ông hy vọng đến tháng 6 dân Công giáo sẽ nạp đồng cho ông...

23-7-1790: Thư của ông Sérard gửi ông Letondal [tr. 1413 – 18]

Chúng tôi mới hay tin có bốn chiếc thuyền bị lũ giặc Trung Hoa bắt giữ. Bọn này đã đầu hàng quân phản loạn Nam Hà của chúng ta (Tây Sơn) và được quân này cấp môn bài. Chúng đã dẫn bốn thuyền đó đến Kinh Đô Nam Hà, có lẽ để Tiếm vương dùng làm chiến thuyền vì ông này đang chuẩn bị đánh nhau với vua Nam Hà tại Dou Nai.

[Tr. 1417]. Hình như cuộc tiếp viện vua Nam Hà mà ông thông báo cho chúng tôi rất khó thành công [tr. 1418]. Tuy nhiên, chẳng ai nghe nói đến một người Bồ Đào Nha nào đặt chân đến đất Dou Nai...

12-8-1790: Thư của ông Sérard gửi ông Letondal [tr. 1423 – 24]

... Người ta nói nhiều về vua Nam Hà nhưng người ta chưa thấy ông ấy đâu, có lẽ ông còn ở Quảng Nam (Ciampa) và đường còn dài, độ tám, chín ngày đường núi mới tới kinh thành Nam Hà và ông phải cố gắng nhiều lắm nếu muốn đánh diệt quân phản loạn. Còn về vị chủ tử mới, ngày nào ông cũng gửi con ông ra Bắc Hà; ông có phong một người mới bảy, tám tuổi làm chúa; ông du hành với một nghi trượng vương giả. Cách đây năm ngày, ông rời kinh thành này về Nam Hà, với 30 con voi hộ giá.

13-5-1791: Thư của ông Le Roy gửi ông Letondal [tr. 1449 – 1451]

[Tr. 1450]... Chắc ông không kém ngạc nhiên khi hay

tin rằng địa phận chúng tôi vừa cung cấp một thầy thuốc cho Quang Trung, Tiếm vương Nam Hà Thượng. Không có gì xác thực hơn. Không phải sự ham vui thể tục đã đẩy bạn đồng hướng của chúng ta đâu. Đó là lòng bác ái đấy! Quang Trung cần một thầy thuốc người Âu để chữa bệnh cho vợ ông. Ông đã làm rộn cả giáo khu để kiếm một người như vậy, ông Girard đã tự nạp mình cho kẻ thù của chúng ta. Tiếm vương tiếp đãi ông nồng hậu. Tôi không biết rồi sau Tiếm Vương đó đối xử với ông ấy ra sao?...

20-5-1791: *Thư của ông Nunsius Orta gửi ông Letondal* [tr. 1457 – 58]

Biển ở đây có đầy rẫy giặc biển Trung Hoa từ đảo Đài Loan tới hoành hành. Bởi vậy nên khó lòng mà có một chiếc thuyền Trung Hoa từ Tàu sang tới Bắc Hà. Có tin đồn rằng thuyền nào tới biển này cũng bị bắt cướp. Tiếm Vương chiếm cứ Bắc Hà tiếp tục kiềm chế dân chúng dưới ách độc tài, mặc dầu đã nhiều người chết vì chiến tranh, đói kém và dịch hạch. Tại vài địa phương các quan [cựu thần nhà Lê] và dân trốn tránh Bắc Hà thỉnh thoảng ra tay chém giết thả cửa quân Nam Hà. Nhưng họ không thể khôi phục được vương quốc. Vua chính thống Nam Hà ở xứ Dou Nai, gần Cao Miên, có gửi một Hoàng tử sang Âu châu; theo dự luận, thì ông không đủ sức chống lại quyền lực của loạn quân để chiếm lại vương quốc. Nhưng thanh thế của ông càng ngày càng tăng gia.

[Nguyên văn bằng chữ La Tinh]

Lữ Đăng (48), *Bố Chính*, 17-7-1791: *Thư của ông Sérard gửi ông Letondal* [tr. 1460 – 70]

[Tr. 1468]... Chánh hậu của Tiếm vương mất vào

khoảng tháng ba và ông đã khóc bà một cách sầu thảm. Ông đã cử hành tang lễ vô cùng linh đình trang trọng cho bà vào cuối tháng sáu. Dân Nam Hà đồn khắp nơi rằng ông đã băng hà vì quá đau buồn. Họ nói rằng sự chuẩn bị tang lễ hết sức tốn kém phải làm cho cả ông lẫn phu nhân ông. Anh cả ông (Hoàng đế của miền Trung Nam Hà, tức ông Thái Đức) cũng bị mắc lừa và tưởng rằng em ông là Quang Trung đã mất. Ông ấy dẫn đầu một đạo quân đến kinh đô Phú Xuân với mục đích chiếm thành phố này và sau đó cả Bắc Hà. Nhưng khi tới nơi ông được biết mình đã bị lừa và lại quay về. Ông hãy thử nghĩ xem Tiếm vương của chúng tôi có thể vui lòng khi thấy anh hành động lập cập như vậy không? Người ta đồn rằng có thể ông sẽ đến cảm ơn anh ông nhưng có người cho rằng ông bận đi thăm chúa “Nguyễn” ở Dou Nai hơn và ông lo chuyện này hơn là trả thù anh ông. Bởi vậy nên ông ra lệnh đóng không biết mấy trăm “ghe sai” (nguyên văn) hay chiến thuyền. Riêng huyện Bồ Chính, nơi tôi cư ngụ từ mười lăm ngày nay đã phải đóng hơn 100 ghe. Dân khốn khổ và tất cả giáo đồ Gia Tô bất hạnh này đã mất hai mùa liên tiếp, vụ tháng 10 và vụ tháng 5 và có lẽ sẽ mất luôn vụ tháng 10 sắp tới nên khó mà chịu nổi một gánh nặng như vậy. Số ván gỗ phải cung cấp cho việc này là 2500 tấm, mỗi tấm phải dài từ 30 đến 35 thước và rộng vài phân (49) (một thước Bắc Hà ngắn hơn một thước của chúng ta) và nếu phải cung cấp các thuyền cù và tất cả phải hoàn tất trong ba tháng. Khí độc của rừng, nạn cọp vồ và sự khó nhọc sẽ làm chết một số lớn đám dân tội nghiệp phải đi chặt gỗ và lôi gỗ từ núi xuống đó.

[30 quan tương đương với 20 hay 25 đồng Mẽ Tây Cơ]

6-6-1793: *Thư của ông Longer gửi ông Letondal* [tr. 1507 – 10]

[Tr. 1508]. Ông Sérard đã cho chúng ta biết rằng một chiếc tàu Âu châu tới hải cảng Touron [Đà Nẵng] thì bị thuyền của người con của Tiếm vương mới mất [Quang Trung] bao vây, mặc dù cha ông đã cấp môn bài cho thuyền trưởng người Âu đó. May sao người thuyền trưởng này không cuống và để thuyền kia bắn; khi có một chiếc thuyền đến gần, ông ta đánh đắm rồi cho tàu chạy mất ra khơi để quân phản loạn ở lại lúng túng. Ở đây người ta đồn rằng quân đội của vua Nam Hà đang tiến ra, chẳng biết đó là sự phỏng đoán hay sự thật. Thánh đạo của chúng ta cũng được yên ổn dưới chính quyền mới này nhưng dân các xứ ở phía trong cùng bị quấy nhiễu như tại Nam Hà Thượng...

[Xin gửi giày láng, một đôi đỏ, một đôi tím và hai đôi đen].

Bố chính, làng Đoài⁽⁵⁰⁾, 9-6-1793: *Thư của ông Sérard gửi ông Letondal* [tr. 1511 – 14].

[Tr. 1512]... Nhưng vì phải qua một thành lũy hay bờ lũy dùng làm biên giới, cách bờ cõi Nam Hà một ngày đường biển được canh chừng rất nghiêm ngặt...

[Tr. 1513]. Tôi vừa được đọc những điểm chính của lá thư mà ông gửi cho Đức Véren qua chiếc thuyền thứ nhì từ Macao đến Phú Xuân hay một hải cảng ở phía trong. Ở đây không ai tưởng tượng được rằng sự chuẩn bị đón tiếp sứ thần Trung Hoa đến tấn phong vị Tiểu vương [Quang Toản] làm vua Tây Sơn chỉ là một mưu kế để bắt dân chúng nạp thêm bạc, gia súc và gà vịt, vì họ thu nhiều hơn

số cần dùng. Như vậy là việc Hoàng Đế [Trung Hoa] muốn cấp sắc phong hay sổ vàng cho Tiểu vương có thật. Tấn phong như vậy với mục đích gì? Nếu ngài làm thế để có dịp gửi người đến kinh đô Nam Hà dò xét sức mạnh của vương quốc thì ngài tính lầm vì người Tây Sơn không cho phép người Trung Hoa đi xa hơn Kẻ Chợ, kinh đô Bắc Hà; mà tôi không chắc rằng họ có thể vào được trong kinh thành nữa vì họ đã được cấp nhà cửa ở hai bên sông, ở ngoại ô thành phố; vả lại cũng chỉ có một số nhỏ có quyền vượt biên giới thôi. Quân Tây Sơn đã nhận được sổ vàng hay sắc phong và đã đem nó vào Phú Xuân. Họ có đi qua đây ba ngày trước: quyển sổ vàng được để trong một cái kiệu do tám người khiêng và có độ 100 binh lính Bắc Hà và Nam Hà, trang bị chỉnh tề đi theo. Hình như Hoàng Đế (Trung Hoa) sợ quân Tây Sơn và muốn lấy lòng họ bằng cách vội vàng cấp cho họ cái mà họ chưa xin. Ngày xưa, muốn được sắc phong [tr. 1513] phải gửi sứ thần Bắc Hà sang cầu phong, cống phẩm vật và có khi đợi năm, sáu năm vẫn chưa thấy lễ tấn phong hay sứ thần của Hoàng Đế đến. Không ai hiểu gì về hành động này của Trung Hoa.

Chiếc tàu thứ nhất từ Macao, có chở ông Girard, đã tới hải cảng Tây Sơn, như thư của ông báo tin, nhưng đã bị bạc đãi và đã phải nhổ neo tẩu thoát vì bị quân của trấn thủ xứ và hải cảng này tấn công với mục đích chiếm đoạt chiếc thuyền vốn có nhiệm vụ canh chừng biên giới xứ Nam, mặc dầu quan Trấn thủ chưa được lệnh của quan Phụ chính [Bùi Đắc Tuyên]. Họ tưởng chiếc tàu này thua, nhưng họ phải rút lui và bỏ cuộc để tránh bị thiệt hại quá nhiều vì có người của họ mất mạng trong cuộc tấn công, có kẻ còn nói rằng họ bị đắm một chiếc tàu. Chiếc tàu thứ hai

được tiếp đãi tử tế hơn và quan Phụ chính đã quở mắng và phạt quan Trấn thủ trên vì tính táo bạo của ông, và chiếc tàu này thì buôn bán được. Nhưng hiện nó có thể thoát được bọn người bất tín và vô nhân đạo ấy không? Thật là ngẫu nhiên nếu nó xoay sở sao cho có lợi.

12-6-1793: *Thư của ông La Mothe gửi Bộ Giáo Chánh Hội* [tr. 1517 – 19]

[Tr. 1518] Tôi còn phải nói qua về tình hình vương quốc này. Tôi xin trình với quý vị rằng chắc chắn Tiếm vương Quang Trung kẻ chinh phục vương quốc Nam Hà và Bắc Hà, đã bị một bàn tay vô hình đột nhiên trừng trị và đã phải vĩnh biệt thế giới loài người. Mặc dầu người con còn nhỏ tuổi của ông được lập làm vua hai vương quốc, ách thống trị nhẹ hơn nhiều.

[Nguyễn văn bằng chữ La Tinh]

1-7-1793: *Thư của ông La Bissachère gửi ông Letondal* [tr. 530]

Tôi cũng có ba thanh bạc, mỗi thanh giá là 15 đồng (Mề Tây Cơ) đó là quà mà người ta cho tôi để may lễ phục. Số tiền còn lại tôi sẽ trả bằng tiền bản xứ nghĩa là bằng quan.

1-9-1793: *Thư của ông La Mothe gửi ông Letondal* [tr. 1845 – 49]

[Yêu cầu gửi vải, thuốc, đậu Saint Ignace, sâm, bột mì, trà vì trà tốt ở Bắc Hà rất đắt] [tr. 1849]. Sứ thần Anh quốc đã tới kinh đô Tiếm vương Nam Hà với ba, bốn chiếc tàu Âu châu, khiến quân đội vương quốc báo động và chuẩn bị sẵn sàng, tưởng rằng quân đội Đơ Nai hay Nam Hà đến đánh nhưng hóa ra không phải. Chiếc thuyền nhỏ chở ông

Girard từ Macao đến nơi các ông ngụ cũng tới đây nhưng bị các quan tìm cách chiếm bắt. Có lẽ sự xuất hiện của vị Sứ thần đã cứu thoát thuyền này vì vị Sứ thần cho đòi chiếc thuyền ấy, viện cớ rằng ông không biết đường đi Bắc Kinh, cần thuyền đó dẫn đường.

TẬP COCHINCHINE 745:

Bài hịch* của Quang Trung, vua Bắc Hà và Nam Hà: gửi cho các quan quân và dân các trấn Quảng Ngãi và Qui Nhơn [tr. 1457 – 58].

Các người, dù lớn hay bé, từ 20 năm nay, không ngừng sống nhờ ân huệ của ta và anh em ta. Suốt trong thời gian đó quả thật, nếu ta đã gặt hái được nhiều chiến công tại Bắc cũng như Nam, ta cũng công nhận rằng đó là nhờ lòng trung thành của dân hai xứ này. Chính tại nơi đây, ta đã tuyển mộ được binh sĩ quả cảm và quan lại tài giỏi cho triều đình. Nơi nào có ta mang quân đến, nơi đó quân thù bị đánh tan tành. Nơi nào có ta mang quân đến chinh phạt, nơi đó quân Xiêm La và quân Trung Hoa đã man bị ta khắc phục. Còn về cái lũ tàn tích thối nát của triều đình cũ, thử hỏi từ 30 năm nay, bọn chúng đã làm gì chưa? Trong trăm trận đánh với ta, quân chúng đều bị tán loạn và tướng chúng đều bị chém giết. Xứ Gia Định tràn đầy xương máu chúng. Những gì ta nói đây các người đều đã chứng kiến. Hay nếu các người không thấy tận mắt thì ít nhất các người cũng được nghe tận tai. Việc gì phải đếm xỉa đến tên Chung khốn nạn đã trốn tránh tại các vương quốc Âu châu để tiện đó? Còn về lũ dân Gia Định nhát gan nay lại dám nổi dậy và mộ lính, tại sao các người sợ chúng thế? Tại sao các người lại đột nhiên kinh hãi như vậy vì lẽ gì. Quân thủy bộ chúng đã đến chiếm được hải cảng ta khi các người không ngờ tới. Hoàng Đế (Thái Đức), đã gửi thư nói rõ lý do, và ta cũng nhận thấy rằng các quan chức, binh lính và tất cả các người tại hai xứ đã không có can đảm chiến đấu, và chính tại lẽ đó hơn là tại tài năng của chúng mà chúng

đã chiếm được những nơi hiện ở trong tay chúng. Lục quân của các người đã chạy trốn một nơi và hải quân các người một nẻo. Nay, thừa lệnh của Hoàng đế anh ta đích thân chuẩn bị một đạo quân mạnh mẽ gồm cả thủy lẫn bộ, và ta sẽ đánh tan kẻ thù của ta để như ta vò nát một miếng gỗ khô hay mục nát. Còn về tất cả các người, chớ có trọng thị lũ địch đó! Chớ sợ hãi chúng! Hãy mở to tai mắt vào để nghe và xem ta sắp làm gì! Các người sẽ thấy các trấn Bình Khang và Nha Trang chỉ chất đầy xác quân Gia Định, trấn Phú Yên vốn xưa nay là trung tâm chiến tranh và các trấn từ Bình Thuận đến Cao Miên, rồi trở lại vào tay ta cùng một lúc, để các người thấy rõ rằng chúng ta là anh em thật sự, không khi nào quân chúng ta cùng một dòng máu. Ta kêu gọi các người, lớn cũng như bé, phải ủng hộ và trung thành với Hoàng gia, trong khi chờ đợi quân đội ta quét sạch Gia Định và thiết lập uy quyền ta tại đó. Tên của hai xứ này sẽ vĩnh viễn lưu danh với sử xanh. Chớ có nhẹ dạ [tr. 1458] mà tin lời người Âu châu. Giống người này làm sao có tài cán gì? Chúng có mắt râu xanh, và các người chỉ nên coi chúng như những xác chết từ biển miền Bắc trôi dạt vào nước ta. Chúng có tới kể chuyện về tàu vỏ bằng đồng và khinh khí cầu thì cũng có gì phi thường đâu? Các thôn xóm làng ở dọc theo đường xá của hai xứ này phải chăm nom bắc cầu để giúp quân đội ta vượt lối. Ngay khi lệnh này tới tay các người, các người phải hết sức tuân hành. Khâm thủ.

Ngày thứ 10 tháng 7 (âm lịch) năm Quang Trung thứ 5 [1792].

CHÚ THÍCH:

Chú ý: Các phần ở giữa hai dấu móc [...] hoặc do dịch giả chú thích hoặc tóm tắt một đoạn văn dài ở nguyên văn, cốt lược lấy những ý quan trọng.

(1) Le Roy (Jean François): Giáo sĩ sinh trưởng ở địa phận Besancon nước Pháp. Nhận lãnh nhiệm vụ đi truyền đạo từ ngày 8-10-1780 và sống ở Bắc Hà khoảng 24 năm. Ông mất ngày 20-8-1825.

(2) Blandin (Pierre-Antoine): Giáo sĩ sinh trưởng tại Amiens; lên đường đi truyền giáo ngày 7-12-1778. Trước khi sang Bắc Hà, ông bị bắt giữ mấy tháng ở Quảng Đông. Năm 1785, ông làm đại biểu cho Hội Truyền Giáo Bắc Hà ở Chung viện Ba Lê.

Thời Cách mạng Pháp, ông phải trốn qua Anh và mất ở Luân Đôn ngày 22-6-1801.

(3) Coung Chính hay Coũ Chính: Cống Chính viết theo chữ quốc ngữ thời sơ khai.

(4) Các giáo sĩ có một thành kiến không tốt với Tây Sơn, qui mọi tội lỗi chiến tranh cho Tây Sơn.

Họ thường dùng tiếng phiến loạn (rebelles) để chỉ quân Tây Sơn và tiếng Tiếm vương (usurpateur) hay bạo chúa (Tyran) để gọi Quang Trung hay Nguyễn Nhạc... Còn Nguyễn Ánh thì được gọi là ông hoàng hay ông vua chính thống (le prince, le roy légitime).

(5) Chiêu Thoug, Chiêu Thou: vua Chiêu Thống.

(6) Vện Làng: Vện Sàng? một làng giáp ranh tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình.

(7) Bức thư của một giáo dân Việt Nam không biết gửi cho ai vì không tên người nhận.

(8) Evo (Pierre) [1762 – 1827]: Giáo sĩ sang Bắc Hà năm 1787 ở Nghệ An rồi tới ở Chung viện Phúc Nhạc, huyện Yên Khánh, Ninh Bình.

(9) Kẻ Vinh: một thị trấn thuộc tỉnh Ninh Bình.

(10) La Mothe (Charles) [1751 – 1816]: Giáo sĩ sang Bắc Hà năm 1782 tới năm 1793, ông làm phụ tá cho Giám mục Longer ở địa phận Kẻ Vinh (Nam Định).

(11) Sérard (Philippe) [1738 – 1804]: Giáo sĩ sang Bắc Hà truyền đạo năm 1762 ở Kẻ Vinh (Nam Định), cho tới khi ông mất (ngày 2-10-1804).

(14) Huyện Gia Viễn nay thuộc về tỉnh Ninh Bình.

(15) “Khí Địch”: nguyên văn chữ quốc ngữ, có lẽ là quân địch?

(16) Nguyễn Quang Thùy là con cả? Theo các sách sử, ta biết có Nguyễn Quang Thùy được Quang Trung cử coi việc cai trị ở ngoài Bắc.

(17) Thanh Liêm: một huyện thuộc trấn Sơn Nam Thượng (thời Tây Sơn). Tới thời Tự Đức thứ 5 sát nhập vào huyện Bình Lục. Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(18) Hiến: Hiến Nam: Trấn lỵ Sơn Nam Thượng, ở huyện Kim Bảng. Nay là Châu Cầu (Hà Nam).

(19) Sở Kiện: một làng ở huyện Kim Bảng (Hà Nam).

(20) Kẻ Sở: một làng ở Trấn Sơn Nam Hạ (Nam Định).

(21) Xứ Đoài: trấn Sơn Tây.

(22) Descourvières (Jean Jacques): Giáo sĩ, sinh trưởng tại Besancon. Thoạt đầu, ông đến truyền giáo ở Phi Châu. Năm 1776, ông sang Macao. Sau đó, ông bị nhà cầm quyền Quảng Đông buộc rời khỏi Macao. Ông làm đại diện cho Giáo Hội Xiêm La ở Paris. Ông mất ở La Mã ngày 6-8-1804.

(23) Longer (Jacques, Benjamin): Giáo sĩ, sinh trưởng tại Rouen. Ông đến truyền giáo tại Nam Hà ngày 4-12-1775. Ngay khi tới đây, ông bị bọn cướp bắt và bị trọng thương, ông bị quan Bắc Hà (Trịnh) bắt giữ hai lần. Năm 1790, ông được tấn phong chức Giám mục và cai quản địa phận miền Tây Bắc Hà (Tonkin occidental). Ông mất ngày 8-2-1831, hưởng thọ 80 tuổi.

(24) Đức Champenois (Nicolas) [1734 – 1810]. Ông sang Pondichéry năm 1777. Năm 1783 ông được tấn phong làm Giám mục.

(25) Kẻ Seo: một làng thuộc Bắc Bố Chính (Quảng Bình)?

(26) Girard (Francois-Joseph) [17? – 1812]: Giáo sĩ, sang truyền đạo tại Nam Hà từ năm 1785.

(27) Boiret (Denis) [1734 – 1813]. Năm 1761, ông sang truyền giáo ở Xiêm La. Tới năm 1765, ông đến Nam Hà truyền đạo.

Năm 1771 ông sang La Mã và năm 1778, ông làm Giám đốc Chung viện.

(28) Tả Cung Hoàng Hậu họ Phạm, sinh ra Quang Toàn?

(29) Đức Vêren: Đức Giám mục Labartette (Jean) [1744 – 1823]. Năm 1773, ông tới Nam Hà truyền đạo tại Dinh Cát, thuộc xã Ái Tử, huyện Đăng Xương (Quảng Trị). Năm 1784, ông được tấn phong Giám mục.

(30) Cấn (livre): 1 livre là 489,5g.

(31) Tournon (Tourane): Đà Nẵng.

(32) Xứ Chàm: dinh Quảng Nam.

(33) Langlois (Charles-François) [1767 – 1851]. Năm 1792, ông sang Bắc Hà ở Thanh Hóa. Năm 1805, ông làm đại diện cho Giáo Hội Bắc Hà, khu phía Tây (Tonkin Occidental) tại Paris.

(34) Chaumont (Denis) [1752 – 1819]: Giáo sĩ, sang Macao năm 1766. Năm 1784, ông về Ba Lê và năm 1814, ông làm Giám đốc Chung viện tại đây.

(35) Mesnard: Chắc các cô này là bà con với giáo sĩ La Mothe, là những người đã gặp Hoàng tử Cảnh tại Lorient, khi Hoàng tử sang Pháp với Giám mục Bá Đa Lộc.

(36) Hoàng tử Cảnh.

(37) Hoàng tử Cảnh đã theo đạo Công giáo.

(38) Làng Hoàng Lý: một làng thuộc huyện Kẻ Bèo?

(39) Bissachère (Le Monnier de, Jean Jacques) [1764 – 1830]: Giáo sĩ sang Bắc Hà năm 1789, ở huyện Kẻ Bèo. Tới năm 1806, ông trở về Âu châu. Tác giả quyển: Relation sur le Tonkin et la Cochinchine (1807).

(40) Làng Đò: một làng thuộc trấn Sơn Nam Hạ.

(41) Guérard (Jean Jacques) [1761 – 1823]. Năm 1789. Giáo sĩ tới miền Tây Bắc Hà (Tonkin Occidental). Năm 1804, ông làm Cha chính địa phận. Năm 1816, ông làm Phó Giám mục, phụ tá cho Đức Cha Longer.

(42) Lapavée?

(43) Tessier (René Jacques) [1758 – 1816]. Năm 1789, Giáo sĩ tới giáo khu phía Tây Bắc Hà (Tonkin Occidental) truyền đạo. Ông ở Thanh Hóa từ năm 1792 tới năm 1796. Năm 1796, ông

ở Chung viện Kẻ Vinh (Nam Định). Tới năm 1804, ông vào Nghệ An.

(44) Kẻ Bâu: Kẻ Trầu ở Nghệ An.

(45) Thiebaud hay Thiebaut (Antoine) [? – 1790]. Năm 1765, Giáo sĩ tới giáo khu phía Tây Bắc Hà (Tonkin Occidental). Năm 1771, ông làm Cha Bề trên Chung viện ở Kẻ Vinh (Nam Định). Năm 1779, ông vào khu phía Nam và mất ở Kẻ Trầu (Nghệ An).

(46) Dienne (Vital-Gabriel de) [1751 – 1788]. Năm 1787, Giáo sĩ sang Bắc Hà. Rồi bị bệnh mất ở Hà Đông.

(47) Nunsius Orta hay Nuntius Orta: Giáo sĩ người Bồ Đào Nha.

(48) Lữ Đẳng: một làng ở Bắc Bố Chính (Quảng Bình).

(49) Thước (coudée) hay 1 sải tay: 1 thước ba gang khoảng 5 tấc Tây; phân (pouce): phân đo đời xưa: thốn: 1 thốn khoảng 2cm7.

(50) Làng Đoài: một làng thuộc trấn Sơn Nam Hạ.

tây sơn thuật lược

tạ quang phát

— Vi ảnh số 5/VAH4 của Viện Khảo Cổ Saigon, nguyên bản của *Société asiatique Paris*, số HM 2178 Legs H Maspéro.

— *Bản dịch của* Tạ Quang Phát Chuyên viên Hán học Viện Khảo Cổ Saigon.

L.T.S.: Bài Tây Sơn thuật lược này bằng chữ Hán tác giả không biết là ai, có đăng cả trong Nam Phong số 148 phần chữ Hán, tr. 2937. Tuy về sử liệu có nhiều điểm sai, nhưng lại có mấy chuyện nhỏ, có thể gọi là giai thoại về thời Tây Sơn, về Nguyễn Huệ rất ngộ nghĩnh, chưa thấy sử sách nào nói đến. Vì vậy chúng tôi xin đăng đây bản dịch của ông Tạ Quang Phát. Về những điểm sai với sử, chúng tôi xin chú

giải ở dưới, còn những mẩu chuyện ngộ thì chúng tôi in bằng chữ nghiêng để giúp độc giả dễ nhận thấy.

Tây sơn Nguyễn Văn Nhạc, tổ tiên là người ở huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An. Niên hiệu Dương Đức triều Lê chiếm giữ được bảy huyện (của Chiêm Thành?) bèn dời dân vào đấy. Từ đó mới sinh ra Nhạc. Nhạc xưa vốn làm biện lại ở tuần Vân Đồn, vì thiếu tiền của quan mới trốn làm trộm cướp, thủ hạ có trên trăm người, cướp phá châu ấp, tướng quân trấn thủ không đàn áp được. Nhạc tự xưng là Thiên vương, tiếm xưng niên hiệu là Thái Đức, lén chiếm giữ thành Qui Nhơn.

Năm Đinh dậu (Cảnh Hưng năm thứ 38). Nguyễn Văn Nhạc với em là Huệ cử binh đánh kinh đô Phú Xuân⁽¹⁾. Vua Hiếu Định đi biển vào thành Gia Định tuần thú⁽²⁾. Hoàng đế triều ta (Nguyễn) cùng ở chung với Nhạc. Tháng 9 năm ấy Nguyễn Văn Nhạc xúc phạm đến vua, và vua Hiếu Định băng⁽³⁾. Hoàng đế Nguyễn Ánh triều ta bèn sang Xiêm La mà ở⁽⁴⁾. Nhạc có những vùng từ Ải Vân trở về Nam.

Năm Nhâm dần, Nhạc thu nạp bầy tôi của chúa Trịnh đã bỏ trốn là Nguyễn Hữu Chỉnh, lúc ấy Nhạc vốn có chí thôn tính đất Thuận Hóa⁽⁵⁾, nhưng không có ai mưu tính công việc ấy, đến lúc ấy được Chỉnh chạy vào, Nhạc mừng lắm bèn thu dụng.

Năm Bính ngọ (Cảnh Hưng thứ 47) tháng 3, Nguyễn Hữu Chỉnh trình bày với Nhạc cơ hội thích nghi để lấy

Thuận Hóa, xin phát binh đánh lấy Phú Xuân, Nhạc nghe theo.

Tháng 4, Nhạc sai em là Huệ, tiết chế các quân thủy và bộ, rồi là Vũ Văn Nhậm làm tả quân đô đốc, Chinh làm hữu quân, nhắm kinh Phú Xuân tiến phát.

Tháng 5, quân của Nhạc đánh và lấy được Phú Xuân. Chinh nhân thế khuyên Huệ thừa thắng lấy kinh đô Thăng Long.

Tháng 6, Huệ tiến phạm kinh đô, chúa Trịnh Đoan Nam vương là Tùng đánh thua mà chết.

Tháng 7, Huệ giả vờ tôn hoàng đế nhà Lê ở điện Kính Thiên và làm lễ triều yết.

Trong tháng ấy vua Hiến Tông Vĩnh hoàng đế băng.

Tháng 8, Nguyễn Văn Nhạc và Huệ trở về Nam, Chinh chạy theo Nhạc đến biển Đông; Nhạc không cho Chinh trở về Nam, mới cho lưu lại ở Nghệ An. Nhạc và Huệ từ Thăng Long đến, thì Huệ ở lại thành Phú Xuân, tiếm xưng là Bắc Bình vương. Cháu đầu của vua Lê là Duy Kỳ lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Chiêu Thống.

Năm Đinh vị (năm đầu Chiêu Thống) Nguyễn Hữu Chinh lấy binh Nghệ An đánh đuổi Án Đô vương Trịnh Bồng.

Vua Lê thì dùng Nguyễn Hữu Chinh coi giúp việc nước, phong tước cho Chinh làm Bằng Quận công. Mùa đông năm ấy vua Lê sai Ngô Nho (người ở Tri Chỉ), Trần Công Xán (người ở Yên Vĩ), cũng gọi là Lượng đem lễ vật địa phương cùng quốc thư cho Huệ, nói rằng Nam và Bắc mỗi bên đều giữ lấy cương thổ của mình, không được vượt khỏi bốn phận⁽⁶⁾. Huệ giận lắm, truyền mật lệnh ném bọ

Nho và Công Xán xuống biển, lại khiến tiết chế Nhậm đốc suất bộ quân, thái úy Điều đốc suất thủy quân, đô đốc Đặng Giản làm tiên phong, nhắm kinh Thăng Long tiến phát. Lúc ấy quân ngụy qua Nghê An triều đình được thông báo, đầu tiên ở khúc sông quanh khe Vân Sàng bày chiến thuyền và súng để chuẩn bị. Đặng Giản giả vờ không dám tiến lên chỉ ven theo bờ biển ngày đêm giương cờ đánh trống. Quan triều đình thấy thế khinh dễ. Đặng Giản mới ra lệnh cho chặt cây ở rừng ven sông, ném xuống sông cho ngăn dòng nước mà xuống, lại lén sai những người lặn lội giỏi, thừa ban đêm theo những bè gỗ ấy mà qua sông, rình cho quân triều đình ngủ say, mới kéo hết thuyền về phía bắc, trong đồn ngụy lại phát hiệu lệnh độ quân qua sông mà đánh giết, thuyền giặc lại nổ súng bắn vào quân triều đình. Quân triều đình tan vỡ mà chạy trốn.

Năm Mậu thân (Chiêu Thống năm thứ 2 - Thái Đức năm thứ 10), tháng giêng, quân Tây Sơn tiến phạm kinh thành Thăng Long. Vua Lê chạy đi Hải Dương, quân Tây Sơn rượt theo, cha con Hữu Chinh đều bị bắt. Huệ cho Vũ Văn Nhậm trấn Thăng Long, Đặng Giản trấn Thanh Hóa (Giản là người ở Lương Xá, dòng dõi của Đặng Nghĩa Huấn).

Vua Lê sai Lê Quýnh, Trần Danh Ấn phò hoàng thái hậu sang nhà Thanh bên Tàu để xin binh tiếp viện.

Mùa hạ, Huệ giết kẻ bày tội là Vũ Văn Nhậm, lúc ấy Nhậm tại trấn, có kẻ tố giác rằng Nhậm lén lộng quyền. Huệ mượn cớ là đi tuần đất Bắc, Nhậm ra lạy chào Huệ bèn bắt mà giết đi.

Huệ cho quan Đại tư không Ngô Văn Sở, quan nội hầu Lân trấn Thăng Long, Huệ từ Thăng Long trở về.

Mùa thu, tiến sĩ nhà Lê là Ngô Thì Nhậm (người ở Tả Thanh Oai hiệu là Hy Doãn), Nguyễn Gia Phiên (người ở An Lũng) Phan Huy Ích (người ở Thu Hoạch), hương cống Ngô Vi Quý (người ở Tả Thanh Oai), Đoàn Nguyên Tuấn (người ở Hải An) cùng đến Phú Xuân yết kiến Huệ.

Huệ khiến Nhậm giữ tư lệnh (từ nay về sau những thư trát gửi sang Thanh đều do Ngô Thì Nhậm viết ra) khiến Phiên và Ích làm điện trung thị ngự sử, khiến Quý và Tuấn sung Hàn lâm viện. Đoàn Nguyên Tuấn là con của Thúc, ở trong làng, gác nhà lên cao mà ở trong vườn hoa, gọi Phong nguyệt sào (ổ gió trăng) để ngâm vịnh ở đấy, tự gọi là Sào Ông, dường như cho mình là Sào Phủ vậy. Nay lại quên tình vườn cũ, lại cong gối mà quỳ lạy ở triều đình của giặc, không gọi hứng với cỏ hoa, lại dựa thân vào Hàn lâm viện, không còn nhân rảnh nữa để ngâm vịnh với gió trăng, mà lại nhập vào bộ sứ thần. Tưởng lại tấm thân của Tuấn chưa từng được một ngày nào yên nghỉ ở cái ổ gió trăng của ông ta vậy, thì làm sao mà chẳng phụ lời hẹn ước trước kia (ông Thụy Nham tặng thơ có câu rằng: *Hoa ổ phi cư phụ cố sào*).

Nghĩa là: “Vườn hoa chẳng ở thì phụ ổ gió trăng”.

Mùa đông tháng 11, Huệ tự xưng hoàng đế, cải nguyên là Quang Trung.

Tháng ấy vua Lê dùng quân Mãn Thanh lấy lại kinh thành Thăng Long.

Năm Kỷ Dậu (Nguyễn Huệ niên hiệu Quang Trung

thứ 2) tháng giêng, Huệ cả phá quân của Tôn Sĩ Nghị nhà Thanh ở Thăng Long. Vua Lê đi lên phương bắc.

Huệ dùng mưu kế của Ngô Thì Nhậm, khiến Nhậm sang nhà Thanh hối lộ với các vương thân quan ở nội các của triều Thanh để ngăn việc tiếp viện và vội ra lệnh cho cả thiên hạ thần dân phải suy tôn Huệ làm vua, lấy lời suy tôn ấy, kèm vào tờ biểu để tâu lên vua nhà Thanh. Lúc ấy viên tham tụng xưa là Bùi Huy Bích mượn cớ có bệnh mù mà không chịu ký tên vào. Huệ khiến ép bức buộc phải lăn dấu tay.

Huệ đặt ở các huyện quan tả hữu quản lý, lại dùng người giàu có và thế lực ở địa phương làm huyện trưởng khiến đốc xuất việc lương thực cho quân đội. Quan tả quản thì coi về việc thừa kiện, quan hữu quản thì coi về cơ đội binh lính. Vì thế mà cơ binh trong hạt được đóng đồn ngay trong hạt, mỗi tổng đều có sai một vệ binh đi tuần thám ban đêm, vì thế mà đạo tặc đều yên, cửa làng khỏi phải đóng⁽⁷⁾.

Nạn đói to, có người vợ dân phải bán mình để lấy tiền nuôi gia đình. *(Đời kể lại rằng ở Hải Dương có người vợ khá có nhan sắc, quen gần với đồn Tây Sơn, viên đồn trưởng thấy nàng mà đẹp lòng. Người vợ ấy bèn nói với chồng rằng: nay vì nạn đói kém, trên thì có cha mẹ, dưới thì có đàn con, không có gì để đủ nuôi dưỡng, thiếp xin chàng nhận làm anh thiếp để đem thiếp bán cho viên đồn trưởng. Người chồng bằng lòng, bán vợ được một trăm quan mà mang về, còn vợ thì tự thắt cổ ở trong phòng. Viên đồn trưởng kinh hãi hỏi người chồng, người chồng mới tình thật*

thưa, viên đồn trưởng bảo đi chôn cất và cho luôn số tiền ấy không đòi lại).

Lời phê bình. - Năm đói kém đã khiến người ta đến thê ru! Tuy nhiên, người vợ thà chịu cho thân mình chết chứ không nhẫn cho gia đình mình chết. Ôi! cũng gọi là người vợ hiền vậy. Sánh với kẻ có trách nhiệm lo việc trường tồn của quốc gia thì khác xa nhau một trời một vực. Mùa hạ Ngô Thì Nhậm từ nhà Thanh bên Tàu trở về.

Huệ phát thẻ tín bài là theo kế sách của Ngô Thời Nhậm. Tín bài ấy làm bằng gỗ ngoài có viền bông hoa, trong biên tên họ của người dân lãnh thẻ cùng với tuổi và quê quán, có ký tên đóng dấu, khiến dân lãnh tín bài ấy ở quan nha. Những kẻ đi ra buôn bán phải đeo cái thẻ tín bài ấy ở dưới cổ làm bằng, nếu không có tín bài thì là bọn tà đảng không được thông hành. Việc thi hành phép ấy thật do Ngô Thì Nhậm.

Lúc ấy nhân dân sợ oai dữ của Huệ cùng đưa nhau ra lãnh tín bài, số dân đình có hư tăng để nhà nước không ngự, nhưng ở Tả Thanh Oai lại khiến dân càng khổ.

Mùa thu, sứ nhà Thanh là bọn Vương Phủ Đường sang sách phong cho Huệ làm An Nam quốc vương. Huệ sai bọn Phan Huy Ích đi tiếp sứ nhà Thanh, Nguyễn Nhạc người con lên nối ngôi, ấy là Tiểu triều.

Mùa đông, Huệ sai Ngô Vi Quý sung vào sứ bộ sang tạ ơn nhà Thanh.

Năm Canh tuất (Nguyễn Huệ niên hiệu Quang Trung thứ 3), mùa xuân, Huệ thăng Ngô Thời Dụng làm bộ binh thượng thư với tước là Tinh phái hầu.

Mùa hạ, Huệ sai điện trung thị ngự sử Phan Huy Ích,

công bộ đãi chiếu thượng thư Vũ Duy Tấn (đỗ hương cống triều Lê, người ở Mộ Trạch) và hàn lâm học sĩ Đoàn Nguyễn Tuấn cùng với đô đốc Nguyễn Hữu Chẩn sang nhà Thanh, lúc ấy vua Càn Long đã 80 tuổi. Lúc trước vua nhà Thanh có bảo Huệ phải thân hành sang chúc phúc, Huệ cố từ. Bọn Phan Huy Ích tâu với Huệ xin quyền biến, Huệ mới giả mạo sai Chẩn đi thay cho mình, và khiến bọn Phan Huy Ích đi theo để yết kiến.

Huệ sai Ngô Thì Nhậm quản lãnh việc đi sứ, rồi lại gia thêm bậc Dực vận công thần, chuyển sang làm thị trung đại học sĩ giám tư kinh đô Thăng Long.

Mùa hạ, Ngô Vi Quý từ Yên Kinh trở về. Lúc ấy những tiến sĩ của nhà Lê cũ thường thường lấy văn học mà vang tiếng trong đời Ngô Thì Nhậm muốn khiến các vị ấy đều ô nhục như hắn, mới thưa với Huệ nhử các vị ấy bằng quan tước, vị nào không đến thì đem binh mà bắt. Bùi Huy Bích ở Thạch Liệt thác bệnh mà từ khước. Ngô Thì Nhậm lại lấy thơ gọi Trần Danh Án ở Bảo Triện. Trần Danh Án thơ dùng tiếng chó heo mà từ khước với Nhậm. Nhậm thẹn không dám gửi thơ đến nữa. Lê Huy Trâm ở Bối Khê (làm cần chính đại học sĩ của quốc triều lãnh chức đốc học các vùng Bắc Ninh, Cao Bằng và Lạng Sơn), Phạm Quý Thích ở Hoa Đường (làm thị trung đại học sĩ của quốc triều). Nguyễn Đường ở Trung Căn (làm đốc học Sơn Tây), Ngô Viện ở La Khê, Nguyễn Du ở Văn Xá, Nguyễn Diên Dương ở Bảo Từ (làm hiệp trấn ở Hưng Hóa của quốc triều), Trần Bá Lãm ở Vân Canh (làm đốc học Bắc thành), Nguyễn Gia Cát ở Xuân Cầu (Cát về sau ứng nghĩa quân yết kiến đức Cao hoàng Gia Long ở Gia Định,

làm Lễ bộ tả tham tri, phụng sứ thăng chức thượng thư, về sau có xảy ra việc mà phạm tội), Bùi Dương Lịch ở An Toàn (làm đốc học Nghệ An), Lê Trọng Dĩnh ở Đa Sĩ đều thấy trước mà trốn đi. Quý Thích phú thi có câu:

*“Tái thiên giao thê lệ,
Tỵ địa các trầm phù”.*

Nghĩa là:

*“Đầy trời đều nước mắt nước mũi giao hòa,
Ở đất thì đều trốn tránh, kẻ chìm người nổi”.*

Huy Trâm thường tự thề rằng: “Nếu không chết thì lẫn trốn trong núi rừng, quyết không chịu làm bầy tôi cho Tây Sơn”. Viện và Trọng Dĩnh về sau đều bị bắt. Viện phải đem con ra làm tin mới được thả. Còn Dĩnh thì bắt đắc dĩ phải ra làm đốc học ở Vị Hoàng vài tháng rồi lại thác bệnh mà từ khước. Những người còn lại như Hoàng Bình Chính ở Thổ Hoàng, Nguyễn Nha ở Hữu Thanh Oai, Nguyễn Quý Ban ở Nhơn Mục đều nhận mạng lệnh của Tây Sơn làm quan vinh hiển. *Chỉ có Nguyễn Đăng Sở ở Hương Triện thì xin làm tri huyện. Sở vốn khi trước có cười một người thiếp của vua Lê, việc gì cũng do nàng ấy sai khiến. Một ngày vợ của Sở đi ra hỏi ông thầy tướng: “Như tôi phải phối với bậc quan nào?” Ông thầy tướng nói rằng: “Bà phải làm vợ của quan tri huyện, nếu không thế thì bà sẽ chết yểu”. Vợ của Sở trở về nói lại với Sở, cho nên Sở cố làm cho được chức tri huyện ấy.*

Huệ từ Thăng Long trở về.

Huệ cho quan đại tư mã Ngô Văn Sở, quan nội hầu Lân cùng với người con thứ là Thùy trấn giữ Thăng Long,

cho Tuyên trấn giữ Thanh Hóa, cho Đặng Giản làm đại đô đốc, coi giữ Đại Thiên hùng binh, sai làm thuốc súng.

Tháng 7, bọn Chấn đến Yên Kinh, lúc ấy vua nhà Thanh đi tuần phương bắc để tránh nóng, cấp báo cho Chấn và các quan theo hầu phải đến hành cung ở Nhiệt Hà yết kiến. Vua nhà Thanh ban cho thơ có câu rằng:

“Y cố vị vẫn lai tượng khuyết.

Thăng triều vãng sự bỉ kim nhân”.

Nghĩa là:

“Từ xưa chưa nghe nói vua nước phương nam đến cửa tượng khuyết lạy chầu.

Đối với việc đã qua của triều Minh đã mất thì đáng khinh việc đòi cống người bằng vàng”.

Huy Ích có phụng họa, vua nhà Thanh có phê thơ cũng cho là ổn thỏa, có ban thưởng rất hậu, đến khi về Tây Uyển ở Yên Kinh, thì được vào yết kiến luôn mấy mươi ngày, đến ngày trở về nước, thì vua Thanh có tuyên triệu Huy Ích và Duy Tấn vào Quang Minh Chính đại điện, khiến đứng một bên mà xem ở thềm ngọc, rồi rót rượu cho uống, tin rằng đó là sứ bộ vinh hạnh bậc nhất (do ở bài Tinh xà kỷ hành).

Tháng chạp, bọn Chấn từ Yên Kinh trở về, đến cầu doanh Huy Ích nhân té mà bị thương ở chân, bèn dâng biểu cho Huệ xin miễn triều yết, tạm ở lại để điều dưỡng.

Năm Tân hợi (Nguyễn Huệ niên hiệu Quang Trung thứ 14), quan nội hầu Lân bắt được Tự là em của vua Lê ở Bảo Lạc, và giết luôn cả nhà Diễn quận công. Khi trước Tự dựa vào Diễn Châu để lo bề khôi phục. Có kẻ đi tố cáo với Tư mã Sở. Tư mã Sở khiến nội hầu dạy Diễn quận

công bắt Tu mà giết đi. Nội hầu Lân bèn thác việc mở tiệc rượu. Cha con Diễn quận công cả thấy năm người đều được ban cho áo cẩm hoa bào và khăn là lụa hồng, đều ngồi mà yến ẩm, khi rượu đã say, nội hầu Lân làm rút cái mâm đồng làm hiệu, quân Tây Sơn bèn bắt cha con Diễn quận công mà chém. Nhân thế mới đặt trấn Hà Dương ngay ở đất ấy, để đô đốc Viên với 500 binh sĩ trấn giữ rồi trở về.

Đồn Hà Dương đều bị giết sạch vì Tề. Trước thời tai nạn của Diễn quận công xảy ra, em của Diễn quận công là Tề ở ngoài cho nên được thoát, đến lúc ấy Tề họp các binh lính địa phương vây chặt đồn của Tây Sơn bắt hết binh lính mà giết sạch, chỉ có đô đốc một mình được chạy về, đến khi quân Tây Sơn đến bắt Tề thì Tề đã chạy đi đâu không biết.

Huệ đặt quan bí thư, mỗi tháng sáu lần châu để giảng giải kinh sử. Huệ không có học cho nên không biết thư sách. Một ngày nọ Huệ hỏi quan bí thư rằng: “Trong sách có chép quá nhiều việc thế?” Quan bí thư thưa rằng: “Sách sử chép sự tích thiện ác của đế vương và lý do hưng phế để đời sau biết mà soi xét răn dè”. Huệ nói rằng: “Như thế thì từ xưa có ai đánh Tàu không?” Thưa rằng: “Nước ta có Trần Hưng Đạo đánh quân Tàu ở sông Bạch Đằng, Lê Thái Tổ đánh quân Tàu ở thành Đông Quan, nhưng mà đều là đánh chúng tiến sang, chớ chưa có tiến sang Tàu mà đánh chúng”. Huệ nói rằng: “Ta nay sẽ đánh Tàu để người xem”, (quan bí thư là người ở Ngọc Đông, tỉnh Thanh Hóa, tên họ chưa khảo ra). Huệ xuống sắc lệnh cho công viện và lại chiến y, rồi lại gửi cho gia thiếp của các đại thần cất giữ, hẹn đủ hai mươi vạn chiếc áo để ban cấp cho quân sĩ thì

ngày ấy sẽ đánh Quảng Tây mà cướp phá. Lúc ấy Huệ vừa vào trong viện để xem xét, thì có người thiếp của thái úy Điều, họ Hoàng, giả vờ không biết có Huệ ở đấy, nói với đồng bọn rằng: *"Nay quen thắng mà đánh Tàu, nhưng Tàu thì to mà ta thì bé, nếu rủi không thắng thì mới làm sao? Chẳng bằng cử trị dân mà hưởng nước, việc gì phải đi tìm ở xa"*. Huệ nghe được hết lên nói rằng: "Người kia là ai mà dám cản trở việc quân của ta". Liền sai đưa người thiếp họ Hoàng ấy ném xuống biển. Thế rồi ngài lại hối hận mà nói rằng: "Người kia nói cũng hợp lý". Huệ liền ra lệnh tha cho. Việc cướp phá nước Tàu bèn dừng lại. (Người thiếp họ Hoàng là dòng dõi của viên đại tướng nhà Lê Hoàng Nghĩa Giao).

Lời phê bình. - *Nói một lời mà bãi được việc binh, cũng là người hơn đức thay!*

Năm Nhâm tý (Nguyễn Huệ niên hiệu Quang Trung thứ 5) lúc ấy vợ chính của Huệ đã chết. Huệ sai Ngô Thị Nhậm đưa thơ sang tổng đốc Quảng Tây để khiến cầu hôn với vua nhà Thanh.

Năm ấy Nguyễn Huệ mất, *tóc của Huệ thì quăn, mặt thì đầy mụn, có một con mắt nhỏ, nhưng mà cái trông rất lạ, ban đêm ngồi không có đèn, thì ánh sáng từ mắt soi sáng cả chiếu, lúc lâm trận thì chế thắng, uy anh hùng lắm liệt, cho nên mới bình định phương Bắc và dẹp yên phương Nam, hướng tới đâu thì không ai hơn được, tiếm vị làm vua được 5 năm, không lập pháp lệnh điều ước, việc thừa kiện đều do miệng ngài phán xử, tội tù thì phần nhiều dùng đòn mà đánh để trừng trị (đòn tục gọi là đui). Bầy tôi ở trong hay ở ngoài đều sợ oai của ngài, không dám can tội hối lộ.*

Thường ngày Huệ hay sợ đức Cao Hoàng Gia Long ta, lúc đau nguy cấp, Huệ nói với kẻ bầy tôi rằng: “Hắn sẽ phục quốc được”. Hoặc có kẻ thưa rằng: “Nếu hắn ra thì bọn hạ thần xin đánh”. Huệ nói rằng: “Người chớ cho lời ta là nói láo, nếu hôm nay ta chết, thì ngày mai hắn ắt ra, nếu mai ta chết thì ngày sau hắn ắt ra. Người còn sống, người xem”. Nói thế Huệ liền mất. Con là Trát nối ngôi, đại xá tội phạm và cải nguyên (Trát mới trót, răng to).

Luận rằng: Với tư chất nhỏ bé yếu đuối và đương tình thế nguy hại ấy, trong thì có Khang công và Tuyên công, nhu nhược một hai người lẻ loi non nớt, ngoài thì có tứ đồ (tên Dũng) và thiếu phó (tên Diệu) dũng mãnh năm sáu vị vũ phu, Trát lại tranh thắng với Cao Hoàng Gia Long ta, thì hắn sẽ bị trói ngay trước mặt mà làm tù thì đáng lắm.

Năm Quý sửu, (Trát, niên hiệu Cảnh Thịnh năm đầu), Trát đến Thăng Long để nhận cho nhà Thanh sách phong, lúc ấy sứ nhà Thanh xin đến Phú Xuân, Trát giả mạo xây cung mộ ở xã Hạ Hồi rồi nói dối là đường đi từ Sơn Tây mà đi thì phải một tháng. Đi được nửa đường, sứ nhà Thanh nói rằng: “Đây là đi về phía tây, sao lại dối ta”. Bèn trở về Thăng Long làm lễ phong điệu.

Trát trở về Nam, tấn công thành Quy Nhơn bắt Tiểu triều và giết ngay trong ngày hôm ấy.

Năm Giáp dần (Trát niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 2) Cao Hoàng Gia Long đem quân Hà Lang trở về đánh phủ Diên Khánh và thắng được.

Tướng giữ thành của Trát là Quyền quận công đem đội thủy quân đầu bên ta, rồi phóng lửa đốt thủy đồn của Tây Sơn.

Cao Hoàng thừa thắng lấy thành Quy Nhơn và thành Hoàng đế.

Có kẻ hỏi rằng: Vua Lê dùng quân nhà Thanh, còn Cao Hoàng đế ta thì dùng quân người Âu, đều là dựa vào sự giúp đỡ của nước ngoài, mà Lê thì mất mà ta thì hưng, thì chẳng phải là lời sấm rằng: Tiên đồng đã trở về Bắc, đất nghiệm đã an bài, bầy đời thì trở về kinh đô sách trời đã định trước, mạng trời đã khiến như thế hay sao? Rằng phé hay hưng vốn ở Trời, nhưng hơn hết là ở người. Vua Lê kia khen heo và hỏi nòi, thì chẳng phải là khí tượng đế vương thì làm sao mà đem so sánh với Cao Hoàng Gia Long ta được thay! Thế là lý do thành bại của hai bên khác nhau vậy.

Quân doanh của Tôn Sĩ Nghị, tướng nhà Thanh, ở Bồ Đề, vua Chiêu Thống đến đấy yết kiến Tôn Sĩ Nghị, Tôn Sĩ Nghị sai người đưa vua về cung, vua đi ngay qua chợ thấy một con heo to và một cái nồi đồng lớn, mới hỏi rồi đi. Khi người được sai đi đưa trở về thì Nghị hỏi rằng: “Người thấy quốc vương cử động ra sao?” Người ấy kể lại đủ mọi việc đã thấy như thế. Tôn Sĩ Nghị mới than rằng: “Khen heo, hỏi nòi, chẳng phải là khí tượng của đế vương, thì bọn ta sẽ nguy mất”.

Tây Sơn từ năm Canh tuất trở lại, thì mùa lúa so sánh có trúng hơn, trong nước bình yên (thóc một quan tiền được 100 đấu, dân chúng đều có chứa trữ, tiếng sáo lời ca có được nghe đó đây). Nhưng ở Bắc Kỳ thì dân trí thức đều chán ghét triều Tây Sơn, mong được vì chân chúa. Từ sau khi Gia Định đã dẹp yên rồi, mỗi lần gió nồm thổi, thì

người người đều nói rằng đó là gió của ông Chung (Gia Long) vậy.

Lời bình luận: *Lòng người quay về ai thì mạng trời ở đấy. Xem lòng người như thế thì Tây Sơn kia muốn không mất đi, và ta muốn không hưng lên thì có được chăng?*

Trát đặt ở các xã huấn khoa để giữ việc thừa kiện trong xã.

Trát giết Lê Thái sư. Con của Lê Thái sư là đồ đốc Lê Tôn Chất làm phản và đầu hàng bên ta.

Trát sai người đem mặt chiếu đến Thăng Long để giết quan đại đồng lý.

Năm Kỷ vị (Trát niên hiệu Cảnh Hưng thứ 7), vua Càn Long nhà Thanh băng, Trát sai người sang lễ hương, tờ biểu có viết rằng:

“Viên Tản sơn thanh Lô thủy bích, vọng cùng thần quốc chi yên lam, đầu xu tinh chuyển Nữ tu hàn, cảm động thiên gia chi vân vật (Ngô Thì Nhiệm chi từ đã).

Nghĩa là: “Núi Tản viên xanh, sông Lô biếc, trông ra xa cùng khỏi màn sương khói của nước nhỏ của chúng tôi, thì thấy sao Bắc đẩu đã dời, sao Nữ đã mờ lạnh, mà cảm động cho cảnh vật của nước thiên triều phải ảm đạm vì có quốc tang (lời của Ngô Thì Nhậm).

Đài Chân Vũ ở Thăng Long có cây dung ngã chết mà lộc dựng lên, lúc ấy nước Đại Man có sai sứ đến xem có nói rằng: “thứ này nước phương Tây chúng tôi không có”.

Lời bình luận: *Cây dung là vật nhỏ nhen, thì làm sao ghi được một việc gì. Quốc gia sắp hưng thịnh thì ắt có điềm lành báo trước. Khi vua Hiếu Tuyên trung hưng, thì có cây liễu đã chết ở Thượng Lâm bỗng mọc đứng lên mà sống.*

Thế thì cây dung ấy mọc đứng lên mà sống là điềm lành ứng vào quốc triều hưng thịnh lại chẳng, cho nên kính cẩn ghi chép.

Năm Canh thân (Trát niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 8) mùa xuân, Phan Huy Ích vào yết kiến Trát, được Trát cho làm Lễ bộ thượng thư, tước là Đoàn Nham hầu.

Kho thuốc súng của Trát ở Thăng Long cháy.

Trát sai tướng tư đồ và thiếu phó đến vây thành Hoàng đế.

Năm Tân dậu (Trát niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 9) tháng 5, đại quân của ta lấy tại Phú Xuân. Trát chạy ra ở Thăng Long. Lúc ấy Trát đã mất sào huyệt, nhưng vẫn hay khoe khoang để trấn áp lòng người.

Tháng 6, Trát tể ở đàn Tây Hồ, lại cải niên hiệu là Bảo Hưng nguyên niên.

Quan Hộ bộ tả thị lang Nguyễn Lượng có dâng lên bài Tây hồ cảnh tụng, dùng quốc âm, lời rất thanh nhã, Trát mừng vui lắm (Lượng là người ở Phú Thị, đỗ hương cống triều Lê xưa).

Mùa đông, Trát thi khóa sinh.

Tháng 11, Trát tể ở đàn Xạ đôi phố.

Năm Nhâm tuất (Trát Bảo Hưng năm thứ 2) tháng giêng, Trát dẫn Tuyên công, Khang công và các tướng đánh Hoàn sơn quan. Trát để đại tư mã Ngoại và đại đô đốc Phong giữ Thăng Long. Ngày mùng 5 tháng 2, Tùng linh tướng quân là Nguyễn Chí (người ở Tây Đầm) và Mai Lĩnh hầu (người ở... tú, không rõ tên) cùng đánh Thăng Long, mà không thắng, Tùng linh tướng quân chết. Lúc trước hai ông là bầy tôi của nhà Lê. Nhà Lê mất, thăm có

chí phục thù, Tùng Lĩnh có tài hơn người, nhà giàu có, thường bị người ta khống chế, bị giam một năm ở quan tư mã của Tây Sơn mới được thả ra. Mai Lĩnh hầu thông hiểu tinh tường toán số và binh lược, việc thường biết trước, được người ta gọi là Tiểu Khổng Minh, mở quán ở Thanh Oai, cùng qua lại với Tùng Lĩnh tướng quân, âm thầm kết giao với khách hào kiệt được 10 năm. Mai Lĩnh hầu thường dùng cỏ thi mà bói để biết Tây Sơn hưng hay vong. Đến khi quốc triều ra mật dụ cho các hào kiệt ở Bắc Kỳ phải khởi nghĩa để tiêu diệt Tây Sơn, thì Tùng Lĩnh tướng quân nói với Mai Lĩnh hầu rằng phải khởi sự. Mai Lĩnh hầu nói rằng: “Tây Sơn sẽ mất vào năm Nhâm tuất, trong khoảng mùa hạ mùa thu, khi phương Nam khí vượng lên thì tôi sẽ đánh lấy trước rồi sẽ quây về đầu Cao Hoàng Gia Long cũng chẳng muộn. Nếu chẳng như thế thì quân đội phương Nam ra đoạt đầu công của ta”. Lúc ấy nhân Trát đi về Nam, bèn sang mật kết với đô đốc Tú để làm nội ứng, viết thư hiệu triệu các hào kiệt trong bốn phương, hẹn đêm mùng 2 tháng 2 giờ tý đều dẫn binh đánh giết vào thành Thăng Long. Lúc ấy các đạo đã đến trước nhưng không thấy phát hiệu, đều tản ra đi mất, thì quân ở Tây Đám mới đến, đô đốc Tú nghe hiệu binh, bèn mở cửa thành ngoài. Tú cỡi ngựa đi trước hai vị Tùng Lĩnh, Mai Lĩnh theo sau. Tú hô gấp lên rằng: “Giặc đến dưới thành, xin mở cửa ra đánh” Tướng giữ thành đáp rằng: “Giặc đến thì chém đầu người, cửa thành ban đêm không được mở”. Tùng Lĩnh không thể làm sao được nữa, bèn đem lửa đốt phố xá trong thành rối loạn tướng Tây Sơn muốn bỏ thành mà chạy, lúc ấy sắc trời đã sáng. Trên thành trông xuống chỉ thấy mười người đi theo Tùng Lĩnh, bèn phát binh ra

đánh, Tùng công đã thoát thân đi trong đường phố. Có một viên giữ ngục nhận biết, cho nên Tùng Linh bị hại. Còn Mai Linh thì từ đây ẩn dật giấu tông tích ở chốn chòi tranh, quên chỉ hồ thi tang bồng. Trong niên hiệu Gia Long, Mai Linh chết ở gia đình. Còn Tùng Linh về sau được quốc triều khen tặng. Có thơ khen rằng:

Âm:

Tôi ái Mai, Tùng
Lắm liệt hàn đông
Nhất thời cộng sự
Thiên cổ vẫn phong,
Công nan bất tộ
Nhân xưng kỳ trung.
Mạc tương thành bại.
Lệ luận anh hùng

Dịch:

Thương cây mai cây tùng
Chịu đựng mùa đông lạnh.
Chỉ cộng sự một lần
Ngàn xưa lưu danh tánh.
Tuy công khó chưa xong
Người người khen trung tín
Chớ thành bại xét công
Đem anh hùng luận sách.

Tháng tư năm ấy, quân của Trát lên vào đồn Động Hải mà không thắng trận, thua to chạy trốn, quân ta thừa thắng đuổi dài Quan tư mã và quan Thiếu phó từ đường Quy Nhơn chạy về đến Nghệ An đều bị bắt.

Tháng 6, xa giá của Cao Hoàng Gia Long đến Thăng

Long. Khang công tự treo cổ, Trát và Tuyên công chạy về phương bắc đến sông Xương Giang đều bị quân ta bắt được (tháng ấy sương bay đầy trời), nhà Tây Sơn mất.

GHI CHÚ:

* Riêng bức thư này đã đăng trong “Nouvelles Lettres Idifiantes et Curieuses...” pp. 154 – 156.

* Riêng bức thư này đã đăng ở “Nouvelles Lettres...” pp. 205 – 208.

* Riêng bức thư này đã đăng ở “Nouvelles Lettres...” pp. 211 – 215.

* “Manifeste de Quang Trung”... đã đăng tải ở “Nouvelles Lettres Edifiantes des Missions de la Chine et de Indes” Orientales, Paris, A. Leclerc, 1818, pp 225 – 228 - “La Bissachère, Relation sur le Tonkin et la Cochinchine (1807), Ed. par Ch. Maybon, Paris Champion, 1920”.

PHỤ CHÚ CỦA TÒA SOẠN:

(1) Điểm này sai. Kinh đô Phú Xuân đã bị Hoàng Ngũ Phúc chiếm từ năm Giáp ngọ, Lê Cảnh Hưng thứ 35 (1774). Năm Đinh dậu, Cảnh Hưng thứ 38 (1777), Nguyễn Văn Nhạc xin Hoàng Ngũ Phúc được trấn Quảng Nam, Nguyễn Văn Huệ đánh Gia Định, giết Tân Chính Vương và chúa Duệ Tông, chớ Tây Sơn chưa đánh kinh đô Phú Xuân.

(2) Điểm này sai. Vua Hiếu Định, tức Duệ Tông đi đường biển vào Gia Định năm Ất vị (1775) chứ không phải năm Đinh dậu.

(3) Điểm này sai. Hoàng đế triều Nguyễn không có lần nào ở chung với Nhạc, và không có lần nào bị Nhạc xúc phạm.

(4) Điểm này sai. Mãi đến năm Giáp thìn (1784) Nguyễn vương Ánh mới đi Xiêm, chứ không phải đi năm Đinh dậu (1777).

(5) Nói là Huệ có chí thôn tính Thuận Hóa thì đúng hơn, chứ Nhạc không dám đánh Thuận Hóa.

(5) Trịnh Khải chứ không phải Trịnh Tùng, Tùng đã chết năm Quý Hợi (1623).

(6) Phái bộ Trần Công Xán, do Nguyễn Hữu Chỉnh đề nghị phái vào Phú Xuân để xin Nguyễn Huệ trả lại đất Nghệ An cho nhà Lê, vì thế Nguyễn Huệ mới giận.

(7) Theo sử liệu hiện có, chúng ta chỉ biết “ở mỗi huyện, vua Quang Trung đặt một văn phân trị, một võ phân suất, một tả quản lý, một hữu quản lý, công việc của quan văn là trưng đốc binh lương, xét xử từ tụng; công việc quan võ là cai quan và thao diễn quân lính”, còn tả, hữu quản lý thì ta không biết làm việc gì. Nếu đoạn này đúng với sự thật “dùng người giàu có và thế lực ở địa phương làm huyện trưởng, khiến đốc suất lương thực cho quân đội..., cơ binh trong hạt được đóng đồn trong hạt... mỗi tổng có sai một vệ binh đi tuần thám ban đêm”, thì ấy cũng là sáng kiến hay của vua Quang Trung để trị an trong thời loạn lạc.

vài tài liệu về
ngọc hân công chúa
và vua quang trung
tạ quang phát

L.T.S.: Những tài liệu dưới đây đều được đăng trong Tạp Chí Nam Phong phần Hán văn, chưa được ai dịch ra Quốc văn. Rất tiếc những tài liệu này không được rõ xuất xứ. Tuy nhiên, ta phải hiểu cho rằng dưới triều Nguyễn mọi tài liệu về Tây Sơn đều bị nghiêm cấm tàng trữ. Các tài liệu về Tây Sơn còn để lại rất ít và hầu hết đều vô danh, không biết ai là tác giả. Thật đã gây nhiều khó khăn cho người khảo sử. Chúng tôi vẫn cứ xin đăng tải để các nhà khảo sử sau này tìm ra sự thực. Nguyên văn chữ Hán xin tìm đọc ở

Tạp Chí Nam Phong, chúng tôi đều ghi rõ số báo ở mỗi tài liệu.

CHUYỆN TẢN MÁT VỀ CÔNG CHÚA NGỌC HÂN

(Nam Phong Tạp Chí, số 103, phần Hán Văn, 1926, tt. 20 – 22)

Công chúa Ngọc Hân là con gái thứ chín của vua Lê Hiến Tông, và là Hữu cung Hoàng hậu của Thái tổ Vũ hoàng đế nhà Tây Sơn.

Mẹ của Công chúa là người ở xã Phù Ninh huyện Đông Ngàn tỉnh Bắc Ninh, tên là Nguyễn thị Huyền được tuyển vào hầu vua Lê, sinh ra Công chúa Ngọc Hân ở trong cung năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771).

Công chúa có dung sắc đẹp tuyệt thế và đức hạnh đều toàn vẹn, được vua Hiến tông cưng lắm. Vua thường bảo: “Con này ngày sau phải gả làm vương phi, không nên gả cho hạng phò mã tầm thường”.

Khi Chúa Tây Sơn Nguyễn Huệ đem mấy vạn quân ra Bắc tôn phò vận phúc nhà Lê, nhân Bằng Linh hầu Nguyễn Hữu Chỉnh thù ứng kết thân hai họ Lê và Nguyễn, vua Lê mới gả Công chúa Ngọc Hân cho Chúa Tây Sơn.

Chúa Tây Sơn Nguyễn Huệ đem đủ 200 lượng vàng, lụa là 20 cây, trần bày binh trượng cờ xí, sai quan thị thần bưng tờ tấu đến điện Vạn Thọ cầu hôn.

Vua Lê sai Hoàng tử Sùng Nhượng Công tiếp thu, cáo lên Thái Miếu. Hôm sau vua Lê lại sai các vị hoàng thân công chúa cùng các bề tôi văn võ đều đem xe ngựa đến chờ ở ngoài cửa điện để đưa Công chúa Ngọc Hân về phủ chúa Trịnh, nay là chỗ chúa Tây Sơn Nguyễn Huệ đóng binh.

Chúa Tây Sơn lại sai quan đem tờ tâu xin nghinh hôn, khiến vệ binh đứng ở hai bên đường từ cửa điện đến cửa phủ, nghi vệ rất dồi dào rạng rỡ. Con gái con trai trong kinh thành đứng xem đông ken như bức tường, đều cho là việc hiếm có từ xưa đến nay.

Công chúa đến cửa phủ, Chúa Tây Sơn ngồi kiệu kim long (kiệu rồng vàng) ra đón, mọi việc đều theo như nghi lễ nhà dân.

Công chúa Ngọc Hân vào cung, Chúa Tây Sơn bày yến tiệc ở trong và ở ngoài đài các hoàng thân phi tần công chúa cùng các bề tôi văn võ.

Yến tiệc xong, Chúa Tây Sơn lại đem đủ 200 lượng bạc ra ban tặng và đưa đến ngoài cửa phủ.

Các bề tôi nhà Lê trở về hội ở công đường bộ Lễ đều nói rằng: “Thiên tử được rể quý, nước Nam ta từ nay có nước thông gia”.

Công chúa lúc ấy mới 16 tuổi, lúc mới vu quy còn thẹn thùng, rồi sau cũng yên ổn cùng với Chúa Tây Sơn đến bái yết các tiên đế ở Thái Miếu. Lễ xong cùng đi chung xe trở về.

Chúa Tây Sơn tính kiêu căng nói với Công chúa rằng:

— Các vị con trai con gái của nhà Vua, mấy ai được vinh hoa như Công chúa như thế?

Công chúa đáp:

— Lộc của nhà Vua đơn giản ít ỏi (Chúa Trịnh xưng vương trở về sau chỉ để một ngàn xã làm lộc điền cho vua Lê), các con trai con gái của vua chỉ một mùi thanh đạm nghèo khó, chỉ có một mình thiếp là có phần, được phối hợp cùng Lệnh công, tỷ như giọt ngọc nước mưa bay trên

không mà được rơi vào lâu đài, đó là cái may mắn của thiếp.

Chúa Tây Sơn rất vui thích.

Khi bệnh của vua Lê trở nặng, Công chúa Ngọc Hân xin Chúa Tây Sơn vào thăm hầu bệnh. Chúa Tây Sơn từ mà rằng:

— Nay ta với Hoàng thượng thì nghĩa như cha con. Ta thành thật muốn vào chiêm cận dung quang của Hoàng thượng lúc Hoàng thượng còn để kể nỗi niềm luyến mộ. Nhưng ta mới từ cõi xa đến, người trong nước chưa ắt tận tin. Giả sử ta đến mà Hoàng thượng thăng hà thì chẳng là để cho ta một điều phỉ báng vô cùng hay sao? Công chúa hãy về hầu Hoàng thượng, đối với các anh em của Công chúa, Công chúa hãy nói rõ cho họ lượng thứ cho ta cái ý ấy.

Công chúa từ biệt trở về.

Đêm ấy thần khí của Vua Lê tỉnh táo, gọi Hoàng tự tôn (tức vua Chiêu Thống) đến dặn dò việc lớn của quốc gia. Vua Lê lại gọi Công chúa Ngọc Hân đến dạy đạo làm vợ, dặn dò rất tươm tất. Kế đó Vua Lê băng ở điện Chánh Âm.

Triều đình đề nghị lập Hoàng tự tôn, sai người đến báo cho Chúa Tây Sơn biết.

Chúa Tây Sơn không thuận cho, vì lúc trước khi Công chúa Ngọc Hân về với Tây Sơn, Chúa Tây Sơn thường hỏi khắp cả về các hoàng tử có giỏi không. Công chúa mọi việc đều nói thật. Chúa Tây Sơn lại hỏi về Hoàng tự tôn nhân phẩm ra sao, thì Công chúa chưa thoát được thường tình

của phụ nữ, tự cho là anh thân hơn cháu, sợ Hoàng tự tôn đoạt mất ngôi báu của anh là Sùng Nhượng công, bèn đáp:

— Hoàng tự tôn nhân phẩm tầm thường không đủ để đương ngôi cả.

Do đó ý của Chúa Tây Sơn không thích Hoàng tự tôn, cho nên không thuận cho sứ giả trở về. Triều đình hội nghị phân vân không giải quyết được.

Bỗng có một người trong cử tọa lớn tiếng bảo:

— Hoàng tự tôn không được lập lên ngôi thì thiên hạ ắt rối loạn, họ Lê ắt phải mất, cái lỗi ấy là ở Công chúa Ngọc Hân. Công chúa thật đã làm lỡ kế hoạch lớn lao của xã tắc. Nên truất bỏ thuộc tịch của Công chúa đi, để mặc cho Công chúa về với Tây Sơn an hưởng phú quý, trong họ chúng ta không thiếu một con người ấy.

Cử tọa xem lại thì đó là Hoàng thân Vương quận công.

Công chúa cả sợ, bèn trở về xin với Chúa Tây Sơn. Chúa Tây Sơn bèn thuận cho.

Về sau Chúa Tây Sơn về Nam, lên ngôi hoàng đế, phong Công chúa làm Hữu cung Hoàng hậu. Chúa Tây Sơn cử hành lễ mừng thọ tứ tuần⁽⁴⁰⁾, Công chúa dâng bài biểu mừng rằng:

“Nay gặp khánh tiết mừng tuổi thọ của Hoàng đế, khúc nhạc Thanh thương ứng luật hợp tiết, cồn hoa đang độ. Cây ngọc đưa hương, cây bích đào dâng quả trường sinh: trắng bạc nhả ánh trong, hồ băng lại nở hoa buổi sáng. Mây mù sắc tía nồng đượm mà khuê phòng hương nức; khí lành sáng tỏ mà áo xiêm thêm màu. Kính cẩn dâng bài biểu chúc mừng. Cúi nghĩ lấy khí lành trình diễm tốt, từng bình màu sắc con phụng con lân; đầy khắp thiên hạ chiếu về cõi hư

không sao Dục sao Chấn. Điện quế truyền hương; sân tiêu trần điều mừng.

Kính nghĩ Hoàng đế Bệ hạ, tài cao thiên cổ, đức hợp với trời và đất. Cung kính thi hành sự trừng phạt của trời lớn lao chấn động vũ công, đất Tây Sơn đẹp đẽ hưng sự nghiệp đế vương; trần bày đức đẹp vào bản nhạc ca vĩ đại, ở cõi giao dã phía đông đã định xong quy mô của nước nhà. Mặt trời đỏ rạng mà nghiêm đáng tin [quẻ quan]; sao thọ tinh chiếu sáng mà thiên hạ đều cùng ngưỡng lên trông mong nương tựa [thiên Tiểu biên, phần Tiểu nhĩ trong kinh Thi] Sao Xu của Bắc đẩu điện vậy, ánh sáng nổi lên chen mừng Vạn thọ; cửa trời mây mở, sắc trong thấu triệt mặt kính ngàn thu. Bốn mùa thường điều hòa khiến cái đức của Vua đẹp như ngọc và sáng như đuốc; trong ức năm mãi vững chiếc lọ vàng.

Hạ thần đức then với thơ Quan thư, nhân ngượng với thơ Cửu mịch. Trong nội thất theo hầu kẻ cùng ngồi mặc đồ lông lầy, vái mong tính theo tuổi tiên niên kỷ khởi đầu của Bệ hạ một mùa xuân tám ngàn năm; chốn nội đình kẻ sát nghe nhạc thiều, ân cần chúc phước của quốc gia được ngàn muôn năm vô hạn”.

Lại gặp lễ tết Đoan dương, nội đình triều Tây Sơn kính dâng lên Công chúa Ngọc Hân bài biểu văn như sau:

"Nay kính gặp lễ Đoan dương. Thương ngọc lộ ánh sáng; ngọc hoàng tông lộ diềm lành. Mặt trời xoay quanh sao Đông tinh, ánh sáng mở từng bùng mặt thái dương khi chính Ngọ, sao Bắc đẩu chỉ cái cán về nam, màu sắc chói lọi sao Vụ nữ giữa trời. Cung kính việc tốt lành chung hiệp lúc mùa hương nồng, tin chắc việc vui chung nơi biệt điện.

Kính cần dâng tờ biểu chúc mừng. Cúi nghĩ cái đức đầu tiên của quẻ Khôn là sâu dày mà nâng đỡ đã làm đầu khuôn phép lễ nghi nơi khuê các; ánh trắng duyên gặp gỡ thuộc quẻ Cấu trong sáng, ngưỡng mộ phúc lành ở chốn cung đình. Hương sức nước ở đóa lan mang giắt; nỗi mừng vui tràn ngập quế cung.

Kính nghĩ Hoàng hậu Bệ hạ là ánh sáng tràn xa lá ngọc dòng dõi Hoàng gia, là chi nhánh của sông Ngân. Lúc lệnh bà vu quy, cung nhân theo thủ tục (như xâu cá) đã thuận theo pháp độ giúp Lệnh bà giặt giệm áo quần [như thiên Cát dầm ở kinh Thi], tiếng tốt đã chói lọi nét cung kính thuận hòa theo trăm cỗ xe đưa dâu; lúc gà gáy Lệnh bà ân cần giúp đỡ Hoàng đế mặc áo đêm lo việc chính. Nền tảng đầu tiên, Lệnh bà đã tán trợ binh đội một lần mặc áo giáp ra chinh chiến thì toàn thắng mà cấu tạo thành. Về tề gia trị quốc Lệnh bà chịu giúp vào việc chinh của Hoàng đế. Lệnh bà lặng nén, hòa nhã để phát huy mãi mãi cái sáng suốt tự nhiên. Thơ ngũ luật (?) hòa hợp với tiếng của vật lớn lao (?); sao Thuần thủ ứng với lúc vua làm hoàng đế mặc áo đẹp mà sáng tỏ; điều tốt lành trùng điệp kéo dài nỗi mừng của con cháu. Con cháu nhiều bậc hiền tài như trong thiên Lân chỉ của kinh Thi và đông đảo sinh lan ra như dây dưa nối tiếp mãi mãi.

Hạ thần then được liệt vào hàng hương phấn, ngưỡng mong được núp dưới bóng huyên. Trình bày thơ Hoàng hoàng giả hoa thuộc phần Tiểu nhã trong kinh Thi để khen sử thần ở triều phương bắc. Lúc trời nóng lúc trời lạnh đều chuyên cần ý tứ khi ở xa muôn dặm; xem trái đào trên tiệc của Tây Vương Mẫu, dâng lời chúc cơ nghiệp được lâu dài

phát đạt được ước năm như mặt trời đang lên (thăng) như mặt trăng lần đầy (hằng)" (I).

Lại có bài biểu rằng:

"Nay kính gặp tiết lành Đoan dương, cỏ chi dâng diễm tốt, cỏ lan nước hương trong. Cọng lau đưa hơi nóng, bộ luật ngọc trúng với chứng nghiệm của ngũ âm; hoa lựu ra bóng, lò vàng luyện thành việc hanh thông của tứ đức. Việc doanh dương lâu dài được đồng đều mà cả hoàng vũ đều vui; ánh sáng diễm lành chói lọi mà cả cung đình đều được mừng.

Kính cần dâng biểu văn mừng chúc. Cúi nghĩ lấy bút son tuyên dương điều tốt đẹp, đoan trang ngưỡng trông theo khuôn phép của ngọc hành ngọc cư; mặt trời hồng dâng điều phúc, hòa vui tăng ánh rạng rỡ của cung đền. Mùi hương sức nước chốn cung vi, nổi vui tràn nơi chốn bái (?) (I)

Kính nghĩ Hoàng hậu Bệ hạ là dòng dõi hoàng tộc (nhà Lê), âm đức cùng rạng rỡ. Đánh đàn rủ áo (?) mà trang nhã hòa mục phong hóa thanh trong. Đọc kinh Thư, khen kinh Dịch làm nền tảng cho việc đẹp để dồi dào (?); đưa mây vẩy tay áo (?) siêng cần lo tậu thành nghiệp cả. Sinh nhà Hạ, hưng nhà Chu tạo thành việc tôn kinh lớn lao. Hoa đào đang độ mở rộng lớn lao cái đạo thơm tho. Cây sắn leo quấn cùng đưa đến phúc lớn. Áo xinh ứng với thời buổi tốt mà sắc màu chói lọi, xâu bội ngọc khua lên hòa với thanh âm mở rộng lớn lao; nơi sạp tre đón chiêu theo lệnh để bày lộ diễm lành, đây thương tràn những mối dồi dào tốt đẹp.

Hạ thần lạm chịu lòng yêu thương quý báu, ngưỡng đợi việc thành toàn. Mùa thu dài trông ngóng cung vi, vẻ rạng

rõ lớn lao thật đã dựa vào đức cả: mùa hạ dài chiêm bái hội lành, an dưỡng sao đúng với lời nổi tiếng”.

Công chúa ở Phú Xuân sinh được vài đứa con trai con gái. Vừa được bảy năm thì Chúa Tây Sơn Nguyễn Huệ băng. Công chúa có soạn ra một bài văn tế bằng quốc âm (tiếng nôm) để tế Hoàng đế, trong bài ấy có nhiều câu cảnh giác, đến nay bài ấy được đọc lên còn như oán như than khiến người phải ảo não.

Xem đây có thể biết Công chúa sắc tài đều hơn. Việc trội xuất ấy rất vượt xa.

Đến khi vua Cảnh Thịnh lên ngôi, việc nước ngày một sai. Vua Cảnh Thịnh là con của Tả hoàng hậu lên ngôi trở về sau, mọi việc đều giao cho cậu là Bùi Viết Tuyên. Bùi Viết Tuyên lộng quyền, lòng dân ngày một ly tán, vừa được chín năm thì mất nước.

Dòng dõi nhà Tây Sơn đều không còn sót một ai. Công chúa Ngọc Hân vì là con của vua Lê được khỏi nạn, năm ấy đã được 32 tuổi mà nét đẹp xinh về dung sắc của Công chúa vẫn chưa hề suy giảm.

Vua Thế Tổ bốn triều nhà Nguyễn (Gia Long) để yên Công chúa Ngọc Hân ở một dịch đình (ngôi đền bên cạnh), cho người hầu hạ cung phụng. Bầy tôi của vua Gia Long có người cho rằng Công chúa Ngọc Hân là vật thừa dư của Tây Sơn mà can gián vua. Vua Gia Long bảo:

— Lành thổ và nhân dân ngày nay không có một món gì là không phải vật thừa dư của Tây Sơn, thì mới làm sao?

Về sau vua Gia Long cho Công chúa Ngọc Hân về Bắc theo quê quán của mẹ, ở Bắc Ninh cho đến lúc lâm chung.

Xét lại Công chúa lúc còn nhỏ thì làm con gái vua, lúc

trưởng thành làm hoàng hậu, kế theo hàm hoàng thái hậu, niềm vinh diệu một đời Công chúa có thể nói là cùng tột. Đến ngày xế bóng, Công chúa Ngọc Hân không khỏi lưu luyến (nơi quê mẹ), tưởng rằng Công chúa lúc ấy ẩn theo nay mà nhớ lại xưa, há chẳng áo não mà than thở cho Tạo vật đã trêu người, chẳng có việc gì là không đến được, mà phát sinh nỗi cảm khái vô biên chăng?

Nguyên âm:

NGỌC HÂN CÔNG CHÚA DẬP SỰ

Ngọc Hân công chúa nãi Hiển tông Hoàng đế đệ cửu hoàng nữ, nhi Tây Sơn Thái tổ Vũ hoàng đế chi Hữu cung hoàng hậu dã.

Hậu mẫu nãi Bắc Ninh Đông Ngàn huyện Phù Ninh xã nhân, danh Nguyễn thị Huyền, nhập thị Lê đế, dĩ Cảnh Hưng tam thập nhị niên sinh công chúa ư cung trung.

Chúa tư sắc tuyệt thế, đức hạnh câu ưu, Đế tối chung ái chi, thường viết: “Thử nữ lai nhật đương giá vi vương phi, bất đương giá dữ tâm thường phò mã”.

Cập Tây Sơn chúa đế số vạn binh bắc lai, tôn phù Lê tộc, nhân Bằng Linh hầu Nguyễn Hữu Chỉnh chi chu tuyền, kết Lê Nguyễn nhị tính chi thân, Đế nãi giá dữ Tây Sơn chúa.

Tây Sơn chúa cụ hoàng kim nhị bách lượng, thái đoạn nhị thập đoạn, trần thiết binh trượng kỳ xí, sử thị thần bổng tấu bốn nghệ Vạn thọ điện thỉnh hôn.

Đế sử hoàng tử Sùng Nhượng công tiếp thụ, cáo ư Thái miếu. Thử nhật hựu mệnh hoàng thân phi chúa chư vị dữ văn vũ chư thần các cụ xa mã hầu điện môn ngoại sĩ

tổng Công chúa quy vu Trịnh phủ, nãi Tây Sơn chúa sở trú thất chi xứ dã.

Tây Sơn chúa hựu sai quan cụ tấu bốn thỉnh nghinh hôn, sử vệ binh lập nhai cù lương biên, tự điện môn chí phủ môn, nghi vệ thậm thịnh. Kinh trung sĩ nữ quan giả như đồ, hàm dĩ vi cổ kim khoáng sự.

Công chúa chí phủ môn, Tây Sơn chúa thừa kim long kiệu xuất nghinh, nhất như gia nhân lễ.

Chúa nhập cung, Tây Sơn chúa thiết nội ngoại yến, yến chư hoàng thân phi chúa dữ văn vũ chư thần.

Yến tất, Tây Sơn chúa hựu biệt cụ bạch kim nhị bách lượng thiết tặng, tổng chí phủ môn ngoại.

Chư thần quy hội ư Lễ bộ công đường hàm viết: “Thiên tử đặc giai tế, ngã Nam quốc tùng kim hữu hôn nhân quốc”.

Công chúa thì niên phương thập lục tuế, sơ quy do hoài tu ố, ký nhi an chi, dữ Tây Sơn chúa tiến yết Thái miếu liệt tiên hoàng đế. Lễ tất liên giá nhi quy.

Tây Sơn chúa tính kiêu căng, vị Công chúa viết:

— Hoàng gia tử nữ chư vị kỷ tự Công chúa như thử vinh hoa?

Công chúa viết:

— Hoàng gia lộc giản (Lê tự Trịnh chúa xưng vương dĩ hậu chỉ trí nhất thiên xã vi hoàng gia lộc điền), chư hoàng tử nữ nhất vị thanh bản, đơn thiếp hữu phần đặc phối Lịnh công, tỷ chi vũ thủy ngọc tiết phi không kỳ đặc truy nhập lâu đài giả, thiếp chi hạnh nhĩ.

Tây Sơn chúa đại duyệt.

Cập Lê đế tạt đốc, Công chúa thỉnh Tây Sơn chúa nhập thị tạt. Tây Sơn chúa từ viết:

— Kim ngã chi ư Hoàng thượng, nghĩa đồng phụ tử, ngã thành dục cập Thượng tại thì chiêm cận thanh quang, tự kỳ luyện mộ chi tình. Đệ ngã sơ tự viễn lai, quốc nhân vị tất tận tín. Sử ngã lai nhi cung xa yển giá, vô nãi di ngã dĩ vô cùng chi báng da? Chúa đệ quy thị, đối chư huynh đệ thuyết tỷ các lượng ngã thử ý.

Chúa nãi từ quy.

Thị tịch Đế thần khí thanh sáng, triệu Hoàng tự tôn [tức Chiêu Thống đế] chúc dĩ quốc gia đại sự. Hựu triệu Công chúa giáo dĩ phụ đạo, đình ninh chu chí, tùy băng vu chính tẩm điện.

Triều nghị lập Hoàng tự tôn, sử nhân cáo ư Tây Sơn chúa.

Tây Sơn chúa bất hứa, cái tiên thị Chúa quy Tây Sơn, Tây Sơn chúa thường biến văn chư hoàng tử chi hiền phủ. Công chúa nhất nhất thực cáo. Hựu vấn Hoàng tự tôn nhân phẩm như hà?

Công chúa vị thoát phụ nữ thường tình, tự dĩ vi huynh thân ư diệt, khủng Hoàng tự tôn đoạt Sùng Nhượng công chi vị, nãi viết:

— Hoàng tự tôn nhân phẩm dung thường bất túc dĩ đương đại vị.

Do thị Tây Chúa ý bất duyệt Hoàng tự tôn, cố bất chi hứa. Sử giả hồi. Triều nghị phân phân vị quyết.

Hốt tọa trung nhất nhân đại thanh viết:

— Tự tôn bất lập, thiên hạ tất loạn, Lê thị tất vong cửu

tại Công chúa. Công chúa thực ngộ xã tắc đại kế, đương khứ kỳ thuộc tịch, nhiệm Công chúa quy Tây Sơn an hưởng phú quý, ngộ tộc trung bất pháp thử nhất nhân.

Thị chi tắc Hoàng thân Vương quận công dã.

Công chúa đại cụ, nãi quy thỉnh dữ Tây Sơn chúa. Tây chúa nãi hứa chi.

Hậu Tây Sơn chúa nam quy tức hoàng đế vị, phong Công chúa vi Hữu cung hoàng hậu.

Tây Sơn chúa cử hành Tứ tuần vạn thọ khánh tiết, Công chúa thượng biểu hạ vãn:

“Tư ngộ thiên thọ khánh tiết, thanh thương ứng luật, hôn chữ tại thì. Ngọc thụ phiêu hương, bích đào hiển trường sinh chi quả; ngân thiềm thổ diễm, băng hồ khai phục đán chi hoa. Tử ái nùng nhi khuê các đẳng phương, thủy khí sáng nhi vu huy tăng sắc. Cẩn phụng biểu xưng hạ giả Phục dĩ thủy khí trình tường, thông uất phụng lân chi thái; quang thiên xiển lãng, chiếu hồi Dục Chấn chi hư. Quế điện truyền hương; tiêu đình đặt khánh.

Khâm duy Hoàng đế Bệ hạ, tài cao thiên cổ, đức phối lưỡng nghi. Cung thiên phi chấn vũ công, Tây thổ bí hương vương chi sự nghiệp; thì hạ tử trần ý đức, đông giao hoàn định quốc chi quy mô. Xích nhật minh nhi ngưng nhược hữu phu; thọ tinh diệu nhi chiêm y cộng ngưỡng. Thần Xu điện nhiều quang phù Vạn thọ chi bối; xương hạp vãn khai dinh triệt thiên thu chi kính. Tử tự thường điều ngọc chúc, ức niên vĩnh diện kim âu.

Thần đức thiêm Quan thụ, nhân tâm Cửu mộc, trung khôn cận bồi chấn tọa, bái chiêm bát thiên xuân sơ kỷ chi

tiên trừ; nội đình mật nhĩ thiêu âm, cần chúc thiên vạn tuế
vô cương chi đỉnh tộ.

Hựu Đoan dương lệnh tiết, Tây Sơn nội đình phụng hạ
Công chúa biểu văn vân:

“Tư khâm ngô Đoan dương lệnh tiết, thương ngọc trình
huy, hoàng tông hiển thụy. Nhật triền đông tỉnh, quang khai
chính ngộ chi dương, đầu chỉ nam tiêu thái huyển trung
thiên chi vụ. Lãm phương thì chi hiệp cát, tuân cấm dịch
chi đồng hoan. Cần phụng biểu xưng hạ giả. Phục dĩ khôn
nguyên tải hậu, thức đoan khuê các chi nghi hình; cấu
nguyệt trường hi, cảnh ngưỡng cung đình chi lý chỉ. Hương
nùng lan bội, hỷ dật quế cung.

Khâm duy Hoàng hậu Bệ hạ, ngọc diệp hưu huy, ngân
hoàng diễn phái. Ngự quán thuận chương hoãn phục, ý vấn
chiêu bách lưỡng chi túc ung; kê minh cần tước tiêu cầu,
sơ cơ tán nhất nhung chi đế tạo. Tề trị doãn tỳ thánh chính,
trung hòa trường phát thiên quang. Ngộ luật hài phụ vật chi
âm, thuần thủ ứng chấn cầm nhi xán lạn; thân hưu diễn dụ
côn chi khánh, lân chỉ đồng qua diệt dĩ diên miên.

Thần thiểm liệt hương hàng, ngưỡng mông huyền ấm.
Phú Hoàng hoa ư bắc khuyết, ôn thanh cần vạn lý chi tư;
chiêm đào thực ư tây diên, thăng hằng hiển ức niên chi
chúc.

Hựu nhất chiếp vân:

“Tư khâm ngô Đoan dương lệnh tiết, chi trình thượng
thụy, lan xuất thanh hương. Gia quân lưu viêm, ngọc luật
trúng ngũ âm chi trường; lựu hoa đỉnh tú, kim lô đào tứ đức
chi hanh. Trường dưỡng quân nhi hoàng vũ đồng hoan;
tường quan xán nhi đình giai hiệp khánh. Cần phụng biểu

xương hạ giả. Phục dĩ đồng quản tuyên huy, đoan trang ngưỡng hành cư chi phạm; chu minh tiến chỉ, hòa khản tăng cung các chi huy. Phúc tập khôn vi, hoan dâng chấn.

Khâm duy Hoàng hậu Bệ hạ, thiên hoàng diễn nhuận, nguyệt đức tề quang, cầm y nhĩ mục thanh phong, tuyên thư mỳ Dịch cơ chi ý thướt; my tự cần tương đại nghiệp, văn hạ hưng Chu tạo chi sùng hồng. Nghi đào phi viễn phượng du, vinh cát lũy trấn cảnh giả. Du y ứng giai thì nhi diệu thái, minh bội hòa giải phụ chi thanh; trúc tháp nghinh thuận lệnh dĩ trình tường, doanh thắng diễn phiên xương chi tự.

Thần lạm thao chu ái, ngưỡng hạ ngọc thành. Trường thu dao vọng thần vi, quang đại thực tư ư chí đức; vĩnh hạ bái chiêm giai hội, tuy tương hạt chỉnh ư danh ngôn”.

Công chúa tại Phú-xuân sinh tử nữ số nhân tài cập thất niên nhi Tây Sơn chúa băng. Công chúa hữu soạn quốc âm văn nhất thiên dĩ tế chi, trung đa cảnh cú, hất kim độc chi do như oán như tố, lĩnh nhân vi chi trưởng nhiên.

Quan thử khả tri Công chúa sắc tài kiêm ưu, kỳ xuất chúng giả viễn hĩ.

Cập Cảnh thịnh đế tức vị, quốc sự nhật phi. Đế dĩ Tả hậu chi tử tức vị dĩ hậu, sự sự giai ủy chi cứu thị Bùi Viết Tuyên. Viết Tuyên lộng quyền, sân tâm nhật ly, tài cập cửu niên nhi quốc vong.

Tây Sơn chủng tộc toại vô kết di. Công chúa dĩ Lê đế chi nữ đắc miễn ư nạn, thì niên dĩ đạt tam thập nhị tuế, nhiên tư sắc chi mỹ vị thường thiếu giảm.

Bốn triều Thế tổ hoàng đế hựu trí chi dịch đình, sử cung thị phụng. Quần thần hoặc dĩ vi Chúa nãi Tây Sơn chi dư vật nhi gián chi. Đế viết:

— Kim chi thổ địa nhân dân vô nhất nhi phi Tây Sơn dư vật, tắc tương nại chi hà?

Hậu hứa Bắc quy từng mẫu thị hương quán trú ư Bắc ninh nhi chung yên.

Khảo Chúa thiếu tắc vi hoàng nữ, trưởng tắc vi hoàng hậu, kế vị hoàng thái hậu. Kỳ nhất sinh chi vinh diệu khả vị cực hỉ. Cập kỳ văn niên bất miễn ư lưu lạc, tướng Chúa ư thử thì phủ kim tư tích, xúc cảnh hưng hoài, ninh bất trưởng nhiên thần Tạo vật chi lộng nhân, mỹ sở bất chí, nhi sinh vô cùng chi cảm khái tai!

BÀI CHIẾU CỦA QUANG TRUNG HOÀNG ĐẾ LÊN NGÔI.

(Nam phong Tạp chí, số 111, phụ trương phần Hán văn, 1926)

Trẫm nghĩ: Năm bậc đế⁽¹⁾ đời thượng cổ đã thay họ nối nhau mà nhận mệnh trời, ba bậc vương⁽²⁾ đã thừa thời mà mở vận, đạo có biến đổi, thời có biến thông. Thánh nhân vâng theo đạo trời mà trị nước thương dân, nghĩa lý chỉ có một.

Nước Việt ta từ nhà Đinh nhà Lê nhà Lý nhà Trần bắt đầu dựng nước cho đến nay, những tạo tác sáng suốt những chấn hưng rạng rỡ không phải chỉ có một họ làm nên, mà vận kỳ suy phế, hưng thịnh, dài ngắn thật đã do trời ban cho, không phải người có thể làm nên được.

Ngày trước nhà Lê mất quyền bính, họ Trịnh và họ Nguyễn cũ phân chia bờ cõi, hơn hai trăm năm, mỗi giềng rối loạn, nhà vua chỉ giữ ngôi vị suông, tư gia tự mình gom thu tiền của mà vun bồi riêng, nghĩa lý chính đáng của trời

đất một khi đã đổ nát thì không chấn hưng lên được, chưa từng có thậm tệ hơn lúc bây giờ. Thêm vào buổi gần đây trở về sau, Nam Bắc giao tranh đánh nhau, nhân dân rơi vào vòng đồ thần.

Trẫm là người áo vải ở Tây Sơn không có nương tựa vào một thước đất nào, mới đầu không có chí làm vua đi xe lợp mui vàng. Nhưng vì lòng người chán ghét rối loạn muốn được một bậc vua sáng suốt cứu thế an dân, do đó Trẫm mới tập hợp nghĩa quân, lam lũ khai thác núi rừng, giúp đỡ vua anh, dong ruổi binh mã bắt đầu dựng nước ở đất Tây Sơn, phía nam dẹp yên nước Xiêm La nước Cao Miên, lại khắc phục được thành Phú Xuân, lấy kinh đô Thăng Long, vốn muốn quét sạch loạn lạc, cứu dân trong cơn nước lửa, rồi sau trả nước cho dân nhà Lê, trả đất cho anh ta, tiêu dao ngao du với quần thêu giày đỏ [như Chu công Đán], đi dạo xem những chỗ vui thích của hai đất ấy mà thôi. Nhưng cố sự trên đời nối nhau thay đổi mà Trẫm không được như chí nguyện.

Trẫm đã gây dựng lại họ Lê. Vua Lê nối ngôi không giữ được xã tắc, bỏ nước chạy đi trốn tránh. Sĩ dân Bắc Hà không vì tông thất nhà Lê mà quy phục, lại chỉ cậy nhờ vào một mình Trẫm. Anh ta vì nghĩa đã mỗi mệ về chuyên cần, chỉ muốn lấy một phủ Quy Nhơn giáng xưng là Tây vương.

Đất mấy ngàn dặm cõi phương nam đều thuộc về Trẫm cả. Trẫm tự nghĩ tài sơ đức bạc không kịp người xưa, nhưng mà đất đai rộng như thế, nhân dân đông như thế, xét suy ngẫm nghĩ việc thống trị thật khiếp lắm như dây mục mà gò cương sáu ngựa [chữ ở thiên *Ngũ tử chi ca*

trong kinh *Thư*). Nhưng các tướng sĩ văn vũ, các bề tôi trong và ngoài đều mong Trẫm sớm chính danh hiệu ngôi trời để ràng buộc lòng người, họ dâng biểu chương khuyến tiến đến đôi ba lần, họ dùng biểu vàng suy tôn, họ không mưu tính với nhau mà cùng đồng một lời.

Này, vì ngôi báu (thần khí) là rất trọng, ngôi trời là gian nan, Trẫm thành thật suy lự không thể kham nổi, nhưng mà nhân dân hằng ức triệu khắp trong bốn biển đều vây quanh quy thuộc vào một mình Trẫm. Đó là ý của Trời, há là việc của người hay sao? Trẫm ứng theo ý Trời, thuận theo lòng người, không thể cố chấp mà từ khước được, lấy ngày 22 tháng 11 năm nay lên ngôi thiên tử, cải nguyên làm Quang Trung năm đầu.

Muôn dân trăm họ các người, lời phô trần làm chuẩn tắc của thiên tử ban dạy ra để thi hành, nhân nghĩa trung chính là đầu mối lớn lao của đạo làm người.

Trẫm nay cùng nhân dân hãy đổi mới, vâng theo mưu chước sáng suốt của các vua trước để cai trị và dạy dỗ thiên hạ.

* Các xứ địa phương của mười ba đạo, vụ mùa đông năm nay được tha thuế má dao dịch năm phần mười [50%], còn những ai bị nạn binh lửa điêu tàn hãy phân trần cho quan biết để khám xét rõ ngay thật thì được tha thuế má hoàn toàn.

* Các thần dân của triều trước theo việc mà bị tội lụy đã bị xử án nặng nề, trừ những tội đại nghịch tội bất đạo ra, kỳ dư đều được khoan hồng xá tội hết.

* Các dân từ thờ các thần nhảm nhí [miếu thờ bậy bạ] đều bị truất bỏ ở tự điển [bộ sổ ghi việc thờ cúng]. Những

bạc tôi trung con hiếu vợ nghĩa đã được các triều trước tặng phong khen thưởng đều được ban ơn đẳng trật [lên hạng].

* Các quan viên văn vũ hoặc do chạy theo vua Lê trốn tránh đều được phép trở về nguyên quán, ai không muốn làm quan thì được tự do làm theo chí nguyện của mình.

* Áo quần của dân gian ở Nam Hà và Bắc Hà đều được cho theo tục lệ, chỉ có áo mào triều đình đều phải tuân theo thể chế mới.

Ô hô! Trời giúp hạ dân dựng nên bậc vua bậc thầy, vì những bậc ấy giúp đỡ Thượng đế thương mến định yên bốn phương. Trẫm có được thiên hạ sẽ cùng đi với thiên hạ trên con đường lớn lao, sẽ đưa thiên hạ vào đời thịnh trị. Thần dân các ngươi mỗi người hãy yên vui với chức nghiệp của mình, chớ đập lên hành vi trái phép thường. Người làm quan phải chấn hưng phong hóa cho đẹp đẽ. Kẻ làm dân phải vun bồi tục lệ cho dịu hòa.

Chính trị và giáo hóa đều phấn khởi thi hành mà bước lên cái thế thuận hòa để văn hồi cái thời thịnh trị của Ngũ đế Tam vương, để kéo dài vẻ đẹp lành của tông miếu xã tắc đến vô cùng vô tận. Xem đấy chẳng là vĩ đại hay sao?

NGUYỄN ÂM

QUANG TRUNG HOÀNG ĐẾ TỨC VỊ CHIẾU

Trẫm duy: Ngũ đế dịch tính nhi thu mệnh, Tam vương thừa thì nhi khải vận, đạo hữu thiên cách, thì duy biến thông. Thánh nhân phụng nhược thiên đạo dĩ quân quốc tử dân, kỳ nghĩa nhất dã.

Ngã Việt tự Đinh Lê Lý Trần triệu kiến hữu quốc dĩ chí vu kim thánh tác minh hưng bất thị nhất tính, nhiên nhi

phế hưng tu đoản kỳ vận thực thiên sở thụ phi phù nhân chi sở năng vi dã.

Hướng giả Lê gia thất bính, Trịnh thị dữ cựu Nguyễn phân cương, nhị bách dư niên cương thù vận loạn, cộng chủ đồ ủng hư khí, tư gia tự tư phong thực, thiên kinh địa duy nhất truy nhi bất chấn, vị hữu thậm ư thử thì dã. Gia chi cận thì dĩ lai nam bắc cầu bình, dân trụ đồ thán.

Trẫm dĩ Tây-sơn bố y bất giai xích thổ, sơ vô hoàng ôc chi chí, nhân nhân tâm yếu loạn dục đắc minh chủ dĩ tế thế an dân, ư thị tập hợp nghĩa lữ, lam lũ dĩ khai sơn lâm, tả hữu Hoàng Đại huynh trì khu nhung mã, triệu ngã bang vu Tây thổ, nam định Xiêm La Cao Miên chi thuộc, toại khắc Phú Xuân, thủ Thăng Long, bốn dục tảo trừ loạn lược, chứng dân ư thủy hỏa chi trung, nhiên hậu hoàn quốc Lê dân, quy địa Đại uynh, tiêu dao tú thưởng xích tích chi du, quan lưỡng địa chi hoan ngu. Nhi thế cố suy di bất đắc như kỳ chí.

Trẫm tái thực Lê thị. Lê tự quân thất thủ xã tắc khứ quốc bốn vong, Bắc Hà sĩ dân bất dĩ Lê chi tông tính vi quy, ề Trẫm thị lại. Đại huynh nghĩa quyện vu cần, nguyện thủ Quy Nhơn nhất phủ giáng xưng Tây vương.

Nam phục số thiên lý chi địa tận thuộc vu Trẫm. Trẫm tự duy tài lương đức bạc bất dĩ dĩ cổ nhân, nhi thổ địa như thử kỳ quảng, nhân dân như thử kỳ chúng, tinh tư thống nhiếp lắm hồ nhược hủ tác chi ngự lục mã. Nãi chư văn vũ tướng sĩ, nội ngoại thần liêu hàm nguyện Trẫm tảo chính vị hiệu dĩ hệ thuộc nhân tâm thượng chương khuyến tiến chí vu tái tam, kim biểu suy tôn bất mưu đồng từ.

Phù dĩ thần khí chi trọng, thiên vị duy gian, Trẫm thành

lự bất năng kham, nhi tử hải ức triệu hoàn quy vu Trẫm nhất nhân. Tư nãi thiên ý phù khỉ nhân sự? Trẫm ừng thiên thuận nhân bất khả lao chấp tổn nhượng, dĩ kim niên thập nhất nguyệt nhị thập nhất tức thiên tử vị, cải nguyên Quang Trung nguyên niên.

Tư nhĩ bách tính vạn dân duy hoàng cực chi phu ngôn thị huấn thị hành, nhân nghĩa trung chính, nhân đạo chi đại đoan.

Trẫm kim dữ dân cánh thủy phụng tiền thánh chi minh mô dĩ trị giáo thiên hạ.

** Nhất, thập tam đạo các xứ địa phương kim niên đông vụ tô dung điều xá thập phân chi ngũ. Kỳ kinh bị binh hỏa điều tàn thính phân tri quan khám thực tận hành quyền miễn.*

** Nhất, cựu triều thần dân hoặc duyên sự điểm lụy kinh bị trọng luận, trừ đại nghịch bất đạo đẳng tội, kỳ dư nhất giai khoan xá.*

** Nhất, bách thần dân tử các khứ tự điển. Kỳ trung thần hiếu tử nghĩa phụ kinh lũy triều bao phong giả tịnh tử đẳng trật.*

** Nhất, cựu triều văn vũ viên biên hoặc do tòng vong đào tỵ tịnh thính hồi hương quán. Kỳ bất nguyện sĩ tiến giả thính hành sở chí.*

** Nhất, Nam Hà Bắc Hà dân gian y phục tịnh hủa tòng tục, duy triều y triều quan nhất tuân tân chế.*

Ô hô! Thiên hữu hạ dân, tác chi quân tác chi sư, duy kỳ khắc tướng Thượng đế sùng tuy tử phượng. Trẫm phủ hữu thiên hạ tương dữ giai chi đại đạo, nạp chi xuân đài. Nhĩ

thần thủ các an chúc nghiệp vô đạo phỉ di. Hữu quan giả hưng tế tế chi phong. Vi manh giả hựu hi hi chi tục.

Trị giáo hưng hành tề vu chí thuận, dĩ văn Ngũ đế Tam vương chi thịnh, diễn tống xã vô cương chi hựu. Cố bất vĩ tai?

BÀI BIỂU VĂN XIN NGỰA CỦA VUA QUANG TRUNG

(Nam Phong Tạp chí, số 177. Phụ trương bằng Hán văn, 1932, tr. 20) Thần trong mùa thu năm canh tuất [1790] đến kinh đô nội địa [Tàu] chiêm càn đã kính cẩn nhận được ngựa tốt ở tào ngựa của thiên tử ban cho. Thần đã kính cẩn lãnh ngựa ấy đem về nước. Ngựa đi bước cao và nhanh nhẹn, tính lại nhu hòa, thật là sản phẩm tốt đẹp của đất Ký Bắc của Trung quốc. Dọc theo đường về không quen nước cỏ ngựa ấy vấp ngã, thần rất ân hận thương tiếc, tuy muốn bỏ vàng ra tìm mua, nhưng nước của thần không phải nơi sản xuất ngựa, huống chi thủ ngựa nhanh như đuổi theo gió lướt theo điện ấy, nếu không sản xuất ở đất Hằng Bắc thì lại là thủ ngựa tồi đã thuần tính.

Thần ngưỡng đội ơn của Hoàng đế ban cho lãnh thổ ở phương nam, đã bon chạy ra biên ải, dám bỏ trống chức phận thường giữ gìn đất nước đi đến triều đình của Hoàng đế lại còn được nhiều ngày châu thiên tử, may mắn được nhờ tựa thanh thế uy linh của Bệ hạ mà trong nước được lặng yên. Chiêm ngưỡng cái đức của Phật đã giác ngộ chúng sinh như mặt trời đã xóa tan bóng tối ở vị Vô lượng thọ Phật nơi nước Cực lạc, lấy cái pháp lực đầy nhiệt năng hăng hái để tu hành mà cảnh tỉnh, nhất thiết đều đem đến đầu phục Bệ hạ.

Bạc thiên tử sáng suốt, tuổi thọ muôn năm, không ai là chẳng đến nộp cống, không ai là chẳng đến châu hầu [chữ ở thiên *Ấn vũ* thuộc phần Thương tụng trong kinh *Thi*]. Chư hầu nhu thuận tiến lên châu thiên tử, được thiên tử khen tặng ban cho xe và ngựa rất nhiều [chữ ở quẻ *Tấn* trong kinh *Dịch*], cho tươm tười xuống ơn mưa dầu ở Trạch cung [chỗ thi bắn để thiên tử chọn chư hầu phong tước và ban đất], cho trâu ngựa phần đất của chư hầu đi châu thiên tử.

Thần đã châu ngôi vị Hoàng đế [như các tinh tú xoay quanh sao Bắc thần], tinh thần đã hướng về triều cận mà được vinh quang, tự nghĩ ở bờ biển Phù Nam, núi sông cách trở, may mắn được việc ban cho hùng tráng ở đất phương nam, đi xe ngựa rầm rộ của chư hầu phương đông đến châu thiên tử [chữ ở thiên *Khang vương chi cáo* trong kinh *Thư*], thường gõ cửa trời theo hầu xa giá [như mặt trời di chuyển tựa rong xe]. Thần thành thật không xiết ao ước lớn lao mới dám không liệu lường nổi quấy rầy hỏi xin lượng riêng sâu rộng, cúi mong lòng từ của Bệ hạ, ơn rộng thấm nhuần nồng hậu tha thứ cho cái tội mạo muội cầu xin càn rỡ mà ban cho thứ ngựa tốt phi thường.

Thần thi hành mãi cái đạo ngay chính thuận tòng của quẻ *Khôn*, lấy mãi cái đức tính cường kiện mạnh mẽ của quẻ *Kiến*, khôn xiết chiêm ngưỡng trông ngóng vô cùng.

CHÚ THÍCH:

(1) Trong bài biểu lăm điển tích tra mãi không ra, xin so hai về đối mà tạm dịch.

(I) [...] ghi chú của dịch giả.

(1) Ngũ đế: 1. - Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Thiệu Hạo,

318 *tạ quang phát*

Chuyên Húc. 2.- Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Cốc, Đường Nghiêu, Ngụ Thuấn.

(2) Tam vương: Hạ Vũ, Thương Than, Chu Văn vương.

dân đại việt ở cuối thế kỷ XVIII

tạ chí đại trường

Trên con đường phát triển của đôi bên Tây Sơn và Nguyễn, dần dần đưa đến chỗ biến đổi thế quân bình có lợi cho Gia Định, chúng ta đã phân tích ảnh hưởng bên ngoài cùng thái độ, công việc của bọn cầm quyền. Nhưng ta cũng không quên rằng thấp thoáng sau những sự kiện chứng dẫn vẫn có bóng quyền uy, mờ hời nước mắt của đám dân chúng đã đưa Quang Trung đến trận Đống Đa, mời gọi Nguyễn Ánh về Gia Định, nghĩa là thúc đẩy lịch sử đi theo bước tiến của nó mà chính họ, họ cũng không hay biết gì. Trước khi bước gấp tới để nhìn đôi bên thanh toán nhau, chúng ta hãy dừng lại sống cuộc sống

không tên tuổi của người xưa vào thời đó qua những tài liệu quá hiếm hoi, quá vắn tắt đã kể lại.

Bản đồ nhân chủng Đại Việt vào hậu bán thế kỷ XVIII có khác với bây giờ, nhất là ở miền Nam Hà. Trên con đường tràn về Nam, đám nông dân đồng bằng tiếp xúc với những nhóm thiểu số hoặc từ đời nào vẫn có cuộc sống bộ lạc, dời đổi, như các sắc dân phía Tây, hoặc đã từng là phần tử của những quốc gia hào hùng trong quá khứ như Chiêm Thành, Chân Lạp, hoặc là những kẻ từ phương xa đến, những con chim đi tìm đất lành như Xiêm, Trung Hoa... Chúng ta đã thấy sức mạnh của Nam Hà dựa trên sự kết hợp này như thế nào rồi. Tuy nhiên các phần tử không phải đã được thuần hóa, cũng như ở Bắc Hà, tuy nơi này trình độ hòa hợp đã cao hơn. Các nhóm sẽ hướng về trung ương mà lần lần biến đổi.

Trước nhất là dân Chiêm Thành. Khoảng 1773, chúng ta đã gặp họ tụ đoàn xa nhất về hướng Bắc là Thạch thành ở Phú yên. Nữ chúa Thị Hỏa của họ đã hưởng ứng với Tây Sơn và bị Tổng Phúc Hợp giết. Nhóm thứ hai quan trọng hơn, ở Bình Thuận, được Nguyễn đặt riêng là Thuận thành trấn, từ Kế bá tử đến chương cơ Tá vẫn thế tập kế truyền.

Từ năm 1782, Tây Sơn vào, Tá đem vàng bạc ra hàng. Từ 1788, Nguyễn Ánh về, Tá đem quân lên núi giết quân Ánh, biến thành một tiền đồn quan trọng của Tây Sơn. Khi quân Nguyễn ra đến Phan Rí, Nguyễn Văn Hào dẫn bắt giết Tá. Từ đó hết vương hiệu. Ánh phong cho Nguyễn Văn Chiêu làm Chương cơ, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Văn Chấn làm Cai cơ coi trấn Thuận Thành. Các tên đó

vốn là Nguyễn hóa rồi chữ thật ra Chiêu tên Môn Lai Phù Tử, Hào tên Thôn Ba Hú, Chấn tên Bộ Kha Đáo. Sau Chiêu được phong Tán lý theo quân Nguyễn Ánh đánh giặc trở thành một viên quan triều trong khi Hào lên thế coi 3 sóc Chũ trực trà dương, Tiểu trà dương và Đại trà dương có Chấn phụ tá, đều thuộc về doanh Bình Thuận. Sau đó vào đầu 1793, lại thêm hai sóc nữa về hàng là Phố châm và Ba phủ.

Nguyễn Ánh lo tổ chức cai trị trấn Thuận Thành. Đặt lịch sử ty 10 người coi xét công việc trong trấn. Sưu dịch mà họ phải làm ngoài binh vụ là bắt voi nạp, lập An tượng cơ dạy cho voi cho thuần để dùng trong chiến tranh. Thuế mà Gia Định đánh vào họ là thuế trầm hương, kỳ nam, thuế lúa thay tiền nạp. Ruộng ở đó thường bị khô cháy không cây cấy nên được miễn thuế. Ruộng Trà Nương ở xứ Long Hương, Phan Rí, Phố Hải, là lộc ăn của vua Chăm cũng theo quy chế trên nghĩa là chỉ chịu thuế những khoảng nào có người cấy thôi.

Như vậy là theo với thời gian, người Chăm dần dần tham gia mạnh vào biến loạn. Họ được tổ chức hơn nhưng cũng bị sách nhiễu nhiều hơn nhu cầu của chiến tranh. Các trận chiến lồi qua kéo lại vùng Bình Thuận khiến họ phải kéo nhau hơn 36 sóc xuống phương Nam ở vùng Đồng Môn, Phước Hưng, La Bôn (?) yên ổn hơn và xin phụ vào dinh trấn biên. Thêm vào đó là việc người việc phân ruộng họ không ranh giới nhất định nên hoặc vô tình đến khai phá, hoặc có ý xâm chiếm sinh kiện tụng dây dưa. Cho nên họ làm loạn suốt trong mấy năm 1796, 97, 98, 99 đến nỗi Nguyễn Văn Thành phải tâu lên “Ba phủ là mối lo bên

trong của ta". Chính loạn Ba phủ, lúc dừng lúc phát, khi lẩn tránh trong rừng sâu, khi tràn xuống cướp phá, đã làm ngăn trở ít nhiều cuộc tiến quân ra Bắc⁽¹⁾ khiến cho những năm này chiến tranh không dữ dội như những năm sau đó.

Nguyễn Ánh có lần đã biết phân biệt người Chăm và người Mọi nên mới sai Tán lý Chiêu đi làm sổ bộ để xem sách man nào của Thuận Thành, sách man nào của các đạo thì tách riêng ra⁽²⁾. Sóc Ba phủ dữ dội chiến đấu dai dẳng, có tính cách rừng rú hơn đám dân Chăm ở đồng bằng, dễ tan rã hơn mỗi khi nổi dậy. Cho nên có thể họ là người Mọi và đám dân thiểu số miền Tây lúc này tỏ ra họ đã tiếp tục tham gia vào biến cuộc, trong sự phát triển của Đại Việt.

Một điều đáng chú ý là sự quy phục càng ngày càng đông của những người này về phía Gia Định. Rải rác đây đó, Thực Lục ghi việc thành 4 ăl 1791, Mọi Bình Khang đánh Tây Sơn, việc Ánh kêu gọi các tù trưởng Phổ Châm, Ba Phủ vỗ về bọn Mọi hàng để ngăn giặc, việc mọi Đồng Hương ở Bình Khang (1713), Thủy Xá ở Phú Yên (1794) ra hàng được cấp vải vóc tiền tiền bạc...⁽³⁾.

Các việc này cũng như việc Hà Công Thái tù trưởng Mường ở Thanh Hóa đưa thư vào Gia Định xin đánh giặc chứng tỏ thái độ bất phục của đám dân phía Tây với Tây Sơn. Hành động này có thể vì uy danh Nguyễn Ánh lan rộng ra, nhưng đằng khác cũng bắt nguồn từ việc Tây Sơn không có đủ để trao đổi với họ gạo lúa, vải vóc, sắt đồng... nghĩa là những thứ họ cần dùng, trong khi Gia Định rộng rãi hơn.

Xa nữa về phía nam, cũng có những vấn đề phức tạp về chủng tộc phải đặt ra. Ở đây, sử quan gọi người Việt là

Hán nhân, người Tàu đến ở là Thanh nhân, Đường nhân tân cựu, người Miên là Lạp dân hay Phiên dân. Chính sách tự trị, phân biệt, được thực hiện trong một chừng mực có lợi cho quốc gia. Một người Thanh là Chương cơ tên Trần Công Dẫn được phái trông coi làm sổ bộ cho các người tân cựu Đường nhân, các tỉnh kể cả binh lính. Có lẽ Lư Việt Quan làm Tổng phủ phủ Trà Vinh coi Đường nhân, trưng thu quân thuế, là một người Tàu. Cũng có lẽ người Tàu là Tường Vinh Quan là Đồng khẩu coi ruộng muối, Lâm Ngũ Quan làm Tổng Thủ Ba Thắc coi sóc người Miên.

Nhưng quyền bính trên cao ở Ba Thắc thì có bề ngoài chuyển về tay người Miên: tháng 1 âm (1791), Ốc Nha La làm An phủ ở đây, trông coi các Phiên Liêu bộ lạc⁽⁴⁾. Chính sách tự trị một phần này là kết quả của những bước dò dẫm. Ban đầu dẹp xong Phạm Văn Tham, giết được Ốc Nha Ốc, Ánh cũng không cai trị trực tiếp họ được nên phải để cho một viên “Phiên liêu về hàng” là Gia Tri Giáp coi phủ Ba Thắc. Triều đình trông chừng bằng cách lập phủ Trấn Di kèm chế.

Thế nhưng chính sách tự trị rộng rãi này lại không được hiệu quả. Gia Tri Giáp về Nam Vang thì viên tù trưởng mới lại đánh phá lũy Trấn Di khiến Tôn Thất Hội, Nguyễn Văn Trương phải đến thay thế Trương Phúc Khoa mới dẹp yên được. Số lượng quân chinh phạt lên đến 8.000 người và kết quả là đồng ruộng bị đốt cháy, bọn nổi loạn bị giết chết không có Bá Đa Lộc kịp thời can thiệp⁽⁵⁾. Nguyễn Ánh rút bớt quyền các tù trưởng, chỉ để bọn Ốc Nha Kê, Ốc Nha Nhâm Lịch dưới quyền đạo Trấn Di, đi thu mỗi lợi lớn là thuế hoa chi của bọn Đường nhân, còn

các chức việc Miên (Phiên liêu) thì dưới quyền một An Phủ người Miên như đã thấy.

Việc Ba Thắc lòi thôi cũng vì Chiêu Thùy Biện, viên phụ chính ở Nam Vang. Ông này luôn luôn tìm cách gây hiềm khích giữa Gia Định và Vọng Các bằng cách báo rằng Nguyễn Ánh đúc súng đạn để xâm chiếm Xiêm, khiến Ánh phải sai sứ sang phân trần. Việc Biện muốn chiếm lại Ba Thắc có lúc đã được Rama I nghe theo nên khiến sứ qua Gia Định điều đình về việc đó. Nhân tiện muốn lan rộng ảnh hưởng đến vùng Hà Tiên bằng cách xin cho Mạch Công Bích giữ Long Xuyên, Kiên Giang. Ánh từ chối khéo “vì cơ Chiêu Thùy Biện, chứ riêng người Xiêm thì đâu có tiếc!” Cho đến tháng 9 âl (1794) Biện phải chạy về giữ Battambang. Gia Định nhân đó đòi Nặc Ấn từ lâu ở Xiêm, Nguyễn Ánh mới thoát được một kẻ làm rầy rà nhất là khi thực lực của ông đã lớn mạnh hẳn⁽⁶⁾. Người Việt tới, người Miên cũng không tránh khỏi nạn bị giành đất. Nguyễn Ánh phải ra sắc bắt dân chúng phạm xứ nào ruộng đất canh tác thành ruộng rồi thì trông coi, dư ra đem chia đều mà không được tranh tụng gì cả. Còn người Tàu ngụ cư như có đất hoang có chứng quan cho khai phá thì được cấp làm.

Phân định rõ ràng quyền lợi, người Miên trở thành một phần tử trong quốc gia. Cho nên Nguyễn Ánh cũng không quên nguồn nhân lực này. Ta đã nói tới đội binh Miên của Nguyễn Văn Tồn người mố làng (dịch đình nô) sau này vào năm 1795 cùng với 1.600 binh chánh phó trưởng chi Miên binh ở Tiền Du Đạo (Mang Thít) Ốc Nha Diệp, Ốc Nha Oa đi trấn ở Bà Rịa⁽⁷⁾. Chúng ta cũng biết

đến đoàn quân Miên 5.000 người cùng 10 voi do Caolahsâm có mặt ở Qui Nhơn trong trận phá vây cho Võ Tánh. Tất cả vừa đủ để chứng tỏ sự tham gia của họ vào chiến tranh. Điều đáng lưu ý là theo với thời gian, lối sinh sống của họ cũng như những đám thiểu số khác dần dần Việt hóa đi. Lịch sử Đại Việt có họ thêm dồi dào, phức tạp, thêm yếu tố thúc đẩy năng lực tiến thủ, cần thiết cho bất cứ một tập thể nào muốn sinh tồn và đã lớn mạnh.

Những sự kiện chứng dẫn trên nhìn xét trong giao tiếp từng khối người, trên bình diện chính trị quốc gia, không làm cho chúng ta quên người dân sinh hoạt trong hằng ngày. Thực ra, chúng ta còn thấy họ, khi chúng ta về thăm lại những làng, sóc miền quê, nhìn lại xung quanh ta. Điều ấy xác quyết được vì sự tiến bộ khi bao hàm đổi thay cũng có ý nghĩa là cái gì được giữ lại. Tuy nhiên, không vì lẽ đó mà chúng ta lẫn lộn hiện tại với quá khứ, nhất là khi quá khứ có chứng tỏ đã quan sát vào lúc đương thời của nó.

Sinh hoạt thường ngày⁽⁸⁾ khác nhau tùy theo cách khai thác sản vật. Trên miền núi hay bìa rừng người ta sống với một lề lối lượm hái sản bắn có khi được tổ chức khá cao. Ở Nghệ An dân tổng Hữu Đạo, huyện Thượng Du phải đi lấy vỏ quế và sáp ong vàng để thượng tiến⁽⁹⁾. Việc lấy sáp vàng thấy có khắp nơi trên đất Việt (Hoàng Lạp nậu của Gia Định) nhưng quế là đặc biệt ở vùng Thanh Nghệ, Quảng cũng như trầm hương kỳ nam thấy nhiều ở phía Nam, nghề nghiệp của dân mọi Bình Khang, dân Chăm... Dân mọi len lỏi hái trầu chuyển qua các nguồn. Trầu này lá to, đậm vị, trồng ở vườn nên được ưa chuộng hơn. Ngoài ra ngà voi, rừng tê là những sản phẩm có danh ngoài xứ.

Người dân miền núi dữ dằn, đen điu thì người dân đồng bằng vẻ mặt trông nhẹ nhõm hơn, nước da ít sạm hơn, lễ phép, đáng yêu, lành và giản dị. Người nông phu, theo nhận xét của người ngoại quốc, có dáng lạnh lẽ và thông minh. Đàn bà nhiều hơn đàn ông và cũng làm việc đồng áng nhiều hơn. Ruộng thì có ruộng núi nhờ nước trời mưa và ruộng đồng.

Ở vùng quê Quảng Nam ruộng cắt thành từng mảnh giữa những lối đi nhỏ. Các rạch dẫn nước từ sông vào. Ruộng nào nước không tới thì người ta tưới bằng vò. Tuy nhiên có hệ thống dẫn thủy nhập điền được trông nom chu đáo bằng những công cụ khá tinh xảo như các xe nước ở bắc Bình Định và Quảng Ngãi. Người ta cày với hai con trâu kéo. Cái cày toàn bằng gỗ Thực Lục có dẫn việc cấp ngư canh điền khí cho những người ở đồn điền trại, việc trâu bò của Kiến Hòa phải chết dịch nhiều.

Người dân chài có khi sống cả năm trên các ghe mui cong. Muốn cho những đứa bé, nếu rủi có rớt xuống nước khỏi chết trôi, người ta cột vào cổ chúng những cái phao to. Các ghe giản dị nhất thì bằng tre đan rồi quét vôi lên. Nhưng cũng có thuyền gỗ thường dùng làm bằng năm tấm ván ghép chung với nhau, không cần sườn nâng đỡ. Chúng được uốn cong bằng lửa rồi nối bằng các cột nhỏ và tre chẻ nhỏ làm dây lạt cột. Chính dân chài tự đóng thuyền lấy và họ sử dụng nhiều đến các ngón chân phụ giúp các bàn tay khiến chúng cứng khều như bàn chân vậy.

Việc buôn bán những thổ sản đối với các nghề nông, chài thật đã đem lại nhiều mối lợi lớn. Chúng ta đã thấy Nguyễn Nhạc buôn trâu (hiểu với nghĩa buôn qua các

nguồn: lâm sản đi xuống, cá muối, kim khí đi lên) nên “nhà khá giả”. Chúng ta cũng biết đến đám các lái vận chuyển bằng ghe thuyền ở Bắc Hà, đồng bạn với thân sinh Nguyễn Hữu Chinh. Xứ Đồng Nai dưới quyền Nguyễn Ánh, việc mua bán phát đạt đến nỗi, sứ bộ Cao Nguyên Ốc Nha Tha La Ma, Ốc Nha Sa Thi, nhân đi cống đem theo 14 thuyền, 140 người có dư để đi buôn khiến cho dinh Vĩnh Trấn phải náo động⁽¹⁰⁾. Sự giao tiếp với người ngoại quốc sinh ra một hạng đàn bà làm áp phe, làm vợ bé, dùng việc này để được việc kia, đến có khi được chồng đồng ý cho phóng túng. Tang Thương Ngẫu Lục⁽¹¹⁾ có chép truyện sinh một đứa con lai, kết quả của cuộc chung đụng đó.

Kỹ thuật dựa trên kinh nghiệm cũng được người Anh khen. Họ ngạc nhiên về việc người dân Quảng Nam biết dùng bẹ chuối đắp lên trên một lớp mỏng đường đen để rút mật còn lại một thứ đường trắng tinh khiết. Đồ gốm làm ra sạch sẽ. Còn về nghề nấu quặng họ đã lấy được sắt tốt đúc súng mồi lửa (hỏa hổ?), lao phóng và các thứ khí giới. Điều này làm ta nhớ đến các cục tượng của Nguyễn Ánh. Thành Chà Bàn ngày nay có một làng dân chuyên nghề lò rèn. Chắc đó là hậu duệ của đám dân chế vũ khí cho Nguyễn Nhạc, Quang Toản vậy. Quan sát viên không thấy ở Quảng Nam dấu vết của họa phẩm, điêu khắc phẩm. Le Labousse có nhắc tới một người ở Gia Định không học gì hết mà có thể làm được các đồ vật bằng ngà⁽¹²⁾. Thực ra, về tiểu công nghệ, nếu quan sát viên đến thăm miền Bắc hẳn sẽ thấy có nhiều điều ghi chép hơn.

Cơm ăn thường ngày lẫn với một ít gia vị, mỡ súc vật. Bữa cơm của viên trấn thủ Tourane đãi phái đoàn

Macartney khá thịnh soạn. 'Có những đĩa đựng thịt heo, thịt bò xắt miếng vuông chấm nước rất ngon (nước mắm?). Có những đĩa đựng cá, thịt gà vịt hấp (luộc?) và rất nhiều trái, mứt. Số đĩa dàn ra ba hàng đến hơn 100 cái. Trước mặt các thực khách, các bát cơm và hai lồng nhím để xiên thịt. Các thìa bằng sứ như bây giờ. Sau bữa ăn người ta mời giáp vòng uống các ly rượu đế nhỏ. Không thấy Tổng trấn mời người Anh thưởng thức những chén trà tàu mà Phạm Đình Hổ thêm tiếc⁽¹³⁾.

Khách ngoại quốc ngạc nhiên sao ta không biết dùng rượu vang, tuy đây nho mọc đầy núi. Thuộc vào hàng chất say, họ chú ý tới trầu cau. Người ta đựng trong một túi lụa, treo nơi lưng quần và có nhiều ngăn. Người giàu có đầy tớ mang theo ống điều hầu. Nhưng chính họ lại mang trầu cau trong một túi nhỏ bỏ vào ruột tượng quàng từ trên vai xuống dây lưng. Gói trầu là một trong những vật kể vào đồ mặc chính. Ở Quảng Nam có rất nhiều bông vải. Trẻ con lột lấy múi bông rồi đàn bà kéo sợi, dệt vải, thường đem nhuộm chàm đi. Dân chúng cả đàn ông lẫn đàn bà, đều mặc những cái áo dài thật rộng, cổ chặt, trước ngực nhiều lần xếp, cánh dài phủ cả bàn tay. Người quý phái mặc áo trùng, cặp đôi cặp ba. Áo thứ nhất dài chấm đất, chiếc ngoài cụt hơn một chút. Cứ như vậy, nếu có cặp nhiều màu thì ta thấy có hình dạng cầu vòng sắc sỡ. Đồ lót gồm có một áo cánh lụa hay vải và không quần cụt, quần dài cùng thứ vải với áo.

Phạm Đình Hổ cho biết⁽¹⁴⁾ người ở quê mặc áo vải trắng to, học trò hay người thường lúc việc công mặc áo xanh lam (thanh cát) hoặc sẫm, hoặc lột, hoặc sừng lúc có

quốc tang, lúc thường mặc áo thâm. Đàn bà miền Bắc vẫn mặc váy⁽¹⁵⁾.

Đàn bà đội nón, không đội mũ. Đàn ông hoặc lấy khăn chít đầu hoặc đội các thứ nón tu lờ của nhà Sư (cư diện), nón sọ nhỏ (xuân lồi tiểu) nón vỏ búa (toan bì)⁽¹⁶⁾. Tất cả đều đi chân đất. Nhưng ta thấy người sang di chuyển bằng ngựa, bằng cang như Tây Sơn lúc khởi loạn, bằng võng “mành mành cành sáo”⁽¹⁷⁾.

Trên một bức họa của Jh. Barrow để lại⁽¹⁸⁾ chúng ta thấy một nhóm người ngồi chơi ngoài trời. Ở mặt tiền bên phải một người có vẻ lính, vì có áo dài, có tấm khiên đánh giặc, đầu vấn khăn, quần cụt, ở trần lộ những bắp thịt rắn chắc. Trước mặt anh ta là một bàn cờ tướng. Phía sau anh ta, và ngồi nhìn thẳng nguyên mặt là một người đàn bà tóc vấn, ở trần hở ngực, nét mặt nhẹ thỏm, thanh tú như J. Barrow đã công nhận. Những người bên trái hoặc ở phía sau nữa, có vẻ sang hơn: một ông già mặc áo rộng thùng thình, những người đội nón lá chóp đã tươi, che thêm cái dù và có người đội nón thượng. Tất cả đều có vẻ thư thả ung dung, trong một khung cảnh nhàn tản như túp lều ẩn sau hàng cau làm nền cho bức vẽ.

Đám quân lính thì có điều đặc biệt hơn. Quân Tây Sơn mang áo rất dài trang trí bằng một cục tua nhuộm đỏ và màu đỏ này không ai được mang ở áo quần cũng như vật dụng và chỉ dành riêng cho quân đội thôi (thì ra họ vẫn giữ gìn được mỗi quyển rũ của lá cờ đỏ những ngày mới nổi dậy). J. Barrow tả lính Gia Định không đồng phục về màu sắc cũng như kiểu mẫu. Thường ra, một chiếc khăn quần đầu đôi khi trùm khắp, một cái áo cánh hay áo chên xuề

xòa với một quần cụt là trang phục của lính. Nhưng khi triều đình có việc thì họ mặc đặc biệt hơn đội mũ giấy bìa cứng treo đuôi bò màu đỏ loét.

Các áo chiến choàng ngoài và các vạt áo lấm chấm thì hoàn toàn theo kiểu cách Trung Hoa⁽¹⁹⁾.

Đời sống thường nhật đó không phải lúc nào cũng êm đềm trôi qua. Trong giai đoạn chiến tranh này, dân chúng đã trải qua những tai họa khủng khiếp. Ta đã nói đến những thảm cảnh đói ở Thuận Hóa năm 1775, tưởng tượng trận dịch tể làm hao mòn 1/2 quân Trịnh ở nơi đó rồi. Hãy nghĩ thêm những khi lính tráng đặc thế như lúc loạn kiều binh. Họ phá nhà Huy quận công Hoàng Đình Bảo “không còn mảnh ngói”, phá cả nhà “những quan thị mọi ngày có tính khắc khổ mà quân lính vẫn ghét. Họ còn lòng những người đó mà giết nữa là khác. Trịnh Tông chém một người để thị oai, thì việc phá nhà tạm ngưng, nhưng việc bắt người vẫn chưa thôi hẳn” (20). Dân chúng ở Quảng Nam Thuận Hóa cũng phải chịu áp bức của những người có chút chức vị và bọn lính tráng tàn ngược. Ở Gia Định lính và cả quan cũng đi trộm cướp, có người chức khá lớn như Cai cơ Nguyễn Văn Triệu, Ngô Công Thành, Nguyễn Văn Đạt ở dinh Vĩnh Trấn. Cấm vệ binh của Nguyễn Ánh được ưu đãi, quyền lớn nên có kẻ giả mạo để đi ăn cướp khỏi bị tội khiến Ánh phải lập thể lính để kiểm soát.

Cho nên khi tình thế đảo ngược, có dịp trả thù là dân chúng không từ nan. Quân Trịnh đóng ở Huế khi bị Nguyễn Huệ phá vỡ chạy ra ngoài thành đều bị dân chúng giết chết. Kiều binh ở tứ trấn khi Nguyễn Khản ủng hộ

Trịnh Khải chống họ, họ phải trốn đi qua các làng xóm buột miệng nói lộ ra tiếng Thanh Nghệ đều bị dân quê bắt giết, phải giả làm người cầm xin cùng đường. Một hoạt cảnh mà Hoàng Lê... kể lại nói đầy đủ thái độ dân đối với quan và lính trong thời loạn:

Khi Tây Sơn vào Thăng Long, kiêu binh chạy ra các làng bị dân quê kể tội kiêu lộng ngày trước không chứa chấp và làm nhục nhả đủ đường. Có người cưỡi trần trùng trục hốt hoảng ở phía trong thành chạy ra khi qua cửa Ô bị dân ở đó trông thấy, và chỉ mặt nói:

“Thằng bụng phệ kia có lẽ là lính. Nhưng Kiện lôi cổ nó lại mà đánh chết đi”.

Người ấy vội đáp:

— Không phải, ta là quan Huyện úy huyện Thọ Xương đây.

Mọi người cùng cười:

— Người ta vẫn bảo “ông Huyện to bụng” thật không sai.

Người ấy cũng cười rồi đi⁽¹⁹⁾.

Ở những nơi không có đánh nhau họ vẫn phải chịu ảnh hưởng nặng nề khi các đối phương thấy rằng muốn thắng được địch họ phải tận dụng sức lực, tài năng dân chúng. Ta đã thấy điều đó ở vùng Tây Sơn. Nguyễn Ánh cũng không thể nào làm khác hơn. Thiếu lương mễ, đóng góp, dân góp. Thiếu gỗ ván làm thuyền, vận lương, dân đóng mỗi người mạnh hơn 3 quan, già yếu bệnh tật một nửa. Thiếu áo cho lính mặc, dân phải nạp vải. Đến đi lính mà cũng không tránh được đóng góp. Để dự bị đánh Tây Sơn vào giữa năm 1789, Ánh bắt đầu thu lương riêng của

quan quân. Đánh giặc nửa chừng (tháng 4 âm 1795) Ánh kêu Cảnh ở Gia Định bắt bọn phủ binh, thuộc binh, lạc tòng quân không đi đánh giặc mỗi người nộp hai vuông gạo. Cho nên dân phải trốn tránh. Đến dân đồn điền càng không sung sướng gì hơn. Họ trốn nhiều đến nỗi Hộ Bộ phải ra lệnh bắt con trai một người bổ sung, hạn 15 người là đủ số, trong tháng không xong thì phải đi làm lính⁽²⁰⁾. Tuy nhiên, qua đói kém, chiến trận, người dân lại cây cậy, cất lại nhà thờ khiến các giáo sĩ ngạc nhiên về năng lực xây dựng của họ. Rồi ngay trong những lúc rảnh rỗi, họ cũng biết tìm cách giải trí.

Phái đoàn Macartney ngạc nhiên về một đám bảy, tám người chuyên nhau đá kiện không để rớt xuống đất. Họ tả kỹ trái kiện làm bằng một miếng da thuộc khô, cuốn lại bằng một sợi dây. Có ba sợi lông dài cắm vào trong miếng da phía trên tỏa ra nhưng đằng dưới túm lại chui qua các lỗ cách nhau khoảng nửa phân ở giữa một đồng tiền. Có hai ba đồng tiền như vậy để làm đầm cái kiện.

Khi rảnh rang người ta cũng đi coi hát, người Anh không biết họ diễn hài kịch gì (có lẽ là buổi hát chèo, hát chòi) nhưng thấy một người già làm vẻ tức giận và một thằng hề chọc cười đáng gọi là có tài. Người đi xem vây quanh rạp, có người leo lên cây nhìn vào đám hát cũng như đám khán giả, Macartney được mời đi xem một vở tuồng hát bội vào bữa 4-6, kèn trống hợp tấu, diễn từ cũng nhịp nhàng như “sân khấu”. Đám đào ca hát rất đúng nhịp và cả tay chân thân mình uốn éo cũng rất uyển chuyển đều đặn như bức hình ghi lại cho ta thấy thêm⁽²¹⁾. Ca nhi cũng nhiều ở Gia Định nhưng Nguyễn Ánh lại tìm cách cấm

ngăn lẫn lộn trong quan quân. Ngoài ra các trò đá gà, đá cá, đánh bạc cũng là những món giải trí thông thường⁽²²⁾.

Sống vui buồn lẫn lộn như vậy, dân chúng cũng biết để ý đến những hiện tượng siêu hình. Các lễ tiết, tin tưởng mà chúng ta vẫn còn thấy quen thuộc vừa là dịp vui chơi vừa là dịp cho họ cầu mong thần thánh giúp đỡ họ qua nguy khốn như người dân chài ở Tourane (Đà Nẵng) lên bộ cầu xin gia đình yên ổn, chuyển ra khơi đầy lưới. Trên các cành cây to hay ở trên các nơi khác, họ dựng trang thờ, đặt vào đó cơm, đường và các thức ăn được đốt trầm lên khấn khứa.

Trong dân gian đây phù thủy, ông đồng, bà bóng mà Nguyễn Ánh bắt ngăn cấm, không thì đánh roi, phạt xay lúa giã gạo. Tục lệ bị khinh khi nhưng thực ra nó bắt nguồn từ trong tin tưởng của rất đông dân chúng, nên ảnh hưởng rất là to tát. Chúng ta lưu ý rằng tin tưởng ông đồng bà bóng được thể chế hóa ở vùng Trịnh Bằng Đạo nội. Chuyển về Nam, màu đỏ của phái đạo có trở nên một kích động, linh hồn quân tướng Tây Sơn, nói là cơ, nơi sắc áo lính trắng. Tất nhiên không khí thần bí đó gặp mảnh đất tốt của sinh hoạt bộ lạc của tư tưởng Chiêm Thành, của các hội kín. Minh dân lưu vong là càng nòng nân thêm khiến kết thành một phong trào quấy đảo dữ dội mà chắc cũng là một nguyên nhân khiến Nguyễn Ánh thù ghét các ông đồng bà bóng cứ tưởng là vô tội vạ. Cấm đoán một phần cũng có ý nghĩa là chính quyền trừ khử bởi những hành vi tiêu cực làm cản trở việc tổ chức Gia Định: Bắt bà đồng bỏ nghề đi xay lúa, giã gạo cũng như bắt người Miên làm biếng, ham chơi phải đi lính thôi.

Tin tưởng đồng bóng của dân chúng có vẻ như hoặc thâm nhập, hoặc lấn át xua bên lề xã hội sinh hoạt tôn giáo của những người thờ Phật. Cuộc sống tu hành khuất lấp, đứng dừng, vô tội đến nỗi một người điếm chỉ cho Ngô Văn Sở đi bắt Lê Chiêu Thống, đã tỏ ra cái dễ dàng của công việc bằng một câu ví tức cười:

“Như vào chùa trói một lão sư đi mà thôi”.

Bởi vì chính yếu là sự tin vào con người có linh hồn, không phải là một thứ linh hồn vô tội, như một xuất hiện của bản ngã mà là một thứ linh hồn có xúc cảm, có quyền phép. Tin tưởng đó, ta còn thấy xung quanh ta, nhưng nghe một linh mục, khi tả cảnh xài phí của đám chuyển linh cửu Trịnh Sâm về thành, ta biết rõ hơn những điều đã gây nên ngạc nhiên cho người ngoại quốc:

“Vào tháng giêng 1783, người ta mang xác đến mộ, xa kinh thành vài ngày (...). Người ta khó mà tưởng tượng được đã phải tiêu phí như thế nào cho đoàn rước ấy. Ngoài một số nhiều bàn dọn ê hề mọi thứ đồ ăn cúng người chết mỗi ngày nhiều lần và phải suốt ba năm theo tục lệ, người ta thấy khắp chỗ, vải vóc, tơ lụa quý báu để trang trí phần mộ và những cơ sở mê tín xây lên cho người chết.

Vàng lóng lánh trên ghế, trên kiệu, và trên mọi đồ dùng tang lễ; nhiều chiếc thuyền lớn đều lát vàng. Tất cả những gì để tráng lệ đó cũng như tất cả những đồ dùng thường ngày của Chúa đều thiêu đốt đi để Chúa dùng bên kia thế giới”.

Thế giới đó, nơi trú ngụ của linh hồn người thường dân, là địa ngục, là âm phủ. Thế giới chúng ta sống là hạ giới. Khoảng vô hình quanh ta có những con ma ở Kinh

Đôi. Ma trêu ghẹo quân lính Tây Sơn, con tinh, ông thần phù hộ cho người chài lưới Đà Nẵng được mùa cá. Còn linh hồn Trịnh Sâm chắc là lên thượng giới nơi có Thượng đế, ông trời với cả một triều đình y như dưới này vậy.

Trên mảnh đất Đại Việt, những bè phái có chống đối, chém giết nhau nhưng cũng đều chia sẻ tin tưởng ấy, rõ ràng hay mơ hồ tràn trề tình cảm tôn kính sợ hãi hay cứng cỏi trong lý luận là còn tùy từng người. Nguyễn Ánh và Trịnh Hoài Đức đều ý thức rõ ràng nước ta không lấy Phật giáo làm quốc giáo như Xiêm mà gọi vua là Thiên tử, Thiên vương. Nguyễn Nhạc của Tây Sơn, giản dị, xuề xòa hơn, để cho dân chúng gọi mình là vua Trời.

Những ngày còn cướp bóc, phải phá nhà thờ, lấy chuông chùa, Tây Sơn vẫn giữ tục lệ thường như Linh mục Ginesta cho biết: “Bọn vô thần cấm tất cả mọi tôn giáo hành lễ trừ đạo đời Lê, nghĩa là đạo Trời dạy những gì là thiện và những phép tôn trọng tổ tiên”⁽²³⁾.

CHÚ THÍCH:

(1) Thực lục chính biên q. 5, 4b, 6a chuyện tháng 9, 10 â.l. (1790); q. 6, 10b, 19b; tháng 12 â.l. (đầu 1792) q. 7, 2ab, 3a tháng 2 â.l. (1794), 1b tháng 8 â.l. (1794); q.8, 11a (tháng 11 (1795); q. 9, 5ab, 8a, 12ab, 34ab, 35ab, 37ab. Chuyện tháng 11 â.l. (1796) tháng 12 cùng năm, tháng 2 â.l. (1797), tháng 6, tháng 9, tháng 10, tháng 12 cùng năm.

(2) Thực lục chính biên q. 5, 18ab, mục tháng 2 â.l. 1791.j

(3) nt q. 4, 21b; q. 6, 10b, 31b; q. 7, 1b, 4a, 12b; chuyện Hà Công Thái; Liệt Truyện q. 28, 4b.

(4) Thực lục, q. 4. 35 a: q. 5, 17a.

- (5) Thư le Labousse cho một người trông coi chủng viện các Phái Đoàn truyền giáo 13-12-1790. A. LAUNAY, de la Société des Missions Étrangères, Documents Historiques sur la Mission de Cochinchine, Tome III, Paris, 1925, 290.
- (6) Thực lục, q. 5, 9a, 32b; q. 6, 5b, 3ab; q. 7, 12ab.
- (7) Thực lục, q. 7, 24ab.
- (8) Những bằng chứng về sinh hoạt kể từ đây, nếu không chú rõ xuất xứ, thì đều lấy ở những điều mà nhân viên phái bộ Macartney quan sát ở Tourane (Quảng Nam). Đánh rằng sinh hoạt có khác nhau từng địa phương nhưng vào khoảng 1793 nước Đại Việt đã trải qua nhiều biến chuyển gây ra sự đồng chất về sinh hoạt giữa lớp dân chúng vốn đã gần nhau nhiều trong khung cảnh kinh tế nông nghiệp và ý thức hệ Tam giáo.
- (9) Tờ sức về việc thu thuế lâm sản ngày 9-4-1790 đã dẫn, Tự Do số 1757, 19-1-1963.
- (10) Thực lục, chính biên I, q.5, 17b, tháng 5 á.l. 1791.
- (11) Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Saigon, 1962. 89.
- (12) Thư le Labousse 3-12-1790 A. Launay, III, sdd, 280.
- (13) Tuyết Trang Trần Văn Ngoạn dịch. Tôn cổ lục, NP, V, 137.
- (14) Vũ Trung tùy bút, Nam Phong XXXI, 462, 63 hay Tôn cổ lục IV 206.
- (15) Hoàng Lê... 36.
- (16) Các số Nam Phong trên IV, 205, XXI, 461, 462, Phạm Đình Hổ kể các thứ nón riêng cho từng hạng người, kinh kỳ (nón cổ châu) trẻ (tiểu liên diệp), lính (trao lạp) người hầu hạ, vợ con (viên đầu) sư, có tang (Xuân lô đại)... nhưng trước đó soạn giả có nói đến việc thay đổi ăn mặc, giao tiếp dưới đời Trịnh Sâm.
- (17) Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến dịch chuyện “mẹo kẻ cắp” NP XXI, 124.
- (18) P. Boudet và A. Masson, Iconographie historique de l'Indochine fse. Bản VIII, hình 11.
- (19) G. Taboulet dẫn của J. Barrow La geste française en Indochine, Tome I, Paris, 1955, 257.j
- (20) Hoàng Lê Nhất Thống Chí bản dịch Ngô Tất Tố, Saigon Tự Do xuất bản, 1958, tr. 30.

(21) Hoàng Lê... 76.

(22) Theo thứ tự thời gian. Thực lục q. 4, 1b, 14a; q. 6, 12b. 12b; q. 7, 30b; q. 8, 7a, 13b; q. 10, 14a.

(23) P. Boudet et A. Masson, *Iconographie historique de l'Indochine*, bản VIII, 10.

(24) Thực lục, chính biên I, q. 8, 28b mục tháng 8 â.l. 1796. Văn võ thần Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Khiêm, Nguyễn Thái Nguyên, Lê Quang Định... đá gà đá cá, đánh bạc ăn thua hàng trăm, ngàn.

(25) Thư trích trong *La Guerre et la révolte des Tây Sơn d'après les Franciscains Espagnols de Cochinchine*, BSEL, XV, 1940.